

Đường Vào Nội Tâm



Ns. Trí Hải

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

01. NGƯỜI NGÀY XƯA
02. TRÁI TIM CỦA MẸ
03. GIỮ GÌN CÂY PHÁP
04. HOA VẪN TƯƠI CÀNH
05. NỖI LÒNG TU-ĐI
06. CÚNG PHẬT
07. PHẬT TIẾP KHÁCH
08. BẢY BƯỚC THĂNG TRẦM
09. LẠC THÀNH NHÀ MỚI
10. CƯ SĨ THỜI PHẬT
11. BỒ TÁT THÂN NAI
12. BÀI PHÁP TRÊN NÚI
13. PHẬT ĐỘ NÀNG GÁNH NƯỚC
14. KHÔNG RƯỢU MÀ SAY
15. VỌNG MỸ NHÂN
16. CẢI HÓA NANDA
17. VUA ĂN THỊT NGƯỜI
18. TẶNG HỘ CHÁU
19. VỌNG PHU
20. GIỮ Ý NHƯ GIỮ THÀNH
21. BÀ LÃO DỊ KỶ
22. ÔNG TRƯỞNG GIẢ KEO KIỆT

23. TÔN GIẢ TÍ HON
24. ĐỊNH NGHIỆP KHÓ TRÁNH
25. LẠI TRA HÒA LA
26. NGƯỜI CHẶN BÒ NANDA
27. CHÚ TIỂU HIỀN TRÍ
28. MÃNH LỰC LỜI NGUYỆN
29. NGŨ XÚ NƯƠNG
30. CHUỖI NGÓN TAY (ƯƠM QUẠT MA LA)
31. TÔN GIẢ BẮT ĐÀ LỢI
32. GỌI PHẬT BẰNG BẠN
33. CON NHÈN NHỆN
34. NAN SƯ NAN ĐỆ
35. TAM NGHIỆP HẰNG THANH TỊNH
36. TRƯ HÒA THƯỢNG
37. THAM Y HÓA RẪN
38. DUYÊN XƯA NGHIỆP CŨ
39. ĐẠO TRÀNG CỦA BỒ TÁT
40. TÌM THÁNH TẶNG
41. TÔN GIẢ XÁ LỢI PHẬT
42. CHUYỆN VUA A-DỤC (ĐẦU GÌ QUÝ?)
43. HOA SEN GIỮA BỤI ĐỜI
44. CHÚ VƯỜN TINH KHÔN
45. LÒNG CHA
46. THẦY GIÁO ĐẠO
47. ẢO HÓA

---o0o---

01. NGƯỜI NGÀY XƯA

(phóng tác một mẫu truyện Liêu trai do Hòa thượng Trí Thủ kể)

Sinh là một anh học trò nghèo kiệt xác tha phương cầu học. Anh ở trọ trong một ngôi chùa, ngày đêm dùi mài kinh sử để ứng thí. Quan huyện sở tại cũng là người xứ khác bổ nhiệm đến, thường lui tới chùa vì quan rất mộ đạo. Quan có một cô con gái tuổi độ trăng tròn, nhan sắc mỹ miều diễm lệ. Một hôm nhân ngày lễ Vu lan, cô gái theo cha đến chùa. Vừa trông thấy người ngọc, Sinh ôm lòng thầm yêu trộm nhớ. Nhưng chàng đã có vợ con ở quê

nhà, lại thuộc gia đình nghèo khó, mà nàng thì đang độ xuân xanh, lá ngọc cành vàng. Chuyện lương duyên thật khó nổi ước mơ. Mỗi tình bị chướng duyên ngăn trở càng thêm nồng nàn thắm thiết, mặc dù chưa một lời trao đổi, tình yêu chỉ đơn phương. Chàng đành nuốt nước bọt ngậm câu "tình tuyệt vọng":

Lòng ta chôn một khối tình

Tình trong giây phút mà thành thiên thu.

Nàng thoáng hiện tới chùa một lần rồi không bao giờ trở lại. Con "người gieo thảm" đó để lại trong lòng Sinh một mối tương tư cay đắng, vì không thể nào trăm năm tính cuộc vuông tròn. Hình ảnh nàng đang ám ảnh Sinh một cách mãnh liệt, thì bỗng một hôm, chàng nghe tin nàng đã chết. Ôi! Rõ thật là: *Ngày xuân xanh sơ ngộ để thiên thu.*"

Mới thấy nàng có một lần, nhưng Sinh lẫn khóc thảm thiết khi hay tin nàng lia trần. May thay, tục lệ lúc bấy giờ ưa chôn người chết ở nguyên quán, nên quan huyện ướp xác quàng thây nàng tại ngôi chùa Sinh trú ngụ, chờ ba năm sau sẽ đưa về cố quận. Từ đó Sinh được đêm ngày gằn gũ người đẹp... trong quan tài. Mỗi tình si vẫn nồng đượm, có lẽ còn mặn mà hơn xưa, bởi lẽ giờ đây không còn gì ngăn cách. Cái chết xóa tan mọi bất bình đẳng giữa con người, phá đổ mọi ranh giới tài sản, địa vị, giai cấp... Mỗi bữa ăn, Sinh đặt một mâm cơm trên nắp quan tài cúng cho vong linh hưởng xong, chàng mới chịu hạ xuống ăn. Chàng kể lể với người trong quan tài như sau:

"Ôi nàng ơi! Âm dương đôi ngã, nàng có thấu cho lòng tôi không? Khi nàng còn sống, nàng là lá ngọc cành vàng, tôi chỉ là một kẻ thư sinh bần hàn ăn nhờ ở đậu, có khi nào đài gương soi đến đậu bèo! Nhưng tôi yêu nàng tha thiết, tình riêng luống ra ngấn vào ngõ. Hình bóng nàng đậm nét trong tim tôi. Bây giờ, nàng nằm đó, tôi đứng đây, cách nhau có một tấm ván quan tài, chỉ trong gang tấc vậy mà thành ra biết mấy trùng quan san! Ôi! Sao con tạo khéo trêu người đường bấy! Khi tôi được hân hạnh gằn gũ nàng, thì nàng đã hóa ra người thiên cổ, thành cái xác không hồn! Ước sao nàng hãy sống lại, tôi xin đổi bất cứ gì để đổi ta được tái ngộ trên dương trần! Xin nàng chứng giám cho lòng tôi."

Bữa ăn nào cũng vậy, việc cúng cơm và đọc văn tế than khóc người đẹp trở thành một tục lệ bất biến trong đời chàng thư sinh. "Hữu cầu tất ứng", lời cầu nguyện của chàng chẳng bao lâu cảm ứng được vong hồn người chết. Một đêm nàng hiện về thỏ thẻ:

"Cảm tấm tình si của chàng, em đã xin với Diêm vương cho em được tái sinh vào ngôi nhà số 555, đường Nguyễn Văn Trỗi, thành phố Hồ Chí Minh. Mười lăm năm sau đúng vào ngày rằm tháng bảy, chàng hãy đến tìm em ở đó, chúng ta sẽ gặp gỡ để vầy mối lương duyên. Nhưng chàng ôi, Diêm vương có ra một điều kiện. Muốn tái sinh, em phải nhờ người thân chí thành tụng một Tụng Kinh Kim Cương thì mới được như ý. Vậy, nếu chàng có lòng, xin chàng hãy tụng kinh cho em."

Sinh tình dậy mừng rỡ, ghi rõ ngày tháng nàng đã hẹn lên vách, ghi luôn cả địa chỉ mới của cô gái. Từ đó chàng xếp bút nghiên, chuyên chú tụng Kim cương đến sáu ngàn lần như nàng dặn, phải hết mất ba năm. Năm đó chàng đã bốn mươi lăm tuổi. Còn những mười hai năm nữa mới gặp lại người đẹp ngày xưa! Sinh vẫn ôm lòng chờ đợi, hình ảnh yêu kiều của nàng mỗi ngày một đậm nét trong trí tưởng.

Về phần cô gái, quả nhiên thân thức cô đã thác sinh vào một gia đình thường dân ở địa chỉ trên, để đáp lại tấm tình si của anh học trò. Cô mang hình dáng một cô gái nhu mì dễ yêu, nhưng không có gì gọi là cá lặn chim sa cho lắm. Mọi tình đeo đẳng từ lúc còn nằm trong quan tài, khiến tiềm thức cô vẫn một mực đợi chờ anh chàng thư sinh mặt trắng. Với tình yêu mới nở, cô tưởng tượng hình dung của anh chàng ít ra cũng bằng chàng Kim:

"Phong tư tài mạo tuyệt vời.

Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa."

Ngày tháng thoi đưa, sắp đến ngày hẹn. Chàng thư sinh bây giờ tuổi đã xấp xỉ lục tuần, râu tóc hoa râm, sạm mặt phong trần vì nổi đời mưa nắng. Nhưng mọi tình thì vẫn tươi trẻ như thuở ban đầu, vì nó vô hình vô tướng nên không có già bệnh như cái thể xác của anh. Tình yêu đã không đổi, nên hình ảnh nàng trong tim anh không chút đổi thay, đó là nét đẹp đắm nguyệt say hoa của một lần sơ ngộ. Anh yêu, là yêu cái hình bóng của nàng thì đúng hơn. Vì nếu nàng còn sống thì chắc chắn bây giờ nàng cũng không còn như hình bóng anh tôn thờ.

Cái ngày hẹn hò đã đến. Anh chàng thắng bộ y phục mới tinh, chải lại mái tóc nửa đen nửa bạc không biết bao nhiêu lần, cố che dấu càng nhiều tóc bạc càng hay. Anh cũng không quên bôi dầu láng mượt như thời trang dạo đó. Nhưng làm gì thì làm, không thể hóa trang cái già thành trẻ. Không thể nào xóa hết những vết hằn năm tháng khắc sâu trên vùng trán nhăn nheo.

"Phong trần đến cả sơn khê

Tang thương đến cả hoa kia cỏ này."

Huống chi là con người, dù nó có nỗ lực bao nhiêu để xóa bỏ vết tích thời gian trên thân thể. Nhưng tâm hồn của chàng, mối tình si của chàng vẫn không chịu già theo tuổi tác, mà nó vẫn là mối tình đầu của tuổi đôi mươi, của cái lần sơ ngộ. Cho nên anh chàng hăng hái, hăm hở thuê xe tắc xi đến địa chỉ nàng hẹn để gặp lại tình xưa. Phần nàng cũng vậy, con tim rộn rã với tình yêu, với mộng đẹp và với hình ảnh chàng thư sinh khả ái. Chắc hẳn mặt chàng phải đẹp như mối tình của chàng! Chắc hẳn chàng phải tươi trẻ như hoa xuân phong nhụy! Ôi, cảm động làm sao sẽ là cái phút giây gặp gỡ! Ngàn năm hò ỉm đã ai quên.

...Mỗi người sống trong tâm tưởng hình ảnh tuyệt vời của người kia, và của mối tình, tưởng tượng đến cái lúc gặp gỡ mà suýt chết ngất người vì sung sướng. Chiếc xe tắc xi đã dừng lại trước một ngôi nhà chúng cư dơ dáy. Nàng con gái đã ra đứng tựa cửa trông chờ. Mà nào thấy đâu bóng hình "hoàng tử của lòng em"? Chỉ là một cụ già trông càng già hơn do bởi nỗ lực làm cho có vẻ trẻ. Cô gái buột miệng hỏi:

- Ông kiếm ai?

- Xin lỗi, cho tôi hỏi thăm nhà tiểu thư...

- Ông là ai?

- Tôi là thư sinh ở trọ chùa Bà Đầm. Xin cô cứ thưa lại với tiểu thư như vậy.

Cô gái òa khóc, nói trong tức tưởi:

- Không phải, không phải! Trời ôi! Chàng đã phụ tình, đã lừa dối ta! Chàng đã si mê người khác, nên đưa ông già này đến thay! Chàng lừa dối ta! Thật chàng khinh ta quá mức!

Nàng ôm mặt bỏ chạy một mạch vào nhà trong. Cụ thư sinh lủi thủi lê bước trên đường về. Chàng như bưng tỉnh cơn trường mộng: hình ảnh cô tiểu thư đã chết thật rồi, nhờ chàng vừa tai nghe mắt thấy. Vâng, nhờ thấy người con gái sống, mà chàng chết được trong tim hình ảnh người con gái chết. Bấy lâu hồn ma vẫn sống mãnh liệt trong lòng chàng dưới hình ảnh một cô nương hoa nhường nguyệt thẹn. Nhưng bây giờ, sau mười lăm năm chờ đợi, chàng chỉ bắt gặp một cô gái nhan sắc tầm thường như trăm ngàn cô gái khác, nào có gì đâu?

Chàng trở về, giở lại Kinh Kim Cương ra tụng, đến câu kết:

Hết thấy pháp hữu vi
Như mộng huyễn ảo ảnh
Như sương và như chớp
Hãy quán sát như vậy.
Chàng tỉnh ngộ, thâm nhủ:

"Cám ơn nàng. Nàng đã đem lại cho ta SỰ THẬT. Nàng đã cho ta thấy cái phi lý của tướng tượng. Ta sẽ không còn ôm giữ một hình ảnh nào, vì Phật đã dạy: Pháp còn phải bỏ huống chi phi pháp. Nhan sắc nàng, cái nhan sắc mà mười lăm năm nay ta từng say đắm, đã không thực, huống chi là hình ảnh, hoài niệm về nhan sắc ấy. Cái thực đã không thực, huống hồ là mộng tưởng trong tâm."

-ooOoo-

02. TRÁI TIM CỦA MẸ

Ngày xưa, có một cậu bé ở với mẹ trong một túp lều ven rừng. Ngày ngày cậu đi vào rừng hái củi bán để nuôi mẹ. Mẹ cậu ở nhà nấu cơm, vá áo, chăm sóc những luống rau. Hai mẹ con sống nghèo nàn hẩm hút, nhưng không kém vẻ đầm ấm, bởi vì tình thương của mẹ vốn đã là điều kiện cần và đủ cho một con người.

Nhưng cậu bé lớn dần và bắt đầu đi xa hơn trong những buổi kiếm củi. Hồn cậu cũng bay xa hơn trong những mộng ước, mong chờ. Cho đến một chiều nọ, trên đường hái củi cậu bắt gặp một bóng hồng thiếu nữ bên suối biếc. Kể từ hôm ấy, bát cơm nguội trên tay mẹ âu yếm đưa cho cậu ăn đỡ đói lòng mỗi khi trở về, không còn hương vị nữa. Cậu bắt đầu tiếc nhớ băng khuâng, người trở nên thờ thần, mất hồn. Bà mẹ lo lắng hỏi han, cậu gắt gỏng với mẹ. Tình yêu hay đúng hơn, sự mê gái, đã làm cậu lú lẫn mê muội rồi. Mẹ càng chăm sóc ân cần, cậu càng khó chịu, muốn bỏ nhà ra đi... theo bóng hồng bên suối biếc.

Ồi, phải chăng nàng là tiên nữ giáng trần? Cậu cảm như chưa bao giờ thấy một người con gái đẹp đến thế. Mỗi dáng vẻ, động tác của nàng đều làm cho cậu mê mẩn tâm thần:

Trúc xinh trúc mọc bờ ao
Em xinh, em đứng chỗ nào cũng xinh.

Huống chi nàng lại đứng bên bờ suối phận chiếu ánh trời chiều long lanh với muôn màu sắc: màu xanh của mây, màu vàng, đỏ, tím của hoa rừng, màu lục biếc của cây lá ...Giữa thiên nhiên kỳ tuyệt ấy, nàng nổi bật như một đóa hoa vương giả khoe tươi.

"Thầm yêu trộm nhớ bấy lâu đã chôn"... Thanh niên đánh bạo đến gần người đẹp. Thiếu nữ vừa trông thấy cậu đã khóc òa:

- Chàng ôi! Thiếp không còn sống được bao lâu nữa nếu

Giọng oanh vàng nức nghẹn. Thanh niên hỏi dồn:

- Tại sao, tại sao, nàng hỡi! Tôi sẽ làm bất cứ gì để đem lại sự sống cho nàng, dù có phải mất mạng.

Thiếu nữ mở lớn đôi mắt bồ câu xinh:

- Thật không, ô xin chàng hãy cứu thiếp! Thiếp đau bệnh nan y, thầy thuốc bảo chỉ có nuốt vào mình trái tim nóng hổi của một người mới tắt thở, họa may hết bệnh. Nếu chàng cứu thiếp, thiếp xin hứa sẽ trọn đời sửa túi nâng khăn.

- Xin nàng hãy đứng chờ.

Thanh niên chạy như bay một mạch về túp lều. Bà mẹ tựa cửa trông con, trong chỗ tranh sáng tranh tối, cậu va cái cốc vào đầu mẹ. Tiến thể, cậu rút ngay con dao ở vách lều, thọc vào ngực bà, moi ra trái tim còn nóng hổi. Cậu bung trái tim mẹ hổi hả chạy ngược trở lại bờ suối.

Mặt trời đã lặn khuất sau đồi. Bóng lá cây đen dày che rợp lối đi. Ba bốn lần cậu suýt vấp ngã vì vôi vàng hấp tấp. Bỗng nghe một tiếng nói hiền từ đâu đây vọng lại:

- Con ơi, chạy chậm bước lại kéo té, con ạ!

Cậu giật mình đứng lại ngơ ngác nhìn quanh. Nhưng cậu chợt hiểu. Thì ra tiếng nói kia vang lên từ trong hai lòng tay cậu, từ **TRÁI TIM CỦA MẸ!**

-ooOoo-

03. GIỮ GÌN CÂY PHÁP

(Phỏng thuật theo Kinh Tăng Chi Bộ)

Khi đức Thế tôn ở núi Linh Thứu thành Vương Xá, có tôn giả Dhammikà, sau khi lang thang hết chỗ này tới chỗ khác qua bảy trú xứ mà không nơi nào chấp nhận, cuối cùng lần mò về chỗ Phật. Nguyên do là vì, tôn giả đi đến đâu cũng gây sự với các tỳ kheo ở đó, khiến họ không chịu nổi, bỏ đi. Các cư sĩ biết chuyện, đến mời Tôn giả đi chỗ khác. Thế là cuối cùng Tôn giả về thành Vương Xá yết kiến Phật. Ngài hỏi:

- Này Dhammikà, sao ngươi trở về đó?

- Bạch Thế tôn, con bị các cư sĩ tại các trú xứ mời đi chỗ khác.

- Thế đấy! Ngươi cũng chẳng hề gì cả, vì còn ta đây để cho ngươi quay về. Phải ngươi nghĩ vậy không?

Tôn giả cúi đầu im lặng. Đức Thế tôn lại bảo:

- Thuở xưa, này Dhammika, các nhà buôn đi biển thường mang theo một con chim. Khi tàu ra khơi, không trông thấy bờ bên, muốn biết có hòn đảo nào gần để ghé tàu, người ta thả con chim ra. Nó bay đi tứ phía, nếu không có chỗ nào đậu, không gặp bờ bên, thì nó trở lui về tàu. Nay nhà ngươi cũng vậy đó, Dhammika.

Tôn giả đứng im lặng, Thế tôn lại tiếp:

- Thuở xưa, này Dhammika, có một cây bàng chúa to lớn, chịu đầy trái ngon ngọt. Vua và các cung nữ hưởng thụ một cành, quân đội hưởng thụ một cành, dân chúng một cành, các sa môn, bà la môn một cành, thú rừng và chim chóc một cành. Một hôm có người đến ăn trái no bụng xong, bẻ gãy một cành rồi bỏ đi. Khi ấy vị thần trú nơi cây bàng nói với cây rằng: "Thưa tôn giả, loài người thật là ác độc, đã ăn no rồi còn bẻ gãy cành. Tôn giả đừng có sinh trái nữa." Cây bàng chúa nghe lời, năm sau không thêm sinh trái nữa. Khi thấy cây không còn sinh quả, vua bèn yêu cầu trời Đế Thích triệt hạ cây bàng chúa. Đế Thích liền ra lệnh cho Thiên lôi nổi sấm sét bật tung gốc rễ cây bàng lên, làm cho nó ngã nằm sóng soài ra giữa đất. Vị thần cây mất chỗ trú ngụ, đứng khóc lóc nước mắt đầy mặt, làm cho trời Đế Thích ngạc nhiên hỏi: "Này thần cây, sao ngươi sầu muộn thế?" Thần cây đáp: "Thưa tôn giả,

có cơn mưa to gió lớn nổi lên, làm cho trú xứ của con, cây bàng chúa này, bị ngã xuống gốc."

Đề thích hỏi: "Này thần cây, người có giữ gìn cây này, để cho nó sống đúng như pháp không?" Thần hỏi: "Thế nghĩa là gì, thưa Tôn giả?" Đề thích nói: "Nghĩa là người phải nghĩ, với cái cây này, người cần rễ đến lấy rễ, người cần lá đến lấy lá, cần hoa lấy hoa, cần trái lấy trái. Như vậy không có gì dính dấp đến vị thần cây, khiến cho vị ấy không hoan hỉ. Thế là giữ gìn Pháp của cây."

Thần cây nói: "Thưa Tôn giả, con sẽ giữ gìn cây ấy theo pháp của cây. Mong rằng trú xứ của con trở lại như xưa." Rồi Đề thích vấn thần thông làm cho cây bàng chúa dựng đứng trở lại.

Cũng thế, này Dhammika, nhà người có giữ gìn pháp của sa môn, khi các cư sĩ mời người đi chỗ khác hay không?

- Nhưng bạch Thế tôn, thế nào là giữ gìn pháp của sa môn?

- Này Dhammika, sa môn không mắng nhiếc lại người đã mắng nhiếc mình, không tức giận người đã tức giận mình, không khiển trách người đã khiển trách mình. Như vậy là giữ gìn pháp sa môn.

- Bạch Thế tôn, con không giữ gìn sa môn pháp, khi các cư sĩ mời con đi nơi khác.

- Vậy, này Dhammika, từ nay về sau, người cần phải học tập pháp sa môn.

- Thưa vâng, bạch Thế tôn.

-ooOoo-

04. HOA VẪN TƯƠI CÀNH

Kinh thuật tóm tắt một đoạn kinh Di Lan Đà (Milinda-panha)

Hoa tàn mà lại thêm tươi

Trăng tàn mà lại hơn mười năm xưa (Kiều)

Một hôm, vua Di Lan Đà (Milinda) đề nghị với tỳ kheo Na tiên (Nagasena):

- Bạch Tôn giả, pháp của Đức Như lai thật là hùng vĩ, cao quý, tuyệt vời, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không lỗi lầm. Thật không nên để cho cư sĩ phạm phu gia nhập Tăng đoàn thanh tịnh. Hãy dạy Phật pháp cho chúng, đến khi chúng chứng được quả Dự lưu rồi mới nên cho xuất gia. Vì sao? Vì khi những con người còn cấu uế xấu xa ấy được gia nhập Pháp và Luật thuần tịnh như thế kia, rồi chúng bỏ đạo nửa chừng, đọa lạc trở lại nơi hạ liệt, thì do sự đọa lạc của chúng, người ta sẽ nghĩ rằng: "Chắc là Pháp Luật của sa môn Cù Đàm chẳng có ra gì, nên những người kia đã bỏ."

Na Tiên tỳ kheo trả lời:

- Đại vương, giả sử có một cái hồ tắm, đầy nước trong sạch mát mẻ. Có một người dơ dáy, mình lấm cả đất bùn, đi đến hồ nước nhưng không chịu tắm, lại bỏ về, vẫn dơ dáy như cũ. Trong trường hợp ấy người ta sẽ chê người kia hay chê cái hồ?

- Bạch Tôn giả, người ta sẽ chê người kia, chứ hồ tắm có lỗi gì. Làm sao cái hồ tắm tự tẩy sạch người ấy được, nếu người ấy không chịu tắm?

- Cũng vậy, Đại vương, giáo pháp đức Thế tôn ví như hồ nước trong sạch mát mẻ kia. Một người đầy cấu bẩn tội lỗi, tu theo Phật pháp sẽ hết những nhiễm ô, nhưng nếu không tu, bỏ về thì cũng như người dơ không chịu tắm. Lỗi không ở Phật Pháp.

Và này, Đại vương, giả như có một vị lương y trị lành các chứng bệnh, và một người mắc bệnh đi đến lương y nhưng không chữa trị, bỏ về, bệnh vẫn còn nguyên, thì lỗi ở người kia hay ở lương y?

- Bạch Tôn giả ở người kia chứ. Lương y làm sao chữa bệnh cho nó, nếu nó nhất định không chịu chữa?

- Cũng thế, Đại vương, đối với Đức Như lai. Và này, Đại vương, giả như lương y có nhiều thuốc hay trị bá bệnh, tuyên bố rằng: "Bà con cô bác nào bệnh thì đừng đến đây. Chỉ có người khỏe mạnh mới được đến." Khi ấy những người mạnh có cần đến thuốc của lương y không?

- Bạch Tôn giả không cần! Vì những người ấy đã khỏe mạnh.

- Cũng vậy, Đại vương. Người đã chứng quả thì còn cần gia nhập Tăng đoàn làm gì nữa. Nhưng này Đại vương, không vì sự thối đọa của những người bỏ

cuộc mà Phật pháp mất giá trị. Trái lại, nó còn chứng tỏ năm điểm vi diệu của chánh pháp:

Thứ nhất, chánh pháp cao thượng thù thắng nên những người kia không theo nổi. Như một người nghèo dốt nát được quyền làm chủ một vương quốc, thì vì không biết gì cả, chẳng bao lâu y phải bị hất xuống, trở lại tình trạng khốn cùng. Kẻ ngu cũng vậy, không thể đương nổi Phật pháp.

Thứ hai, chánh pháp trong sạch không tì vết, như lá sen không thấm nước. Kẻ ngu vào đạo rồi đi ra, như nước tuột khỏi lá sen.

Thứ ba, chánh pháp thanh tịnh không dung kẻ tội lỗi, như biển không chứa thây chết, thây phải giặt vào bờ.

Thứ tư, chánh pháp cao sâu như đích khó trúng với một người bạn tên dở.

Thứ năm, giới luật rất khó giữ, nên kẻ yếu đuối không thể theo.

Lại nữa, này Đại vương, như bụi bông lài có những hoa bị sâu ăn, rã rụng nửa chừng, thì bụi bông không vì thế mà mất giá trị, vì nó còn có những hoa khác tỏa ngát hương lài. Phật pháp vi diệu cũng thế, không vì những người thoái đạo mà mất giá trị, bởi vì vẫn còn những người ở lại trong Tăng đoàn sẽ tỏa ngát hương giới hạnh khắp thế giới nhân loại và chư thiên.

- Hay thay, bạch Tôn giả. Bằng nhiều ví dụ chính xác, tôn giả đã khéo trình bày sự vi diệu, vô cầu của giáo pháp đức Như lai. Dù có những người bỏ đạo, cũng vẫn chứng tỏ được các điều thù thắng của Phật pháp.

-ooOoo-

05. NỖI LÒNG TU-ĐI

Sư thượng đường kể:

Ngày xưa, có một con chó bị bệnh ghẻ lác, nên bị chủ quăng bỏ ra ngoài bờ sông. Cạnh bờ sông có một vị sư già sống trong một am cốc nghèo nàn, ngày ngày đi khát thực để sống. Thấy con chó đói bệnh, vị sư động lòng từ mẫn, đem về săn sóc, chia sót cho nó phần ăn hàng ngày sư xin được, tắm rửa, xúc thuốc cho nó. Chẳng bao lâu nhờ sự tận tâm của sư mà con chó khỏi bệnh, lông lá mọc lại trên thân, trở thành một anh chó bảnh bao, dễ

nhìn. Nhà sư đặt tên nó là "Tu Đi", có ý muốn thọ ký nó phát tâm tu hành để chuyên nghiệp chó.

Nhưng từ khi khỏi bệnh, Tu Đi đâm ra ưa lêu lổng. Nó tìm gặm những cục xương của người ta vớt bên bờ sông, và bỗng thấy hết ưa mùi vị tương chao của nhà sư tốt bụng, người đã cứu tử nó. Ngày ngày nó đi tìm ăn những com thừa cá vụn nên đâm ra quen mùi trần tục. Một hôm nó đang ngồi bên bờ sông ngheh mõm nhìn móng sang bên kia bờ, bỗng một làn gió từ bên ấy tạt qua, thơm phức mùi thịt xào hành mỡ. Nó tung mình nhảy xuống sông lội về hướng ấy. Khi nó lội đến giữa dòng thì nhà sư cũng vừa về tới am, không thấy Tu Đi ngài ra sông tìm. Thấy con chó thân yêu đang chơi với giữa dòng theo tiếng gọi của dục vọng, nhà sư tha thiết gọi nó quay về:

-Tu Đi! Con nỡ nào bỏ thầy già yếu cho đành? Con hãy mau quay về với thầy. Tu Đi, Nào có mùi vị gì nơi một mảnh xương khô của trần tục, con chỉ tự ăn nước bọt chính con tiết ra đấy mà thôi. Hãy quay về, hỡi Tu Đi!

Con chó nghe lời thầy gọi vội vã quay trở lại, nhưng nó vừa quay lưng với bờ kia thì bỗng một làn gió từ bên ấy hất lại, tạt mùi thịt ngon lành vào mũi nó. Không cưỡng được, nó lại bơi trở lui về hướng thịt xào. Bên bờ này vị sư lại thiết tha khuyên nhủ. Con chó cảm lòng không đâu cũng quay lại, nhưng vừa muốn quay lại với thầy, thì gió lại đưa mùi thịt xào đến mũi nó, cứ thế Tu Đi quay qua lộn lại giữa giòng sông không thể quyết định được. Và cuối cùng nó bị chết chìm ngay giữa giòng.

Kể xong câu chuyện, sư lui về tịnh thất nghỉ. Các đệ tử ngồi lại kháo nhau:

- Huynh cho câu chuyện ấy có nghĩa gì?

Một người nói:

- Đó là cái chết thảm khốc của một kẻ bội bạc, phận chủ.

Người thứ hai:

- Tai họa xảy đến cho những kẻ nào không quyết đoán.

Người thứ ba:

- Các huynh nói đều đúng cả, nhưng theo tôi thì, thầy mình có ngụ ý. Con chó tượng trưng cho người khởi sự tu tập, tại gia hay xuất gia. Vị thầy là

Phật tánh, lương tri sẵn có nơi mỗi người. Mùi thịt xào với làn gió là sự cám dỗ mời gọi của sắc thanh hương vị xúc pháp, tức sáu trần. Giòng sông tượng trưng cho sanh tử. Người nào đã thấm nhuần chút đạo lý, thì đạo lý ấy trong họ trở thành một thứ đại bổ hoặc kịch độc. Đại bổ là khi sống thuận theo ánh sáng mình đã thấy, kịch độc là khi mình không cưỡng nổi tiếng gọi của sắc trần mà quay lưng với đạo, chạy theo thanh sắc. Tỉnh thoảng tiếng gọi của lương tri nổi dậy, nên người ấy không thể nào dứt khoát chạy theo thanh sắc như người thế tục chưa từng biết đạo, mà cũng không thể quay về, cho nên phải chết chìm giữa giòng sông sanh tử.

-ooOoo-

06. CÚNG PHẬT

(Phỏng theo một đoạn vấn đáp trong kinh "Di Lan Đà vấn" - Milinda-panha)

Vua Di Lan Đà hỏi: - Đức Phật đã nhập Niết bàn có nhận những sự cung kính cúng dường hay không? Nếu Ngài có nhận thì chứng tỏ Ngài chưa giải thoát, vẫn còn quanh quẩn đâu đó trong ba cõi. Nếu Ngài không nhận, thì sự cung kính cúng dường Ngài thật vô ích.

Na Tiên đáp: - Đức Phật là Đấng giải thoát hoàn toàn. Ngay khi Ngài còn ngồi dưới cội Bồ đề, còn thân hữu dư, Ngài đã không cần đến sự cung kính cúng dường, huống chi sau khi Ngài đã nhập Vô Dư Niết bàn.

Nhưng chính vì để làm phước điền cho thế gian, mà khi còn tại thế, Ngài đã thụ nhận những sự cung kính cúng dường tuy Ngài không cần đến. Những người cúng dường nhờ đó được phước đức lớn. Sau khi nhập Niết bàn cũng vậy, mặc dù Ngài không nhận, nhưng những kẻ cúng dường cung kính Ngài vẫn được phước báo lớn do nhân lành ấy.

Vua Di Lan Đà hỏi: - Những lời Tôn giả nói chỉ thuyết phục được các tỳ kheo đệ tử Phật mà thôi. Như con đề cao cha, trò đề cao thầy, không đủ thuyết phục người ngoài. Xin hãy nêu những bằng chứng cụ thể, khách quan thì trăm mới tin được.

Na Tiên tỳ kheo: - Đại vương, Đại vương có nghĩ rằng đất bằng lòng nhận những gì ta gieo xuống đất hay không?

- Bạch Tôn giả, không! Nhưng đất làm môi trường cho hạt nảy mầm, đơm hoa kết trái.

- Cũng vậy, Đại vương. Tuy Đức Thế tôn không nhận sự cung kính cúng dường, người ta vẫn gặt hái kết quả của sự cung kính do nhân duyên cung kính cúng dường Phật.

Và này Đại vương, những con súc vật hay con người, có nhận cho những con vi trùng ở trong thân mình đục khoét cơ thể hay không?

- Không, thưa Tôn giả.

- Thế thì tại sao chúng vẫn bị vi trùng đục khoét?

- Ấy là do từ lâu xa, chúng đã tạo những điều kiện, nh?ng môi trường cho vi trùng sinh trưởng, do ác nghiệp của chúng.

- Cũng vậy đối với thiện nghiệp cúng dường cung kính, mặc dù Phật không nhận, vẫn có quả báo tốt đẹp. Và này Đại vương, Đại vương có nghe chuyện con quỷ Nalaka bị đất chôn sống không?

- Bạch Tôn giả, có nghe.

- Vì sao quỷ bị chôn sống?

- Bạch Tôn giả vì quỷ Nalaka xúc phạm đến trưởng lão Xá Lợi Phất lúc Ngài đang nhập định.

- Thế thì trưởng lão Xá Lợi Phất có chấp nhận cái việc đất chôn sống quỷ Nalaka không?

- Bạch Tôn giả, không! Nhưng do ác nghiệp của quỷ mà quỷ tự rước lấy quả báo.

- Cũng vậy, này Đại vương, mặc dù đức Như lai không nhận sự cung kính cúng dường, nhưng do thiện nghiệp cúng dường của chúng sanh, sẽ tự có quả báo tốt đẹp.

- Hay thay, thưa Tôn giả, ngoại đạo sẽ nhờ những ví dụ cụ thể của Tôn giả mà tiêu tan những thành kiến trong vấn đề này.

-ooOoo-

07. PHẬT TIẾP KHÁCH

Vào một mùa an cư, trưởng lão Yasoja dẫn về vườn Cấp Cô Độc 500 tỳ kheo yết kiến Phật. Vì mới thụ giới chưa lâu, uy nghi chưa thuần thục, những vị này gây nhiều tiếng động khi xếp đặt chỗ nghỉ dưới gốc cây, và lớn tiếng chào hỏi nhau. Từ trong hương thất của ngài, Đức Thế tôn gọi thị giả A nan dạy:

- Này A nan, tiếng gì ồn ào ngoài kia, như là tiếng hàng cá ngoài chợ tranh giành cá với nhau vậy?

- Bạch Thế tôn, đó là 500 vị tỳ kheo đệ tử của trưởng lão Yasoja mới đến.

- Người hãy cho các tỳ kheo ấy vào.

- Thưa vâng, bạch Thế tôn.

Tôn giả A Nan mời 500 khách tăng vào hầu Phật, với Yasoja, thầy họ dẫn đầu. Đến nơi họ đánh lễ Thế tôn rồi ngồi một phía. Đức Thế tôn quở trách:

- Này các tỳ kheo, các người không xứng đáng ở cạnh ta. Hãy đi đi. Ta đuổi các người.

Chư tỳ kheo đánh lễ Phật rồi lui ra. Tôn giả Yasoja khuyến khích họ:

- Chư hiền, Đức Đạo sư quở trách chư hiền vì lợi ích cho chư hiền. Hãy tinh tấn tu học, để Đức Đạo Sư hoan hỉ.

- Thưa vâng, bạch Tôn giả.

Rồi Tôn giả dẫn 500 Tỳ kheo đi đến một bờ sông để dựng chòi an cư trong mùa mưa. Các tỳ kheo tinh tấn tu học, mãn hạ, tất cả đều chứng quả A La Hán. Từ vườn Cấp Cô Độc, đức Thế tôn nhập định thấy hào quang sáng rõ một vùng, nơi chư tỳ kheo cư trú. Ngài cho gọi Tôn giả A Nan bảo:

- Này A Nan, hãy nhân danh ta, đến bờ sông mời các tỳ kheo lại đây.

- Thưa vâng bạch Thế tôn.

Khi 500 Tỳ kheo đến yết kiến đức Phật sau mùa an cư, Đức Thế tôn đang nhập định. Chư tỳ kheo này với tâm thanh tịnh, rõ biết rằng: "Nay Thế tôn đang an trú định bất động, vậy chúng ta cùng an trú định ấy." Rồi họ cùng

ngồi kiết già nhập định. Khi mãn canh một (đầu đêm), Tôn giả A Nan đến bên Phật nhắc:

- Bạch Thế tôn, xin Thế tôn hãy xuất định để đón tiếp các tỳ kheo. Con đã mời họ đến. Họ chờ đã lâu.

Đức Thế tôn im lặng. Canh hai trôi qua, tôn giả A Nan, con người lịch sự hiếu khách, lại tới bên Thế tôn bạch:

- Bạch Thế tôn, Thế tôn nhập định đã lâu, các tỳ kheo chờ đợi đã lâu, xin Thế tôn xuất định đón tiếp họ.

Lần thứ hai, Thế tôn im lặng. Canh ba trôi qua, A Nan Tôn giả sột ruột sợ khách chờ, lại đến bên Phật:

- Bạch Thế tôn con đã mời các tỳ kheo đến, chúng tỳ kheo đợi Ngài đã lâu. Xin Thế tôn xuất định đón tiếp họ. Khi ấy đức Thế tôn an lành xuất định, từ tốn bảo Tôn giả A Nan:

- Này A Nan, Ta và chúng Tỳ Kheo đang nhập định Bất Động. Nếu người hiểu điều ấy, người đã không hỏi thúc ta như vậy.

(Theo kinh Phật tự thuyết, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch)

-ooOoo-

08. BẢY BƯỚC THĂNG TRÀM

Một hôm, thanh niên Citta, con trai một người luyện voi, đi giữa đường gặp một vị tỳ kheo đang khát thực. Nhiều Phật tử đến đánh lễ đặt vào bát của tỳ kheo những thức ăn ngon lành, trong đó có một trái "sầu riêng", món mà Citta đặt biệt ưa thích. Anh ta liền đến bên vị tỳ kheo, nói:

- Bạch Đại đức, Ngài cũng ưa món này sao?

-Ồ, thanh niên. nếu muốn, người có thể lấy đi.

Thanh niên sung sướng cảm ơn vị tỳ kheo, nhận trái "sầu riêng" đem về. Dọc đường anh ta suy nghĩ: "Mình lao động suốt ngày mới có mà ăn, vậy mà vĩ đại đức thì trông thật nhàn nhã, khỏi làm gì cả, lại được cúng dường đầy đủ. Hay thay, nếu ta cũng xuất gia để được cúng dường."

Nghĩ thế thanh niên bèn cạo đầu đập cà sa đi khát thực, gia nhập một tăng đoàn của đức Phật. Nhưng vì xuất gia với một động cơ không hay ho gì cho lắm, nên chẳng bao lâu Citta phải hoàn tục, vì chàng không chịu nổi nếp sống khổ hạnh gò bó của Tăng đoàn. Nhưng sự thanh tịnh an lạc của chư tăng với khung cảnh trang nghiêm ở vườn Cấp Cô Độc, nơi đức Thế tôn ngự tòa, vẫn để lại một ấn tượng khó phai trong tâm khảm chàng, đến nỗi khi đã hoàn tục, Citta vẫn thường mơ ước trở lại đời tu sĩ. Một hôm gặp một con voi khó luyện, chàng trở nên chán nghề của cha, và tìm đến Phật xin xuất gia lại. Đức Thế tôn chấp thuận cho chàng thế phát. Tu được vài tháng, chàng lại đâm chán, xin hoàn tục. Một lần nữa, chàng trở về đời sống tại gia, rồi lại chán, lại cạo đầu xin xuất gia, cứ thế cho đến khi chàng hoàn tục lần thứ năm. Lần này, khi trở về nhà, việc đầu tiên chàng định làm là cưới một chị vợ để thay đổi không khí, họa may đời chàng có chút ổn định nào chăng. Chàng đâm chán cái bệnh ưa thay đổi của chàng, và muốn thay đổi một lần chót. Do đó chàng cưới vợ.

Đời sống hôn nhân chẳng bao lâu cũng làm cho chàng chán ngấy lên tới cổ. Một đêm kia, chàng trần trọc không ngủ được, dòm qua thấy chị vợ đang ngủ say, mép tiệt ra một đồng nước bọt trên gối, bụng mang bầu lớn tương như một con cá "bông mủ" sắp tới kỳ sinh nở. Chàng bỗng thấm thía sự dư ưế, khôn nạn của đục lặc và lập tức ôm bát chạy ra đường (y bát của chàng qua năm lần xuất gia rồi hoàn tục, chàng vẫn giữ như người ta giữ một cái va-li chờ dịp đi xa). Trên đường vắng, đêm khuya thanh tịnh, một mình tiến về rừng Cấp cô độc, bao nhiêu hột giống tốt đẹp chàng đã gieo trong ruộng thức qua năm thời kỳ xuất gia trước đây bỗng nhiên cùng trỗi dậy một loạt, đâm chồi nảy lộc. Chàng chứng được quả Dự Lưu khi đang còn đi trên đường.

Trong lúc ấy, tại vườn Cấp cô độc, các tỷ kheo sau thời tọa thiền đang ngồi bàn tán về chàng:

- Tên đó, lần này nếu còn trở lại, chúng ta nhất quyết đừng cho xuất gia. Các huynh đồng ý không?

- Đồng ý! Cho y xuất gia chẳng khác nào bắt cóc bỏ đĩa. Y cứ nhảy ra nhảy vô hoại, làm náo động nếp sống thanh tịnh của chúng tăng.

- Phải đấy, nhưng mà chư hiền nghĩ sao? Y có còn trở lại hay không? Chắc y sẽ xấu hổ không trở lại. Năm lần là đã quá lắm rồi!

- Chúng ta hãy chờ xem!

Đúng lúc ấy Citta ôm bát tiến vào vườn. Mặt y rạng rỡ như trăng rằm, các căn tịch tịnh. Chư tỳ kheo không ai bảo ai, đều im lặng khi Citta ngỏ lời xin được gia nhập tăng đoàn trở lại. Có nghĩa họ đã bằng lòng.

Lần thứ sáu xuất gia, Citta nhiệt tâm tu tập và nhanh chóng đạt đến tứ thiên, nội tâm định tịnh. Chàng vô cùng hân hoan, và mong mỏi có dịp để tỏ lộ thánh quả. Một hôm vài vị đã chứng A La Hán đang ngồi đàm luận về Pháp. Citta cũng tham dự, và không ngớt ngắt lời vị trưởng lão khi ngài đang phát biểu. Trưởng lão Đại Câu thi la nói:

- Này Citta, chú hãy đợi những vị Thượng tọa nói xong cái đã, rồi hãy phát biểu ý kiến của mình.

Vài tỳ kheo bên vực Citta:

- Bạch Thượng tọa, huynh này đã đắc pháp nhãn, có thể nói lên những gì đã thực chứng. Xin Thượng tọa chớ khiển trách y.

- Ta biết y có thiên chứng, nhưng việc ấy không ngăn nổi y hoàn tục lần nữa. Ví như một con bò khi được buộc chặt vào cái cọc, thì nó có vẻ hiền lành an ổn, nhưng thả ra nó sẽ dẫm đạp nát hết ruộng lúa. Cũng vậy một tỳ kheo khi đứng trước bậc đạo sư hay trước những bậc thánh, có thể tỏ ra khiêm cung, đạo hạnh, nhưng khi thả lỏng, y có thể thôi đạo, từ bỏ học giới mà hoàn tục. Một người có thể chứng đắc bốn thiên, nội tịnh nhất tâm, và trong khi an trú các thiên chứng này, y được ổn định, nhưng khi xả thiên, lại ba hoa khoe khoang, không thể tự kềm chế, ưa khoe khoang thành quả. Khi ấy tâm y đầy tham và mạn, khen mình chê người, và cuối cùng phải từ bỏ học giới. Khi hoan hỷ tham đắm các thiên chứng, thì chính những thiên chứng ấy sẽ đưa y đến chỗ tàn mạt. Bởi vì cấu uế của tâm rất vi tế, thiên chứng chỉ làm cho chúng lắng xuống chứ không mất. Như khi một đạo quân cắm trại trong rừng, thì vì những tiếng trống kèn ống loa xe cộ, mà ta không nghe tiếng côn trùng trong cỏ, ta tưởng chúng đã lặng im. Khi đạo quân nhổ trại đi chỗ khác, tiếng côn trùng lại vang lên như cũ.

Về sau, quả nhiên Citta từ bỏ đời sống xuất gia, hoàn tục lần thứ sáu. Chúng tỳ kheo hỏi trưởng lão:

- Bạch ngài, ngài đã biết trước việc này do thiên quán, hay do chư thiên mách?

- Cả hai.

Họ đến nơi Phật, kể lại sự vụ và tỏ ý tiếc cho Citta. Thế tôn dạy:

- Không sao, Citta còn trở lại lần nữa, và sẽ là lần cuối đấy.

Một hôm, Citta cùng đi với Potthapàda một nhà khổ hạnh, đến hầu Phật để hỏi về Pháp. Những lời Thế tôn dạy cho vị khổ hạnh làm chàng rất hài lòng. Chàng lại xin Phật xuất gia lần thứ bảy. Đức Phật chấp nhận, và chỉ trong thời gian ngắn, chàng chứng quả La hán.

Đức Phật kể lại nguyên do tại sao Citta phải vô ra bảy lần như vậy mới chứng thánh quả. Vào một tiền kiếp, thời Phật Ca Diếp tại thế, chàng đi cùng với một tỳ kheo bạn. Bạn chàng nghĩ muốn hoàn tục, vì không chịu nổi khổ hạnh. Thay vì khuyên bạn tiếp tục tu hành, Citta lại có tâm xấu, xúi giục bạn bỏ tu, để cho bạn bị chê, mình được khen. Do vậy mà kiếp này Citta phải chịu sự sỉ nhục là vô ra tăng đoàn bảy lần mới đắc quả.

-ooOoo-

09. LẠC THÀNH NHÀ MỚI

Một thời, Thế tôn nghỉ tại tinh xá Nigrotha thành Ca tì la vệ. Dân chúng ở đây vừa dựng một giảng đường cho các sa môn, bà la môn sử dụng. Khi khánh thành, họ cung thỉnh Phật và chúng tỳ kheo đến ngôi giảng đường ấy trước tiên, để cầu phước.

Đức Phật im lặng nhận lời. Dân chúng trở về xếp đặt chỗ ngồi cho Phật và chư tăng trong giảng đường, đặt ghè nước rửa chân, treo đèn dầu thấp sẵn, (buổi lạc thành có lẽ đã về chiều). Rồi họ đến thỉnh Phật và chư tăng. Đức Thế tôn đáp y, mang y bát cùng chúng tỳ kheo đi đến giảng đường. Ngài rửa chân, ngồi vào chỗ dành sẵn. Chúng tỳ kheo cũng rửa chân rồi vào ngồi quanh, đối diện với đức Phật trong giảng đường. Sau khi chúng tỳ kheo và các vị trong dòng họ Sakya đã an tọa, Thế tôn thuyết pháp đến quá nửa đêm, khích lệ, làm cho hoan hỉ phần khởi các vị Sakya ở Ca tì la vệ. Rồi ngài bảo tôn giả A nan:

- Thầy A nan, thầy hãy giảng Hữu học đạo cho các vị Sakya. Tôi bị đau lưng. Tôi muốn nằm nghỉ.

Rồi đức Thế tôn trải chiếc đại y ra gấp làm bốn mà nằm xuống hông bên phải, chánh niệm tỉnh giác. Khi ấy tôn giả A nan giảng cho các vị Sakya về sự tu tập của một vị thánh đệ tử, gồm sáu việc như sau:

- Một là thành tựu giới hạnh, sống đúng theo giới bản tỳ kheo, đầy đủ uy nghi, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ.

- Hai là hộ trì các giác quan, nghĩa là khi mắt thấy sắc, tai nghe tiếng...không nắm giữ tướng chung (như toàn thể một con người), không nắm giữ tướng riêng (như đôi mắt, tướng đi của người nào). Những nguyên nhân gì khiến tham ái ưu bi khởi lên, vị tỳ kheo chế ngự nguyên nhân ấy, giữ gìn giác quan và tâm ý.

- Thứ ba là tiết độ trong sự ăn uống. Vị tỳ kheo nhận và dùng thực phẩm với sự quán sát rằng ta ăn không phải để vui đùa, không để đam mê, không để trang sức, mà chỉ để thân này khỏi khổ vì đói, để giữ gìn phạm hạnh. Vị ấy ăn để trừ cảm thọ cũ là cơn đói, mà không làm phát sinh cảm thọ mới như tham vị ngon.

- Thứ tư là chú tâm cảnh giác các pháp bất thiện có thể khởi lên trong từng uy nghi đi đứng nằm ngồi, vào mọi lúc.

- Thứ năm là thành tựu bảy diệu pháp: Tín (tin tưởng vào khả năng tự giác), Tàm (tự thẹn, không làm bậy khi ở một mình), Quý (thẹn với người khác, không làm bậy khi ở chung), Đa văn (nghe, học nhiều về Pháp), Tinh tiến (siêng năng về việc lành), Niệm (nhớ nghĩ chân chánh), Tuệ (sáng suốt) và Trạch pháp (biết chọn lọc các pháp để tu tập).

- Thứ sáu là có khả năng chứng và an trú bốn thiên một cách dễ dàng.

Khi một vị thánh đệ tử thành tựu được sáu việc kể trên, vị ấy được gọi là đang đi trên đạo lộ bậc Hữu học, có trứng không bị hư hoại, có khả năng giác ngộ. Ví như một con gà mái có trứng khéo ấp, khéo ủ, thì dù nó không cầu mong, gà con vẫn nở ra. Vị tỳ kheo cũng thế, nếu hoàn tất được sáu việc trên thì sẽ thành tựu ba sự sáng suốt, giống như gà con ba lần phá vỡ vỏ trứng để chui ra:

- Vị ấy chứng túc mạng minh, nhớ được các đời trước, đó là sự phá vỡ đầu tiên.

- Vị ấy chứng thiên nhãn minh, thấy rõ hành nghiệp chúng sinh người đẹp kẻ xấu người sang kẻ hèn đều do nguyên nhân chúng tự tạo ra từ đời trước. Đây là sự phá vỡ thứ hai.

- Vị ấy đoạn tận lậu hoặc (phiền não mê lầm), chứng vô lậu Tâm giải thoát (giải thoát nhờ thiền định), Tuệ giải thoát (nhờ trí tuệ). Đó là sự phá vỡ cuối cùng, để con gà con bước ra ngoài ánh sáng.

Sáu pháp hữu học thuộc về HẠNH đức, ba minh thuộc về TRÍ đức, thành tựu được như vậy, vị thánh đệ tử được gọi là bậc MINH HẠNH TỨC.

Khi tôn giả A nan giảng xong, đức Thế tôn ngồi dậy, khen ngợi tôn giả, và bảo các vị Sakya rằng: "Những lời thầy A nan nói không khác gì lời đức Như lai, các người hãy ghi nhận như vậy."

Trên đây là kinh thuật theo kinh Hữu học về một buổi lạc thành nhà mới vào thời Phật. Ngày nay, thiết nghĩ Phật tử chúng ta rất nên làm sống lại truyền thống tốt đẹp này. Mỗi khi cúng tân gia hay bất cứ lễ lạc gì, thay vì bày biếu ăn uống linh đình tốn kém, hãy thỉnh một vị giảng sư về giảng Pháp cho toàn gia nghe. Như vậy cũng tốt như trai đàn chẩn tế, mà lại ít tốn và ít ồn.

---o0o---

10. CƯ SĨ THỜI PHẬT

Mỗi khi muốn khích lệ các tỳ kheo tu tập, đức Thế tôn thường nhắc đến hai vị tỳ kheo lý tưởng là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Nhưng khi thuyết giảng cho cư sĩ về một mẫu người tại gia lý tưởng, đức Đạo sư lại nêu danh hai cư sĩ uyên bác của Ngài, đó là ưu bà tắc Citta và Hatthaka. Kinh Tăng Chi Bộ, tập I, kể những bậc thuyết pháp đệ nhất trong đó ba vị được liệt kê đầu tiên là tỳ kheo Tunna, tỳ kheo ni Dhammadinna và ưu bà tắc Citta. Trong kinh tạng Pali, không một cư sĩ nào vượt hơn Citta về phương diện thuyết pháp.

Để tiện việc phát âm, và để phù hợp với độc giả người Việt, ta hãy gọi Citta là cư sĩ Tâm trong câu chuyện về đời ông.

Cư sĩ Tâm là một thương gia giàu có sở hữu cả một khu làng tên Niga Pathaka và một khu rừng rộng lớn. Ông cúng khu rừng này cho Tăng đoàn của Phật xây dựng một tinh xá lớn ở đây.

Một hôm cư sĩ Tâm mời một số các vị Trưởng lão trong tinh xá về nhà dùng cơm. Sau bữa ăn, cư sĩ thỉnh vị Thượng tọa thuyết giảng những lời Phật dạy về sự sanh khởi của các pháp. Vị Thượng tọa không giảng được. Sau ba lần cư sĩ cầu thỉnh, một vị hạ tọa tỳ kheo trẻ tuổi nhất trong đoàn tên Isidatta,

đứng lên xin phép vị Thượng tọa để giảng cho cư sĩ. Vị Thượng tọa chấp thuận, và Isidatta tỳ kheo trẻ bắt đầu giải thích rành mạch sự sanh khởi các pháp. Ông giảng rằng mọi pháp khởi lên đều do từ 18 "giới": đó là sáu nội xứ hay căn (mắt tai mũi lưỡi thân ý), 6 ngoại xứ hay trần (sắc thanh hương vị xúc pháp) và sáu thức (sáu cái biết của 6 căn ở trên).

Sau thời pháp, các tỳ kheo ra về. Trên đường về tinh xá, vị Thượng tọa tỳ kheo khen ngợi hạ tọa tỳ kheo về thời pháp vừa rồi:

- Lành thay, hiền giả đã trình bày gọn và rõ. Lần khác, nếu có dịp, hành giả cứ tự do trình bày.

Vị Thượng tọa chẳng những không ôm lòng ganh tị với tỳ kheo trẻ, trái lại Ngài cảm thấy hỷ lạc khởi lên trong tâm trước sự uyên bác của người sư đệ. Vị sư đệ, về phần ngài, cũng không tỏ lộ chút nào hãnh diện hay kiêu căng trước những lời ca tụng. (Tương ưng bộ kinh 41,2)

Vào một dịp khác, cư sĩ Tâm hỏi: "Do nhân gì mà những tà kiến xuất hiện?" Thượng tọa tỳ kheo cũng không đáp được, và Isidatta xin thay ngài để trình bày. Tỳ kheo Isidatta bảo: tà kiến khởi lên là do tin tưởng thật có một cái Tôi (gọi là ngã kiến hay thân kiến). Cư sĩ Tâm hỏi: ngã kiến hay thân kiến do đâu mà có? Tỳ kheo đáp, kẻ phàm phu do không học tập Phật Pháp, thường xem năm uẩn - tức những yếu tố vật lý (sắc) và tâm lý (bốn uẩn còn lại) nơi một con người - là cái "tôi" và "của tôi", do đó tạo nên một cái ngã tưởng tượng, đó gọi là thân kiến hay ngã kiến.

Cư sĩ Tâm rất hoan hỷ với lời giải thích ấy, và hỏi quê vị Tỳ kheo ở đâu. Khi vị Tỳ kheo cho biết ở Avanti, cư sĩ hỏi:

- Vậy tôn giả có biết một người tên Isidatta ở đấy không? Y là bạn thư từ với tôi. Tôi thường viết thư đàm luận Pháp với y, và khuyên y xuất gia. Không biết y nghĩ sao về lời khuyên ấy, lâu nay tôi mất liên lạc.

Đôi bạn chưa hề gặp nhau, nên khi cư sĩ Tâm biết vị tỳ kheo chính là Isidatta đã liên lạc thư từ với mình dạo trước, ông rất vui mừng. Cư sĩ xin được cúng dường các thứ cần dùng cho Tỳ kheo Isidatta, nhưng vị này cảm ơn và đi biệt không bao giờ trở lại. Ngài đã chứng A La Hán.

Vào những dịp khác, cư sĩ Tâm là người trả lời những câu hỏi về Pháp do các Tỳ kheo đặt.

Một ngày nọ, một nhóm Tỳ kheo Thượng tọa đang ngồi trước công tinh xá thảo luận vấn đề: những kiết sử (sự buộc trói) là một hay khác với các dục trưởng dưỡng (sắc thanh hương vị xúc). Nếu các dục trưởng dưỡng chính là trói buộc, thì chỉ cần xa chúng là hết trói buộc. Nhưng nếu dục trưởng dưỡng khác với trói buộc, thì dù xa lánh chúng, cũng không chắc đã hết trói buộc.

Cư sĩ Tâm tình cờ đi qua, nghe lọt sự bàn cãi của chư tăng về vấn đề, liền xin gia nhập cuộc thảo luận. Khi được phép phát biểu, ông tuyên bố:

- Bạch chư Đại Đức, con tin và biết chắc chắn rằng: kiết sử và các dục trưởng dưỡng là hai chuyện khác nhau, không những trên danh từ mà cả về ý nghĩa. Như cái ách buộc chung cặp bò đen trắng, con bò đen không phải là cái trói buộc con trắng, con bò trắng cũng không phải là cái trói buộc con đen, nhưng cả hai đều bị trói buộc bởi cùng một sợi dây giùm của cái ách. Cũng vậy, căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) không trói buộc được trần, trần cũng không trói buộc được căn, nhưng cả hai căn và trần đều bị Dục tham trói buộc vào cái ách khổ.

Chúng tỳ kheo rất hoan hỉ với giải đáp của cư sĩ đa văn ấy, và cho rằng vị ấy đã đắc Pháp nhãn.

Đức Phật cũng dạy, sáu nội ngoại xứ (6 căn 6 trần) là những vật bị trói buộc, nhưng chỉ có Dục tham là xiềng xích trói buộc chúng. Bởi thế, thật vô ích nếu chỉ xua đuổi ngoại cảnh, tránh né sắc thanh hương vị xúc, hay chỉ cố gắng đè nén nội căn (như bưng tai nhắm mắt), bởi vì chính Dục tham mới là yếu tố trói buộc.

Ví dụ của cư sĩ Tâm rất xác đáng: Bò đen dụ cho sáu nội căn vì khó biết khó thấy. Bò trắng dụ cho sáu ngoại trần, vì hiện rõ dễ thấy.

Một dịp khác, cư sĩ Tâm đàm luận với một lãnh tụ giáo phái lửa thể là Nathaputta (Ni kiền tử). Ông này bảo:

- Bạn có tin rằng có một cảnh giới hoàn toàn không có tư tưởng?

- Không, tôi không tin có một chuyện như thế.

Vị lửa thể rất hài lòng trước câu trả lời ấy, vì không hiểu được ý nghĩa thực của nó. Ông tưởng sẽ chinh phục được cư sĩ nổi danh này theo giáo phái mình, phấn khởi tuyên bố:

- Đúng thế, thưa bạn. Tôi cũng nghĩ rằng, dừng lại dòng tư tưởng tuôn chảy thì chẳng khác nào lấy tay ngăn giòng nước sông Hằng lại. Quả thế, không thể nào làm ngưng dòng tâm thức.

Cư sĩ Tâm hỏi:

- Theo ý bạn, lòng tin và sự thực chứng bằng kinh nghiệm, cái nào đáng giá hơn?

- Dĩ nhiên là sự thực chứng bằng kinh nghiệm có giá trị hơn chứ.

- Vậy thì tôi đã biết, đã thực chứng một điều rằng, trong bốn thiên, thì ba thiên sau là không có tư tưởng. Bởi thế đối với tôi, không phải là chuyện tin tưởng nữa, mà là thực chứng bằng kinh nghiệm, lời dạy của Thế tôn.

Khi ấy lửa thể ngoại đạo cực lực thống trách cư sĩ Tâm, vì lúc đầu đã nói "không tin có chuyện ấy". Cư sĩ Tâm hỏi:

- Lúc đầu, bạn khen tôi đúng, bây giờ bạn lại chê tôi ngu. Vậy thực sự, tôi ngu hay đúng?

Lửa thể không trả lời.

Một lần khác, cư sĩ Tâm gặp lửa thể Kassapa và hỏi:

- Bạn thực hành lửa thể như vậy đã bao lâu?

- Ba mươi năm.

- Bạn đã chứng đắc những trạng thái hỉ lạc hay có trí tuệ siêu phàm chưa?

- Chưa. Còn bạn, bạn đã quy y Phật bao lâu?

- Ba mươi năm.

- Thế bạn đã chứng được cái gì?

- Tôi đã chứng bốn thiên, và nếu tôi chết trước khi đức Thế tôn nhập Niết bàn, thì chắc chắn Đấng Đạo sư sẽ nói về tôi như sau: Cư sĩ Tâm không còn bị trói buộc vào cõi nào trong dục giới.

Điều ấy khiến vị lã thể hiểu rằng cư sĩ đã chứng quả Bất hoàn, thứ ba trong bốn quả thánh. Vị khổ hạnh rất đỗi kinh ngạc khi thấy một cư sĩ tại gia lại có thể đạt một trình độ tu chứng cao như vậy. Ông suy rằng, ở cương vị xuất gia ông sẽ càng dễ chứng hơn nhiều. Do đó ông nhờ cư sĩ giới thiệu đến Phật để xin xuất gia thụ giới. Chẳng bao lâu ông chứng quả A La Hán,

Cư sĩ Tâm còn dẫn dắt ba người bạn nữa xuất gia đắc quả, một người trong đó là Isidatta đã nói. Cả ba đều vượt hơn cư sĩ về quả chứng.

Khi cư sĩ bệnh nặng, chư thiên xuất hiện khuyên ông hãy trú tâm vào ngôi vị Chuyển luân vương trong đời kế tiếp. Ông trả lời:

- Không, tôi không làm vua Chuyển luân. Tôi đang hướng đến cái gì còn cao cả hơn, hạnh phúc hơn ngôi vị ấy. Tôi đang hướng đến Niết bàn.

Quyến thuộc vây quanh ông trong lúc ấy, vì không trông thấy chư thiên nên tưởng ông nói nhảm. Ông trấn an mọi người:

- Ta đang nói chuyện với phi nhân, các người đừng sợ.

Rồi ông dặn dò:

- Sau khi ta chết, các con cháu hãy luôn luôn đặt niềm tin vững chắc vào Pháp, và giữ sự cúng dường hầu hạ Đấng Đạo sư cùng thánh chúng của ngài.

Nói xong, ông nhắm mắt an tường nhập định.

-ooOoo-

11. BỒ TÁT THÂN NAI

Thuở Phật tại thế, có nhà triệu phú sinh được người con gái xinh đẹp đã trồng căn lành từ vô lượng kiếp, có trí tuệ của bậc xuất trần thượng sĩ. Khi lớn lên nàng không màng chuyện chồng con, mà muốn xuất gia trong Pháp và Luật của Phật. Nàng xin cha mẹ:

- Thưa cha mẹ, con không ưa đời sống gia đình, xin cha mẹ cho con xuất gia, sống đời giải thoát như Phật Thế tôn.

Ông bà triệu phú kinh hoàng bác ngay lời nàng:

- Này con yêu dấu, đừng nói bậy. Nhà ta đại phú, con muốn cúng dường bố thí bao nhiêu cha mẹ cũng không cấm. Nhưng con là con gái cung độc nhất của cha mẹ, không đời nào cha mẹ lại cho phép con xuất gia.

Bị từ chối, cô gái suy nghĩ: "Vậy, khi nào cha mẹ gả chồng, ta sẽ xin chồng xuất gia." Và cha mẹ đã chọn người rể xứng đáng, gả nàng. Cô gái theo về nhà chồng, thâm tâm vẫn nuôi ý định xuất gia. Vào một ngày hội lớn trong nước, mọi người đều trang sức lộng lẫy, nhưng cô gái vẫn không đeo đồ nữ trang, y phục vẫn đơn giản như thường ngày. Chồng nàng hỏi:

- Tại sao em không trang điểm phấn son gì cả? Hôm nay là ngày hội vui cả nước, em không tham dự sao?

- Thân này là đây da chứa toàn ô uế, phấn son trang điểm cho nó chẳng khác gì trang hoàng một cái thùng phân.

- Em nói nghe như là người đã thoát vòng tục lụy. Vậy sao em không vào chùa tu luôn đi?

- Nếu được phép, em sẽ xuất gia ngay bây giờ.

- Vậy thì được, cho phép em xuất gia.

Nàng hoan hỉ cảm ơn, và chồng nàng đưa nàng tới một ni viện dưới sự lãnh đạo của Đề bà đạt đa (Devadatta). Đề bà đạt đa đã gây chia rẽ trong tăng chúng, bằng cách đưa ra năm điều luật khắc khe hơn giới luật Phật chế, và nhờ vậy thu được một số đông đệ tử mới của Phật về phái mình, những người có khuynh hướng cực đoan, khoái khổ hạnh.

Thiếu phụ khi xuất gia, hoàn toàn không biết mình đã mang thai. Sau khi thọ giới cụ túc, bụng càng ngày càng lớn. Chúng tỳ kheo ni trông thấy, bèn đi mách với Đề bà. Đề bà ra lệnh trục xuất ngay, vì cho là cô ấy phạm giới. Cô cực lực phản đối, bảo:

- Tôi xuất gia với đức Đạo sư, không phải xuất gia với sự lãnh đạo của Devadatta. Xin cho tôi đến yết kiến đức Phật Thế tôn.

Chúng ni bèn đưa nàng đến trước Phật. Phật biết nàng vô tội, song vì nàng ở trong tăng đoàn Đề Bà, nên ngài muốn làm sáng tỏ vấn đề trước vua Ba tư nặc để quần chúng khỏi dị nghị, cho rằng Ngài tranh giành đệ tử. Một phiên xử công khai được triệu tập để xét xử nội vụ. Nhiều trưởng giả, đại thần,

mệnh phụ tham dự, trong đó có bà Visakha là một phụ nữ nổi tiếng. Bà được đề cử để khám xét thiếu phụ tỳ kheo ni. Sau khi khám, bà công bố cô có thai khi còn là gia chủ, và do đó cô vô tội. Phiên xử kết thúc mỹ mãn, tỳ kheo ni được trở về chùa. Đến kỳ khai hoa nở nhụy, cô hạ sanh một bé trai được nuôi trong chùa. Khi vua Ba tư nặc đi dạo chơi ngang chùa, nghe tiếng trẻ khóc bèn hỏi quan hầu cận:

- Quái lạ, sao trong chùa lại có tiếng trẻ khóc nhỉ?

- Tâu đại vương, đó là hài nhi của vị ni cô được triều đình tuyên bố vô tội dạo trước.

Vua nhớ ra, bèn xin Phật cho đưa đứa bé về cung để hoàng hậu và các cung nữ nuôi giùm. Đến kỳ đặt tên, hài nhi có tên là "hoàng tử Ca Diếp", được nuôi dạy chung với các hoàng tử. Khi lên bảy, hoàng tử Ca Diếp xin Phật xuất gia. Sau khi thụ đại giới, trưởng lão Ca Diếp trở thành vị thuyết pháp đệ nhất trong tăng đoàn của Phật. Trưởng lão ni mẹ của ngài và ngài đều chứng quả A La Hán.

Một hôm, tại Diệu pháp đường trong tinh xá Kỳ hoàn, chúng tỳ kheo đang ngồi ca tụng ân đức Thế tôn, đã cứu được hai mẹ con và lại còn đặt lên ngôi vị thánh. Đức Phật đi vào biết chuyện, dạy:

- Nay các tỳ kheo, không phải trong đời này Như lai đã cứu hai mẹ con Ca Diếp, mà trong đời kiếp lâu xa khi còn làm súc sanh, ta cũng đã từng cứu hai mẹ con ấy.

Rồi Ngài kể lại chuyện tiền thân ngài làm Nai chúa như sau.

Thuở ấy đức Phật làm một con nai chúa tể cả đàn nai trong rừng. Nai chúa có bộ lông và đôi mắt tuyệt đẹp. Vị vua trị vì lúc bấy giờ rất khoái thịt nai, ngày nào cũng bắt dân chúng vào rừng săn bầy nai đem về cung cấp cho đầu bếp nhà vua. Vì phải bỏ bê việc nhà vào rừng săn nai hàng ngày, dân chúng bàn nhau huy động toàn lực để bắt hết tất cả nai trong rừng về, vây lại trong vườn thượng uyển để đầu bếp mỗi ngày vào đó mà bắt nai, khỏi phiền nhiễu tới dân chúng. Đàn nai của Bồ tát bị tóm trọn, cùng với một đàn nai khác cũng do một nai chúa cầm đầu, là tiền thân của Devadatta.

Khi cả hai đàn nai đều bị bắt về ngự uyển, vua đến xem, và trông thấy hai con nai chúa xinh đẹp, liền bảo đầu bếp chừa lại đừng giết. Những con khác thì cứ mỗi ngày làm thịt cho vua dùng. Từ đây hàng ngày tên thợ săn và đầu

bếp của vua lại đến, dùng cung nỏ bắn hạ một con trong hai đàn nai để về làm thịt. Mỗi khi thợ săn đến, hai đàn nai chạy tán loạn, thợ săn bắn tên vào chúng, nhiều con bị trúng thương, phải chịu đau đớn nhiều ngày trước khi chết. Thảm kịch tái diễn hàng ngày, khiến cho đàn nai hãi hùng khủng khiếp. Bò tát nai liền họp tất cả đàn mình và đàn nai Đê bà để thương nghị:

- Để tránh tình trạng kinh hoàng cho hai bầy nai, chúng ta hãy luân phiên bắt thăm, ngày hôm nay đàn nai tôi nạp một mạng, ngày mai đàn nai anh nạp một mạng. Như vậy những nai còn lại được sống yên ổn, cho đến khi tới phiên mình nạp mạng.

Toàn thể đều chấp thuận sự sắp đặt ấy. Một hôm, đến lượt đàn nai Đê bà bốc thăm, trúng phiên một chị nai có bầu sắp sinh. Nai mẹ khẩn khoản với nai chúa:

- Xin hãy tha cho tôi, nếu tôi bị giết thì chết tới hai mạng chứ không phải một, Như vậy không công bằng. Tôi sẽ xin nạp mình sau khi sanh nở xong.

Nai Đê bà nhất quyết không chịu. Nai mẹ bèn đến cầu cứu nai Bò tát. Bò tát nói:

- Được, chị yên tâm trở về đi. Ngày mai, chị khỏi phải đến nạp mạng.

Nai mẹ mừng rỡ cảm ơn ra về. Hôm sau, khi tên đầu bếp của vua đi đến chỗ hành quyết nai, thì thấy Bò tát nai chúa đang nằm kê đầu trên cái thớt chờ lát dao chặt xuống. Đôi mắt Nai trong sáng đượm buồn, nhưng bình an. Nai ngược nhìn tên đầu bếp với vẻ thương xót, không lộ vẻ gì là sợ sệt, thù hận. Đầu bếp ngạc nhiên hỏi:

- Này bò đi, sao nằm đó? Vua bảo tha chết cho bò kia mà. Đàn nai của bò chết tiệt cả rồi sao?

- Không phải đâu, đầu bếp. Đàn nai tôi còn nhiều, nhưng hôm nay tới phiên một chị nai có bầu nạp mạng. Nếu chị ấy chết thì chết cả mẹ lẫn con. Tôi không nỡ bảo ai thay thế chị, vì ai cũng tham sống sợ chết cả. Do vậy tôi nạp mình thay cho chị. Đầu bếp cứ việc hạ dao đi.

Người đầu bếp trở về tâu vua chuyện lạ. Nhà vua đích thân theo ông đến vườn nai, thấy Nai chúa vẫn nằm kê đầu trên thớt, đôi mắt long lanh như hai viên ngọc ngược nhìn vua. Do năng lực từ tâm của Bò tát, vua phát sinh một lòng thương vô hạn. Vua ngồi xuống bên nai:

- Nay nai chúa, hãy đứng dậy. Ta tha chết cho ngươi.
- Tâu đại vương, ngài tha chết cho tôi, nhưng còn những nai khác trong vườn thì sao?
- Ta cũng tha luôn tất cả nai trong vườn.
- Nai trong vườn được tha, còn tất cả loài nai thì sao?
- Ta cũng tha giết tất cả loài nai.
- Loài nai được tha, nhưng các loài thú khác trên mặt đất thì sao?
- Ta cũng tha nốt.
- Loài thú trên đất được tha, nhưng cá dưới nước thì sao?
- Ta cũng tha luôn loài cá.
- Loài dưới nước được tha, còn loài chim bay trên không thì sao?
- Loài chim bay cũng được tha luôn.
- Lành thay, đại vương. Tất cả chúng sinh đều tham sống sợ chết, bởi thế không nên giết hại, đánh đập, gieo rắc sự sợ hãi. Ngài hãy sống với từ tâm, thì đời này được an lạc, giấc ngủ nhẹ nhàng, sống không bệnh tật, chết được an lành, sinh lên các cõi trời trường thọ.

Nhờ bồ tát Nai cảm hóa, từ đây nhà vua phát tâm ăn chay, không còn ý tưởng giết hại.

Nai mẹ được bồ tát cứu, về sau sanh hạ một chú nai con kháu khỉnh, đó là tiền thân hoàng tử Ca Diếp ngày nay. Nai mẹ chính là tỳ kheo ni được Phật giải oan trong kiếp hiện tại, còn nhà vua là tiền thân của A nan tôn giả.

-ooOoo-

12. BÀI PHÁP TRÊN NÚI

Một thời, cách thành Vương Xá không xa, có ba anh em dòng họ Kasyapa (Ca Diếp) theo đạo thờ lửa sống trong những biệt thự dọc sông Ni Liên. Người anh cả tên Uruvilva (Ưu Lô Tần Loa) già trên 120 tuổi, anh

thứ là Gaya (Già Da) và em út là Nadi (Na đề) cả hai đều đã trên trăm tuổi. Họ đã tu luyện lâu năm và biết phép thần thông biến hóa nên được rất đông đồ đệ, kể cả vua Bimbisara (Bình sa). Tuy vậy, họ không có giáo lý nào để dạy dỗ người bỏ ác làm lành, sống lương thiện, mà chỉ chuyên biểu diễn phép lạ để lừa thiên hạ, và tổ chức những lễ tế thần lửa.

Lúc bấy giờ, đức Thế tôn đang ở thành Vương Xá. Sau khi độc cư thiên định, Ngài quan sát thấy đã đến thời để cảm hóa anh em Ca Diếp vào chánh đạo. Một khi những người tinh tấn thờ lửa có đông đồ đệ ấy được cảm hóa, họ sẽ đắc đạo nhanh chóng, và những đệ tử của họ cũng sẽ nối gót theo họ mà ra khỏi rừng tà kiến. Sau khi suy nghĩ như vậy, đức Thế tôn mang y bát đi đến trú xứ của Ưu Lô Tàn Loa, người anh cả. Ngài đi bộ một mình, không tùy tùng thị giả. Ngài bước đi bình dị và oai phong như sư tử chúa, đến trước tư thất của vị Bà la môn già thờ lửa vào lúc trời sẫm tối, và ngỏ lời xin nghỉ lại một đêm. Ca Diếp nhìn Ngài từ đỉnh đầu đến gót chân, thầm nghĩ: "Sa môn con nhà ai mà đẹp trai, tuấn tú đến thế! Tiếc thay y không phải là đồ đệ của ta." (Đấng Đạo sư lúc ấy chỉ mới trên ba mươi tuổi, sau khi đạt chánh giác không bao lâu).

Rồi ông từ chối không để Ngài ở lại, lấy cớ đã hết chỗ. Nhưng đức Thế tôn vẫn không nao núng, Ngài đứng im lặng. Bà la môn nghĩ, "có lẽ cần phải hăm dọa thì sa môn này mới chịu đi." Và lên tiếng:

- Nhà đã hết chỗ, chỉ còn cái điện thờ thần lửa, nhưng có một con độc long to bự trong đó, ai vào sẽ bị nó phun độc chết tươi.

Đức Thế tôn nhũn nhặn đáp:

- Cũng được, hãy cho bản tăng trú ngụ một đêm trong đó.

Không biết từ chối cách nào khác, Ca Diếp bất đắc dĩ phải để Ngài ở lại, với hy vọng người khách không mời này sẽ bị trừng phạt đích đáng về tội bất kính đối với thần lửa như vậy. Nhưng Ca Diếp và đồ đệ ngạc nhiên xiết bao lúc sáng hôm sau, họ vào điện thờ định đem xác vị sa môn trẻ ra, thì không những vị ấy không bị độc long làm hại mà còn cảm hóa được nó. Con rắn phủ phục một bên Ngài, trong khi Đức Thế tôn lấy tay xoa đầu nó như xoa đầu một đứa trẻ. Bà la môn Ca Diếp lấy làm kinh ngạc, thầm phục sa môn, nhưng chưa biết đây là Đức Phật, Đấng Chánh đẳng giác. Ông ta nghĩ rằng vị sa môn này chắc có biết ít chú thuật bùa phép. Đối với đạo bà la môn thì tế tự và bùa phép là việc chính, ai kiện toàn được những thứ ấy được xem là bậc thánh. Nhưng Phật giáo thì không thế, đối với đức Phật, thần thông, tế tự

không quan trọng, mà cái điều làm cho con người trở thành một bậc thánh chính là trí tuệ thấy được sự vật một cách như thật, không bị che lấp bởi ngu si, ngã mạn, tà kiến. Đó là những điều mà đức Phật muốn dạy cho anh em Ca Diếp, nhưng trước hết Ngài phải dùng phương tiện thần thông biến hóa để nhiếp phục ông ta, vì đó là sở trường của họ. Ưu Lô Tần Loa bắt đầu cảm thấy khoái vị sa môn trẻ, ông mời Ngài ở lại trong nhà, với dụng ý thâm làm đồ đệ và như thế ông sẽ có thêm một số đồng đệ tử theo gót vị sa môn tài hoa khả ái này. Đức Thế tôn nhận lời. Ngài ở lại nhà Ca Diếp bốn hôm, lần lượt thi triển những thần thông vượt ngoài khả năng Ca Diếp, làm cho ông ta phải thú nhận thần thông mình thua xa thần thông của Phật. Khi ấy đức Thế tôn mới bảo ông:

- Nay Ca Diếp, người sẽ không bao giờ trở thành một bậc thánh nhờ vào những phép lạ. Chỉ có người nào đạt đến trí tuệ rốt ráo mới đáng gọi là bậc thánh chân thật.

Ca Diếp phủ phục dưới chân Ngài, xin Ngài tha thứ, và xin làm đệ tử Ngài. Đức Thế tôn khuyên ông ta nên hỏi ý kiến 300 đồ đệ ông trước đã. Ca Diếp hội ý với đồ đệ, và tất cả đều công nhận sự vĩ đại của Thế tôn và đều xin qui y. Họ còn mạnh dạn bày tỏ ý chí cải tà quy chánh bằng cách ném hết dụng cụ thờ lửa xuống nước, cho trôi theo dòng sông Ni Liên (Neranjana). Hai người em của Ca Diếp sống ở hạ lưu con sông, với đồ chèo riêng, một hôm trông thấy đồ thờ thần lửa của anh cả đang trôi theo giòng, vội vã tìm tới nhà anh xem đã xảy ra tai nạn gì. Họ kinh ngạc xiết bao khi thấy anh cả cùng 500 đồ đệ đã cạo tóc đắp y. Ưu Lô Tần Loa bảo hai em:

- Con đường chúng ta theo bấy lâu nay không phải là chánh đạo, bây giờ anh đã rõ. Muốn chấm dứt khổ sanh tử, chỉ có giáo pháp của đức Thế tôn, bậc Chánh đẳng giác. Vì lý do đó anh đã quy y Phật. Các em cũng nên suy nghĩ lại và can đảm dứt khoát như anh, vì gặp được đức Phật ra đời là chuyện rất khó.

Hai người em cùng số đồ đệ thấy anh cả đã theo Phật nên cũng xin cạo tóc xuất gia. Sau khi cả ngàn đồ đệ anh em Ca Diếp xuất gia, đức Thế tôn đưa họ về thành Vương xá. Trên đường đi, Ngài dừng lại trên đỉnh núi Gaya, từ đó trông xuống xuyên qua một cách đồng, Ngài có thể trông thấy rừng Uruvilva, sông Ni Liên và núi Pragbodhi. Đưa tay chỉ xuống dãy rừng núi trùng điệp, Ngài dạy các tân đệ tử:

- Hỡi các tỳ kheo, tất cả thế gian đang bốc cháy dữ dội, các ngươi nên hiểu. Con mắt chúng bốc lửa, và khi nhìn sự vật bằng con mắt bốc lửa của chúng, thì bất cứ gì chúng thấy đều trông như đang bốc cháy. Lỗ tai chúng bốc lửa, nên khi nghe âm thanh bằng lỗ tai bốc lửa của chúng, bất cứ gì chúng nghe đều như đang bốc lửa. Mũi chúng bốc lửa, nên khi ngửi bằng lỗ mũi bốc lửa của chúng, thì bất cứ mùi gì chúng ngửi đều như bốc lửa. Lưỡi chúng bốc lửa, nên khi nếm bằng cái lưỡi bốc lửa, chúng cảm thấy những vị chúng nếm đều bốc lửa. Thân của chúng bốc lửa, nên bất cứ gì thân ấy chạm xúc đến đều như bốc lửa. Tâm chúng bốc lửa, nên khi suy tưởng với tâm bốc lửa, mọi sự mà chúng nghĩ đến đều như bốc lửa đối với chúng. Và, hỡi các tỳ kheo, lửa gì nơi chúng đang bốc cháy? Ta nói chính là lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sanh, lửa già, lửa bệnh, lửa chết, lửa sầu bi khổ ưu não... Khi các ngươi không còn bám víu những ngọn lửa ấy, thì các ngươi có thể giải thoát khỏi những đau khổ mê muội trói buộc các ngươi vào thế gian này.

Bài giảng trên đỉnh núi Gaya không những tóm thu cốt tủy đạo Phật, mà nó còn cho ta thấy đường lối giáo dục của Đấng Thiên nhân sư, bậc thầy siêu việt. Đường lối ấy là "lấy độ trị độ" hay "đổi trị tất đàn" và "vị nhân tất đàn" trong bốn biến thí (hai cái còn lại là Thế giới tất đàn và đệ nhất nghĩa tất đàn). Đối với người khoái thần thông, Ngài sử dụng thần thông để giáo hóa; đối với người thờ lửa, Ngài lấy ví dụ ngọn lửa tham, lửa sân, lửa si đang đốt cháy tâm can con người và Thế giới. Tất cả không ngoài mục đích cuối cùng là đưa họ đến đệ nhất nghĩa tất đàn, ra khỏi vô minh khổ ách nhờ trí tuệ thấy Như thật, chân lý khách quan chi phối vạn pháp, không còn bị che mờ vì lớp kính màu của ngã chấp và cuồng vọng.

-ooOoo-

13. PHẬT ĐỘ NÀNG GÁNH NƯỚC

(thuật theo Hòa thượng Trí Nghiêm kể)

Một buổi sáng, tôn giả Anan một mình trên đường về tinh xá Kỳ viên, gặp một cô gái đang gánh đôi thùng đầy nước. Đang lúc khát, tôn giả tiến lại xin:

- Này chị, cho bần tăng ít nước uống.

Cô gái đặt thùng nước xuống, đỡ lấy bình bát của tôn giả, múc đầy nước cúng dường. Khi đến gần, cô bỗng chú ý vẻ đẹp siêu phàm của tôn giả, và liền bị một tiếng sét ái tình giáng xuống. Tôn giả đã đi xa, mà cô gái vẫn còn đứng đó, theo dõi bóng người cho đến khi ngài khuất dạng về hướng Kỳ

viên. "Anan, Anan..." cô lẩm bẩm để ghi nhớ cái tên mà cô hỏi vội sau khi trao bát nước. Về nhà, cô bảo mẹ:

- Thưa mẹ, khi nào mẹ gả chồng cho con, thì mẹ gả con cho ông Anan mẹ nhé. Con chỉ muốn có ông Anan mà thôi, ngoài ra con không ưng ông nào hết.

- Anan là ông nào? (bà mẹ ngạc nhiên)

- Cái ông khoác áo vàng đó!

- Hừ, con cái lẩn thẩn chưa. Biết bao nhiêu là đàn ông mặc áo vàng, ta biết ông nào với ông nào.

- Con chỉ muốn ông Anan! Con chỉ yêu ông Anan! Mẹ đi tìm ông Anan cho con, không thì con chết! Hu hu hu.

Cô gái bỏ ăn, rầu rĩ suốt mấy ngày liền vì bệnh tương tư. Bà mẹ quá yêu cô con một, bèn qua nhà hàng xóm hỏi dò.

- Này, bà con cô bác có ai biết ông Anan áo vàng là ông nào không?

Có người đã từng cúng dường tôn giả, đáp:

- Biết. Tôn giả Anan là đệ tử và là em của Phật, đẹp trai lắm.

- Vậy à? Thế ông ta ở đâu?

- Ở chùa Kỳ viên ấy.

Bà mẹ lần dò đến chùa Kỳ viên, và hỏi thăm lần ra manh mối. Trở về, bà bảo con gái:

- Mẹ đã tìm ra ông ấy rồi. Con rán dậy mà ăn uống đi, mẹ sẽ tìm cách mời ông về cúng dường một bữa. Rồi mẹ sẽ tính cho con. Thế nào chắc ông cũng bằng lòng, vì con gái mẹ xinh đẹp Thế kia. Vả lại, mẹ còn kế này nữa. (bà kể tai nói nhỏ)

Cô vui vẻ trở dậy ăn uống. Bà mẹ đến tịnh xá Kỳ viên, mời tôn giả Anan về nhà thọ thực. Đến ngày thọ trai, tôn giả đắp y ôm bát tới nhà hai mẹ con. Sau khi thọ trai, bà mở lời:

- Thừa sa môn, tôi có đưa con gái muốn gả cho một mình sa môn thôi. Nó không ưng ai ngoài ông ra hết. Vậy, xin ông hãy hoàn tục cưới con tôi. Tôi cho không, khỏi tốn đồng xu nào hết.

Tôn giả A nan sững sờ, lúng túng. Kẹt là lỡ ăn tại nhà người ta... Đang tiến thối lưỡng nan, bỗng cô gái đi ra khóa trái cửa lại, xách chìa khóa trở vào. Bà mẹ thì bùng ra một lò lửa đặt ngay giữa nhà, than hồng hừng hực. Tôn giả lấm lét nhìn lò lửa, rồi nói:

- Chúng tôi là sa môn đệ tử đức Phật. Thầy tôi dạy, người xuất gia phải giữ gìn giới cấm, không được làm việc dâm dục.

Bà mẹ trở giọng đanh thép:

- Tùy ý sa môn. Một đàn ông là có vợ đẹp, một đàn ông là lò lửa đỏ, muốn đàn ông nào?

Thấy nguy, tôn giả thâm kê cứu Phật: "Lạy đức Thế tôn, con đang gặp nạn, Ngài nữ bỏ con sao?"

Từ hương thất, động lòng từ, đức Thế tôn sai hai đệ tử đem thân chú Lăng nghiêm đến giải vây cho tôn giả. Nguyên vì Anan bị bùa lực của bà Ma đấng già, mẹ cô gái, nên không ra khỏi nhà bà được. Khi hai vị đệ tử Phật đi đến với thân chú Lăng nghiêm, bùa lực Ca ti ca la của bà ấy mất công hiệu. Anan thông thả ra về.

Cô gái mất Anan, lăn khóc thảm thiết. Cô chạy theo đến chùa Kỳ viên, tìm Phật để đòi lại Anan cho bằng được. Đức Phật hỏi:

- Người muốn đòi Anan làm gì?

- Tôi muốn ông ấy về làm chồng.

- Cũng được. Nhưng hình thức người khác, ông ấy khác, làm sao được? Người phải giống như Anan, cạo trọc đầu, thì ta mới giao Anan cho người.

- Được, vậy tôi sẽ ra phở cạo tóc.

Thấy cô gái quá si, đức Phật lại dùng kế hoãn binh:

- Khoan đã, người phải về xin mẹ có bằng lòng cho người cạo không đã chứ. Ta không chấp nhận người cạo tóc, nếu không có mẹ đồng ý.

Cô gái trở về xin mẹ. Bà nổi trận lôi đình:

- Con cái gì ngu ngốc! Cái tóc là vóc con người, mà cạo trụi lủi cái đầu đi thì còn nước nôi gì nữa? Hử? Thiếu gì chồng, mà mà lại nhất quyết đòi cho được cái lão sa môn trọc đầu khó tính ấy, hờ đồ ngu? Ta nhất quyết không cho mà cạo tóc.

Thế là hai mẹ con thi nhau bỏ ăn, nằm vạ. Cô gái không ngớt khóc lóc. Bà mẹ luôn mồm nguyên rửa.

Bà con lối xóm bu đông, kẻ bàn ra, người nói vào, để khuyên lơn bà mẹ.

- Này chị Ba, chi bằng chị cứ cho cô ấy cạo tóc đi, để được chồng. Nghe nói ông Anan là con vua, thế nào mai một cũng lên làm vua. Con chị sẽ được làm hoàng hậu, chẳng sung sướng lắm sao?

Bà mẹ nghe bùi tai, liền bằng lòng. Cô gái cạo trụi đầu tóc, trang điểm làm cô dâu để đến chùa Kỳ viên. Bao nhiêu kiềng xuyên hoa tai được đeo hết vào người cô, phấn son lòe loẹt đúng điệu cô dâu, chỉ khác một điều là cái đầu trọc lóc. Bà con bầm bụng cười thầm, tiễn đưa cô dâu đến tinh xá.

Đức Phật cũng ngạc nhiên không kém. Từ ngày thành đạo tới nay, Ngài chưa từng trông thấy cảnh tượng nào ngộ nghĩnh tức cười hơn. Tưởng là dùng kế hoãn binh, để bà mẹ ngăn cản cô ấy, nào ngờ bây giờ nó dẫn xác trở lại đòi Anan cho bằng được. Thật là một phen bối rối cho đức Thế tôn. Chỉ còn một cách là ... thuyết pháp giáo hóa thử xem sao, chứ để nó bắt Anan đi thì còn gì! Ngài chum chim mở lời:

- Này, con yêu Anan ở điểm nào?

Cô gái trả lời một mạch:

- Con yêu đôi mắt, cái mũi, cái miệng, tay chân thân hình giọng nói cử chỉ tướng đi của ông Anan.

Đức Phật nghĩ, "Con nhỏ này tuy si mê, mà khá thành thực. Có gì nói nấy. Hay lắm, tâm ngay thẳng là đạo tràng. Nó còn ngây thơ lắm, chưa biết gì đến câu uế của sinh tử." Ngài dịu dàng bảo:

- Này con, tất cả những gì con yêu nơi Anan đều không sạch. Trong thân thể người ta, tất cả đều bất tịnh hôi thối. Ông Anan cũng như mọi người, như ta và như con. Thân con có sạch không?

Cô gái cúi mặt đứng im. Phật bồi thêm:

- Và chẳng, có chồng thì phải sanh con đẻ cái. Mà sanh con thì trần truồng, xấu xí. Con đừng hiểm sanh tử ấy, chỉ có kẻ ngu mới dấn thân vào!

Nghe động tới sự trần truồng, cô gái cảm thấy hổ thẹn cực độ, tâm nhàm chán lên tuyệt đỉnh. Ngay tại chỗ, cô chứng quả Dự lưu, nghĩa là vào dòng thánh nhân.

-ooOoo-

14. KHÔNG RƯỢU MÀ SAY

(Thuật theo chuyện kể của Hòa thượng Trí Nghiêm)

Vào một buổi chiều tịnh mịch ở Kỳ viên tinh xá, sau khi giảng pháp cho chư tăng và cư sĩ khắp nơi tụ về, Đức Thế tôn vào Hương thất an nghỉ. Vừa đặt lưng xuống, Ngài bỗng nghe tiếng đập cửa thành thạch và tiếng khè khè của một gã say rượu thừa lúc cổng mở, đã lên vào tinh xá. Hắn vừa đập cửa vừa gọi:

- Ông Phật đi, ông Phật! Cho tui làm Phật với! Tui cũng muốn ... làm Phật! Khả khả! Bộ chỉ mình ông làm Phật được mà thôi à? Há?

Đức Thế tôn ngồi dậy ra mở chốt. Thấy gã say dơ dáy, y phục tả toại, Ngài động lòng trắc ẩn gọi thị giả A Nan:

- Này, A Nan, ông tắm rửa, cạo tóc và cho nó một cái y sạch. Rồi tìm chỗ cho nó nằm nghỉ.

A Nan vâng lệnh. Sau khi tắm rửa sạch sẽ, cạo tóc đắp y, gã say được đưa đến một gốc cây im mát trong tinh xá. Gã đánh một giấc ngon lành cho đến sáng hôm sau. Khi tỉnh dậy, hắn ngỡ nhìn quanh thấy toàn thầy tu mặc áo vàng đi bách bộ, dòm lại mình cũng đang đắp y, sờ đầu nghe trụi lủi, hắn kinh hoàng không biết mình là ai, vội vàng bỏ chạy một mạch ra phía cổng. Các tỳ kheo đuổi theo bắt lại. Nhưng một số khác biết chuyện, ngăn bạn:

- Này, chớ hiền, để cho hấn chạy. Hấn chỉ là một gã say, hôm qua Thế tôn bảo tôn giả A Nan tắm rửa cạo tóc đắp y vào cho hấn đấy.

- Thật Thế sao? Tại sao đức Thế tôn làm chuyện lạ nhỉ? Biết hấn say mà vẫn độ cho hấn xuất gia?

- Hãy để hấn đi cho khuất, rồi chúng ta sẽ đến thỉnh giáo đức Thế tôn về việc này.

Thế là họ kéo nhau đến Hương thất đức Phật, bạch hỏi:

- Bạch đức Thế tôn, chúng con không hiểu vì nguyên nhân gì Ngài lại độ cho một gã say như thế? Xin Đấng Thiệnt Thế giải rõ cho chúng con.

- Này các tỳ kheo, các ông dường như trách ta vì đã độ cho một gã say. Nhưng ta hỏi các ông, trong lúc hấn say, tại sao không cầu chuyện gì khác, mà lại cầu làm Phật? Như thế là hấn đã gieo một cái nhân tốt đẹp, ta phải giúp duyên cho hấn, vì ta không hẹp gì mà không cho hấn làm Phật. Vả lại, có bao nhiêu người "tỉnh" biết cầu làm Phật như hấn? Vậy thì ai tỉnh, ai say? Huống chi, hấn có nhậu rượu vào mà say, thì bất quá chỉ say vài tiếng đồng hồ rồi tỉnh lại. Cho nên, bệnh say của hấn, ta không cho là trầm trọng. Trái lại, biết bao kẻ trên thế gian này, dù không uống rượu mà vẫn say, không phải say vài tiếng đồng hồ như hấn, mà say muôn kiếp ngàn đời chưa tỉnh. Cái bệnh say đó, say trong vô minh ái dục, Ta mới gọi là một chứng bệnh trầm kha!

-ooOoo-

15. VỌNG MỸ NHÂN

Vào một ngày đẹp trời, vua Pasenadi (Ba tư nặc) xứ Kosala dạo chơi trong vườn ngự. Khi nhìn ngắm những gốc đại thụ ở nơi tĩnh mịch, với những tàn lá tỏa rộng che bóng mát thật khả ái, đẹp mắt, vua bỗng nhớ đến đức Thế tôn, và nghĩ: "Những gốc cây khả ái, đẹp mắt, ở nơi vắng vẻ thoáng gió, xa hết mọi tụ hội huyên náo, thích hợp cho trầm tư này, chính là nơi Thế tôn thường ngự tòa. Chúng ta hãy đi đánh lễ đức Thế tôn." Rồi vua quay sang người hầu tên Kàràyana bảo:

- Này Kàràyana, ta nhớ đức Thế tôn. Ngươi có biết hiện gi? Đấng Chánh đẳng giác đang ở đâu không?

- Tâu Đại vương, lành thay đại vương nghĩ đến đức Phật Thế tôn. Ngài cùng với đại chúng du hành khắp nơi, rày đây mai đó không có trú xứ nhất định. Thật là một cuộc đời mây bay hạc lánh khó tìm dấu vết. Nhưng may thay, lúc này Ngài đang dừng chân tại thị trấn Meladumpa, cách đây không xa lắm, có thể đi và về nội trong một ngày.

- Thế thì người hãy cho thắng cỗ xe, để chúng ta đi yết kiến đức Thế tôn.

- Thưa vâng, tâu đại vương.

Vua cùng các quan hầu cận đi đến thị trấn Phật đang trú. Vua đi bộ vào ngôi tinh xá. Lúc bấy giờ một số đông tỳ kheo đang bách bộ ngoài trời, vua hỏi:

-Thưa chư đại đức, đức Thế tôn hiện ở đâu? Chúng tôi muốn yết kiến Ngài.

Các tỳ kheo chỉ vào một gian nhà mà bảo:

- Thưa đại vương, gian nhà cửa đóng kín kia là nơi Thế tôn đang nghỉ. Hãy im lặng đến gần, bước vào hành lang thật nhẹ, sau khi tăng hắng, hãy gõ cửa. Đức Thế tôn sẽ mở cửa cho đại vương.

Đến trước cửa, vua cỡi vành khăn đội đầu, và trao thanh kiếm hộ thân cho quan hầu cận. Quan hiểu ý, dừng lại chỗ vua trao kiếm. Vua tăng hắng rồi gõ cửa. Đức Thế tôn mở cửa. Sau khi bước vào gian nhà, vua quỳ xuống đánh lễ dưới chân Phật, lấy tay sờ chân Phật rồi tự xưng tên mình:

- Bạch Thế tôn, con là vua Pasenadi xứ Kosala.

Thế tôn hỏi:

- Do duyên có gì mà đại vương hạ mình tột bậc trước thân này như thế?

Vua thưa:

- Bạch Thế tôn, trong khi con thấy những sa môn bà la môn các giáo phái khác hành trì phạm hạnh chỉ một thời gian, rồi trở về thụ hưởng dục lạc, thì các vị tỳ kheo đệ tử Phật thực hành phạm hạnh viên mãn cho đến trọn đời. Do vậy con nghĩ: Thế tôn thực là bậc Chánh đẳng giác, Pháp được Thế tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử khéo hành trì.

Lại nữa, bạch Thế tôn, trong các tập thể ở thế gian, con thường thấy vua chúa cãi lộn với vua chúa, bà la môn cãi lộn với bà la môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ. Trong gia đình, cha mẹ anh chị em cũng thường gây gổ nhau. Còn trong Pháp và Luật của Thế tôn, con thấy các tỳ kheo sống với nhau thuận hòa, không tranh cãi, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau bằng con mắt ái kính. Bạch Thế tôn, con không thấy một nơi nào khác có phạm hạnh viên mãn thanh tịnh như thế. Do vậy con kính ngưỡng Thế tôn.

Lại nữa, bạch Thế tôn, khi du hành, con thường gặp các sa môn gây gò khôn khổ bạc nhược không đẹp mắt chút nào. Con hỏi, và được họ trả lời rằng, tâu đại vương, chúng tôi bị bệnh gia truyền. Trái lại, con thấy các tỳ kheo đệ tử Phật luôn luôn hoan hỷ, các căn thoả mái, tịch tịnh, khinh an. Do vậy, con kính ngưỡng Thế tôn và nghĩ, Pháp được Thế tôn khéo giảng, chư Tăng khéo an trú trong Pháp ấy.

Lại nữa, bạch Thế tôn, con là vua cả nước, có quyền sinh sát trong tay, vậy mà khi con ngồi xử kiện đôi lúc có người dám ngắt lời con, mặc dù con đã ra lệnh không được ngắt lời. Còn trong khi Thế tôn thuyết pháp, thì không một ai gây tiếng động. Một lần, có một vị cư sĩ ho lên trong khi Thế tôn thuyết pháp, và đã bị người ngồi cạnh khẽ đập vào đầu gối. Con nghĩ, thật là vi diệu, hội chúng của Thế tôn được huấn luyện không cần đến gươm giáo gây gộc.

Lại nữa, bạch Thế tôn, con thấy nhiều học giả thật uyên bác, muốn đến chất vấn Thế tôn, bàn sẵn những lời kích bác, nhưng khi đến trước Thế tôn, thì họ câm lặng, và sau khi được Pháp thoại của Thế tôn làm cho hoan hỷ, phấn khởi, tất cả đều xin quy y Thế tôn, trở thành đệ tử. Do vậy con kính ngưỡng Thế tôn.

Lại nữa, bạch Thế tôn, con có hai quan giữ ngựa, ăn cơm của con, đi xe của con, nhờ con mà sống, chính con đem lại danh dự cho chúng. Vậy mà chúng không hạ mình với con như với Thế tôn. Có một lần, trên đường hành quân, con và hai quan giữ ngựa vào nghỉ đêm trong một căn nhà hẹp giữa rừng. Sau khi cùng nhau thảo luận về Pháp của Thế tôn giảng cho đến quá nửa đêm, họ nằm xuống ngủ, để đầu hướng về nơi mà họ được nghe là Thế tôn đang ngự tòa, và trở chân về hướng con nằm. Bạch Thế tôn, khi ấy con nghĩ, thật sự những người này chắc phải ý thức một sự thù thắng trong giáo lý Thế tôn, nên mới có thái độ tôn trọng tột mức đến nỗi coi nhẹ mạng sống như vậy. Do thế, con lại càng kính ngưỡng đức Thế tôn.

Và bạch Thế tôn, Thế tôn cùng thuộc dòng Sát đế 1?i, cùng ở nước Kosala, cùng tuổi tám mươi như con. Do vậy con sẵn sàng hạ mình tột bực đối với Thế tôn và biểu lộ tình thân ái.

Kể xong những lý do trên, vua Pasenadi đánh lễ Thế tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi kiêu từ. Sau khi vua ra về, Phật kể lại câu chuyện trên cho các tỳ kheo, và dạy:

- Nay các thầy, đây là các pháp trang nghiêm, các thầy nên học tập. Các pháp ấy là căn bản của phạm hạnh.

LỜI BÀN: *Đọc xong kinh Pháp trang nghiêm, kẻ hậu bối không khỏi cảm khái vài ý nghĩ.*

1. *Vua Ba tư nặc trước cảnh đẹp thiên nhiên, phi tần mỹ nữ không nhớ, rượu ngon thịt béo không nghĩ, mà chỉ nhớ tưởng đến Thế tôn, tha thiết như nhớ cha mẹ, và tức tốc tìm đến nơi để đánh lễ ngài. Thật là một vị vua hiền, xứng đáng được sinh đồng thời Phật. Và đức Phật chúng ta cũng may mắn hơn Không phu tử nhiều. Vì trong lúc đó thì bậc thánh ở Trung hoa phải than phiền về ông vua bê bối say mê nàng Nam tử: "Nhà vua trọng sắc hơn trọng đức." Nhưng đối với vua Ba tư nặc ngày xưa, cũng như với Phật tử chúng ta ngày nay, thì đức Phật quả là NGƯỜI ĐẸP CỦA MUÔN ĐỜI VÀ VẠN LOẠI. Do đó có câu: "Vọng mỹ nhân hề, thiên nhất phương."*

2. *Trong bảy lý do vua kể vì sao mà vua kính ngưỡng Phật, thì hết năm lý do liên hệ đến tư cách người đệ tử, là: sống phạm hạnh trọn đời (trên nguyên tắc, không kể ngoại lệ), không cãi lộn, lóng tai chí thành nghe Pháp, nhan sắc vui hòa, và biết tôn kính Thầy (hai quan giữ ngựa kính Phật hơn vua). Đủ thấy tư cách người theo Phật thực quan trọng, gọi là "nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân".*

3. *Về chuyện hai quan giữ ngựa. Vua thấy hai bề tôi phạm tội khi quân, dám ngủ quay chân về hướng mình, mà không vội nổi sân đòi chém đầu, lại lần dò tìm hiểu lý do tại sao chúng lại kính Phật hơn mình, trong khi mình là người cầm giữ sinh mạng chúng. Thái độ ấy quả là thái độ của một vị vua có trí.*

4. *Về điểm cuối cùng, vua ngưỡng mộ Phật vì ngài cùng một "ca líp" với mình. Đó là kiểu suy tư của một hạng người mà đối với họ, Phật tánh quả có Nam Bắc. Họ sẽ không chịu quy y với một chàng bán củi như Lục tổ Huệ Năng khả kính của chúng ta. Có lẽ vì vậy, mà Phật phải giáng sanh vào*

dòng vua chúa, để độ cho hạng vương giả. Tất cả đều là phương tiện của Bồ tát để độ sanh: khi cần ngồi xe bò thuyết pháp, cứ ngồi xe bò.

---o0o---

16. CẢI HÓA NANDA

Đôi khi vì mục đích giáo hóa, đức Thế tôn cũng sử dụng thân thông, như trường hợp cải hóa Nanda, người em cùng cha khác mẹ với ngài.

Lúc còn tại gia, Nanda có người vợ mới cưới rất xinh đẹp thuộc dòng Sakya. Một hôm Phật về thăm và khi ngài từ giã, do mãnh lực từ tâm nơi ngài, Nanda đã đỡ lấy cái bát của ngài và định theo tiền chân một đoạn. Nào ngờ, họ tới cổng tinh xá lúc nào không hay. Lúc ấy chư tăng đang tọa thiền trong vườn cây khả ái, bầu khí thanh tịnh trang nghiêm gây chấn động sâu xa trong tâm Nanda. Ông cao hứng xin Phật cạo tóc tu luôn. Phật hứa khả.

Sau một thời gian, ông đâm ra thần thờ, buồn bã, không thích tọa thiền, khát thực nữa. Người ông càng ngày càng bơ phờ hốc hác, râu tóc mọc dài, ông sống như một kẻ xa lạ giữa chúng tăng. Bằng hữu hỏi thăm, ông thú thực: "Đời sống phạm hạnh không làm cho tôi hoan hỉ. Tôi muốn hoàn tục." Các tỳ kheo đến bạch Phật, ngài bèn cho gọi Nanda đến hỏi:

- Nanda, có phải ngươi không thích sống đời phạm hạnh nữa?

- Dạ phải, bạch Thế tôn.

- Tại sao thế, Nanda?

- Bạch Thế tôn, con có người vợ xinh đẹp mới cưới. Khi con ôm y bát theo hầu Thế tôn, nàng đang đứng tựa cửa, tóc mới chải nửa đầu, âu yếm nhìn con mà bảo: "Quý tử hãy mau về." Bạch Thế tôn, con không thể nào quên được hình dáng và giọng nói của nàng lúc ấy.

Đức Phật cầm lấy tay Nanda. Bỗng nhiên, tôn giả thấy mình đi theo Phật, từ từ thăng hư không, càng lúc càng nhanh hơn cả phi cơ phản lực. Ngang một khu rừng bốc cháy, Nanda trông thấy những con khỉ bị cháy đuôi, mặt mày nhăn nhó trông rất buồn cười. Nanda cùng Phật đến cung trời Đê thích. Tại đây, trong những khu vườn khoái lạc, có vô số thiên nữ tuyệt đẹp đang hái hoa kết thành chuỗi mà đeo cho vị vua trời, trông thật là một cảnh dập dìu tài

tử. Nanda đang ngây ngất trước vẻ mỹ miều của các nàng tiên, thì đức Thế tôn đã dắt tay ông trở về trần thế, đến vườn Cấp cô độc. Thế tôn hỏi:

- Nanda, ngươi thấy sao? Các thiên nữ trên cung trời so với người con gái ngươi tưởng nhớ, ai đẹp hơn ai?

- Bạch Thế tôn, so với những thiên nữ kia, thì nàng con gái dòng Sakya trong nước này chỉ như con khỉ cháy đuôi mà con đã thấy.

- Vậy, Nanda, hãy hoan hỉ ở lại tu tập, ta sẽ đền bù cho ngươi năm trăm thiên nữ.

Nanda phấn khởi thưa:

- Bạch Thế tôn, nếu Thế tôn hứa cho con năm trăm thiên nữ, thì con rất hoan hỉ ở lại.

Các tỳ kheo khi biết Nanda vì muốn thọ hưởng khoái lạc cõi trời mà tu tập, bèn chế giễu tôn giả là kẻ làm mướn, kẻ buôn bán. Họ dần dần lánh xa tôn giả. Nanda cảm thấy tủi nhục, bèn xin Phật rút vào rừng sâu độc cư thiền tịnh. Trải qua một mùa an cư, tôn giả chứng quả A La Hán. Sau khi chứng quả, tôn giả trở về bạch Phật:

- Bạch Thế tôn, con xin giải tỏa cho Thế tôn lời hứa đền bù năm trăm thiên nữ.

- Lành thay Nanda, nay ngươi đã chứng quả, nhờ vậy ta được giải thoát khỏi lời hứa đền bù thiên nữ cho ngươi. Chư thiên cũng đã báo trước cho ta việc này.

(Thuật theo Kinh Phật tự thuyết - Bản dịch của Hòa thượng Minh Châu)

-ooOoo-

17. VUA ĂN THỊT NGƯỜI

Thuở ấy Bồ tát ra đời tại kinh đô xứ Kuru, làm thái tử với tên Sutasoma. Khi thái tử đã đến tuổi trưởng thành, vua cha cho đi du học. Cùng du học với thái tử, có hàng trăm đông cung thái tử của các tiểu quốc khác thuộc xứ Ấn độ, trong đó có bạn thân nhất là thái tử con vua xứ Ba la nại. Chẳng bao lâu thái tử Sutasoma đã tỏ ra bậc xuất chúng, thầy bạn đều kính

nể. Các vị hoàng tử khác bỏ thầy, xin thọ giáo cùng thái tử Sutasoma. Khi tất cả thái tử đã thành tài trở về nối ngôi vua, họ đều suy tôn Sutasoma là bậc quốc sư của họ và hứa sẽ vâng theo tất cả những lời giáo huấn của thái tử ấy. Sutasoma tổ chức một tiệc chia tay trước khi mọi người trở về bốn quốc lãnh đạo quốc dân. Trong tiệc ấy, thái tử khuyên các vị vua tương lai hãy giữ ngũ giới, tuân hành lễ bố tát mỗi nửa tháng, và cai trị với đức công bình bác ái, đặt quyền lợi toàn thể lên trên quyền lợi và sở thích bản thân. Sau khi mọi người làm lễ long trọng tuyên hứa, thái tử cùng họ chia tay để về bốn quốc. Từ đây, khi các vua có vấn đề khó giải đều gửi thư đến hỏi ý kiến của thái tử. Thịnh thoảng kèm theo thư là những gói quà biểu hiện lòng thương mến của họ đối với Sutasoma.

Nhưng có một vị vua, người bạn đầu tiên của thái tử tại khóa huấn luyện ngày trước, bây giờ đâm ra lêu lổng. Không bữa ăn nào của ông mà không có thịt, và mặc dù ông cũng tuân theo lời dạy của thái tử Sutasoma giữ kỳ bố tát mỗi nửa tháng và ăn chay vào ngày rằm mồng một, vua này không thể quên thịt đến nỗi người nấu bếp của ông phải làm sẵn con gà con nai gì đó để khi 12 giờ đêm điếm qua ngày mồng hai hoặc mười sáu mỗi tháng, là phải dọn ra cho vua ăn ngay. Một hôm phần thịt để dành bị chó trong cung tha mất, tên đầu bếp gần đến giờ phát giác đã mất thịt, hoảng hốt bối rối y bèn nảy ra một ý kiến, và vội chạy ra chỗ giam tử tù sắp hành quyết, y xẻo một miếng thịt đùi của một tử tội đem vào, cắt thái, bỏ gia vị nấu đem dâng vua. Khi 12 giờ đã điếm, Vua ngồi vào bàn tiệc, xung quanh có nhiều cận thần túc trực. Vua cầm miếng thịt đùi người lên ăn. Vừa bỏ vào miệng, vua bỗng nghe một chấn động rung chuyển tất cả thớ thần kinh trong người, đảo lộn cả cơ thể nhà vua. Tại sao vậy? Tại vì trước đây trong tiền kiếp vừa qua, vua là một quý Dạ xoa đã ăn bộn thịt người, cho nên bây giờ vua thấy khoái cảm tận tủy sống.

Nhưng vua nghĩ nếu im lặng ăn thì có lẽ tên đầu bếp sẽ không chịu nói đây là thịt con gì, như vậy làm sao vua biết được? Bởi vậy vua giả vờ nôn ọe ra một miếng. Tên đầu bếp đứng bên biển sắc, nhưng vội trấn tĩnh lại và tâu: "Tâu bệ hạ, bệ hạ cứ ăn đi, không sao đâu ạ". Vua cho mọi cận thần lui về nghỉ, rồi bảo tên đầu bếp: "Ta biết là không sao đâu. Nhưng thịt con gì vậy?" - Tâu bệ hạ cũng như thịt mọi ngày. - Nhưng, ta nghe có mùi khác. - Tâu bệ hạ, có lẽ hôm nay thần nấu ngon hơn. - Nhà người bỏ cùng một thứ gia vị như mọi ngày chứ? Tên đầu bếp yên lặng lúng túng. Vua giặc: - Nói thật đi, không thì nhà người sẽ chết. Tên đầu bếp đành nói thật, sau khi khẩn khoản xin vua tha mạng sống. Nhưng lạ thay, khi nghe xong nhà vua bảo: - Đừng nói cho ai biết. Từ nay, cho người ăn phần thịt của ta, và hãy nấu thịt người

cho ta ăn. - Tâu bệ hạ... việc ấy ... kẻ hạ thần thấy thật là khó khăn. - Đừng sợ, không khó chi cả. - Làm sao kẻ hạ thần có thể kiếm ra thịt người mãi được? - Há chẳng phải trong ngục thất luôn luôn có tù nhân hay sao? Tên đầu bếp làm theo lệnh ấy.

Khi hết cả tù nhân để lấy thịt, y lại tâu vua. Vua bảo: - Người hãy ném một bao tiền vàng ra ngoài đường, rồi chực ai lượm thì bắt khếp tội trộm, phải tử hình. Tên đầu bếp làm theo. Dần dần dân chúng không còn ai dám nhìn đến bạc vàng hay bất cứ gì rơi giữa đường nữa. Tên đầu bếp không kiếm được kẻ trộm để giết, y tâu vua. Vua bảo: - Nửa đêm, vào giờ giới nghiêm, người ta tấp nập đi về nhà. Người hãy núp ở một xóm nào đó, đánh gục một người mà lấy thịt. Từ hôm ấy, ngày nào cũng có thây người chết nằm sóng soài khi chỗ này, lúc chỗ khác. Dân chúng kêu than, kẻ mất cha người mất mẹ, anh em, chị em. Toàn dân sống trong hãi hùng khiếp sợ, bảo nhau: "Chắc hẳn có con sư tử hay con cọp gì đó đã ăn thịt những nạn nhân".

Nhưng khi khám xét những tử thi, họ nhận ra rằng trên mỗi tử thi đều có vết dao xẻo thịt để lại vết thương mở rộng. Họ kinh ngạc kêu lên: "Quái lạ! Chắc hẳn phải có người ăn thịt người!" Mọi người đổ xô đến cung vua khiếu nại: - Tâu bệ hạ, trong thành có một kẻ cướp ăn thịt người. Xin bệ hạ hãy cho bắt tên giặc ấy. - Làm sao ta biết nó là ai được? Chẳng lẽ ta phải đích thân tuần hành quanh phố thị hay sao?"

Dân chúng bảo nhau: - "Nhà vua không lưu ý gì đến việc nước việc dân. Ta hãy tới quan tể tướng". Họ đi tới quan tể tướng yêu cầu ngài phải bắt cho được tên cướp. Quan trả lời: "Hãy chờ bảy ngày, ta sẽ giao thủ phạm cho các người". Quan cho dân chúng giải tán, rồi triệu tập các sĩ quan dưới quyền lại bảo: - Hỡi các sĩ quan, trong thành phố có một tên cướp ăn thịt người. Các ông phải phục kích nhiều chỗ để bắt tên ấy.

Các sĩ quan tuân lệnh, và từ đây họ bao vây toàn thành phố. Khi ấy tên đầu bếp đang núp trong một lỗ tường của một ngôi nhà. Y giết một phụ nữ và bắt đầu bỏ những miếng thịt tươi của bà ta vào đầy giỏ. Các sĩ quan túm bắt y, trói tay y lại và la lên " Đây rồi, đã bắt được tên cướp ăn thịt người rồi". Đám đông vây quanh họ. Tên đầu bếp bị đánh đập túi bụi, bị cột giỏ thịt người lưng lẳng vào cổ và mang đến trước vị tể tướng. Khi thấy y, vị tể tướng nghĩ: "Có thể nào tên này lại ăn thịt người, hay y chỉ trộm chung thịt khác để bán? Hay y giết người dưới một mệnh lệnh của một người khác?" Ông cho mở trói và hỏi cung tên đầu bếp. Y khai thật. Do đó, quan tể tướng sai trói y thật chặt lại như cũ và cùng mọi người đi thẳng tới cung vua.

Suốt ngày hôm đó nhà vua nhin đói chờ đợi tên đầu bếp. Càng về chiều vua càng sốt ruột. Bỗng nghe huyền não ngoài cổng thành, nhìn ra vua thấy tên đầu bếp yêu quý đang bị trói lồi xềnh xệch, trên cổ đeo lưng lẳng giỏ thịt người. Biết mọi việc đã bại lộ, nhưng vua thu hết can đảm leo lên ngai vàng như thường lệ để thiết triều, quan tể tướng đến gần và khởi sự chất vấn nhà vua:- Tâu bệ hạ, phải chăng tên đầu bếp này được lệnh bệ hạ sai ra đường rình giết người để lấy thịt về cho bệ hạ? - Phải đấy, ta ra lệnh cho nó đấy. Thế thì tại sao người phạt nó, khi nó chỉ làm theo lệnh của ta? Nghe vậy vị tể tướng nghĩ thâm: "Thì ra chính miệng nhà vua đã thú tội rồi đấy. Ô, thật kinh khủng. Không ngờ lâu nay vua vẫn ăn thịt người! Ta phải làm cho vua chấm dứt việc ấy!" Rồi quan bảo vua: - Tâu bệ hạ, đừng làm thế nữa, bệ hạ không nên ăn thịt người. -Này tể tướng, ông nói gì đấy? Ta không thể bỏ việc ấy được nữa. - Tâu bệ hạ, nếu bệ hạ không bỏ việc ấy thì bệ hạ sẽ tiêu ma cả vương nghiệp, cả bản thân bệ hạ. - Dù vương nghiệp ta có tiêu tan, ta cũng đành. Ta không bỏ được." Khi ấy quan tể tướng muốn cho vua sáng mắt, bèn kể một câu chuyện:

Ngày xưa, trong biển lớn có một con cá khổng lồ sinh sống, tên nó là Kinh ngư. Tất cả cá trong biển đều thần phục Kinh ngư, tôn Kinh ngư làm ngư vương, vua các loài cá. Mỗi sáng chiều đều có từng bầy cá đông đúc đến vãn an Ngư vương. Ngư vương lâu nay vẫn ăn rong biển để mà sống, một thứ rong khổng lồ mọc dưới đáy biển từng khối lớn bằng cả cụm rừng. Một hôm Ngư vương ăn nhầm một con cá mắc trong cây rong. Nghe mùi vị ngon đặc biệt, Ngư vương lấy ra khỏi miệng xem là cái gì, thì ra là một miếng cá. Ngư vương nghĩ, "Thế mà lâu nay ta thật ngu ngốc quá đi thôi. Ta chưa từng ăn thứ này bao giờ. Từ nay, mỗi sáng chiều khi bầy cá tới thăm ta, ta sẽ ăn bớt một vài chú cá, ăn một cách thâm lặng kín đáo như mì, vì nếu ta ăn chúng một cách lộ liễu, ồn ào, thì không còn chú nào dám bén mảng tới đây mà thăm viếng nữa". Bởi thế Ngư vương nằm dài coi bộ rất hiền lành vô hại mỗi khi bầy cá tới thăm, nhưng chờ lúc chúng kéo nhau ra về, có con nào bơi chầm lẻo đẹo sau cùng thì Ngư vương thộp ngay để ăn thịt. Khi bầy cá phát giác quân số bị giảm thiểu lần lần, thì bắt đầu một cuộc điều tra xem mỗi ngày từ đâu tới. Một hiền sĩ trong bọn cá bỗng lưu ý đến Ngư vương: "Ta phải dò chừng tên quý quyết ấy . Khả nghi lắm". Thế rồi khi bầy cá đến vãn an Ngư vương, hiền sĩ núp sau mang tai Ngư vương để quan sát. Quả nhiên y bắt gặp Ngư vương thộp những chú cá chầm sau cùng. Vị hiền sĩ bèn thông báo cho bầy cá khiến ai nấy đều kinh hoàng bỏ chạy. Từ đấy không ai tới gần Ngư vương nữa. Nhưng Ngư vương thì vì ăn quen bén mùi nên không thiết gì đến rong rêu nữa. Đêm ngày y chỉ mơ tưởng đến những chú cá béo ngậy ngon lành. Y gầy hăn người vì đói bụng.

"Quái! chúng đã chết tiệt cả rồi hay sao? Đi đâu mất, những con cá ngon ấy?" Ngư vương đói quá thờ thần như kẻ mất hồn. Y không thấy bóng dáng một chú cá nhỏ nào suốt mấy hôm liền. Y lội đi tìm, và gặp một ngọn núi lớn. Y thầm nghĩ : "có lẽ bọn cá sợ ta nên núp sau cái núi này. Ta phải bao vây để bắt chúng ". Thế rồi y quấn tròn người bao quanh chân núi. (Thân hình y rất lớn, dài cả mấy cây số ngàn). Trong cơn giận giữ y bắt gặp cái đuôi của y, mà y ngỡ là một con cá, và dẫn giọng: "Gan lì nhỉ! Người ở đây mấy hôm rày, mà cố tránh mặt ta!" Và lấy hết sức bình sinh, y cắn nó một cái cho đứt đôi. Rắc! Xương sống Ngư vương đứt đoạn, máu tuôn đỏ cả một vùng biển, Ngư vương cảm thấy đau đớn tán tủy sống. Đánh hơi được mùi tanh của máu, đàn cá tụ lại mỗi lúc một đông, và bắt đầu rĩa thịt Ngư vương cho đến khi Ngư vương chỉ còn là một đồng xương lớn như núi.

Kể xong chuyện, quan tể tướng khuyên vua bỏ tập quán ăn thịt người để khỏi chịu số phận như Ngư vương nọ. Nhưng vua vẫn không nghe, lại dẫn chứng một câu chuyện khác để chứng minh sự thèm khát nêu không được thỏa mãn sẽ làm cho con người chết đi được. Đó là câu chuyện cậu con ông trưởng giả Sujata ở Ba la nại ngày xưa, vì thèm ăn một quả táo hồng mà không được, nên cậu tuyệt thực bảy ngày rồi chết.

Quan tể tướng tâu: - Tâu bệ hạ, nếu bệ hạ không bỏ ăn thịt người, dần dần bệ hạ sẽ bị gia đình bỏ rơi và mất luôn cả sự quang vinh của vương vị. Tâu bệ hạ, ngày xưa cũng xứ Ba la nại này, có một gia đình Bà la môn tuân giữ năm giới cấm rất chặt chẽ. Gia đình có một cậu con trai độc nhất, thông minh ngoan ngoãn, được cha mẹ yêu thương như ngọc quý. Cậu thường đi chơi với một toán bạn đồng lứa, bọn này ăn thịt uống rượu đ? không kiêng cử gì. Một ngày kia chúng lập mưu làm cho cậu phải nếm qua mùi rượu thịt. Chúng làm một bữa tiệc, mời cậu nhưng cậu từ chối, bảo rằng cậu không uống rượu. Chúng bảo không sao, sẽ có sữa tươi dành riêng cho cậu. Cậu bằng lòng. Bọn kia bỏ rượu mạnh vào trong lá sen để trong hồ, và khi tiệc bắt đầu, chúng đem sữa tới cho cậu.

Rồi một đứa la lên: Bôi, đem cho ta nước mật ngâm hoa sen. Thứ rượu cất trong lá sen được đem tới, chúng chia nhau nhấm nháp. Cậu con ông trưởng giả tưởng là mật hoa, cũng uống một ít. Khi cậu vừa nếm thì đã chệnh choáng, bọn kia đem thịt mời cậu ăn luôn. Rượu được rót thêm cho cậu, cậu vừa nhậu thịt vừa nói: "Thế mà lâu nay tôi không biết. Dè đâu rượu có mùi vị ngọt ngào như vậy! Đem thêm cho tôi". Sau khi ăn uống no say trở về nhà, cậu nằm mê man run rẩy. Cha cậu khám phá cậu đã uống rượu, ch? khi cậu tỉnh, ông nói: - Con đi, con đã hành động rất sai quấy. Là con cháu của

một gia đình Bà la môn giáo, con không khi nào được uống rượu cả. Hãy từ bỏ việc ấy đi. Cha bảo sao, thừa cha? - Con không được uống rượu nữa. - Ồ thừa cha, suốt đời con chưa được nếm mùi vị ngọt nào như thế. Người cha lập lại lời cấm đoán. Cậu con bảo: -Con không thể bỏ rượu được. -Vậy thì đây là lời cuối cùng của cha: Một là con chừa rượu, hai là cha phải từ con và đuổi con ra khỏi lãnh thổ của cha. - Dù có phải bị cha từ bỏ, con cũng không thể nào bỏ rượu. - Thế thì, vì con đã bỏ cha, cha cũng phải bỏ con.

Người Bà la môn đưa con ra tòa truất quyền thừa kế và đuổi cậu đi khỏi khu làng dưới quyền cai quản của ông. Cậu trai ấy về sau đi lang thang xin ăn dọc đường, và cuối cùng, tựa lưng vào một bức tường hoang phế mà chết."

Quan tể tướng kể chuyện trên, cốt để thức tỉnh nhà vua, và nói: - Tâu bệ hạ, nếu bệ hạ không chịu nghe lời hạ thần bỏ ăn thịt người, thì dân chúng sẽ xua đuổi bệ hạ ra khỏi vương quốc. Nhà vua một mực không nghe lời vị tể tướng. Vua lại kể một tỉ dụ chứng minh rằng người ta có thể chết vì dục vọng không được thỏa mãn. Trưởng giả Sujàta đã nói trên kia, một hôm đi vào rừng tìm 500 vị tu khổ hạnh để nghe pháp, bỗng thấy vào giữa đêm có trời Đế thích xuống rừng cùng với đông đảo tùy tùng ở cõi trời. Ánh sáng từ thân thể họ thoát ra một luồng êm dịu rực rỡ. Sujàta từ trong chiếc lều cỏ nhìn ra thấy có nhiều thiên nữ đi theo Đế thích, và vừa thấy các thiên nữ ông ta say đắm ngẩn ngơ.

Sau khi Đế thích nghe thuyết pháp xong lại trở về trời, thì trưởng giả Sujàta đi đến hỏi dò các vị sa môn: "Hồi hôm, có người nào đến nghe pháp với các ngài thế?" Đó là trời Đế thích! - " Và những người nào vây quanh ông ta vậy?" - " Đó là những thiên nữ." Trưởng giả Sujàta chào các Sa môn để ra về, và từ đó ở nhà ông ta không ngót kêu la như kẻ điên: "Cho tôi một thiên nữ". Người xung quanh tưởng ông loạn trí, đi xin xăm bói quẻ. Nhưng ông vẫn không ngớt la: "Cho tôi một thiên nữ". Người ta đưa tới ông một bà vợ và các nàng hầu, ông đều xua đuổi: "Không phải, đây là quý cái. Ta bảo thiên nữ kia mà". Rồi ông nhịn ăn mà chết.

Vị tể tướng nghe vậy nhủ thầm: "Nhà vua này thật là si độn đam mê. Ta phải làm cho ông mở mắt". Và tể tướng nói: - Có một bầy ngỗng trời cũng vì ăn thịt đồng loại mà phải bị tiêu diệt. Ngày xưa, trong một hang động giữa núi, có chín mươi ngàn con ngỗng trời trú ẩn. Trong bốn tháng mùa mưa chúng không bay đi đâu được, vì nước sẽ thấm vào cánh, ướt cả mình mẩy làm thân thể chúng nặng nề không thể bay xa và sẽ rơi xuống biển. Do đó chúng ở lại trong động, nhưng khi sắp đến mùa mưa, chúng lo bay đi lượm lúa từ

một cánh đồng lân cận để tích trữ ăn qua mùa. Vừa khi chúng trở về động thì có một con nhện khổng lồ, lớn bằng cả một chiếc phản lực cơ tối tân nhất, đến án ngữ ngay cửa động và bác nhện khởi sự giảng dạy, mỗi tháng bác giảng ra một mạng lưới to bự choán cả lối ra vào. Mỗi sợi tơ bác nhả ra to bằng cả sợi dây neo tàu ngoài biển. Đàn ngỗng trời ở trong động bắt đầu lo lắng khi lương thực vơi dần. Chúng chọn ra những thanh niên khỏe mạnh, cho ăn gấp đôi khẩu phần đồng bạn, để xông pha họa may phá được vài nuốt tơ nhện để cả bọn chui ra ngoài tìm lương thực.

Khi thực phẩm sắp cạn, một con ngỗng trời đề nghị: "Muốn sống sót ta phải ăn trứng ngỗng". Ban đầu chúng ăn trứng, dần dần ăn luôn cả ngỗng con và cuối cùng ngỗng già. Khi mùa mưa chấm dứt, bác nhện đã giảng ra bốn mạng lưới dày chắc chắn. Đàn ngỗng vì ăn thịt đồng loại nên yếu sức dần, không phá được mạng nhện. Hết con này tới con khác húc đầu vào mạng lưới rồi mắc cạn ở đấy, bị nhện chúa hút máu tất cả. Bởi thế, tâu bệ hạ, không nên ăn thịt đồng loại.

Tể tướng còn muốn khuyên can vua thêm nữa, nhưng quần chúng đứng lên la ó: - Thừa tể tướng, ngài định làm gì bây giờ? Nếu vua không bỏ ăn thịt người, hãy trục xuất nhà vua ra khỏi đô thành chúng ta. Nhà vua nghe thế bắt đầu hoảng sợ. Tể tướng tâu: - Tâu bệ hạ, bệ hạ có bằng lòng từ bỏ thịt người chẳng? - Không thể được. Quan tể tướng ra lệnh cho tất cả hoàng gia ăn mặc trang sức lộng lẫy đứng đông đủ trước mặt nhà vua rồi nói: - Tâu bệ hạ, bệ hạ hãy nhìn toàn thể hoàng thân quốc thích của bệ hạ, những vị cố vấn và đình thần đông đủ đang ở trước bệ hạ đây. Có thể nào bệ hạ bỏ họ được sao? Bệ hạ chỉ cần từ bỏ ăn thịt người, thì tất cả chúng tôi đây đều theo về với bệ hạ. Nhà vua nói: - Tất cả đây đối với ta đều không quý bằng thịt người. Không có gì quý hơn thịt người. - Vậy thì, tâu bệ hạ, xin bệ hạ hãy rời khỏi nơi đây, ra khỏi cung điện, khỏi vương quốc này. - Tể tướng ta không cần cung điện, vương quốc. Ta sẵn sàng ra đi, nhưng tể tướng hãy cho ta một đặc ân cuối cùng: ấy là cho ta đem theo cây bừa kiếm và tên đầu bếp.

Đình thần đồng ý cho nhà vua đem theo grom báu, một cái chảo để nấu thịt người, một cái giỏ và một tên đầu bếp. Và họ trục xuất nhà vua ra khỏi cung thành ngay hôm ấy. Nhà vua đi vào một khu rừng và tạm trú dưới một gốc cây. Ngày ngày vua ra chực giữa đường rừng, giết người đem xác về cho tên đầu bếp nấu và cả hai thầy trò cùng ăn. Mỗi khi thấy bóng người vua la lên: "Ta đây tên cướp ăn thịt người!" Thế là họ hoảng sợ té xỉu, vua đến giết rồi xách về bất cứ người nào trong bọn, nếu đi đông. Một hôm vua không gặp được người nào trong rừng, và khi vua xách kiếm về tay không, tên bếp hỏi:

- Sao rồi đấy, tâu bệ hạ! Thịt đâu? - Ô, ta sẽ kiếm ra thịt. Tên đầu bếp hoảng sợ, nghĩ: "Thôi, chết rồi. Ta tới số rồi". Rồi y bắt nồi nước lên lửa. Kẻ ăn thịt người chém y một lát đứt đôi và bắt đầu tự nấu lấy thức ăn từ đó.

Tin đồn lan khắp Ấn độ về một tên cướp ăn thịt người đi rừng. Một người bà la môn giàu có đưa 500 cỗ xe sắp đi qua rừng nghe thế bèn thuê một đoàn hộ tống đông đảo để bảo vệ đoàn xe. Riêng ông ngồi trên cỗ xe đi sau cùng.

Kẻ ăn thịt người ngồi trên cây cao quan sát. Khi thấy toàn là hàng hoá y lấy làm tức giận. Rồi đoàn người tiến đến. Y bỗng chú ý tới người bà la môn ngồi trên xe sau cùng, miệng y bắt đầu rỏ nước bọt vì thèm thịt ông ta. Rồi y nhẩy xổ tới, la lên: "Ta đây, tên cướp ăn thịt người". Cả đoàn bỏ chạy, và y xách người bà la môn đi vào rừng. Trong đám người được người bà la môn mướn bảo vệ, có một người la lên "Các bạn! Chúng ta đã nhận tiền, hãy làm bổn phận đi". Y bắt đầu hò la đuổi theo tên ăn thịt người. Một thanh niên khỏe mạnh đuổi kịp, nhà vua ngoái lui bắt gặp bèn nhẩy qua một tảng đá để đến ẩn dưới một cây cau rừng. Vua vấp ngã, chân chảy máu đầm đìa. Đoàn người đuổi kịp, vua thả người bà la môn để lo thoát thân. Khi người bà la môn thoát nạn, cả bọn không buồn chú ý tới kẻ ăn thịt người nữa, tiếp tục ra đi.

Nhà vua lết đến dưới cây cau rừng, khẩn nguyện: Hỡi vị thần cây, nếu bà làm cho vết thương nơi chân tôi lành lại trong bảy ngày, thì tôi sẽ tắm cho thân cây của bà bằng máu cắt từ cổ họng của 101 ông hoàng của xứ Ấn độ, và sẽ treo lòng ruột của họ khắp trên cây của bà và cúng cho bà bữa tiệc thịt người bảy món". Nhà vua nằm liệt dưới cây bảy ngày không ăn uống gì cả. Thân thể nhà vua gầy da bọc xương, nhưng vết thương đã khô ráo lành lặn. Nhà vua nghĩ rằng đây là nhờ thần cây cứu chữa, nên sau khi đi đứng được và ăn thịt người trở lại cho lại sức, vua nghĩ: "Vị thần cây này đã giúp ta. Ta phải thực hiện lời hứa". Vua bèn xách kiếm ra đi để tìm 101 ông vua của Ấn độ đem về tế thần. Trên đường, vua gặp một con quỷ Dạ xoa nhận ra nhà vua vì đời trước vua cũng là một quỷ Dạ xoa đã làm bạn với nó, cùng đi bắt người để ăn thịt. Khi tên quỷ nhắc lại, nhà vua nhớ ngay và tay bắt mặt mừng ra chiều tương đắc. Khi tên quỷ hỏi nhà vua kiếp này làm gì, vua kể cho y nghe đầu đuôi câu chuyện, từ khi vua ném được thịt người cho đến khi vua bị trục xuất và bây giờ đang đi kiếm 101 ông vua để tế thần cây. Vua nhờ Dạ xoa giúp một tay trên đường đi bắt những ông vua ấy. Dạ xoa từ chối: - Tôi bận quá. Nhưng tôi có thể giúp anh một câu phù chú để sử dụng. Hãy học thuộc lòng phù chú của tôi, nó sẽ đem lại cho anh sức mạnh, đi rất nhanh và thêm uy lực. Nhà vua nhận lời và học câu phù chú, nhờ đó vua đi

nhANH như gió và thêm sức mạnh như thần. Trong vòng bảy ngày vua bắt xong được cả 100 ông vua khắp lãnh thổ Ấn, trên đường họ đi săn và đi du ngoạn. Vua xách ngược đầu tất cả vua kia về rừng. Chỉ có Sutasoma khỏi bị bắt còn bao nhiêu đều bị treo lên cây để tế thần.

Vua nghĩ: "Sutasoma là bạn và thầy cũ của ta. Hãy chừa y lại. Không nên để xứ Ấn độ mất hết người lãnh đạo". Nghĩ vậy rồi, nhà vua bắt đầu nhúm lửa và ngồi xuống mài một cái chia ba, chuẩn bị làm thịt 100 ông vua đang bị treo ngược trên cây để tế thần cây. Vị nữ thần của cây ấy thấy thế nghĩ thầm, "hắn định tế lễ cho ta, nhưng đâu phải nhờ ta mà hắn lành vết thương? Bây giờ, hắn sắp gây cuộc lưu huyết lớn. Phải làm sao bây giờ? Ta không thể ngăn hắn được". Bởi thế thần cây đi đến Tứ thiên vương để nhờ can thiệp làm sao cho vua ngừng việc giết chóc mê tín kia. Tứ thiên vương cũng đành chịu. Thần cây lại đi đến trời Đế Thích. Đế Thích nói: - Tôi cũng không ngăn y được. Nhưng tôi sẽ cho bà biết ai có thể làm việc ấy. - Ai? - Từ cõi trời thứ 33 trở xuống, không ai làm được, nhưng có một người ở vương quốc Kuru là vương tử Sutasoma có thể làm cho y thuận lại và cứu mạng tất cả vua kia. Người ấy sẽ cứu y khỏi tội ăn thịt người và đem hạnh phúc cho toàn xứ Ấn. Nếu bà muốn cứu 100 vị vua kia, thì hãy bảo kẻ ăn thịt người rằng, bà muốn đem Sutasoma đến cho bà trước đã, rồi hãy dâng lễ tế.

Vị thần nghe lời, nhanh như chớp, cải trang thành một nhà tu khổ hạnh đi đến kẻ ăn thịt người. Đang mài chia ba, nghe tiếng động nhà vua ngẩng lên, nghĩ thầm: "Lẽ nào có kẻ lại thoát được?" Nhưng trên cây, một trăm ông vua vẫn chúc ngược đầu, bất động. Kẻ ăn thịt người ngoái lại thấy nhà khổ hạnh thì mừng rỡ nghĩ: "A, tên này chắc cũng là tay hiệp sĩ dòng Sát đế lợi, cũng ngang vua. Ta có thể bắt y cho đủ số 101 ông vua để tế thần." Nghĩ xong nhà vua đứng lên cầm kiếm đuổi theo nhà khổ hạnh. Nhưng chạy cả mấy cây số mà vẫn đuổi chưa kịp, mồ hôi bắt đầu lấm tẩm trên người vua, chảy xuống hai chân. Vua nghĩ: "Ta đã từng đuổi bắt dễ dàng cả voi, ngựa, xe chạy hết tốc lực, mà sao hôm nay mặc dù ta đã chạy kiệt sức vẫn không kịp cái nhà tu hành này vẫn đi một cách khoan thai. Thế là nghĩa lý gì?" Vua lại nhớ ra rằng, những nhà khổ hạnh thường làm theo ý muốn kẻ khác, vậy hãy bảo ông ta đứng lại, rồi mình sẽ bắt ông. Nghĩ thế nhà vua la lên: - Dừng lại, thưa ngài - Ta đang dừng đây. Người cũng hãy dừng đi thôi. - Ở kia, nhà tu dù chết cũng không nói dối, mà sao ngài nói dối vậy? Vị thần dưới dạng nhà tu khổ hạnh đáp: - Ta đã đứng vững trong chánh đạo. Còn người do ác nghiệp nên sẽ mãi mãi di chuyển trong các nẻo luân hồi. Hỡi nhà vua hãy đem lại Sutasoma, vị thái tử nổi danh ấy cho ta. Bằng lễ hiến cúng ấy người sẽ được hạnh phúc ở cõi trời. Nói xong, nhà khổ hạnh hiện nguyên hình là vị

thần cây trong hào quang chói lọi. Kẻ ăn thịt người thấy thế hỏi, ngài là ai. Khi biết rồi vua vui mừng vô hạn, bảo: - Tấu lạy thần linh, xin ngài đừng bận tâm, hãy vào lại trong cây của ngài đi. Nữ thần vào lại trong cây trước mắt nhà vua.

Mặt trời vừa lặn và trăng cũng vừa lên trong rừng. Vốn thông thiên văn, vua ngẩng nhìn sao và biết rằng ngày mai là ngày lễ, thế nào Sutasoma cũng đi tắm ở sông Hằng, ta sẽ nhân dịp ấy mà bắt y. Theo dự tính, ngày hôm sau kẻ ăn thịt người đi đến sông Hằng. Vương tử Sutasoma cũng vừa đến đấy với đoàn hộ tống đầy nghi vệ. Vương tử sắp sửa thay đồ tắm để xuống sông thì gặp ngay một người Bà la môn đi tới, tay cầm một túi da thếp vàng. Người Bà la môn muốn gặp vương tử: Thưa vương tử nghe đồn ngài là một bậc đức hạnh, tôi tìm đến để bán cho ngài một báu bất mà có lẽ ngài sẽ vô cùng trân trọng. - Cái gì đấy, thưa ngài? - Thưa vương tử, đây là một bài kệ vô giá của Phật Ca Diếp. Mỗi đoạn đáng giá tương trưng một trăm đồng tiền vàng. - Thưa ngài, tốt lắm. Nhưng tôi phải đi tắm đã. Đây là ngày lễ thánh tầy của tôi. Khi trở về tôi sẽ nghe ngài đọc. Xin ngài vui lòng đợi tôi.

Rồi vương tử ra lệnh cho một người tùy tùng đưa người Bà la môn đến nhà một người đồng giai cấp để nghỉ ngơi đợi vương tử. Xong xuôi vương tử xuống tắm. Suốt thời gian ấy, kẻ ăn thịt người núp dưới một ao sen để đợi dịp bắt vương tử. Khi vương tử vừa tắm xong, tùy tùng mang đến bộ lễ phục cho vương tử mặc, và đủ thứ trang sức quý giá nặng nề, thêm cả nước hoa dầu thơm rưới đầu và thoa trên mình. Kẻ ăn thịt người nghĩ, chờ cho vương tử mặc xong bộ lễ phục và đeo các trang sức vào thì sẽ nặng nề thêm, chỉ bằng bắt ngay ông ta khi còn mặc áo tắm. Thế là kẻ ăn thịt người xông ra, la lớn: "Ta đây, kẻ cướp ăn thịt người!" Tất cả voi ngựa và đoàn tùy tùng của thái tử nghe tiếng hét đều té xỉu. Kẻ ăn thịt người tóm lấy vương tử, nhà vua ăn thịt người không xách ngược đầu như các nhà vua kia mà lại vác vương tử lên vai chạy. Nhờ quý lực của bùa chú quý cho, vua chạy như bay, không ai đuổi kịp. Bỗng nghe những giọt nước mắt luồn xuống vai và tay chân, nhà vua ăn thịt người cất tiếng hỏi: - Hiền giả, một bậc tri thức lỗi lạc, mà cũng sợ chết sao? Tại sao ngài khóc? Có phải nhớ vợ con nhớ cha nhớ mẹ chẳng Hay tiệc cung điện vườn hoa vàng bạc ngọc ngà mà khóc? Vương tử đáp: - Không, tôi không khóc cho tôi, cũng không phải vì vợ con cung điện, ngọc ngà. Chỉ vì tôi đã hứa với một người Bà la môn sẽ nghe bốn câu kệ của Phật Ca Diếp từ nơi vị ấy. Tôi muốn giữ lời hứa đối với ông ta, trở về nghe bốn câu kệ rồi sẽ tới cho ngài làm thịt.

- Làm sao tôi tin ngài được? Mồi đã vào trong tay, ai dại gì thả ra? - Thừa ngài chúng ta biết nhau từ nhỏ. Tôi là bạn và là thầy của ngài, với danh dự của giai cấp hiệp sĩ, tôi không bao giờ nói dối dù phải hi sinh tánh mạng. Nhà vua tin lời vương tử, và căn dặn: - Vị thần cây chỉ muốn hiện cúng ngài trước nhất cho bà ta. Bởi vậy, xin ngài đừng làm hỏng mất lễ tế thần của tôi bằng cách sai hẹn - Xin ngài yên tâm. Ngài mai tôi sẽ trở lại để ngài làm thịt tôi mà tế lễ. Khi vương tử trở lại nơi hẹn gặp người Bà la môn, ông ta đang chờ đợi. Thái tử xin lỗi xong bắt một chiếc ghế thấp hơn, ngồi xuống, và thưa: - Thừa ngài, bây giờ tôi sẵn sàng nghe bài kệ Phật Ca Diếp do ngài thừa kế. - Tốt. Vậy xin ngài hãy lắng nghe bốn đoạn của bài kệ. Mỗi đoạn đáng giá tương trưng một trăm quan tiền vàng. Nó có năng lực hủy diệt mọi dục vọng, kiêu căng và các thói xấu khác, giúp người đạt đến sự tịch tịnh của các giác quan, chấm dứt vòng luân hồi sinh tử, đạt đến Niết bàn. Đây là công năng của bài kệ mà đức phật Ca Diếp đã truyền cho tôi. Ngài hãy lắng nghe đây:

- Hỡi Sutasoma, hãy tiếp xúc dù chỉ một lần với những bậc thánh. Và đừng bao giờ gần kẻ xấu ác, như thế người sẽ được bình an. Chỉ làm bạn với bậc thánh, giao dịch với bậc thánh. Vì chỉ từ bậc thánh ta mới học được chánh đạo và thăng tiến bản thân. Xác thân ta sẽ suy mòn mục nát. Như những chiếc xe bóng láng sẽ dần hư. Nhưng đức tin của bậc thánh thì không bao giờ tàn tạ. Được truyền qua muôn đời kiếp cho những thánh giả về sau. Đất thật bao la, trời rất cao sâu Biển thăm mênh mông không đâu bờ bến. Nhưng lớn lao và có tâm xa rộng hơn cả biển, đất, trời là những lý thuyết tốt hay xấu mà bậc thánh hay kẻ tội lỗi nói ra.

Nghe xong bài kệ vương tử vô cùng hân hoan. "Đây không phải chỉ là lời nói của thi nhân hay bậc thánh hay môn đệ bậc thánh, mà chính là lời dạy của của Đấng Chánh Biến Tri. Ta không thể lượng được giá trị của những lời này. Dù có hiến tất cả cõi Ta bà Thế giới từ cõi Phạm thiên trở xuống, chất đầy bảy món báu vật, để đổi bài kệ này vẫn còn chưa xứng. Ta có thể hiến cả ngôi báu, cung điện của ta vì bài kệ này". Vương tử muốn nhường ngôi lại cho người Bà la môn, nhưng nhìn lại người kia, do khả năng dự đoán được tương lai của con người, vương tử không thấy dấu hiệu gì chứng tỏ ông ta có mạng làm vua. Vương tử lại nghĩ đến các chức quan mà ngài muốn phong cho y, song cũng không thấy y xứng hợp với địa vị nào. Vương tử cũng bầm độn đến cung tài lợi thì thấy người Bà la môn kia có thể đạt tới lợi tức tối đa là bốn ngàn quan tiền vàng, do đó định biếu y một ngàn quan cho mỗi đoạn kệ. Vương tử hỏi: - Thừa ngài, khi ngài dạy bài kệ cho các vị vua chúa khác, ngài nhận được bao nhiêu tiền? - Một trăm quan mỗi đoạn. -

Thưa ngài. ngài không biết tới giá trị vô biên của món hàng ngài rao bán. Hãy định cho nó mỗi đoạn một ngàn quan. Vương tử trả bốn ngàn quan cho người Bà la môn xong, bảo gia nhân tiễn y về nhà.

Thân sinh vương tử nghe vương tử thoát nạn trở về thì vô cùng mừng rỡ, nhưng vốn tính keo lẩn, ông rất tiếc khi nghe tin vương tử vừa trả một món tiền lớn cho người Bà la môn. - Con ơi, cha rất vui vì con vừa thoát khỏi một tên cướp dữ dằn. Nhưng nghe lời đồn con vừa trả tới bốn ngàn quan tiền để nghe bốn đoạn thơ phải không? Khi được vương tử xác nhận, ông bức đầu bức tai: - Trời đất quý thần đi, thơ gì mà đắt quá thần quá đỗi vậy? Năm chục quan mỗi câu là đã quá lắm rồi. Nếu là câu dài thì tám chục quan cũng đã là đắt. Mà hết sức cùng cực thì trả cho tới một trăm quan là tội bực đạ. Từ thuở cha sanh mẹ đẻ tới giờ, tôi chưa từng nghe ai mua một bài thơ mà tới bốn ngàn quan? Vương tử ôn tồn: - Thưa cha, điều con yêu chuộng không phải là tiền của, mà là sự tăng trưởng trí tuệ. Xin cha đừng rầy con vì tiền. Con trở về đây sau khi hứa với kẻ ăn thịt người rằng con sẽ trở lại cho y làm thịt. Con về chỉ để nghe bài kệ ấy. Vậy xin cha nhận lại ngay vàng cung điện, con xin từ biệt. Người cha kinh hoàng kêu lên - Sutasoma, con nói gì? Ta sẽ đem theo tất cả voi ngựa xe cộ binh sĩ để bắt kẻ cướp ấy. Con đừng ra đi nữa. Cả thân quyến vương tử, tam cung lục viện đều kéo tới khóc lóc khi nghe tin vương tử sắp ra đi bỏ mạng.

Vương tử vẫn cương quyết giữ lời hứa với kẻ ăn thịt người, nên sau khi ủy dụ cha mẹ và đình thần, vương tử ra đi. Khi thấy vương tử đi đến, kẻ ăn thịt người mừng rỡ hỏi chào: - Bạn ơi, bạn đã làm xong việc bạn muốn làm chưa? - Vâng, thưa ngài, tôi đã nghe được bài kệ của Phật Ca Diếp, và bởi Thế tôi trở lại cho ngài làm thịt đây. Nhà vua ăn thịt người thấy vương tử không tỏ vẻ gì sợ hãi trước cái chết thì lấy làm ngạc nhiên, nghĩ thầm: "Chắc phải nhờ một năng lực nào đây, khiến vương tử không sợ chết. Ta nghe vương tử vừa nói, "tôi đã nghe được bài kệ của ngài Ca Diếp". Vậy chắc hẳn năng lực ấy phải do bài kệ kia. Ta phải bắt ông ấy đọc lại cho ta nghe, và như vậy ta cũng sẽ có được năng lực vô úy như ông ấy". Nghĩ xong nhà vua lên tiếng: - Hãy thông thả, chớ lửa cháy đơm nướng thịt càng ngon. Nào, bạn hãy đọc lại ta nghe bài kệ đi đã. - Hỡi vua ăn thịt người, người là một kẻ cùng hung cực ác vì tính háu ăn mà phải mất cả ngay vàng. Bài kệ chỉ để dành cho người nào muốn nghe theo chánh đạo, đâu cho kẻ tà ác nghe được? Lời dạy của thánh nhân đâu có ăn nhằm gì tới nhà ngươi? Ngay cả những lời lẽ gay gắt ấy cũng không làm cho nhà vua ăn thịt người tức giận. Vì sao? Chính vì nó phát xuất từ năng lực từ tâm của vương tử muốn cải hóa kẻ ác, không phải từ sân tâm, hận tâm, si tâm. Để chữa thẹn, nhà vua đánh

trống lấp bảo: - Này vương tử, hồi nhỏ chúng ta đều học qua các môn thiên văn lý số. Ngài bẩm độn không biết hôm nay tới số hay sao mà trở lại đây để nạp mạng? - Dĩ nhiên những nhà vua dòng Sát đế lợi tinh thông mọi khoa học thần bí và kiến thức sâu rộng. Nhưng tất cả kiến thức khoa học ấy tôi không sử dụng nữa. Nó không phải là chánh đạo, nó có thể đưa người xuống địa ngục. Vì giữ vững chánh đạo mà tôi giữ lời hứa với ngài, tới đây cho ngài làm thịt. Hồi vua ăn thịt người, ngài cứ ăn tôi quách đi cho xong. - Vương tử, cung vàng điện ngọc, vợ yêu con quý, quyền tước danh vọng, tất cả những thứ đó vương tử không thèm hay sao? Chánh đạo là cái gì vậy? Ngài thấy gì trong đó mà chấp nhận bỏ tất cả?- Trong mọi thứ tốt đẹp nhất của thế gian này, không có gì đem lại cho tôi một niềm vui tuyệt vời như chân lý. Người kiên trì trong chân lý, trong chánh pháp, thì không còn sống ở trong vòng sống chết, vượt qua bờ bên kia.

Nhà vua nhìn mặt vương tử, thấy người rạng rỡ như ánh trăng rằm, lấy làm quái dị: "Anh chàng Sutasoma này, nhìn thấy ta mài chia và nhóm củi để làm thịt đem nướng mà tuyệt không lộ vẻ sợ hãi. Phải chăng đó là thần lực của bài kệ mà y đã học? Ta phải hỏi y". Rồi vua hỏi: - Tại sao ngài không sợ chết? - Tôi sống đầy đủ giới hạnh, chuyên làm việc lành, tâm hồn tôi không phải ray rức vì tội lỗi, thì còn sợ nỗi gì? Đời ai cũng một lần chết. - Ngài không nhớ cha mẹ, vợ con, thân thuộc, thân dân sao? - Những người ấy, sớm muộn tôi cũng phải xa họ. Không ai ở với nhau suốt đời được. Bởi thế khi gần họ nhờ nghĩ đến luật vô thường trong cuộc sống tôi hết lòng yêu mến họ. Khi đã ở với nhau hết lòng thì không còn gì phải ân hận lúc xa nhau.

Khi nghe vương tử nói thế, nhà vua thâm nghĩ đây là một con người thánh thiện nhân từ, nếu ăn thịt ông ấy, đầu ta sẽ vỡ thành bảy mảnh, đất sẽ nứt ra chôn sống ta mất". Và nói: Bạn ơi, ngài không phải hạ người mà tôi ăn thịt được. Ngài giống như một món độc chết người. Ai dám ăn thịt ngài? Và nghĩ đến đức vô úy của vương tử mà nhà vua cho là do thần lực của bài kệ, vua hăm hở mong được nghe, và bảo: -Thưa vương tử, hãy cho tôi nghe bài kệ ngài vừa học: có lẽ nghe xong, tôi có thể tìm nguồn vui trong chánh pháp.

Nhận thấy đã đến lúc nên cho vua nghe, vương tử bảo: - Được, xin ngài hãy thận trọng chú ý lắng nghe. Rồi vương tử đọc lên bài kệ với giọng hùng hồn mà êm ái như tiếng hải triều. Do thần lực của bài kệ được thốt ra từ miệng một hóa thân Bồ tát, nhà vua cảm khái sâu xa và phát sinh niềm hân hoan kính trọng bát ngát không bờ. Nhà vua phút chốc mong mọi giá mình còn ngài vàng điện ngọc thì sẽ đem hiến tất cả cho vương tử để đền cái ơn khai ngộ. Vua bảo: - Thưa vương tử, bài kệ của ngài làm cho tôi chấn động tâm

hồn, và vui mừng vô hạn. Xin ngài hãy phát lấy bốn lời nguyện ước, tôi cho ngài chọn lựa. - Ngài cho tôi ước cái gì? Một con người không phân biệt được tốt xấu, một tên nô lệ cho đục vọng xác thịt khôn nạn như ngài, thì làm sao thực hiện ước mong của kẻ khác? Giả sử tôi nguyện ước "ngài hãy cho tôi điều này, điều nọ" rồi ngài nuốt lời thì tính sao? Tôi đại gì đi chuốc lấy việc tranh chấp ấy? - Tôi nói thật mà, ngài hãy ước đi, tôi sẽ làm ngài toại nguyện, dù tôi phải mất mạng cũng đành.

- Vậy thì tôi xin ước nguyện. Điều thứ nhất là ước sao cho ngài sống tới một trăm tuổi. Nghe thế nhà vua ăn thịt người lấy làm cảm động, nghĩ: "Thì ra vương tử vẫn yêu mến và chúc lành cho ta, mặc dù ta muốn ăn thịt ngư?i." Và vua đáp: - Được. Còn điều thứ hai? - Điều thứ hai là xin vua đừng ăn thịt một trăm ông vua đang bị treo trên cây kia. - Tôi cũng chấp thuận. Còn điều thứ ba? - Điều thứ ba là cho họ được trở về các tiểu quốc của họ để coi sóc dân chúng. - Tôi cũng bằng lòng, còn điều nữa? - Điều thứ tư là xin nhà vua bỏ thói ăn thịt người. Nhà vua giật mình, cười lớn: - Này, bạn nói gì? Làm sao tôi thỏa mãn được lời ấy? Bạn không biết là vì món ngon ấy mà tôi đã phải bỏ tất cả cung điện ngôi báu vợ con hay sao? Làm sao tôi nhịn được cái món duy nhất khoái khẩu của tôi? Xin ngài hãy lựa chọn điều nguyện ước khác vậy. - Ngài vừa nói là vì ngài khoái thịt người, ngài không thể nhịn ăn thịt ấy. Một kẻ chỉ làm theo ý thích của mình dù ý thích ấy là điều tội lỗi, thì chính là một người ngu. - Bạn Sutasom, tôi yêu thịt người. Bạn phải biết như vậy. Tôi không bao giờ có thể nhịn món ấy. Bạn hãy chọn lại điều thứ tư đi. - Kẻ nào chỉ thích theo ý mình, và hy sinh cả tính mạng cho thú vui xác thịt thì cả đời này lẫn đời sau phải khổ sở. Nếu biết tránh thú vui bất hảo, làm tròn bổn phận thì đời này lẫn đời sau được an vui.

Nhà vua sa nước mắt nói:

- Tôi đã bỏ cả mọi thú vui ngũ dục ở cung vua, bỏ cha mẹ vợ con, vì ưa một chút thịt người mà phải chịu sống cảnh cô đơn chiếc bóng ở góc rừng này. Làm sao tôi bỏ luôn cả thú vui này để thỏa mãn ngài được?

- Ngài đã hứa cho tôi bốn điều mong ước. Bây giờ ngài không thỏa mãn được. Như vậy đâu là tinh thần thượng võ.

Nhà vua vẫn khóc lóc năn nỉ: - Tôi đã chịu bao nhiêu thiệt thòi, bỏ cả danh dự, cha mẹ, vợ con để được ăn thịt người. Sao ngài bắt tôi thỏa mãn điều cầu xin ấy được. - Xin ngài hãy nhớ lại lời hứa: Ngài sẽ thỏa mãn điều ước mong của tôi dù có phải mất mạng. Lẽ nào bây giờ ngài lại nuốt lời sao? Bạc

trượng phu chẳng thà chết không thà mất danh dự. Xin ngài hãy thi hành lời hứa của ngài. Kẻ giàu có sẵn sàng bỏ hết của cải để cứu chữa một cái chân, và sẵn sàng cưa một cái chân để bảo tồn sinh mạng, kẻ trí sẵn sàng bỏ cả chân tay, mạng sống để bảo tồn chân lý. Một người như thế sẽ được thánh hiền yêu mến, nể vì. Nhà vua ăn thịt người trầm ngâm suy nghĩ. Vương tử tiếp: - Hỡi người bạn cố tri, bạn không nên vi phạm lời dạy của bậc thầy tuyệt luân như Đức Phật, và chính tôi hồi xưa cũng đã từng dạy kèm cho bạn. Hôm nay với thần lực của Phật, tôi đã lập lại cho bạn bài kệ đáng giá bốn ngàn vàng. Vậy bạn hãy nên nghe lời tôi, và làm tròn lời hứa của bạn.

Nhà vua nghĩ: "Sutasoma là thầy ta, và là một người uyên bác. Ta đã cho người chọn điều ước. Bây giờ ta phải làm sao? Chết là một chuyện Dĩ nhiên xảy đến cho mọi người. Vậy ta không nên sợ chết. Ta đành liều chết, nhịn ăn thịt người để thỏa mãn điều vương tử yêu cầu ". Rồi nhà vua ăn thịt người, mắt đăm đũa lệ, quỳ mọp dưới chân vương tử Sutasoma, và nói: - Mặc dù món ăn đó là món ăn duy nhất làm tôi khoái khẩu, vì nó mà tôi phải trốn vào rừng này, nhưng nếu ngài đã yêu cầu tôi, tôi cũng xin thỏa mãn luôn. - Tốt lắm, bạn. Đối với một người đã an lập trong chân lý và điều thiện, thì cái chết là một sự giải thoát. Từ ngày hôm nay, bạn đã an trú trong thánh đạo. Vậy tôi sẽ truyền cho bạn năm giới cấm. - Xin bạn cho tôi nghe năm giới cấm.

Vương tử trao truyền ngũ giới cho nhà vua. Trong khi đó, chư thiên trên các cõi trời vui mừng bảo nhau: "Thật là màu nhiệm" Sutasoma đã làm một phép màu hy hữu! Từ 33 cõi trời trở xuống không ai làm được việc làm của vương tử Sutasoma, cảm hóa kẻ ăn thịt người. Tiếng hoan nghênh vang dội khắp 33 cõi trời thượng giới. Sau khi truyền năm giới cho nhà vua, vương tử bảo: - Bây giờ bạn hãy đi thả các ông vua bị treo trên cây kia. - Xin ngài cùng đi với tôi. Tôi sợ mấy ông ấy trả thù, sẽ đánh tôi đến chết. Nhưng dù có chết, tôi cũng không vi phạm các giới điều tôi vừa thọ lãnh nơi ngài.

Vương tử đến gần cây trên đó treo ngược một trăm ông vua và bảo: - Các ngài đã bị trói tay chân và treo ngược nhiều ngày khổ sở, nhưng tôi mong các ngài hứa cho một chuyện là đừng trả thù, đừng động đến người đã gây đau khổ cho các ngài. Họ trả lời: - Chúng tôi bị treo ngược đau đớn lắm, và rất thù ghét thằng cha ăn thịt người kia, nhưng chúng tôi xin hứa với ngài là sẽ không hại hấn trở lại. Miễn là chúng tôi được sống và được trả tự do. Nhà vua ăn thịt người cầm kiếm tới cắt đứt nột dây trói một ông vua đang lúng lẳng. Vì sức đã đuối vua rớt xuống cái bịch, không kịp vịn níu các cành cây.

Vương tử động lòng, bảo: - Nay ông bạn ăn thịt người chớ nên cắt dây kiêu đó. Vương tử ôm một ông vua vào lòng, bảo nhà vua ăn thịt người: - Rồi, cắt dây cho vị này đi. Dây đứt, vương tử nhẹ nhàng đặt từng ông vua xuống đất. Sau khi cả một trăm ông vua đều được cắt dây trói nằm la liệt giữa rừng, vương tử cùng kẻ ăn thịt người đi lấy nước suối rửa các vết thương, và kiếm thức ăn uống cho họ. Sau một tuần điều trị, tất cả đều khỏe mạnh trở lại, sẵn sàng trở về. Vương tử bảo nhà vua ăn thịt người vừa được cảm hóa: - Bây giờ, này bạn, chúng ta cùng trở về bồn xứ lo việc quốc dân. Nhưng nhà vua sấp lạy dưới chân vương tử và khóc: - Thôi, vương tử hãy đi về cùng các ông kia. Tôi ở lại đây ăn rễ cây, rau trái sống qua ngày. - Bạn ở đây làm gì? Vương quốc Ba la nại của bạn còn đó: hãy về ngự trị. - Bạn nói gì lạ vậy? Tôi không thể nào trở về đây: toàn dân xem tôi như kẻ thù không đội trời chung, vì tôi đã ăn thịt cha mẹ anh em vợ chồng con cái họ. Họ sẽ bắt tôi, đánh đập tôi, ném đá vào người tôi. Nhưng tôi sẽ không động tới họ, vì tôi đã tuân giữ ngũ giới. Dù chết tôi cũng không phạm giới nữa. Thôi, tôi không về đâu. Vĩnh biệt các ngài. - Bạn hãy tin tôi. Tôi sẽ đưa bạn trở về an ổn tại Ba la nại, hoặc là tôi sẽ nhường cho bạn một nửa lãnh thổ vương quốc tôi. - Trong xứ của bạn, tôi cũng có đây kẻ thù.

Vương tử dùng lời dịu ngọt dụ dỗ cho nhà vua ăn thịt người chịu trở về: nào là cung điện nguy nga, vợ con yêu quý, giường nệm tốt, vườn cây xinh đẹp, các thứ nhắc cụ và đoàn nhắc công vũ nữ. "Đi, bạn. Tôi sẽ đưa bạn đến Ba la nại, làm cho bạn ở yên ổn xong mới trở về xứ tôi. Hoặc nếu khó khăn gì xảy đến, thì tôi sẽ đưa bạn về vương quốc tôi để trị vì trên nửa lãnh thổ. Bạn hãy nghe lời tôi". Nhà vua xiêu lòng, sửa soạn lên đường cùng vương tử. Trên đường về, vua hân hoan nói: - Bạn Sutasoma, không có gì quý hơn là làm bạn với một người đức hạnh, không gì bất hạnh hơn làm bạn với kẻ vô loại bất lương. Tôi vì làm bạn với tên đầu bếp mà ra nông nỗi.

Về đến thành Ba la nại, vương tử yêu cầu triệu tập đình thần dân chúng, và lấy tư cách một vị Quốc sư, vương tử ngỏ lời trước mọi người về sự cải hối của nhà vua, và yêu cầu quan tể tướng nhường ngôi lại cho vua như cũ, trở về chức vị tể tướng. Tể tướng vui lòng chấp thuận, sau khi biết nhà vua đã thuần thực trong chánh đạo.

Nhà vua ấy chính là tiền thân của Ương Quật Ma La, vị Tể tướng là Xá Lợi Phát, người Bà la môn bán bài kệ là A Nan, vị thần cây là Ca Diếp, Đế thích là tôn giả A Nâu Đất và vương tử Sutasoma chính là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

18. TẶNG HỘ CHÁU

Khi Phật ở nước Xá vệ, có một vị thiện gia nam tử sau khi nghe Ngài thuyết pháp, đã xin xuất gia theo Phật. Vị ấy tinh cần tu tập, chẳng bao lâu đã đắc quả A La Hán. Các vị đồng phạm hạnh thường gọi ngài là trưởng lão Tăng Hộ. Khi ngài xuất gia, em gái ngài vừa hạ sinh được một bé trai, và lấy tên ngài đặt cho hài nhi, gọi tên là "Tăng Hộ cháu". Lớn lên, Tăng Hộ cháu cũng theo cậu xuất gia và được hầu cận ngài. Sau khi thụ đại giới, Tăng Hộ cháu đến an cư tại một khu làng và được cúng dường hai bộ y tốt. Với ý định cúng dường cậu sau mùa an cư, Tăng Hộ cháu đề dành lại một bộ y. Khi mãn hạ, Tăng Hộ cháu trở về tinh xá Cấp cô độc đánh lễ Phật và ra mắt cậu. Nhưng ngài đi an cư chưa về. Tăng Hộ cháu quét dọn am thất của cậu, múc sẵn nước rửa chân, sửa soạn nước uống và các thứ cần dùng cho tôn giả. Khi tôn giả trở về, Tăng Hộ cháu ra đánh lễ cúng dường bộ y mới cho tôn giả, nhưng tôn giả từ chối: "Ta đã có đủ ba y. Người giữ lấy cho người." Sau khi múc nước tôn giả rửa chân, ngồi nghỉ, Tăng Hộ cháu đứng hầu một bên lại thưa: "Bạch tôn giả, xin tôn giả nhận lấy bộ y con cúng dường, để cho con được chút phước mọn." "Hãy thôi đi, người giữ lấy. Ta đã có đủ y." Năn nỉ nhiều lần, tôn giả vẫn từ chối.

Đứng quạt sau lưng tôn giả, Tăng Hộ cháu trong lòng không vui, thầm nghĩ: "Tôn giả ở ngoài đời là cậu ruột của ta, ta là cháu ruột của ngài. Ta đối với tôn giả vừa có tình ruột thịt vừa có tình thầy trò, Thế mà tôn giả vẫn lạnh nhạt với ta, không thèm nhận đồ cúng dường của ta. Ngài đã không thương ta, thì ta còn đi tu làm chi nữa cho thêm phiền não. Chi bằng ta hoàn tục quách ... Nhưng ta xuất gia từ lúc hầy còn thơ bé. Bây giờ hoàn tục, không biết nghề ngỗng gì thì làm sao mà sống nhỉ? Thật khó khăn thay. Ô, hay là ta hầy bán bộ y đẹp này mà mua một con dê cái. Loài súc sinh ấy sinh đẻ rất nhanh. Vừa khi dê đẻ bảy con thứ nhất, ta sẽ đem bán mà kiếm một số vốn. Cứ tiếp tục như thế, ta sẽ sẽ có một mớ tiền. Khi có tiền nhiều, ta sẽ cưới một chị vợ. Chị ấy sẽ sinh ra một thằng con trai. Ta sẽ lấy tên tôn giả -cậu ta- mà đặt tên cho thằng con ấy. Rồi ta sẽ để nó ngồi trong một chiếc xe, cùng với chị vợ đẩy xe đến tinh xá thăm ông cậu. Khi đi giữa đường, trông thấy thằng bé kháu khỉnh, ta muốn bông nó nên bảo chị vợ: "Bây giờ bà đẩy xe đi, để tôi ẵm thằng bé". Chị vợ là kẻ cứng đầu, cãi lại: "Anh mà ẵm con cái gì, để tôi ẵm nó, anh đẩy xe đi", rồi nàng cúi xuống ẵm thằng bé. Đi được mấy bước, nàng làm thằng bé rớt xuống trúng ngay giữa đường bánh xe lăn. Chiếc xe cán lên thằng bé. Ta giận quá bảo chị vợ: "Mày không chịu

để con cho tao bông, không đủ sức ẵm mà cứ dành lấy nó, để cho nó rớt như vậy. Thật may đã hại tao ". Vừa nói ta vừa lấy cái gậy đánh nạng một cú..." Vừa quạt cho tôn giả, Tăng Hộ cháu vừa để cho tư tưởng phiêu lưu như trên, và đến đoạn kết thúc, y gõ cán quạt vào đầu tôn giả cái tróc.

Đọc được dòng tư tưởng của cháu nhờ đã chứng tha tâm thông, vị tôn giả lên tiếng nói: - Này người đánh không trúng mục đàn bà, mà trúng ngay đầu ta. Tăng Hộ cháu giật mình, nghĩ: "Chết rồi! Tôn giả đã biết tâm niệm ta hết trội. Làm sao ta còn có thể sống đời xuất gia được nữa ". Nghĩ xong, y liệng cái quạt, co giò chạy ra khỏi công tinh xá. Những người bạn đồng lứa chạy theo bắt y lại, dẫn đến trước Phật: Phật hỏi: - Tại sao các người bắt Tăng Hộ cháu? - Bạch Thế tôn, y chạy trốn nên chúng con bắt lại. Phật hỏi đương sự: - Có phải vậy không? - Bạch Thế tôn, Dạ phải. - Tại sao con trốn? - Tại vì con bất mãn? Tăng Hộ cháu thuật lại đầu đuôi cho Phật, đến đoạn y gõ cán quạt cái tróc vào đầu tôn giả, rồi kết luận: "Bạch Thế tôn, chính vì sự việc xảy ra như vậy, nên con phải trốn." Phật an ủi: "Này thiện nam tử, con đừng sợ. Tâm người ta thường phiêu lưu như vậy. Con phải luyện cho nó thuần thục, định tĩnh, mới thoát khỏi trôi buộc."

"Tâm phàm phu cứ lén lút đi một mình, đi rất xa, vô hình vô dạng, như ẩn náu hang sâu. Người nào điều phục được tâm, thì thoát vòng ma trói buộc". Câu ấy trở thành Pháp cú số 37, được lưu truyền đến ngày nay trên khắp thế giới.

---o0o---

19. VỌNG PHU

Khi người đang hái hoa lòng say mê lạc thú, niềm vui kia chưa thỏa tử thân đã lồi xa

(Pháp cú 48)

Một buổi sáng ở thiên đường, vua trời Đế Thích đi vào Lạc viên ở cung trời 33 cùng với một ngàn thiên nữ hầu hạ. Năm trăm nàng leo lên cây hái hoa tung xuống. Năm trăm nàng lượm hoa kết thành tràng để trang sức cho vua trời, chồng của họ. Một nàng đang hái hoa chẳng may trúng gió nặng, hòn lia khỏi xác ngay khi ngồi trên cây. Thân thể nàng tan biến mau lẹ theo hơi sương (vì là tiên nên thể xác có phần nhẹ hơn người trần) và thần thức nàng nhập vào thai cung của một phụ nữ thuộc gia đình trưởng giả thành Xá vệ. Khi xuất thai và dần dần lớn thành một thiếu nữ, nàng vẫn nhớ kiếp vừa qua của mình và mong mỗi được trở về cõi trời hầu hạ Đế Thích

như trước. Nàng thường đến Kỳ viên tinh xá Cấp Cô Độc để cúng dường Phật và chúng tăng với một ước nguyện bất di dịch: "Mong rằng với phước đức này con được trở lại với chồng con". Các tỳ kheo đều lấy làm lạ về lời nói của thiếu nữ, và đặt cho nàng một biệt hiệu là "Vọng phu". Vọng phu tiếp tục bố thí cúng dường như vậy cho đến khi mười sáu tuổi, cha mẹ gả chồng cho nàng và lần hồi sinh hạ được bốn con.

Một ngày kia, sau khi đến tinh xá cúng dường Phật và chúng tăng trở về, Vọng phu cảm thấy nhức đầu chóng mặt, lên giường nằm một lát rồi trút hơi thở cuối cùng. Thân thức nàng trở về cõi trời 33 trong khi các thiên nữ đang bận rộn kết hoa để trang hoàng cho Đế Thích. Khi vua Trời thấy nàng liền hỏi: - Sáng nay sao ta không thấy nàng. Nàng đi đâu? - Thừa thần thiếp chết giấc một hồi, rồi khỏi thiên cung. - Nàng nói cái gì thế? Đế Thích ngạc nhiên - Quả thế, muôn tâu thánh thể, thần thiếp đã chết đi một lát. - Rồi nàng tái sinh ở đâu? - Tâu, ở một gia đình trong thành Xá vệ. - Nàng ở đấy bao lâu? - Sau mười tháng ở trong thai, thần thiếp ra khỏi thai mẹ. Khi 16 tuổi, thần thiếp được gả chồng, có bốn con. Thần thiếp đã bố thí tu phước liên miên, ước nguyện được trở về thiên cung sum họp với thánh thể. - Đời sống của con người dài bao lâu? - Tâu thánh thể, chỉ có một trăm năm thôi ạ! - Ôi, ngắn thế kia ư? - Dạ, tâu thánh thể. - Nếu đời sống con người ngắn ngủi như thế thì chúng phông làm được cái gì? Chắc là chúng phải tạo phước lành gấp rút lắm? - Dạ không, trái lại, tâu thánh thể, con người dưới ấy vẫn mê ngủ, buông lung, bê tha, làm như chúng sẽ được sống mãi hoài, làm như chúng sẽ không bao giờ già chết. Vua trời nghe xong, buồn rầu bảo: - Nếu như lời nàng nói, con người chỉ sống được có trăm năm, mà lại mê ngủ, buông lung, bê tha thì biết bao giờ chúng mới thoát khỏi khổ?

Ngày hôm sau ở Xá vệ khi chúng tỳ kheo vào làng đến chỗ thường lệ vẫn được nàng Vọng phu tiếp đón, thì thấy lạnh ngắt như tờ. Không có chỗ ngồi, nước uống được xếp đặt như mọi khi. Họ hỏi: - Vọng phu đâu rồi? Dân chúng thưa: - Bạch chư Đại đức, nàng ấy đã chết chiều qua, sau khi cúng dường trở về. Khi ấy những vị tỳ kheo chưa chứng quả bồ đề thấy lòng buồn man mác, nhớ đến những sẵn sóc chu đáo của người tín nữ hôm qua mới đó, mà nay đã ra người thiên cô. Trở về họ hỏi Phật: - Bạch Thế tôn, Vọng phu tạo phước cúng dường nhiều chi cốt để được gặp chồng. Tại sao nàng vừa mới ở với chồng chưa bao lâu, hương lửa đang nồng mà phải chết như vậy? Bây giờ nàng tái sinh ở đâu? - Nay các tỳ kheo, không phải Vọng phu ước được sống với người chồng hiện tại của nàng đâu. Nàng vọng là vọng cái người chồng cũ của nàng trên cõi trời thứ 33 ấy, và bây giờ đã được toại nguyện. Hiện giờ, nàng đang trở lại hầu hạ Đế Thích trong Lạc viên. Một đời

nàng trải qua dưới thế gian này không dài bằng nửa buổi sáng trên cung trời Đê thích. - Ô, bạch Thế Tôn, đời con người sao mà ngắn ngủi! Mới buổi sáng nàng ấy cúng dường thực phẩm cho chúng con, mà chiều nay đã nghe nàng chết rồi. - Quả thế, các tỳ kheo, đời con người ngắn ngủi lắm. Trong khi chúng khát khao những lạc thú cõi trần mà chưa được thỏa, chúng đã bị thân chết mang đi.

(thuật theo Truyện tích Pháp cú)

-ooOoo-

20. GIỮ Ý NHƯ GIỮ THÀNH

Khi Phật ở nước Xá vệ, trong chúng tỳ kheo tại tinh xá Cấp cô độc có một vị tôn giả tên Soreyya, đã chứng quả A La Hán. Câu chuyện sau đây được truyền tụng về cuộc đời của vị tôn giả trước khi đắc quả.

Trong lúc tôn giả Soreyya còn ở trại gia, ngài là con của một vị phú hộ ở thị trấn Soreyya. Một hôm Soreyya cùng ngồi trên xe đi tắm với một người bạn thân của chàng, có gia nhân đồng đi theo. Khi ra khỏi thành bỗng chàng thấy tôn giả Ca Chiên Diên, đệ tử của Phật đang ôm bát đi vào thành khát thực. Tôn giả Ca Chiên Diên có một màu da sáng đẹp như vàng ròng, sắc diện uy nghiêm khả kính đến nỗi đoàn người đi tắm biển chú mục nhìn ngài không biết chán. Thanh niên Soreyya là người hiếu sắc, thấy tôn giả bèn nghĩ thầm trong bụng: "Ồ, ước gì vị tôn giả ấy là vợ ta! Ước gì màu da của vợ ta cũng đẹp đẽ như da vị tôn giả ấy". Ngay khi tư tưởng ấy vừa khởi, thanh niên Soreyya tức khắc biến thành phụ nữ. Chàng vô cùng bối rối, vội nhảy ra khỏi xe lẫn vào đám đông trốn đi. Phụ nữ Soreyya không dám về nhà, đi mãi đi mãi, theo đoàn người tiến ra thành phố cho đến khi gặp một đoàn xe đi về phía đô thị Tắc ca. Nàng bạo dạn đến gần một xe xin quá giang đến thành Tắc ca. Những người trên xe là gia nhân của một vị phú hộ ở thành Tắc ca, trông thấy thiếu nữ xinh đẹp liền bằng lòng ngay. Họ bảo nhau: - Con trai của chủ chúng ta chưa có vợ, chúng ta hãy đưa nàng này về, thế nào cũng được trọng thưởng. Quả nhiên khi xe về đến thành Tắc ca, phú ông rất vui mừng được cô dâu xinh đẹp, làm lễ cưới ngay cho con trai mình. Thế là thanh niên Soreyya trở thành vợ của thanh niên Tắc ca, con trai của phú ông ở đô thị Tắc ca.

Đám cưới không bao lâu, nàng mang thai, sau mười tháng sanh ra một thằng con bụ bẫm. Đứa con này vừa biết đi tập tễnh, nàng lại cho ra đời một thằng con khác. Soreyya trước làm nam nhi ở thành Soreyya đã có vợ hai con, bây

giờ biến thành phụ nữ lại sinh ra hai đứa con là bốn. Thế là Soreyya làm cha hai trẻ, làm mẹ hai trẻ. Một hôm thành Tắc ca có hội chợ, tình cờ bà Soreyya trông thấy một thanh niên trong đám đông và nhận ra ngay đó là người bạn rất thân đã cùng ngồi xe đi tắm biển với mình dạo trước, khi chưa biến thành phụ nữ. Bà Soreyya bảo gia nhân đến mời thanh niên ấy về nhà mình.

Thanh niên ngạc nhiên nhưng được người đẹp mời cũng khoái, thấy không có gì hại, liền theo gót gia nhân về nhà bà Soreyya. Ngồi vào "xa lông" thanh niên mới đánh bạo lên tiếng: - Thưa bà, có lẽ bà làm chãng? Tôi chưa hề được trông thấy bà từ trước đến nay, vì đây là lần đầu tiên tôi đến thành phố này. - Thưa ông tôi không làm đâu, có phải ông là người của thành Soreyya? - Thưa bà chính vậy. Thế ra bà biết. Soreyya bèn hỏi chàng thanh niên về sức khỏe của ông bà phú hộ cha mẹ mình và hỏi thăm tin tức vợ và hai con đang ở Soreyya. Thanh niên hỏi: - Thưa bà, họ đều khỏe mạnh. Tại sao bà biết họ? - Thưa ông tôi biết lắm chứ. Thế còn người con trai của họ, thanh niên Soreyya ở đâu? - Ô thưa bà, xin bà đừng nhắc đến chuyện thương tâm ấy nữa. Bao nhiêu năm nay, việc ấy đã trở thành một vết thương lòng cho những người thân. Số là chúng tôi cùng ngồi xe đi tắm biển, nhưng khi ra khỏi thành, không biết chàng biến mất tự bao giờ, người thì đoán chàng xuống tắm bị nước cuốn trôi, người thì cho có lẽ chàng bị cá nuốt. Tìm khắp nơi không thấy nên gia đình đã làm chay cho chàng. - Thưa ông chàng không chết đi đâu cả, chính tôi đây là Soreyya ngày trước. - Thưa bà... bà nói cái gì thế? Soreyya là bạn rất thân của tôi, tôi biết rõ y là đàn ông. - Thưa ông, vậy mà tôi là Soreyya. - Sao lại có chuyện kỳ quái như thế? - Ông có nhớ lúc chúng ta đi xe ra khỏi thành đã gặp một vị tôn giả ôm bát vào thành hay không? - Vâng, tôi nhớ có gặp tôn giả Ca Chiên Diên ngày hôm ấy. - Đây, khi tôi trông thấy tôn giả, tôi nghĩ mong tôn giả là vợ mình, hay ít nhất vợ mình có được làn da mịn đẹp như tôn giả. Ngay khi tôi vừa có ý nghĩ ấy, tôi liền hóa thành phụ nữ. Ô, thưa ông tôi bối rối quá, không thể nói cùng ai, tôi nhảy đại ra khỏi xe chạy trốn, và đến thành phố này. - Ô, bạn ơi, bạn đã làm một việc quá điên rồ. Sao bạn không bảo tôi? Thế bạn có sám hối cùng vị tôn giả ấy không? - Không bạn ạ, tôi chưa từng sám hối Ngài. Nhưng bạn có biết hiện giờ Ngài ở đâu không? - Ngài ở quanh quần gân thành phố này. - Ước chi Ngài đến đây, tôi sẽ cúng dường thực phẩm cho Ngài. - Tốt lắm, vậy bạn hãy sửa soạn đi, ngày mai tôi sẽ thỉnh Ngài tới đây để bạn sám hối cùng Ngài.

Rồi người bạn cũ của Soreyya, vốn là một Phật tử thuần thành, đi đến chỗ tôn giả Ca Chiên Diên ở để thỉnh Ngài về nhà cư sĩ thọ trai. Tôn giả hỏi: - Đây thanh niên, nhưng con đâu có nhà ở đây? Không phải con là du khách

của thành phố này sao? - Bạch tôn giả việc ấy không quan hệ, xin tôn giả nhận lời cho con ngày mai được cúng dường tôn giả tại nhà. Tôn giả im lặng nhận lời. Đến giờ ngọ thực hôm sau Ngài cùng thanh niên đến nhà Soreyya. Sau khi bà Soreyya bày biện các món thức ăn thượng vị lên cúng dường, thanh niên bảo bà Soreyya quỳ xuống dưới chân tôn giả và thay lời nài nỉ tác bạch: - Bạch tôn giả, xin tôn giả tha thứ cho bạn con. Tôn giả chẳng hiểu ắt giáp gì trước sự tình ấy, bèn hỏi: - Có chuyện gì thế? - Bạch tôn giả, người đàn bà này trước kia là đàn ông, và là bạn rất thân của con. Một hôm y nhìn tôn giả và có ý nghĩ quấy, nên bị biến thành đàn bà tức khắc. Xin tôn giả hãy tha thứ cho y. - Được, ta tha thứ cho ngươi. Hãy đứng dậy.

Vừa khi tôn giả thốt ra những lời ấy, Soreyya đứng lên và trở lại thân hình nam nhi như trước. Con trai Tắc ca, chồng của Soreyya, thấy vợ mình mới đó bây giờ đã hóa thành đàn ông liền bảo: - Này bạn ơi, vì bạn đã là mẹ của hai đứa con, tôi là cha của chúng, thì quả thật chúng là con chung của chúng ta. Bạn hãy ở lại đây với tôi, đừng có đi đâu, chúng ta sẽ "đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ" (vợ chồng đổi thành bè bạn). Soreyya nói: - Hỡi bạn, tôi đã hai lần hóa thân trong một đời người. Ban đầu làm đàn ông, sau biến thành đàn bà và bây giờ biến thành đàn ông trở lại. Ban đầu tôi làm cha hai đứa trẻ, sau lại làm mẹ hai đứa trẻ khác. Tôi còn sống ở đời làm gì nữa! Tôi muốn xuất gia. Bây giờ bạn hãy săn sóc hai đứa bé này.

Nói xong, Soreyya hôn hai đứa bé, từ giã chúng rồi xin đi theo tôn giả Ca Chiên Diên. Tôn giả nhận chàng về trong Tăng đoàn. Sau khi truyền giới cụ túc cho Soreyya, Ngài đưa tỳ kheo Soreyya về tinh xá Cấp cô độc nước Xá vệ. Câu chuyện ly kỳ về đời tu Soreyya truyền đi rất nhanh khắp thành Xá vệ. Dân chúng tò mò đến nơi để biết rõ thực hư. Suốt ngày tỳ kheo Soreyya phải bận rộn về những người này. Câu hỏi bất di dịch của họ là: - Bạch Đại Đức, có phải tin đồn Ngài hóa thân hai lần là đúng không? - Đúng. - Bạch Đại Đức, Ngài đã từng làm cha hai đứa trẻ và làm mẹ hai đứa trẻ khác, Ngài thương cặp con nào hơn? - Tôi thương cặp con do tôi làm mẹ nhiều hơn.

Cuộc phỏng vấn cứ tái diễn như vậy không biết lúc nào ngưng, làm cho tỳ kheo Soreyya không rảnh phút nào để tham thiền nhập định. Do đó, Đại Đức quyết định rút vào rừng sâu, độc cư thiền định. Sau một thời gian ngắn, nhờ nỗ lực tu tập, Đại Đức chứng quả A La Hán và trở lại nếp sống bình thường trong tăng đoàn ở tu viện. Những người đến thăm lại được dịp phỏng vấn tôn giả trở lại: - Bạch tôn giả, tin đồn rằng Ngài đã làm cha hai đứa trẻ và làm mẹ hai đứa khác, có đúng không? - Đúng. - Ngài thương cặp con nào hơn? - Không thương cặp nào cả.

Các tỳ kheo nghe tôn giả trả lời như vậy, liền đến bạch Phật:

- Bạch Thế tôn, tỳ kheo Soreyya phạm tội nói dối. Trước kia vị ấy thường bảo: "Tôi thương hai đứa con do tôi làm mẹ hơn là hai đứa mà tôi làm cha". Thế mà bây giờ khi người ta hỏi, vị ấy lại đáp là không thương đứa nào. Bạch Thế tôn, như vậy là nói dối.

- Nay các tỳ kheo, tỳ kheo Soreyya không nói dối đâu. Trước kia ông ấy chưa chứng quả, bây giờ ông ấy đã chứng quả và biết rõ rằng **CHẲNG PHẢI CHA HAY MẸ, MÀ CHÍNH LÀ CÁI TÂM KHÉO ĐIỀU PHỤC MỚI ĐEM LẠI LỢI ÍCH CHO CHÚNG SINH**".

Câu ấy trở thành Pháp cú thứ 46 được lưu truyền.

-ooOoo-

21. BÀ LÃO DỊ KỲ

"Tâm phàm phu xoay vần theo ngũ dục, xao động không thể nắm bắt. Chỉ những người nào điều phục được tâm mình mới được yên vui". Câu thứ 35 ấy trong kinh Pháp cú có duyên khởi như sau:

Thuở Phật còn tại thế, trong xứ Kiều tất la có một khu làng nằm dưới chân núi gọi là Mã đề thôn. Tại đây có một bà lão sống một mình với một gia tài phong phú. Bà được mệnh danh là Mã Lão Mẫu. Vào một ngày an cư, sau khi đức Phật chỉ dạy cho chúng tỳ kheo pháp quán 32 uế vật trong thân, có 60 vị đi đến Mã Đề thôn để thực hành thiền quán. Bà lão cho xây cất một tu viện cho 60 vị ấy cư trú và cúng dường đầy đủ về y phục, thực phẩm dục phẩm, mền chiếu trong suốt mùa an cư. Những tỳ kheo ấy muốn tinh tiến tu hành nên cùng đặt ra một quy luật như sau: không được hai vị tỳ kheo cùng đứng hay ngồi tại một chỗ đồng thời với nhau. Đại chúng chỉ nhóm họp hai lần trong ngày là sáng sớm trước khi vào rừng tọa thiền và chiều tối sau khi ở rừng về, để bái yết vị thượng tọa chúng trưởng. Tuy nhiên, nếu có tỳ kheo nào bị bệnh, thì hãy đánh lên một hồi kiểng. Khi nghe tiếng kiểng tất cả sẽ nhóm lại để cùng lo cho bệnh nhân. Sau khi thỏa thuận quy luật trên chúng tỳ kheo đi vào rừng mỗi ngày.

Một hôm bà lão đem thực phẩm tới chùa cúng dường, không thấy ai cả, bà bèn hỏi những người ở chung quanh, làm cách nào để gặp chúng tỳ kheo. Có người biết quy luật nói trên, bày cho bà lão đánh kiểng. Tức thì từ trong rừng các vị tỳ kheo lần lượt trở về. Bà lão lấy làm quái lạ thấy mỗi người đi từ

một hướng, không ai đi chung với ai, nên nghĩ thầm: "Có lẽ các Đại Đức có chuyện cãi vã nhau chăng?" Khi họ đến gần bà hỏi ngay câu ấy, và được trả lời: "Không đâu lão mẫu ". Bà lão hỏi: - Nếu quý vị không xích mích thì tại sao khi tới đây quý vị đi chung, mà bây giờ mỗi người đi mỗi ngã như vậy? - Lão mẫu, chúng tôi mỗi người ngồi một gốc cây để thực hành phép thiền quán của Thế tôn chỉ dạy. - Thưa Đại Đức, phép quán gì thế? - Lão mẫu, chúng tôi quán 32 uế vật trong thân. - Thưa, phép quán ấy chỉ dành cho các vị tỳ kheo mà thôi, hay cư sĩ như lão cũng tập được?

- Ô, lão mẫu, phép quán ấy ai muốn học cũng được cả, không ai cấm. - Vậy thì xin chư Đại Đức dạy cho lão với. - Được, lão mẫu hãy nghe cho kỹ. Rồi một vị tỳ kheo đăm trách dạy cho bà lão phép quán 32 uế vật trong thân, để đi đến nhận thức rõ ràng về hoại diệt, chết chóc luôn ẩn tàng trong thân mình. Bà lão thuộc lòng ngay phép quán và tinh cần tu tập đến nỗi bà đắc quả vị thứ ba (Bát lai) trong bốn Thánh quả, trước cả các vị tỳ kheo.

Với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, bà quán thấy tất cả những vị tỳ kheo chưa ai đắc gì cả, và sau khi quán sát kỹ, bà thấy họ đều có khả năng chứng quả A La Hán. Khi nhận thấy điều này, bà lão quyết định hỗ trợ cho chúng tỳ kheo đầy đủ về mọi mặt, để họ có thể mau chứng quả. Vị nào thích hợp với món ăn nào, thức uống nào, bà cung cấp đúng như nhu cầu của họ. Bà thận trọng không cúng dường những thực phẩm có vị chua cho những người nào yếu bao tử. Vị nào ưa ngủ gục trong lúc tọa thiền, bà lão cúng cả phê. Vị nào yếu phổi, bà cúng thêm mền và áo lạnh. Trong tâm vị nào tưởng đến món ăn gì, bà lão biết ngay và đáp ứng.

Nhờ sự chăm sóc chu đáo ấy, sau khi giải hạ, 60 vị tỳ kheo trở về bên Phật với sắc diện hồng hào tươi nhuận, và tiến bộ khá hơn trên đường tu. Phật âu yếm nhìn đàn con trở về và bảo: - Nay các tỳ kheo, chắc hẳn các con được an vui, sức khỏe, thực phẩm đầy đủ trong mùa an cư? - Dạ thưa vâng, Bạch Thế Tôn. Chúng con được an vui, sức khỏe, và khỏi lo gì đến chuyện ăn uống. Bởi vì có một bà lão ở Mã Đề thôn biết được ý nghĩ chúng con, đến nỗi chúng con vừa ước món gì, là có ngay món ấy. Các vị tỳ kheo thi nhau kể chuyện về bà lão dị kỳ cho Phật và chúng Tăng ở Xá vệ nghe.

Một vị tỳ kheo nghe xong, quyết đi đến Mã Đề thôn để thiền định, và xin Phật: - Bạch Thế tôn, cho con tới đó. Phật bằng lòng, sau khi ra đề tài cho vị ấy thiền quán. Vị tỳ kheo lên đường đi đến Mã Đề thôn. Khi đến ngôi chùa của bà lão bỏ vắng, vị ấy nghĩ: "Mình nghe bà lão dường như biết được tâm kẻ khác. Vậy nay mình vừa mới tới, quá mệt vì đường xa không thể quét dọn

chùa. Mong sao bà lão cho người tới quét dùm". Bà lão đang ở nhà riêng, biết được ý ấy, bèn cho người tới quét chùa. Vị tỳ kheo lại ao ước trong lòng "ước chi mình có được một ly cô ca mát lạnh mà giải khát". Bà lão cho người đem ly cô ca lạnh cho vị tỳ kheo. Hôm sau, vừa thức dậy, vị tỳ kheo ước: "Mong sao bà lão dọn cho mình một bữa điểm tâm nhiều bì và thức ăn ngon lành". Bà lão cho người đem bữa điểm tâm đúng như vị ấy muốn. Vị tỳ kheo suy nghĩ: "Bà lão đã cho ta mọi thứ ta ao ước. Bây giờ ta muốn gặp mặt bà. Mong sao bà hãy đích thân đến, mang cho ta thật nhiều thức ăn loại cứng loại mềm. Bà lão liền đi đến chùa cùng với thức ăn cứng dường đúng sở thích của vị tỳ kheo. Vị tỳ kheo nói: - Lão mẫu, có phải bà là Mã lão mẫu không? - Thưa vâng. - Bà có tha tâm thông à? - Tại sao Đại Đức hỏi vậy? - Vì bà đã cho tôi mọi thứ tôi nghĩ đến. - Nhiều vị tỳ kheo cũng có tha tâm thông. - Tôi không nói các tỳ kheo, tôi muốn hỏi bà. Bà lão tránh né trả lời bằng cách nói: - Thưa Đại Đức đâu cần phải có tha tâm thông mới có thể cúng dường các thứ ấy?

Khi ấy vị tỳ kheo bắt đầu hoảng sợ, nghĩ: " Khôn thay, kẻ chưa chứng đắc như ta thì có khi nghĩ tốt nhưng cũng lắm khi nghĩ bậy. Nếu lỡ có một ý nghĩ bậy bạ khởi lên, bà lão sẽ tóm cổ ta như tóm bắt một kẻ trộm, và liếng hành lý ta ra khỏi chùa. Ta sẽ bị khôn đốn với bà lão. Chi bằng ta hãy thoát khỏi chốn này. Nghĩ vậy xong, vị tỳ kheo nói với bà lão: - Này lão bà, tôi muốn rời khỏi nơi đây. - Đại Đức đi đâu? - Trở về Thế tôn. - Đại Đức ở lại ít lâu đã. - Không tôi không thể ở lại. Tôi phải đi ngay.

Thế là vị đại đức của chúng ta thu xếp hành lý thoát ra khỏi ngôi chùa bà lão, vừa đi vừa thở phào nhẹ nhõm cả người, như vừa thoát khỏi tử nạn. Khi trở về vườn Cấp cô độc, đến đánh lễ Phật, Phật hỏi: - Sao, sao con không ở Mã Đề thôn nữa à? - Bạch Thế tôn, bà lão biết hết mọi ý nghĩ trong tâm con. Và con nghĩ rằng, kẻ chưa chứng đạo như con thì có khi nghĩ tốt, nhưng cũng nhiều khi nghĩ bậy. Lỡ mà con có ý nghĩ xấu, bà lão ấy sẽ tóm lấy đầu con, và sẽ làm con khôn đốn. - Con đi, chính nơi ấy con cần nên cư trú. - Bạch Thế tôn, con không thể nào ở chỗ ấy được nữa. - Này tỳ kheo, con có thể giữ một điều này thôi không? - Điều gì, Bạch Thế tôn, con chưa hiểu.

- Chỉ giữ cái tâm của con, không làm việc gì khác.

Sau khi nghe lời Phật dạy, vị tỳ kheo trở lại làng bà lão. Với thiên nhãn bà lão biết được vị tỳ kheo sắp đắc quả nên càng chu đáo cúng dường để hỗ trợ cho ông mau chóng đạt mục đích. Do đó, chỉ trong vài ngày vị ấy đắc quả A La Hán. Sau khi đắc quả, vị ấy suy nghĩ: "Bà ấy quả thực đã giúp đỡ ta rất

nhiều. Nhờ bà lão ấy mà ta thoát ly được vòng sống chết. Không biết chỉ trong kiếp này bà ấy giúp ta, hay nhiều kiếp trước cũng vậy?" Vị La hán nhập định quán sát các tiền kiếp thì biết rằng trong 99 kiếp trước, bà lão đã làm vợ mình và đã ngoại tình với những người đàn ông khác, và làm cho mình phải thật điên bát đảo. Bà lão lại còn âm mưu giết mạng sống của mình. Khi biết được điều ấy, vị La hán nghĩ: "Ồ tín nữ này đã phạm biết bao tội ác!" Bà lão ngồi trong ngôi nhà riêng, biết được tâm niệm của vị A La Hán, và nghĩ: "Vị ấy đang nghĩ về tội lỗi 99 kiếp trước của ta. Nhưng trong vòng luân hồi đã qua, có lần nào ta giúp vị ấy không? Bà lão nhập định thấy ở kiếp thứ 100 về trước, bà đã cứu mạng sống của vị A La Hán khi vị ấy là chồng bà. Do đó, bà dùng thần giao cách cảm bảo vị La hán: - Hãy quán sát tiếp, đi sâu hơn nữa vào quá khứ. Bằng thiên nhị thông, vị La hán nghe được hiệu lệnh trên, và tiếp tục quán sát đến kiếp thứ 100 về trước của mình, thì thấy quả nhiên bà lão cứu mạng mình. Vị La hán nghĩ: "Tín nữ này quả đã giúp ta rất nhiều". Sau khi nghĩ như vậy, ngay tại chỗ vị ấy nhập Niết bàn vô dư y.

-ooOoo-

22. ÔNG TRƯỞNG GIẢ KEO KIỆT

Cách thành Vương Xá không xa có một gia đình ông trưởng giả mệnh danh là Keo Kiệt. Bởi vì, mặc dù ông sở hữu tài sản kho đụn chất đống, gia súc ruộng vườn chất đống, ông không bao giờ sử dụng những của cải ấy cho vợ con hay cho chính mình, nói gì đến người thiên hạ. Một buổi sáng, sau khi có việc đến cung vua trở về, ông Keo Kiệt trông thấy một người ăn xin đang gặm một miếng bánh tui giữa đường (thứ bánh làm bằng bột mì trộn đường bỏ vào dầu sôi phồng lên thành một cái bánh rỗng ruột). Ông thèm quá, định bụng về bảo vợ làm như vậy. Nhưng về đến nhà, ông suy nghĩ: "Nếu ta nói cho bà ấy biết ta thèm bánh tui, bà ấy sẽ làm cho cả nhà cùng ăn thì sẽ tốn quá nhiều bột, đường, mè, dầu mỡ và các thứ khác. Chi bằng lặng thinh tốt hơn".

Nghĩ vậy ông Keo Kiệt lặng lẽ vào phòng, leo lên giường nản thở dài sườn sượt, chiến đấu với cơn thèm, nhưng sợ hao tổn ông không dám thổ lộ cùng ai nổi thèm khát ấy. Thấy chồng buồn bã, bà vợ đến bên hỏi han: - Sao ông buồn rầu như vậy? Có chuyện gì không? - Không có gì đâu, bà ạ. - Vua có quở trách ông chăng? - Không có. - Các con trai, con gái, dâu rể, cháu chắt, người ăn kẻ làm, tôi tớ trong nhà, có đứa nào làm ông phát lòng hay không? - Tuyệt đối không có chuyện ấy. - Vậy thì, hay là ông đang ao ước một

chuyện gì? Ông keo kiệt nghe vợ nói vậy, càng sợ tổn hao của cải, nên nhất quyết không hở môi, vẫn nằm bất động mà thở dài. Bà vợ năn nỉ: - Này, ông hãy nói đi, ông muốn cái gì thì bảo? Ông trưởng giả nuột nước bọt đánh ực một cái, rồi mới thở dài nảo nuột bảo: - Phải, tôi đang thềm một chuyện. - Thềm chi, ông hãy nói ra thử tôi nghe. - Tôi thềm ăn một cái bánh tui. Trời đất quý thần đi! Bộ mình nghèo lắm sao? Tại sao ông không bảo tôi ngay? Thứ bánh đó làm dễ ợt. Tôi có thể làm ngay một mớ bánh tui cho dân chúng cả thành phố này ăn. - Này, nhưng tại sao bà nghĩ điên rồ như vậy? Dân chúng ai làm nấy ăn mắc gì tới bà? - Vậy thì, tôi có thể làm bánh cho hết thầy người ở con đường này ăn. - Cái đầu của bà làm sao vậy, hả? Tại sao lại cứ nghĩ chuyện ngoài đường? - Vậy, tôi có thể làm bánh cho cả nhà ăn. - Bà điên mất rồi. Bà có biết nhà ta đông đến mấy trăm mấy ngàn miệng ăn không? - Vậy, tôi sẽ làm bánh cho ông, tôi và các con chúng ta ăn. - Tại sao bà phải bận tâm tới chúng nó? - Vậy, tôi sẽ làm bánh cho ông và tôi ăn thôi. - Nhưng còn bà, bà ăn bánh tui làm gì đã chứ? - Vậy, thì tôi chỉ làm bánh cho một mình ông ăn thôi. - Bà nói vậy nghe mới được. Nhưng ở trong cái nhà này, chúng ta làm gì cũng có nhiều người trông thấy. Vậy bà hãy đem bột đường dầu mè và các thứ soong chảo lò bệ đi với tôi lên tuốt trên tầng lầu thứ bảy, ở chót vót trên cao ấy, chúng ta mới làm bánh được, khỏi bị ai dòm ngó. - Được rồi. Bà vợ soạn tất cả dụng cụ và vật dụng làm bánh, lễ mễ bung lên tầng lầu chót. Ông trưởng giả xách chìa khóa đi theo khóa hết các lối đi lên. Sau khi đến tầng lầu cuối, khóa cửa xong, ông mới bảo vợ bắt đầu khuấy bột chiên bánh.

Lúc ấy, tại Kỳ viên tịnh xá, Đức đạo sư bảo tôn giả Mục Liên: - Này Mục Liên, trong thành phố kia, có ông trưởng giả keo kiệt đang ngồi trên tầng lầu chót mà chiên bánh vì sợ người thấy. Vậy, ông hãy vận thần thông đến đó, đem tất cả người và bánh lại đây cho ta. Trưa nay, ta và chúng tỳ kheo sẽ độ họ bằng rỗi bánh ấy và cải hóa trưởng giả keo kiệt. - Thừa vâng, bạch Thế tôn. Tôn giả Mục Liên vâng lời, vận thần thông đi đến chỗ trưởng giả. Ngài hiện hình đắp y chỉnh tề đứng giữa hư không, ngay trước cửa sổ. Ông Keo Kiệt nhìn ra giật mình tự nhủ: "Chính vì sợ gặp những người như vậy mà ta mới leo tẩn đây, Thế mà sa môn này cũng lò dò tới được, lại đứng ngay trước cửa sổ!" Rồi ông tức giận nói lớn: Này, tỳ kheo kia, muốn gì mà đứng như trời trồng ở đó? Dù người có đi tới đi lui cho mỗi cả chân, cho thành một con đường mòn giữa hư không, người cũng không được gì đâu." Tức thì, vị tôn giả khởi sự đi tới đi lui. Ông Keo Kiệt tức mình bảo: "Người đi lui đi tới làm chi cho mất công! Dù người có ngồi kiết già giữa trời, người cũng không được gì đâu!" Tôn giả liền ngồi giữa hư không. Ông Keo Kiệt bảo: - Ngồi kiết già làm chi đó? Vô ích mà thôi. Cho dù người có phun ra khói đi

nữa, người cũng không được gì đâu. Tôn giả liền phun khói vào cửa sổ, khói lên đầy đặc cả gian phòng. Sợ tôn giả sẽ làm gian phòng phát hỏa nên ông keo kiệt không dám nói thêm "dù người có phun lửa, người cũng không được cái bánh nào!" Ông tự nhủ: "Sa môn lì lợm này có lẽ nhất quyết ăn cho được cái bánh của mình mới chịu đi". Rồi ông bảo vợ: - Này bà, thôi hãy chiên một cái bánh nhỏ xíu đưa ông ta đi cho xong. Bà vợ lấy một ít bột bỏ vào chảo dầu. Nhưng cái bánh phồng lên đầy cả chảo. Ông bảo bà: - Bà lấy nhiều bột quá. Để tôi lấy cho. Ông lấy một chút bột dính đầu muống bỏ vào chảo. Do thần lực của tôn giả, cái bánh này còn lớn hơn cái bánh trước. Ông Keo Kiệt cứ tưởng mình lấy quá nhiều bột, nên tiếp tục chiên cái khác nhỏ hơn mới đem cho. Nhưng càng ngày bánh cứ càng lớn thêm, không thấy cái nào nhỏ cả, ông bèn bảo bà - Thôi, bà hãy lấy đưa cho ông ấy bất cứ cái nào, một cái một mà thôi.

Bà vợ lấy một cái bánh đã chiên từ nơi rõ. Nhưng bà không rút ra được cái nào, nên bảo: - Ông đi, bánh mắc dính vào nhau. Tôi không thể nào gỡ ra được một cái. - Để tôi gỡ cho. Rồi ông cầm một cái bánh, bà cầm rõ bánh, cả hai cố kéo cho rút ra một cái mà biểu vị sa môn. Nhưng ông không tài nào rút ra được, mồ hôi đổ ra nhễ nhại, ướt cả mặt mày y phục. Mắt hai vợ chồng đỏ ngầu vì khói do tôn giả phun ra. Cuối cùng ông trưởng giả mệt nhoài, không thiết gì nữa, bảo vợ: - Này bà, tôi không ăn uống gì nữa hết. Bà hãy đem hết rõ bánh cúng dường vị sa môn đi.

Mục Liên tôn giả thu hồi thần lực làm cho hết khói, rồi thuyết pháp cho ông keo kiệt nghe. Nghe xong, ông phát sinh lòng tin thanh tịnh đối với Tam bảo, cung kính mời: - Bạch Tôn giả, xin ngài hãy tới đây, ngồi trên chỗ này mà dùng bánh của con. - Này trưởng giả, đức Đạo sư đang chờ dùng bánh này. Ta hãy đem tới cúng dường Ngài. - Bạch tôn giả, nhưng hiện Ngài ở đâu? - Ngài đang ở Kỳ viên tinh xá, cách đây chừng 45 dặm. - Quý thần ơi, xa như vậy làm sao chúng con tới kịp giờ Ngài dùng ngộ? - Trưởng giả, nếu người muốn, ta sẽ đưa người vợ người và bánh đến nơi Ngài trong chớp mắt. Đỉnh cầu thang sẽ ở nguyên chỗ, nhưng cái chân cầu thang này sẽ ở ngay cổng vào tinh xá. Các người sẽ đến đó trong khoảng thời gian ngắn hơn đi bộ xuống bảy tầng lầu. - Bạch tôn giả, như vậy rất tốt.

Tôn giả hóa phép cho cái chân cầu thang ở ngay cổng tinh xá. Vợ chồng ông keo kiệt xuất hiện trước Đấng Đạo sư, đánh lễ và thỉnh Phật dùng bánh. Khi Phật và chúng tỳ kheo ngồi vào phòng ăn, ông trưởng giả đặt một cái bánh vào bát của Ngài. Tăng chúng thì dùng bánh nơi rõ do bà vợ dâng lên. Vợ chồng trưởng giả cũng được dùng bánh cho đến khi thỏa thích. Sau khi

đức Phật, Tăng chúng và hai cư sĩ dùng xong bữa, rỗ bánh vẫn còn nguyên vẹn như cũ. Đức Phật bảo đem bánh ấy để ngoài cổng tinh xá cho chim ăn. Đến nay nơi ấy vẫn còn được gọi là động Bánh.

Đức Phật thuyết tùy hỷ pháp cho hai cư sĩ. Khi nghe xong thời pháp, của Phật, ông bà trưởng giả đều đắc quả Dự lưu (Nhập dòng thánh). Họ đánh lễ Phật, bước lên cầu thang, và do thần lực của tôn giả Mục Liên, đến ngay tầng bảy của tòa lâu đài mình. Đức Thế tôn nhân đây đã khen tôn giả Mục Liên một lời về sau được ghi vào kinh Pháp Cú như sau:

"NÀY CÁC TỶ KHEO, MỘT VỊ TỶ KHEO MUỐN CẢI HÓA MỘT GIA ĐÌNH MÀ KHÔNG LÀM MẤT TÍN TÂM CỦA HỌ, KHÔNG LÀM HAO TỒN TÀI SẢN CỦA HỌ, KHÔNG PHIỀN NHIỀU HỌ, THÌ PHẢI NHƯ ONG HÚT MẮT HOA, CHỈ GIỮ LẤY MÙI VỊ, KHÔNG LÀM TỒN THƯƠNG HƯƠNG SẮC VÀ NHƯ VẬY CHÍNH LÀ HẠNH CỦA PHÁP TỬ MỤC LIÊN."

-ooOoo-

23. TÔN GIẢ TÍ HON

Thuở Phật còn tại thế, một hôm vị đệ tử Đại trí của Ngài, Tôn giả Xá Lợi Phất, đi khát thực trong thành Vương xá, Ngài bỗng nhớ tới một người bạn nghèo của thân phụ, và muốn đến gieo phước cho ông. Tôn giả đi đến nhà ông lão. Khi thấy Tôn giả từ xa đi lại, ông lão nghĩ thầm " Kia là cháu Upatissa (tên của Tôn giả lúc ở đời) yêu dấu của ta ngày xưa đến khát thực. Y không biết rằng ta chẳng còn gì để cho y ". Nghĩ thế, ông lão lánh mặt, tự nhủ xin được chút gì mới cúng dường tôn giả. Ít hôm sau, ông lão kiếm được một ít cháo và một mảnh y phục nhờ sự tụng đọc kinh điển Bà la môn. Ông định bụng sẽ cúng dường tôn giả. Lúc ấy tôn giả đang nhập định, quán sát ông lão muốn bố thí, nên ngài xuất định, ôm bát đến nhà ông lão. Khi tôn giả đến trước cửa như thường lệ, ông lão ra đánh lễ tôn giả, mời vào nhà để cúng dường. Tôn giả chỉ nhận phân nửa bát cháo, rồi đẩy nạp bát. Nhưng ông lão năn nỉ: "Bạch tôn giả, đây chỉ có một phần ăn. Xin tôn giả nhận tất cả, cho con được phước báu đời sau. Con muốn cúng tất cả cho Ngài. Nói rồi ông đổ trọn bát cháo vào bát tôn giả. Tôn giả Xá Lợi Phất dùng cháo ngay tại chỗ. Khi Ngài dùng xong ông lại cúng nốt mảnh y phục cho Ngài: - Bạch Tôn giả, nguyện cho con đời sau có trí tuệ siêu việt như Ngài. - Nay Bà la môn, người sẽ được toại nguyện. Tôn giả đáp, và sau khi nói lời tùy hỷ công đức, Ngài đứng lên tiếp tục du hành đến Kỳ viên tinh xá.

Ông lão sau khi cúng dường Tôn giả thì vui mừng vô hạn, và càng tăng lòng ái mộ đối với Tôn giả. Do sự kính ái này, ông lão thác sinh vào gia đình một thí chủ thường xuyên của Tôn giả Xá Lợi Phất. Khi bà tín nữ mang thai, bà đâm ra khát khao hơn bao giờ hết, được cúng dường cháo hàng ngày cho chúng tỳ kheo của Tôn giả Xá Lợi Phất gồm tất cả 500 vị. Bà khao khát được mặc y vàng, đến ngồi ngoài cổng tinh xá mà chực ăn phần cháo thừa của chúng Tăng, để thừa hưởng phước trí trang nghiêm. Thân quyến và chồng bà giúp bà thực hiện ước nguyện ấy, cúng dường cháo hàng ngày cho chúng tỳ kheo. Có người cho rằng sự thích mặc áo vàng của bà là điềm báo trước người con trong bụng sẽ là một vị tỳ kheo đệ tử Phật, và họ lấy làm sung sướng. Đúng kỳ sinh nở, một hài nhi xinh đẹp ra đời, cả gia đình hân hoan đón tiếp. Họ tắm em bé bằng nước thơm, mục cho em bé những y phục vô cùng quý giá đã may sẵn từ trước, và đặt em bé n?n trong một chiếc nôi lộng lẫy như một hoàng cung, đắp cho em bé một cái mền gấm sang trọng. Rồi thỉnh tôn giả Xá Lợi Phất và chúng tỳ kheo đến quy y cho em bé. Khi tôn giả đến em bé đang nằm ngửa nhìn chăm chăm vào Tôn giả với một cặp mắt tinh anh lạ kỳ, một cách nhìn triu mến như đối với người đồng hàng quyền thuộc. Em bé nghĩ: "Đây là thầy của ta đời trước, nhờ Ngài mà ta được sang quý ở đời này. Ta phải cúng dường Ngài một cái gì." Khi người mẹ ẵm em bé lên để thụ tam quy, ngũ giới với tôn giả, những ngón tay của em bé quấn vào trong cái mền gấm. Gia nhân la lên: "Kìa, tay em bé bị kẹt trong cái mền gấm", và chạy lại gỡ ra thì em bé òa khóc như không muốn rời. Người mẹ nói: "Để vậy đừng làm em bé khóc", và ẵm con đến cho Tôn giả. Khi đến trước Tôn giả, em bé thả tay cho cái mền rớt phủ trên chân Ngài. Người mẹ thông ngôn rằng: - Bạch Tôn giả, xin Ngài nhận cho con của cúng dường này, và cho con được thụ tam quy ngũ giới làm đệ tử ngài. Tôn giả hỏi tên đứa bé đó là gì? - Bạch Tôn giả xin ngài cho hài nhi cái tên của ngài lúc tại thế. - Vậy nó sẽ mang tên Tích Sa (Upasstisa là tên của tôn giả).

Khi được bảy tuổi Tích sa nói với mẹ: - Thưa mẹ, con muốn xuất gia theo Tôn giả Xá Lợi Phất. - Tốt lắm cho con xuất gia. Rồi bà mời Tôn giả lại rồi bạch: - Bạch tôn giả, đệ tử của Ngài xin được xuất gia với Ngài. Chiều nay con sẽ đưa y đến tu viện. Sau khi được Tôn giả nhận lời, bà mẹ sắm nhiều lễ vật cúng dường, và dẫn chú bé đến Kỳ viên tinh xá. Tôn giả nói với Tích Sa:

- Tích Sa này, đời sống của người xuất gia rất cam khổ. Khi muốn ấm nhà người phải gặp lạnh, muốn mát người lại gặp nóng. Những tỳ kheo phải sống ngược đời như thế đấy. Liệu người có sức chịu đựng không?

- Bạch Tôn giả con sẽ làm tất cả những gì ngài dạy bảo.

- Tốt lắm.

Rồi Tôn giả dạy cho Tích Sa quán pháp bất tịnh bằng cách học 5 món đầu trong 32 món ô uế trong thân là tóc, lông, móng, răng, da. Tôn giả lại truyền cho Tích Sa thập giới và từ đó Tích Sa khởi sự cuộc đời của một chú tiểu.

Để mừng việc xuất gia của con, cha mẹ Tích Sa cúng dường cháo thập cẩm cho toàn thể chúng tăng ở Kỳ viên suốt một tuần lễ. Những tỳ kheo chưa chứng quả không ngớt thì thầm với nhau: "Ngon thật. Đâu phải chúng ta luôn luôn được như thế này".

Sau bảy ngày thết đãi chúng tăng, cha mẹ Tích Sa từ giã trở về nhà. Qua ngày thứ tám, chú tiểu Tích Sa bắt đầu ôm bát đi bọc hậu đoàn tỳ kheo do tôn giả Xá Lợi Phất dẫn đầu, để vào thành Xá vệ khát thực.

Những người trong thành phố bảo nhau: "Nghe đồn hôm nay chú tiểu Tích Sa sẽ đi khát thực trong thành phố. Ta hãy sửa soạn tặng phẩm cúng dường". Bởi thế, khi Tích Sa vào thành, những người quen biết cha mẹ chú tiểu đều đem phẩm vật cúng dường tới tập. Chú tiểu nhận được 500 bát đầy phẩm vật và 500 bộ y phục đem về chùa. Hôm sau, những người chưa được cúng lại thân hành đem phẩm vật t?i tinh xá. Chú tiểu nhận thêm 500 bát, 500 y, rồi dâng tất cả một ngàn y, một ngàn bát cho chúng tỳ kheo tại tinh xá Cấp cô độc. Do đó chú được đại chúng mệnh danh là thí chủ Tích Sa.

Một hôm vào thời tiệt giá buốt, trong khi Tích Sa quét dọn chung quanh tinh xá, chú tiểu thấy chư tăng tùm năm tùm ba đang sưởi bên những đồng lửa, bèn hỏi:

- Bạch chư Đại đức, tại sao chư Đại đức phải hơ lửa vậy? (Trẻ con thường không biết rét là gì).

- Chú tiểu đi chúng tôi lạnh cóng cả người phải hơ cho ấm.

- Bạch chư Đại đức khi nào trời rét thì ta đắp mền cho ấm. Mền sẽ ngăn cái lạnh không cho thấm vào cơ thể.

- Chú tiểu có nhiều phước đức mới có mền mà đắp, chớ chúng tôi làm sao có mền được?

- Bạch chư Đại đức, thế thì ngày mai, vị nào cần mền xin hãy đi với con vào thành.

Rồi chú xin chư tăng thông báo như vậy cho chúng tỳ kheo trong tinh xá. Bởi vậy hôm sau có một ngàn vị tỳ kheo cùng đi theo chú tiểu. Trước khi vào thành Xá vệ, chú ghé từng nhà ở ngoài thành và đã được 500 cái mền. Khi vào thành mọi người đổ xô đến cúng dường theo lời yêu cầu của chú tiểu. Tại một cửa tiệm, ông chủ đang ngồi sau một đồng mền cao ngất. Một người đi đường đến rỉ tai:

- Này, có một chú tiểu đang đi xin mền đấy, nên giấu hết đi. Ông chủ nói:

- Nếu tôi muốn cho, thì tôi cho. Không muốn thì tôi không cho. Giấu làm gì?

Nhưng khi người kia đi khỏi ông chủ ngẫm nghĩ, và giấu bớt hai cái mền thượng hạng trong số mền bày bán. Ngay lúc ấy Tích Sa cũng vừa đến. Mới thấy mặt chú tiểu ông đã đem lòng thương mến vô cùng. Cả người ông tràn ngập một niềm kính yêu chan chứa. Ông nghĩ: "Coi đáng yêu chưa tề! Trông mặt mũi một bé trai kháu khỉnh như thế kia, thì dù có đem cho cả thịt da tim ruột của ta, ta cũng không tiếc, nói chi tới vài ba cái mền". Và lập tức, ông rút ngay cái mền quý giá nhất đặt dưới chân Tích Sa, đánh lễ mà bạch:

- Bạch Đại đức, mong sao con được thấm nhuần ánh sáng đạo mà ngài đã thấy.

- Cư sĩ sẽ toại nguyện.

Chú tiểu chúc tụng, rồi nói lời tùy hỷ công đức. Ngày hôm ấy chú tiểu nhận đúng một ngàn cái mền cho chúng tỳ kheo. Do đó, chú lại được mệnh danh là người cho mền. Đó là nhờ công đức lúc mới sinh Tích sa đã cúng dường mền cho Tôn giả Xá Lợi Phất.

Tại tinh xá Kỳ viên, chú tiểu Tích Sa phải tiếp đón những cậu bé bạn cũ đến thăm. Ngày nào chúng cũng tới, hỏi han mọi chuyện, làm cho chú không có thì giờ mà tham thiền nhập định gì hết. Nghĩ rằng sanh tử là việc lớn, chú đến xin Đức Phật một đề mục thiền định để rút vào rừng sâu tu tập.

Khi đến một khu làng, Tích sa gặp một ông lão. Chú hỏi:

- Thưa cư sĩ, gần đây có một cánh rừng nào để tu sĩ ẩn cư không?

- Bạch Đại đức, có.

- Vậy, xin người hãy chỉ đường cho tôi đến đó.

Mới nhìn chú, ông lão đã có cảm tình, nên bằng lòng dẫn chú đi. Vừa đi chú vừa hỏi ông lão địa danh những nơi đi qua. Khi tới rừng, ông lão nói:

- Bạch Đại đức, đây là chỗ tốt lành. Ngài hãy ở đây và xuống làng chúng tôi mà khất thực.

Dân chúng yêu kính chú khôn cùng và năn nỉ: "Đại đức ở đây thật lâu với chúng tôi để chúng tôi được thọ tam quy ngũ giới với ngài".

Họ cúng dường những vật dụng cần thiết cho Tích Sa. Mỗi khi nhận Tích sa đều chúc lành cho thí chủ như sau:

- Mong thí chủ được hạnh phúc an vui. Mong thí chủ thoát khỏi khổ ách.

Sau hai tháng ở rừng nỗ lực tu tập thiền định, Tích Sa chứng quả A La Hán. Bấy giờ tôn giả Xá Lợi Phất có ý định thăm chú, nên bạch Phật:

- Bạch Thế tôn, con sẽ đi thăm chú tiểu Tích Sa.

- Được, người cứ đi.

Tôn giả đến bên người bạn cô tri của ngài là tôn giả Mục Kiên Liên:

- Hiền huynh, Tôi sẽ đi thăm Tích sa.

- Tôi cũng đi với.

Và tất cả những vĩ đại đệ tử của Phật như ngài Ca Diếp, A Nậu Lô Đà, Ưu Đà Di, Phú Lô Na, v.v... đều đi cùng tôn giả Xá Lợi Phất để thăm chú tiểu ở trong rừng. Khi đoàn Thánh chúng đến, dân cư tiếp đón nồng nhiệt. Họ vô cùng hân hoan được trông thấy vị Thánh đệ tử Xá Lợi Phất nổi danh thiên hạ, và xin ngài ban cho một thời Pháp. Nhưng tôn giả từ chối:

- Ta đến thăm chú tiểu Tích Sa của ta cái đã.

Khi Tích Sa được tin, chú xuống làng thi lễ, và làm bốn phận của một chú tiểu đối với những vị trưởng thượng đầy uy đức của mình. Chỗ nghỉ ngơi đã

được dân cư lo chu đáo tại một ngôi chùa trong làng. Họ lập lại lời thỉnh cầu nghe Pháp, mặc dù trời đã tối. Tôn giả Xá Lợi Phất nói:

- Vậy, hãy đốt đèn lên và loan tin cho Phật tử xa gần đến nghe.

Khi dân làng tê tịu, tôn giả Xá Lợi Phất bảo Tích sa: - Này Tích sa, các thí chủ của con ngộ ý muốn nghe pháp. Con hãy nói pháp cho họ đi.

Toàn thể dân làng đều đồng thanh thưa:

- Bạch Tôn giả, vị đại đức của chúng con không biết gì ráo, ngoài ra hai câu: "Mong gia chủ được hạnh phúc an vui, mong gia chủ thoát khỏi khổ ách." xin Ngài cho vị khác nói pháp cho chúng con nghe.

Khi ấy tôn giả hỏi chú tiêu:

- Tích sa, nhưng làm sao để được hạnh phúc an vui? Người ta phải làm thế nào để thoát khỏi khổ ách? Con hãy giải rộng hai câu ấy.

- Thưa vâng, bạch Tôn giả.

Tích Sa thăng tòa, giảng như nước chảy về chỗ đá, nguyên nhân khổ, Niết bàn và con đường đưa đến tịch diệt. Và chú kết luận:

- Bạch chư Tôn giả, đó là đường đi của một vị A La Hán để thoát khỏi khổ ách, để được an vui.

- Giỏi! Con đã thông thuộc rành rẽ giáo pháp.

Những cư dân nghe xong thời pháp đều rất ngạc nhiên. Một số mừng vì lâu nay được cúng dường một vị thông tuệ, nhưng một số tỏ ý bất mãn, bảo nhau:

- Không dè vĩ đại đức thuyết pháp hay như vậy. Tại sao lâu nay đại đức cứ câm miệng hén không chịu nói gì cả? Thật gan lì.

Từ tình xá Cấp cô độc, đức Thế tôn biết được tâm niệm bất kính của những cư dân này đối với Tích Sa. Ngài động lòng từ bi, muốn cho họ khỏi tội báo xúc phạm một vị A La Hán, nên đích thân đến làng thăm chú tiêu. Khi thấy đức Phật thân hành đi đến làng để thăm Tích sa, dân làng mới hoàn toàn

công nhận tầm quan trọng của vĩ đại đức tí hon ấy. Ngài bảo Tích Sa đưa ngài lên ngọn núi cao nhất từ đó có thể nhìn xuống biển cả, và hỏi:

- Tích Sa, khi đứng trên đỉnh núi này, nhìn quanh con thấy gì?

- Bạch Thế tôn, con thấy nước biển mênh mông không bờ bến.

- Con nghĩ gì khi thấy đại dương?

- Bạch Thế tôn, con nghĩ: trong vô số kiếp luân hồi, ta đã đổ bao nhiêu là nước mắt để khóc vì những nỗi đau khổ, nước mắt ta có lẽ còn nhiều hơn nước mắt trong bốn biển lớn kia.

- Đúng lắm, Tích Sa.

Rồi ngài đi thăm động đá nơi Tích Sa cư trú.

- Con nghĩ gì khi cư trú nơi đây?

- Bạch Thế tôn, con nghĩ: Ta đã chết vô số lần, vô số lần thi hài ta đã nằm trên đất này.

- Đúng lắm, Tích Sa! Không có một nơi nào trên mặt đất mà chúng sinh không xả bỏ thân mạng vô số lần ở đó.

Và Ngài hỏi tiếp:

- Tích Sa, khi con nghe tiếng hô báo gấm trong rừng sâu con có sợ không?

- Bạch Thế tôn, con không sợ. Trái lại một niềm yêu thích núi rừng lại dâng lên trong tâm khảm con.

Và Tích Sa đã đọc cho Phật nghe 60 bài thơ mình đã cảm hứng từ rừng sâu.

Sau khi thăm các nơi, đức Thế tôn từ giả:

- Tích Sa, bây giờ ta trở về tinh xá. Con muốn đi theo ta, hay ở lại rừng?

- Bạch Thế tôn, nếu thầy con (chỉ Tôn giả Xá Lợi Phất) muốn con trở về, con sẽ trở về. Ngài muốn con ở lại, con sẽ ở lại.

Tôn giả đoán biết Tích Sa không muốn trở về nên bảo:

- Tích Sa, con hãy ở lại rừng, nếu con muốn vậy.

Tích Sa đánh lễ Phật và chư Tôn giả rồi quay trở về rừng, sau khi đưa tiễn các Ngài một quãng xa.

Tại Diệu pháp đường trong tinh xá Cấp cô độc, khi chúng tỳ kheo ngồi bàn tán về hạnh xả ly của Tích Sa, họ không ngớt lời tán thán:

- Khó thay, những gì Tích Sa đã làm! Bỏ tất cả lợi dưỡng, cung kính, để rút vào ẩn cư trong rừng sâu!

Đức Phật nhân đó thốt lên bài kệ thứ 75 trong kinh Pháp cú:

"MỘT Nẻo ĐƯỜNG DẪN ĐẾN THẾ LỢI, MỘT Nẻo ĐƯỜNG KHÁC DẪN ĐẾN NIẾT BÀN. HÀNG Tỳ KHEO ĐỆ TỬ ĐẮNG GIÁC NGỘ KHI HIỂU NHƯ VẬY, KHÔNG NÊN THAM ĐẮM LỢI DƯỠNG THẾ GIAN, MÀ PHẢI CHUYỂN TÂM VÀO HẠNH ĐỘC CƯ THIỀN ĐỊNH."

---o0o---

24. ĐỊNH NGHIỆP KHÓ TRÁNH

Thuở Phật tại thế, có một vị tỳ kheo số phần xui xẻo. Mặc dù thầy tu hành rất tinh tấn, giới hạnh trang nghiêm mà không bao giờ được no đủ. Số "con rệp" ấy theo đuổi thầy mãi cho tới khi mãn phần, sau khi đã đắc quả A La Hán. Đến ngày lâm chung, nhờ thần lực của Tôn giả Xá Lợi Phất, vị Tôn sư của thầy, thầy mới ăn một bữa no lòng trước khi lìa đời.

Thầy xui xẻo từ khi còn trong bụng mẹ. Chẳng những riêng thầy xui xẻo, mà thầy còn mang sự bất hạnh đến cho tập thể trong đó có hiện diện của mình. Thầy là con của một gia đình đánh cá ở một làng ven biển có 1000 hộ khẩu. Từ khi thầy nhập thai, cả làng đi biển không đánh được con cá nào suốt cả tháng, mọi người phải ăn rong biển cho đỡ đói lòng. Họ bắt đầu nghi ngờ có một gia đình hắc ám trong làng đã đem tai vạ cho tất cả. Do đó họ cố tìm cho kỳ được cái gia đình xui xẻo ấy để loại ra khỏi tập thể. Phương pháp họ làm là chia số hộ khẩu trong làng thành hai nhóm, mỗi nhóm 500 gia đình để làm ăn riêng, sinh hoạt riêng. Kết quả là một nhóm bắt đầu khá giả trở lại, một nhóm tiếp tục số phận xui xẻo. Nhóm này lại chia hai để biết cái gia đình xui xẻo ấy nằm ở đâu. Khi chia thành hai nhóm nhỏ cũng như trước, 250 gia đình bắt đầu khá còn 250 gia đình vẫn còn xui. Lại chia hai lần lượt như vậy để biết gia đình xui xẻo nằm nhóm nào, cuối cùng họ khám phá ra

gia đình của thầy tỳ kheo nọ. Cả gia đình thầy bị loại ra khỏi làng, đi lang thang như những người Do thái.

Bà mẹ khám phá rằng chính từ ngày mang thai thầy, tai họa mới đến cho cả làng và cho gia đình, nên muốn cho thầy chết đi. Tuy nhiên, một người chỉ còn một đời cuối cùng này là giải thoát (chứng quả A La Hán, không còn trở lui cõi đời) thì không ai có thể giết chết được trừ phi chính nghiệp lực của vị ấy. Do vậy cuối cùng mẹ thầy vẫn phải sinh ra thầy, và nuôi cho đến khi thầy biết đi xin ăn. Trong thời gian có đứa con mang sự xui xẻo ấy, bà rất vất vả khốn đốn trong việc kiếm ăn. Cho đến một ngày không chịu đựng được nữa, sau khi đẩy thầy vào xin ăn tại một nhà nọ, bà mẹ tẩu thoát.

Đứa trẻ - vị A La Hán tương lai - ngỡ ngác khi bước ra không thấy mẹ, cũng không có cái gì ăn, bèn đi lang thang đầu đường xó chợ lượm những mẩu bánh người ta vứt bên đường để ăn cho đỡ đói. Trong "cuộc lữ" đó, đứa trẻ tình cờ gặp Tôn giả Xá Lợi Phất. Động lòng thương, Ngài hỏi:

- Con cái nhà ai? Sao gầy sọp thế?

- Bạch Tôn giả, con là một đứa mang lại sự xui xẻo cho mọi người, nên không ai chịu nuôi con, con phải ốm đói.

- Con có muốn xuất gia trở thành một tu sĩ không?

- Bạch Tôn giả con muốn lắm chớ, nhưng ai mà chịu chứa chấp con?

- Lại đây, ta sẽ độ cho con.

Đứa trẻ vui mừng đi theo Tôn giả. Tôn giả Xá Lợi Phất dắt về vườn Cấp Cô Độc, tắm rửa sạch sẽ, cho ăn cơm và Thế phát quy y cho cậu bé làm một sa di đui quắ [*Chú thích: "Khu ô sa di" là chú tiểu còn quá nhỏ chưa đến tuổi thọ giới - 16 tuổi - chưa làm được việc gì ngoài việc đui quắ cho chúng khỏi làm ồn náo trong giờ chư Tăng tọa thiền.*] Lớn lên, đến tuổi thành niên, Tôn giả cho thầy thọ giới cụ túc thành một vị tỳ kheo.

Số phận xui xẻo vẫn theo mãi chân vị tỳ kheo suốt cả đời. Mỗi khi đi khát thực, người ta vừa để vào bát của thầy một muống cơm thì thấy bát đã đầy tràn, làm cho không ai có thể bỏ gì thêm được nữa. Khi thầy về tới chùa, thì trong bát chỉ có độc một muống cơm để cầm hơi cho thầy khỏi chết đói. Cứ như vậy cho đến ngày mệnh chung đã chứng quả A La Hán, thầy cũng chưa bao giờ được một bữa ăn no lòng.

Biết thầy sắp mãn phần ở dương gian, Tôn giả Xá Lợi Phất động lòng thương xót nghĩ: "Losaka (tên của thầy tỳ kheo xui xẻo) hôm nay sẽ mệnh chung. Ta sẽ làm đủ mọi cách giúp vị ấy ăn m?t bữa cho no trước khi chết."

Với ý định ấy, Tôn giả dẫn vị tỳ kheo đi vào thành Xá vệ khát thực. Nhưng vì có Losaka, Tôn giả không xin được món gì, Ngài đành phải bảo vị ấy trở về, và đi một mình để xin ăn. Sau khi khát thực đầy bát, Tôn giả đem về cho vị tỳ kheo. Ngài đứng ôm bát trước mặt đệ tử bảo:

- Con hãy ăn đi.

Vị tỳ kheo ngần ngại không dám ăn trước mặt tôn sư, và nhất là để Ngài cầm bát, mặc dù thầy rất đói. Tôn giả giục:

- Con đừng ngại, ta phải cầm bát để chờ cho con dùng bữa cho xong mới được. Vì nếu không có ta ôm bát, tất cả thức ăn này sẽ biến mất, và con sẽ tiếp tục đói.

Vị tỳ kheo vâng lời thọ thực. Nhờ thần lực của Tôn giả Xá Lợi Phất, vị ấy ăn được một bữa no lòng trước khi xả báo thân chót của một vị A La Hán.

Sau khi thầy tỳ kheo xui xẻo quá vãng, các tỳ kheo khác nhóm họp tại Diệu pháp đường trong vườn Cấp Cô Độc hỏi đức Thế tôn nguyên nhân vì sao, với một đời giới hạnh thanh tịnh, tu hành tinh tấn, vị tỳ kheo bạc phước vẫn phải gánh chịu sự rủi ro suốt đời như vậy. Phật dạy:

- Đây các tỳ kheo, những hành động của chính vị ấy trong tiền kiếp là nguyên nhân sự xui xẻo hiện tại của y. Trong tiền kiếp y cũng là một tỳ kheo, do lòng ganh tị, y đã cản trở cư sĩ cúng dường một vị tỳ kheo khác, trong khi vị này đã chứng quả A La Hán. Vì ác nghiệp ấy cho nên dù có tu hành thanh tịnh, y vẫn thọ quả báo thiếu thốn, xui xẻo trong nhiều đời kiếp, cho đến khi chứng quả.

LỜI BÀN: Mặc dù huyễn hóa, mà nhân quả vẫn không mất, hành động và hậu quả theo nhau như bóng với hình. Cho nên người trí chỉ sợ nhân, không sợ quả, trong khi người ngu rất sợ quả xấu mà lại không gieo nhân tốt. Vị tỳ kheo đệ tử Tôn giả Xá Lợi Phất, mặc dù bị một số phận hẩm hiu đeo đẳng cho tới chết, vẫn luôn luôn nhất tâm thanh tịnh tu hành, không sanh tâm ghen ghét phiền muộn, nhờ vậy cuối cùng chứng quả Vô sanh (A La Hán). Ấy là vui lòng trả nợ cũ mà không gây thêm nợ mới, là cái nghiệp đưa đến sự đoạn tận các nghiệp vậy.

-ooOoo-

25. LẠI TRA HÒA LA

Khi đức Phật du hóa tại xứ Kuru đến thị trấn Thu la, dân chúng đồn đãi kéo đến bái yết Ngài để nghe thuyết pháp. Bấy giờ trong hội chúng có thanh niên tên là Lại Tra Hoà La, con trai của một gia đình thượng tộc giàu có nhất vùng, sau khi nghe pháp, suy nghĩ:

- "Như ta hiểu lời Thế tôn dạy, thì ở nhà thật khó thực hành đời sống phạm hạnh một cách viên mãn, hoàn toàn trong sạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Nghĩ vậy xong, sau thời thuyết pháp của Phật, sau khi hội chúng đánh lễ Phật mà lui về, thanh niên ấy đến bên đức Thế tôn, xin Ngài xuất gia tu học.

- Bạch Thế tôn như con được hiểu lời Thế tôn dạy, thì tại gia thật không dễ gì sống đời sống phạm hạnh một cách viên mãn, hoàn toàn trắng sạch như vỏ ốc. Con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Bạch Thế tôn mong Thế tôn hãy cho con xuất gia dưới sự hướng dẫn của Thế tôn.

- Nhưng này thanh niên, con có được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia chưa?

- Bạch Thế tôn, con chưa được cha mẹ bằng lòng.

- Này thanh niên, Như Lai không cho xuất gia nếu cha mẹ không bằng lòng.

- Bạch Thế tôn, vậy con sẽ làm những gì cần thiết để cha mẹ bằng lòng cho con xuất gia.

Lại Tra Hoà La đánh lễ Phật ra về, xin cha mẹ:

- Thưa ba má, con muốn cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình. Xin ba má hãy bằng lòng cho con xuất gia.

Khi nghe nói vậy ông bà phú hộ bảo:

- Này con đừng ăn nói đại dột. Con là đứa con duy nhất của ba má, được nâng niu như vàng ngọc từ tấm bé, lẽ nào ba má để cho con xuất gia? Huống chi, nhà ta vàng nén, hột xoàn kim cương chất đống, bao nhiêu của chím của

nổi, tài sản mấy đời tổ tiên để lại, tất cả đều dành cho con. Con hãy ăn chơi thỏa thích rồi muốn tu thì bố thí, làm phước là được rồi. Con chưa biết gì đến sự gian khổ, làm sao ba má để cho con sống đời khổ hạnh được? Ba má không bao gi? cho con xuất gia.

Sau ba lần năn nỉ không được chấp thuận, Lại Tra bèn nằm lăn ra giữa nhà, tuyệt thực với ý định: "Ta sẽ chết ở đây, nếu không được xuất gia".

Hai ông bà đưa cơm cháo gì đến, Lại Tra vẫn nằm bất động. Một ngày, hai ngày, ba ngày, rồi bảy ngày trôi qua, chàng nhất định không ăn uống, không cục cựa, mục cho cha mẹ năn nỉ khuyên lơn. Thân thể chàng đã yếu lả, mắt lờ đờ như người hôn mê sắp chết. Ông bà phú hộ đâm hoảng, đến cầu cứu những người bạn trẻ của con:

- Này các cháu, Lại Tra Hòa La đòi đi tu, hai bác không cho nên nó tuyệt thực nằm vạ cả một tuần lễ nay chẳng chịu nhúc nhích nói năng chi cả. Các cháu hãy đến năn nỉ nó ăn uống trở lại dùm. Hãy khuyên nó bỏ ý định xuất gia.

Các thanh niên làm theo lời, đến bên Lại Tra Hòa La để khuyên nhủ. Nhưng sau năm bảy lần thuyết phục, chàng vẫn nằm bất động. Thấy Thế nguy, họ đề nghị với ông bà phú hộ:

- Thưa hai bác, chúng cháu thấy rõ Lại Tra đã nhất quyết theo ý định của mình, không thì chết. Vậy hai bác nên bằng lòng cho anh ta xuất gia, họa may thỉnh thoảng hai bác còn gặp lại được. Nếu không, hai bác đành vĩnh viễn mất người con.

Hai ông bà đành phải chấp thuận, đến nói với Lại Tra:

- Thôi, con đã nhất quyết thì ba má cũng chịu lòng. Nhưng đi tu xong, thỉnh thoảng phải về nhà thăm ba má và mấy người vợ mới cưới của con, kẻo chúng nhớ, tội nghiệp.

Lại Tra mở bừng mắt ngồi nhồm dậy, trở lại ăn uống. Sau khi lấy lại sức chàng từ giã cha mẹ ra đi, đến chỗ Phật trú :

- Bạch Thế tôn con đã được cha mẹ cho phép xuất gia. Xin Thế tôn hãy cho con xuất gia tu phạm hạnh.

Đức Phật nhận lời cho thanh niên cạo tóc, đắp áo cà sa, thọ đại giới, theo Ngài về ở tinh xá Kỳ viên nước Xá vệ. Tôn giả Lại Tra tinh tiến tu học, ưa thích đời sống độc cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, chẳng bao lâu đã đạt đến cứu cánh cao tột của đời phạm hạnh, vì cứu cánh này mà những thiện gia nam tử từ bỏ gia đình, ấy là quả vị A La Hán. Vị ấy biết sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm xong, không còn phải trở lui cuộc đời này nữa.

Một hôm, Tôn giả đến đánh lễ Phật:

- Bạch Thế tôn, nếu ngài cho phép, con sẽ xin trở về ngôi làng cũ.

Đức Phật quán xét biết tôn giả bây giờ đã có thể trở về, không có gì nguy hiểm cho phạm hạnh, nên Ngài dạy:

- Lại Tra, người có thể làm những gì người nghĩ là là phải thời.

Sau khi đánh lễ Đấng Đạo sư, tôn giả Lại Tra thu xếp lên đường. Đến thị trấn Thu La, tôn giả tuần tự khát thực. Khi đến nhà cha mẹ, Tôn giả ôm bát đứng ngoài cổng. Thoáng thấy bóng chiếc cà sa, ông phú hộ chưa kịp nhìn kỹ, đã nổi trận lôi đình, nghĩ: "Kia là một sa môn trọc đầu tới xin ăn. Vì những người đó mà đứa con độc nhất của ta đã bỏ nhà ra đi biên biệt. Nay còn tới tới đây báo hại cái gì?" Rồi không thềm nhìn ra, ông quát tháo:

- Này sa môn trọc đầu kia, hãy đi đi! Ta không muốn nhìn cái mặt mo ấy. Đi cho mau, đi cho khuất con mắt của ta!

Tôn giả lặng lẽ ôm bát tiếp tục đi. Chợt, từ ngõ sau nhà, người tỳ nữ bung nôi cháo đi đổ. Tôn giả hỏi:

- Này chị, chị bung cái gì thế?

- Tôi đem nôi cháo ăn còn thừa từ bữa qua đi đổ vào thùng rác ngoài lộ.

- Xin chị hãy đổ vào bát của bản tăng cũng được, khỏi phải đi xa cho nhọc.

- Càng tốt .

Khi người nữ tỳ đến gần để trút cháo vào bát tôn giả, Cô ta nhận ra đôi chân quen thuộc. Đánh bạo nhìn lên tay, mặt, thì rõ ràng là vị tiểu chủ ngày xưa, không còn làm gì nữa. Nữ tỳ chạy vào nhà:

-Thưa ông bà chủ, tiểu chủ đã về tới ngoài kia!

Bà phú hộ mừng rỡ:

- Đâu, đâu? Nếu thật như mày nói, thì mày sẽ được phần thưởng xứng đáng, con ạ.

Ông phú hộ cũng chạy ra:

-Con ta đâu nào?

- Thưa, tiểu chủ đang ngồi ăn bát cháo thừa đàng kia.

Lúc ấy tôn giả đang ngồi tựa lưng vào một bức tường mà dùng cháo vừa xin được. Bà phú hộ nhìn kỹ đúng là con mình, liền chạy đến khóc:

- Con đi là con! Sao con về nhà mà không vào trong nhà của con, lại ngồi dọc đường dọc sá thế này! Lại đi ăn cháo vữa cháo thiu! Hãy vào nhà đi con!

- Thưa gia chủ, bàn tăng không có nhà. Bàn tăng có đến nhà của gia chủ, nhưng không nhận được bố thí, chỉ nhận được lời sỉ nhục và xua đuổi.

Ông phú hộ cũng đã nhận ra, bèn tới năn nỉ :

- Này con, con hãy vào nhà. Ba má sẽ dọn đồ ăn ngon lành cho con. đừng ăn cháo thiu mà đau bụng.

- Thưa gia chủ, hôm nay việc ăn uống đã xong.

- Vậy thì trưa mai, con hãy nhận lời của ba má.

Tôn giả im lặng chấp thuận. Ông bà phú hộ trở vào nhà bàn mưu tính kế. Ông nói:

- Con ta đã về tới đây, phải làm sao để giữ chân nó ở lại, đừng cho nó ra đi. Ngày mai, bà với tôi phải hợp sức mà thuyết phục nó. Trước hết, bà hãy dọn cho nó một bữa ăn ngon lành, có gà rô ti, có rượu ngon hảo hạng, đừng thiếu món gì. Rồi còn gì nữa? À, hãy đem tất cả vàng bạc, kim cương, ngọc ngà châu báu trong kho ra, chất một đống giữa nhà cho thật cao, ngập mặt ngập mày, mà chỉ cho nó nhìn, cho nó biết tài sản của mình là nhiều như vậy. Kế đó là phần việc của mấy con dâu. Chúng nó đâu rồi bà hãy gọi chúng ra đây, để chúng ta cắt công cắt việc.

Khi các con dâu đến, ông phú hộ bảo: - Này các con dâu! Ngày mai chồng của các con về ăn cơm tại nhà đây. Các con phải tận lực hợp sức cùng ba má để kéo nó ở lại, đừng cho nó đi. Các con hãy trang điểm cho thật lộng lẫy huy hoàng. Hãy đeo vào đầu, vào cổ, vào tay, vào chân những đồ trang sức mà ngày xưa chồng các con nó ưa nhìn thấy các con đeo. Hãy xúc nước hoa, tưới dầu thơm cho thật nhiều vào, trét phấn, thoa son, bôi mi mắt, kẻ lông mày, uốn tóc cho nó dợn sóng lên, chống lỗ mũi, lỗ tai lên.

Những cô dâu khúc khích che miệng cười:

- Thưa ba, không có chống lỗ tai đâu ạ! - Vậy thì, các con hãy cứ làm cái gì các con nghĩ là hợp thời, để quyến rũ chồng các con cho bằng được.

Rồi ông bà phú hộ cắt đặt cho gia nhân chung dọn, trang hoàng nhà cửa, ngọc ngà châu báu được đem ra chất giữa nhà một đống, lấy màn che lại. Các cô vợ trẻ trang sức lộng lẫy như đào hát đứng thành một đống, cũng lấy màn che lại. Phú ông ngắm nghía toàn thể nhà cửa, vàng ngọc và người, tỏ vẻ đắc chí, hài lòng:

- Thế là được. Ngày mai, cứ như vậy mà thi hành.

Hôm sau, đến giờ thọ trai, tôn giả ôm bát từ từ tiến vào cổng. Ông bà đơn đả ra mời. Khi tôn giả vào nhà, ông chỉ:

- Này con, hãy nhìn đây, (ông kéo màn) vàng bạc châu báu cả đống đó, tất cả đều là của con. Con hãy ở lại mà thụ hưởng, muốn chi cũng được.

- Thưa gia chủ, nếu gia chủ dành cái đống đó cho tôi, thì xin gia chủ một ít cái bao bố may sẵn, tọng nó vào, rồi mượn một hay hai, ba chiếc xe vận tải chở ra ngoài sông lớn mà đổ ngay giữa dòng, cho nó chìm sâu xuống đáy nước. Vì sao? Vì nó là nguồn gốc của tất cả khổ não đến với gia chủ.

Ông phú hộ lại kéo cái màn che mấy bà vợ cũ ra. Các nàng chạy đến ôm chầm lấy tôn giả, khóc rònγκê lể:

- Ôi chàng đi! Bộ chàng muốn mấy cô tiên nào trên trời nên đi tu để được lên trên đó phải không? Chàng đã bỏ bê chúng thiếp để mơ tưởng lên trời ở với tiên. Hu hu, hu hu.

- Các chị, không phải vì mục đích được sanh lên cõi trời mà bản tăng xuất gia tu phạm hạnh.

Khi ấy các bà vợ cũ của tôn giả tự đâm ngực, khóc lóc thảm thiết:

- Ôi, cha mẹ làng nước đi, chồng chúng ta bây giờ lại gọi chúng ta bằng chị!
Ôi, trời đất quý thân ôi!

Rồi họ ngã lăn ra giữa nhà, bất tỉnh nhân sự. Tôn giả nói với ông bà phú hộ:

- Thừa gia chủ, gia chủ muốn thí đồ ăn thì bố thí đi, chớ có phiền nhiễu bần tăng.

- Hãy ăn đi, con yêu dấu. Đồ ăn đã dọn sẵn.

Thọ thực xong, tôn giả đứng lên nói bài kệ:

*Mày ngài mắt phượng mà chi?
Tốt tươi rồi cũng một bì xương khô.
Tâm: rùng tham ái sâu lo
Thân: nhà chứa bệnh, nắm mô chờ ai
Nào đâu mắt phượng mày ngài
Khi thân quăng bỏ ra ngoài đồng hoang?
Mưa sa gió cuốn phủ phàng,
Đóng xương vô chủ vãi vàng trắng soi
Đầy da chứa đủ tanh hôi
Lại toan sơn phết ra môi bánh bao!
Kẻ ngu mê hoặc, lẫn vào
Như nai sa bẫy, người nào khác chi!*

*Ai đà giải thoát sầu bi
Tránh xa lưới ái, tình si đâu còn!
Bẫy nào bắt được nai khôn
Ăn xong vừa đủ, tẩu bôn vô rùng
Thọ sẵn ngơ ngác hết mừng
Thì đành đâm ngực vấy vùng khóc la.*

Đọc xong bài kệ, tôn giả cáo từ đi đến rừng Lộc uyển ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây.

Khi ấy, vua xứ Kuru bảo người hầu cận sửa soạn cho vua dạo rừng. Người hầu thấy tôn giả liền trở về tâu:

- Tâu Đại vương, ngoài rừng Lộc uyển, có vị sa môn đang ngồi, chính là con trai của gia đình thượng tộc ở thị trấn này, tên Lại Tra Hòa La.

- Vậy thay vì đi dạo rừng, ta hãy đến thăm vị tôn giả ấy.

Vua cùng người hầu đi đến rừng Lộc uyển, chỗ tôn giả đang ngồi. Vua cung kính đưa tấm nệm gấm ra mời.

- Xin tôn giả hãy ngồi trên tấm này cho êm.

- Đại vương, tôi đã có tọa cụ. Đại vương hãy ngồi trên chỗ của Đại vương.

- Bạch tôn giả người đời thường xuất gia vì bốn sự suy vong: Một là lão suy, hai là bệnh suy, ba là tài suy, bốn là thân suy. Như những người khác lúc trẻ thụ hưởng dục lạc đã đầy đủ chán chê, đến khi già không còn ham muốn gì nữa, và cũng đã hết sức lực mới vô chùa nghỉ. Đó là lão suy. Lại như người mắc bệnh kinh niên không thể lao động sản xuất được, ở ngoài đời không lợi chi cho ai, lại thêm gánh nặng cho gia quyến, nên xin vô ở chùa. Đó là bệnh suy. Rồi có những người làm ăn thất bại, hoặc đánh số đề bị phá sản, đồ nợ đồ nần, không thể gầy dựng lại được, bèn chán nản vô chùa xin gởi tấm thân tàn sống nốt quãng đời còn lại. Đó là tài suy. Cũng có những người xuất gia vì lẽ không còn ai thân thích để nương tựa. Đó là thân suy. Thông thường đều vì bốn sự suy vong này mà xuất gia. Nhưng xét tôn giả, tuổi còn thanh xuân, tóc đen nhánh, thì không phải là lão suy. Da dẻ hồng hào tươi nhuận chứng tỏ sức khỏe không đến nỗi nào, thì đâu phải bệnh suy. Tôn giả xuất thân từ một gia đình thượng tộc giàu nhất vùng này thì đâu phải tài suy. Song thân còn đủ, các bà vợ đang mong chờ, thì cũng không thể gọi là thân suy. Vậy tôn giả xuất gia vì nguyên nhân gì?

- Đại vương, tôi xuất gia vì bốn điểm thuyết giáo của Đấng Đạo sư mà tôi thấy đúng như thật. Thứ nhất là, ngài dạy mọi sự ở thế gian đều là vô thường.

- Nghĩa là sao, xin Tôn giả giải thích.

- Đại vương, như thân thể đại vương đó, lúc nào cũng như lúc nào hay mỗi lúc mỗi khác?

- Như vậy trăm đã hiểu. Quả vậy, thân thể là vô thường, đổi khác luôn luôn, nhất là ở tuổi già như trăm. Năm nay đã khác năm ngoái, nói gì tuổi trẻ với lúc già, thật khác nhau trời vực. Còn điểm thứ hai là gì, thưa tôn giả?

- Thứ hai là vô hộ, vô chủ: không ai giúp đỡ mình được, không có chủ tể.
- Sao lại không? Như trẫm đây, biết bao nhiêu người phò tá, trẫm là chủ cả nước, muốn chi được nấy, làm sao tôn giả lại nói vậy?
- Đại vương, Đại vương có thể đem cả tài sản ngai vàng để thuê mướn kẻ khác đau thay, già thay, chết thay cho đại vương không?
- Cái đó thì không được.
- Ví như đại vương tạo nghiệp ác, phải đọa địa ngục, đ?i vương có thể nào đem tài sản đút lót cho Diêm vương để khỏi đọa, hay chính mình làm mình phải chịu?
- Đúng như vậy, mình làm mình chịu, không thay được. Thế trẫm đã hiểu vô hộ. Còn vô chủ thì sao?
- Đại vương có thể làm chủ cái thân xác Đại vương được chăng? Bảo nó không được bệnh không được già, không được chết, nó chịu nghe chăng? Bảo cái tay đừng run, cái chân đừng quì, mắt đừng lờ, tai đừng lảng, được không? Đại vương có thể bảo cái thân của Đại vương khi nó đang đau: "Hãy khoẻ mạnh trở lại" không? Và Đại vương có biết khi nào thì nó đau, khi nào nó chết không?
- Đúng thế, quả thật trẫm không thể làm chủ được thân này, dù trẫm đang làm chủ cả quốc gia. Còn điểm thứ ba là gì, thưa tôn giả?
- Thứ ba, là trên thế gian không có cái gì là của mình.
- Ủa sao tôn giả nói vậy? Trẫm có biết bao nhiêu là kho tàng, châu báu, giang sơn gấm vóc này đều thuộc về trẫm. Nói gì đến vật, ngay cả đến người, trẫm cũng sở hữu từ quan đại thần lớn nhất trở xuống, trẫm sai đâu chạy đó, sao lại không sở hữu?
- Đại vương, khi Đại vương nằm xuống, ngài có thể đem theo tất cả kho báu, giang sơn xuống âm phủ để tiếp tục sử dụng, hay phải giao lại cho kẻ khác, còn mình chết tay không? Đại vương có thể bắt tất cả đình thần, quyền thuộc, dân chúng cùng chết theo qua bên kia thế giới để Đại vương tiếp tục làm chủ, hay Đại vương phải ra đi một mình, để người khác thay Đại vương trị vì thiên hạ?

- Thừa hiền giả, đúng thế. trẫm không thể nào mang theo cái gì khi chết mà phải chết một mình, trị tội, để lại giang sơn này cho người khác. Thảm thương thay! Còn điểm thứ tư là gì, xin tôn giả hãy giảng?

- Thứ tư là, thế gian này thật thiếu thốn, thèm khát, nô lệ cho dục vọng, tham lam không bao giờ vơi.

- Nói vậy trẫm nghĩ e chỉ đúng với người thường, chứ trẫm đây mà còn thiếu thốn thèm khát cái gì. Vì trẫm muốn gì cũng có, đâu còn thèm gì nữa.

- Đại vương, giả sử bây giờ đại vương được tin phi báo của các đội quân tuần tiễu rằng: phía đông có mỏ vàng, phương nam có mỏ dầu hỏa, phương tây có mỏ kim cương, còn phương bắc hiện có một xứ giàu có, đất đai phì nhiêu mà gặp ông vua trụy lạc bê tha, cai trị mất lòng dân, nên sự phòng vệ rất lỏng lẻo, thì Đại vương nghĩ thế nào?

- Thừa tôn giả, trẫm sẽ hội họp đình thần, cắt công tác cho vị này phụ trách khai thác mỏ vàng, vị kia đào mỏ kim cương, vị nọ tìm cách khoan mỏ dầu. Còn với cái xứ giàu có phì nhiêu dễ chiếm ấy, thì trẫm sẽ sai võ quan cử binh tới chiếm để mở mang bờ cõi.

- Đại vương, đó chính là sự thèm khát, túi tham không đáy nơi Đại vương. Người đã có một nước thì thèm chiếm thêm nước khác, cho đến kẻ vô sản thì thèm bắt con vịt, con gà của hàng xóm về làm của mình. Đại vương kết tội kẻ trộm vặt, bỏ tù nó, mà quên rằng chính mình là kẻ trộm lớn nhất khi mưu tính như vậy. Do đó mà Phật dạy: thế gian luôn luôn thiếu thốn, thèm khát, nô lệ cho lòng tham và dục vọng.

- Hay thay, bạch Tôn giả, quả như lời Tôn giả, bốn điểm thuyết giáo của đức Đạo sư thật vi diệu. Lành thay đức Thế tôn! Trẫm xin quy y bậc A La Hán, Chánh đẳng giác, và xin cáo từ Tôn giả.

- Đại vương, xin từ biệt.

(thuật theo kinh Ratthapala, Trung Bộ kinh tập II, Hòa thượng Minh Châu dịch)

-ooOoo-

26. NGƯỜI CHĂN BÒ NANDA

Khi còn tại gia tôn giả Nanda là một thanh niên chăn bò mướn. Ngày ngày, Nanda dẫn bò đến ăn cỏ bên bờ sông Hằng thuộc địa phận xứ Kosambi. Lúc ấy gặp dịp đức Thế tôn trú tại đây, cùng với chúng tỳ kheo 1250 vị.

Một hôm Thế tôn cùng các tỳ kheo du hành dọc bờ sông. Ngài thấy một khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước, và chỉ cho các tỳ kheo:

- Này các Tỳ kheo, các con có thấy khúc gỗ lớn trôi theo dòng nước kia không?

- Thưa vâng, bạch Thế tôn.

- Các tỳ kheo, nếu khúc gỗ ấy không đâm vào bờ này, không đâm vào bờ kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn trên đất nổi, không bị người nhặt lấy, không bị phi nhân nhặt lấy, không bị lọt vào xoáy nước, không bị mục nát bên trong,... thì nó sẽ hướng về biển, xuôi theo biển, nhập vào biển, Vì có sao, này các tỳ kheo, vì dòng sông này hướng về biển, xuôi theo biển, nhập vào biển. Cũng vậy, hỡi các tỳ kheo, nếu các con không đâm vào bờ này, bờ kia, không chìm giữa dòng, không mắc cạn, không bị người hay phi nhân nhặt lấy, không lọt vào xoáy nước, không mục nát bên trong,... thì các con sẽ hướng về, sẽ xuôi theo Niết bàn, sẽ nhập vào dòng Niết bàn. Vì sao? Này các tỳ kheo, chính bởi vì pháp của Như Lai giảng nói xu hướng Niết bàn, xuôi theo Niết bàn, nhập vào Niết bàn.

Khi được nghe nói vậy, một vị tỳ kheo bạch:

- Bạch Thế tôn, bờ này là gì? Bờ kia là gì? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên đất nổi? Thế nào là bị người nhặt, phi nhân nhặt? Thế nào là lọt vào xoáy nước? Thế nào là mục nát bên trong?

- Các tỳ kheo, bờ này ám chỉ sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Bờ kia chỉ cho sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. "Bị chìm giữa dòng" dụ cho hỷ và tham (khoái thích, ham muốn). Mắc cạn trên đất nổi đồng nghĩa với ngã mạn. "Bị người nhặt" là dụ cho vị tỳ kheo sống quá liên hệ với cư sĩ, chung vui chung buồn, an lạc khi chúng an lạc, đau khổ khi chúng đau khổ, trói buộc mình trong các công việc chúng xướng xuất. Đó là vị tỳ kheo bị loài người nhặt lấy. Và này các tỳ kheo, "Bị phi nhân nhặt lấy" có nghĩa là vị tỳ kheo tu phạm hạnh với mơ ước được sanh lên cõi trời, hưởng phước báo

chư thiên. "Bị lọt vào xoáy nước" là đồng nghĩa với năm đức trưởng dưỡng: tài lợi, sắc đẹp, danh tiếng, ăn và ngủ. "Bị mục nát bên trong" ám chỉ vị tỳ kheo theo các ác pháp, có những hành động khả nghi, không giữ giới mà hiện tướng thanh tịnh, nội tâm hủ bại, đầy dục vọng, đó gọi là mục nát bên trong.

Khi ấy người chăn bò Nanda đứng cách Thế tôn không xa. Chàng tiến lại bạch:

- Bạch Thế tôn, con không đâm vào bờ này, con không đâm vào bờ kia, con không chìm giữa dòng, con không bị mắc cạn trên đất nổi, con không bị loài người nhặt lấy, con không bị phi nhân nhặt lấy, con không lọt vào xoáy nước, con không mục nát bên trong. Bạch Thế tôn, mong Thế tôn cho con được xuất gia với Thế tôn, được thọ đại giới.

- Này Nanda, hãy đem trả bò cho chủ của con đã.

- Bạch Thế tôn, chúng sẽ tự trở về. Các bò mẹ đang mong gặp lại chúng.

- Tuy vậy này Nanda, con hãy trả lui các con bò ấy cho những người chủ.

Nanda vâng lời dắt bò về trả cho chủ rồi trở lại bên Phật:

- Bạch Thế tôn, con đã trả lại những con bò. Hãy cho con được xuất gia với Thế tôn. Hãy cho con thọ đại giới.

Rồi Nanda, người chăn bò, được xuất gia với Thế tôn, được thọ đại giới. Sau khi thọ giới không lâu, Tôn giả Nanda sống một mình an tịnh, thân cảm được lạc thọ mà các thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình đã hướng đến. Vị ấy biết sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã được làm xong, không còn bị trói buộc vào đời này nữa. Tôn giả Nanda trở thành một vị A La Hán.

-ooOoo-

27. CHÚ TIỂU HIỀN TRÍ

Thuở Phật Ca Diếp còn tại thế, ngài có một tăng đoàn gồm hai mươi ngàn tỳ kheo đã diệt tận các lậu hoặc. Mỗi khi đi du hóa một nơi nào, tất cả chúng tỳ kheo ấy đều theo sau Phật Ca Diếp, cũng như 1250 tỳ kheo thường đi cùng với đức bổn sư Thích Ca của chúng ta.

Một hôm Phật Ca Diếp và Tăng chúng của Ngài đi đến thành Ba La Nại. Dân chúng đua nhau đến đánh lễ cúng dường và nghe Ngài thuyết pháp. Sau khi thọ thực xong, Phật nói lời tùy hỷ công đức như sau:

- "Này các cư sĩ, trong thế gian có bốn hạng người. Hạng thứ nhất là những người tự mình làm phước bố thí, nhưng không khuyến khích kẻ khác làm. Hạng người này trong tương lai được giàu có, nhưng không được nhiều người theo. Hai là những người khuyến kẻ khác bố thí, nhưng tự mình không bố thí. Hạng này đời sau có phước báo được đông người theo, nhưng không có của cải. Ba Ba là những người tự mình không bố thí cũng không khuyến người bố thí. Hạng này đời sau không có của cải, cũng không có người theo, phải sống cô độc, ăn cơm thừa của kẻ khác. Bốn là hạng người vừa tự bố thí vừa khuyến người bố thí, hạng này trong tương lai sẽ được cả hai phước báo: giàu có và đông người hưởng ứng theo mình."

Khi nghe thế, có một người khởi lên ý nghĩ: "Ta sẽ cố làm sao để được cả hai phước báo ấy". Rồi vị ấy đến đánh lễ Phật, bạch rằng:

- Bạch Thế tôn, xin Ngài đến thọ thực tại làng con vào ngày mai, để chúng con được phước báo cúng dường.

Phật Ca Diếp hỏi lại:

- Người muốn cúng dường bao nhiêu vị tỳ kheo?

- Bạch Thế tôn, Tăng chúng của Ngài gồm bao nhiêu?

- Hai mươi ngàn.

- Bạch Thế tôn, ngày mai xin ngài đem theo tất cả đại chúng tỳ kheo ấy.

Đức Phật nhận lời. Cầm một mảnh bói diệp (lá bói, thay giấy) trở về làng, người kia đi từng nhà khuyến sửa soạn cúng dường Phật và chúng Tăng tùy khả năng của mỗi gia đình. Có nhà tình nguyện cúng dường 500 vị, nhà 200 vị, nhà 100 vị, nhà 50 vị v.v... Người kia đều ghi dấu vào lá bói để hôm sau thỉnh đúng số tỳ kheo đến từng nhà. Trong làng, có một gia đình rất nghèo, đến nỗi ông chủ được mệnh danh "ông Chúa Nghèo". Người kia cũng không quên ghé vào nhà ông Chúa Nghèo để tạo phước cho ông ta. Khi Chúa Nghèo nghe người kia muốn mình cúng dường chúng tỳ kheo thì giật bắn người lên:

- Ôi bạn ơi! Bạn coi nhà cửa tôi đây, đến một chỗ ngồi cũng không có, làm sao tôi cúng dường gì được? Tôi có đồng xu nào đâu? Hãy đi đến những nhà cao cửa lớn kia!

- Nay bạn, không phải chính vì vậy bạn mới nên nhân cơ hội này mà gieo giống phước sao? Vì sao bạn phải nghèo? Phải chăng vì bạn chưa từng giúp ai một chút gì cả?

Chúa Nghèo ngẫm có lý bèn ưng thuận:

- Được. Vậy thì xin bạn ghi cho tôi cúng dường một vị tỳ kheo.

Người kia bằng lòng, nhưng không ghi vào lá vì y nghĩ rằng một vị thì quá ít, chẳng cần ghi làm gì. Y từ già để tiếp tục đi phổ khuyến.

Chúa Nghèo gọi vợ ra, cho hay ý định cúng dường một vị tỳ kheo của mình, và đề nghị với vợ cùng đi làm mướn để đủ tiền sắm sửa các thứ.

Người vợ bằng lòng ngay, cả hai cùng đi đến một nhà phú hộ. Nhà này sẵn lòng mướn hai vợ chồng làm việc một buổi chiều hôm ấy để chuẩn bị cho việc cúng dường hôm sau. Họ mướn Chúa Nghèo già gạo, còn bà vợ thì gánh nước. Hai vợ chồng làm việc rất hăng hái, nét hân hoan lộ hẳn trên gương mặt, đến nỗi chủ nhà hỏi nguyên do. Khi được biết họ làm mướn để có tiền mua thực phẩm cúng dường một vị tỳ kheo, phú ông cảm khái, trả công gấp bội. Với số tiền nhận được họ mua một ít gạo thơm hảo hạng, trái cây quý và một ít đồ vụn vĩnh để nấu nướng.

Sáng hôm sau, Chúa Nghèo dậy sớm đi hái rau bên bờ sông về cho vợ làm thức ăn. Một người đánh cá hỏi:

- Chúa Nghèo hái rau làm gì sớm Thế?

- Tôi hái rau để cúng dường một vị tỳ kheo.

- Thế à! Vị nào ăn rau của Chúa Nghèo cúng dường chắc hên lắm đấy. Nay, làm hộ tôi việc này được chăng?

- Làm gì?

- Đây tôi có mấy xâu cá, Chúa Nghèo đi bán giùm. Tôi bán coi lưới. Mỗi xâu hai đồng.

- Được.

Chúa Nghèo xách cá đi bán một chốc đã hết, đem tiền về giao cho chủ.

- Nay Chúa Nghèo, tặng Chúa Nghèo một ít tiền đây, về mà sắm thức ăn cúng dường.

Chúa Nghèo sung sướng đem rau và tiền về cho vợ.

Khi ấy, từ trong tinh xá của ngài, Phật Ca Diếp đã biết một người nghèo đang thành tâm sửa soạn cúng dường một vị tỳ kheo. Ngài cũng biết rằng tất cả chúng tỳ kheo đã được phân phối đi vào các gia đình phát tâm cúng dường, mỗi nhà cúng một số vị. Duy chỉ có nhà Chúa Nghèo bị bỏ quên, vì Chúa Nghèo chỉ cúng có một vị, người phở khuyến quên ghi, nên không còn một vị nào cho Chúa Nghèo cúng cả. "Vậy chỉ còn Ta để cho Chúa Nghèo gieo phước" đức Phật nghĩ thế, và ngài lấy làm hoan hỉ, vì chư Phật vốn thương những kẻ khốn cùng. Vừa khi Phật có ý định ấy, thì vua trời Đế Thích cảm thấy chiếc ngai ông đang ngồi lay động. "Có chuyện gì thế nhỉ?" Vua trời ngẫm nghĩ, và biết rằng chính tấm lòng thành khẩn của Chúa Nghèo dưới trần Thế đã làm chấn động đến thần tiên. "Ta phải giúp Chúa Nghèo một tay để chuẩn bị thực phẩm cúng dường đức Phật." Đế Thích bèn rủ bà vợ rời cung trời bay xuống nhân gian hóa làm hai vợ chồng nghèo khó đi làm mướn. Đến nhà Chúa Nghèo, Đế Thích hỏi:

- Nhà có gì làm không? Cho chúng tôi phụ giúp.

- Ông bà ôi, chúng tôi có nhiều việc lắm, nhưng không có tiền để trả công ông bà đâu.

- Bạn làm gì thế?

- Chúng tôi làm thức ăn cúng dường một vị tỳ kheo.

- Ô, việc phước ấy chúng tôi cũng muốn hùn. Chúng tôi không cần trả công đâu.

- Vậy thì tốt lắm, ông bà hãy giúp chúng tôi sắm sửa thức ăn.

Hai ông bà Đế Thích bước vào nhà Chúa Nghèo, Đế Thích bảo:

- Bây giờ, để chúng tôi làm thức ăn cho. Bạn hãy đi mời vị tỳ kheo của bạn ơi.

Chúa Nghèo ra đi, đến nơi người đã phổ khuyến hôm qua để hỏi vị tỳ kheo nào sẽ nhận lời đến nhà mình, và đi thỉnh vị ấy. Nhưng người ấy nói:

- Ô bạn ơi, tôi quên băng đi mất. Không còn một tỳ kheo nào cho Chúa Nghèo cúng nữa, vì tất cả đều đã nhận đi các nhà khác rồi.

Không thể nào tả nỗi tuyệt vọng lớn lao của Chúa Nghèo lúc ấy. Chúa đấm ngực, lăn ra mà khóc:

-Trời đất ôi! Bạn hại tôi rồi! Suốt hai hôm qua, chúng tôi làm việc tối mắt tắt đèn để chờ đợi bữa trưa nay cúng dường một vị tỳ kheo! Vậy mà bây giờ bạn bảo không còn vị nào! Bạn phải cho tôi một vị tỳ kheo! Không thì tôi chết mất. Hu hu.

Quần chúng bu lại xem đông. Người kia bồi rôi năn nỉ:

- Này Chúa Nghèo, xin Chúa đừng làm tội tôi nữa. Tôi lỡ đi mà. Chúa tha cho tôi đi.

- Không biết! Phải cho tôi một vị tỳ kheo! Hù hu, hu hu.

Túng quá, người kia đánh bạo đề nghị:

- Thôi Chúa Nghèo hãy đứng dậy. Tôi bày cách này. Đấng đạo sư chưa nhận lời mời của ai, vì rất đông vua chúa đại thần đều muốn thỉnh Ngài. Vậy bạn hãy tới thỉnh Ngài đi. Ngài rất thương những kẻ nghèo, chắc Ngài sẽ nhận lời bạn đấy. Ngài đang ngồi trong tinh xá nói pháp cho các bậc thượng khách kia.

Chúa Nghèo nghe lời, đứng lên đi đến tinh xá. Vua và đình thần đang nghe pháp, thấy Chúa Nghèo tiến tới thì ngăn lại, vì họ tưởng Chúa đến xin đồ ăn thừa:

- Chúa Nghèo, chưa đến giờ ăn đâu.

- Tôi biết. Tôi đi thỉnh Phật về nhà tôi thọ trai.

Đức Phật mỉm cười, chìa cái bình bát của Ngài ra, trao cho Chúa Nghèo một cách thân mật. Chúa Nghèo đỡ lấy bảo vật trong đôi tay run lên vì sung sướng. Chúa ôm lấy bình bát của Phật vào lòng, mặt mày hớn hở như đứa trẻ vừa được kẹo. Các ông hoàng chạy theo đề nghị:

- Chúa Nghèo, hãy nhường cái bát ấy cho ta cúng thức ăn cho Phật. Ta sẽ cho Chúa Nghèo một ngàn đồng.

- Không bao giờ tôi nhường cho ai cái bát này, dù có đôi bạc triệu.

Chúa Nghèo trân trọng ôm bình bát của Phật về nhà để bày thức ăn. Vua đang ngồi gần Phật, ngẫm nghĩ: "Lão Chúa Nghèo chắc chẳng có gì ngon lành mà cúng đức Thế tôn đâu. Chi bằng ta sắm sẵn các thức ăn thượng vị đựng trong cái bình bát khác, chờ khi Chúa Nghèo dâng lên Phật ta sẽ đổi thức ăn của ta cho Phật dùng".

Đến giờ thọ thực, Phật Ca Diếp đến nhà Chúa Nghèo. Vua đi theo với ý định như trên. Nhưng khi Phật vào nhà Chúa Nghèo, Đế Thích hóa trang đã dâng Phật một bát đầy thức ăn mùi thơm bay khắp không gian. Vua bẽn lễn cáo từ Phật trở về.

Do phước báu cúng dường Phật Ca Diếp, Chúa Nghèo được sanh lên cõi trời cho đến khi Phật Thích Ca ra đời mới trở xuống trần thế, sanh vào một nhà thí chủ thân tín của nhà Xá Lợi Phất. Khi mang thai Chúa Nghèo, người mẹ bỗng thông minh khác thường. Người trong gia đình ai có bệnh tật gì đều được khỏi, và trở nên thông tuệ. Do đó hài nhi được tôn giả Xá Lợi Phất đặt tên là Hiền Trí. Khi lên bảy, Hiền Trí xin mẹ xuất gia làm đệ tử tôn giả.

Tôn giả dạy cho chú tiểu những uy nghi phép tắc phải theo trước khi vào thành khất thực. Lần đầu tiên ôm bát theo hầu thầy ra đường, chú tiểu hỏi Ngài khi thấy một con đê:

- Bạch Tôn giả, kia là cái gì?

- Chú tiểu, đấy là một con đê.

- Bạch Tôn giả, con đê dùng để làm gì vậy?

- Để dẫn nước đi khắp nơi nào mà người ta muốn.

- Nhưng bạch tôn giả, nước có hiểu biết gì không?

- Không đâu, chú tiểu. Nước là vật vô tri vô giác.

- Bạch tôn giả, Thế thì người ta có thể hướng dẫn một vật vô tri vô giác đến bất cứ chỗ nào người ta muốn hay sao?

- Chính vậy, chú tiểu.

Hiền trí nghĩ: "Nếu người ta có thể hướng dẫn một vật vô tri tùy theo ý muốn, thì tại sao ta không thể nhiếp phục tâm ý của mình để chứng A La Hán quả?"

Đi thêm một quãng, chú thấy những người làm tên đang hơ những cây tên trên lửa và nheo mắt nhắm để uốn chúng cho thẳng. Chú tiểu hỏi:

- Bạch tôn giả, họ làm chi vậy?

- Họ đang uốn những cây tên cho thật thẳng.

- Cây tên có lý trí không?

- Không, nó là vật vô tri.

Chú tiểu nghĩ: "Nếu người ta có thể uốn nắn một vật vô tri cho thẳng theo ý muốn, thì ta cũng có thể nỗ lực điều phục tâm ý để chứng A La Hán quả".

Một lát sau, hai thầy trò gặp những người thợ mộc đang đẽo bánh xe, chú lại hỏi:

- Bạch Tôn giả, họ làm gì thế?

- Đây là thợ mộc đang đẽo bánh xe.

- Bánh xe có lý trí không?

- Không, bánh xe chỉ chạy theo ý người muốn!

Chú tiểu nghĩ: "Nếu người ta có thể lấy gỗ làm ra những bánh xe để chạy theo ý muốn mình, thì tại sao ta không thể điều phục tâm ý của chính mình?"

Khi ấy chú tiểu trao y bát cho thầy và bạch:

- Bạch Tôn giả, con muốn trở về.

Tôn giả Xá Lợi Phất không nói một lời, đỡ lấy y bát trên tay chú tiểu. Chú tiểu vái chào thầy xong còn quay đầu lại dặn tôn giả:

- Bạch Tôn giả, khi nào Ngài đem thức ăn về cho con, xin Ngài chỉ cho con toàn một thứ đậu chiên vàng ngon nhất ấy.

- Ở đâu ta có thể kiếm được những thứ ấy, chú tiểu?

- Bạch Tôn giả, nếu Ngài không thể kiếm được nhờ phước đức của Ngài, thì Ngài cũng sẽ kiếm được do phước đức của con.

Tôn giả Xá Lợi Phất vốn rất cẩn thận. Ngài sợ chú tiểu ngủ ngoài trời có thể bị rắn cắn, hay sâu bọ đốt, bởi Thế Ngài trao chìa khóa cho chú tiểu và bảo:

- Hãy mở cửa tịnh thất của ta mà vào.

Chú tiểu vâng lời. Vào phòng tôn giả, chú bắt đầu tịnh tọa thiền quán. Khi ấy Đế Thích ở trên trời cảm thấy chiếc ngai rung động, và nhận ra rằng chú tiểu Hiền Trí đang ngồi thiền quyết chứng quả A La Hán trong ngày đó, nên Ngài muốn giúp chú một tay. Ngài bảo thần mặt trời phải đi chậm lại, kéo dài buổi sáng ra trọn ngày, và sắc cho tứ thiên vương đứng gác bốn góc chùa, đuổi hết tất cả chim chóc ra khỏi vườn để đừng gây tiếng động. Do đó, tinh xá Cấp cô độc trở nên yên tịnh lạ thường. Thỉnh thoảng mới có một âm thanh rất nhỏ gây nên bởi một chiếc lá khô lìa cành rơi xuống.

Trong khi ấy, Tôn giả Xá Lợi Phất vào nhà người thí chủ quen biết để khát thực. Gia chủ vừa mua về nhiều bánh tào hủ chiên vàng, đem đặt vào bát Ngài. Tôn giả định đem về cho chú tiểu như lời chú dặn, nhưng gia chủ xin thỉnh tôn giả cứ dùng, sẽ còn phần khác để tôn giả đem về. Tôn giả ngồi lại thọ thực.

Đúng lúc ấy, từ tư thất của Ngài, đức Đạo sư quan sát bằng Phật nhãn thanh tịnh thấy chú tiểu có thể chứng quả A La Hán trong vòng vài giờ nữa. Nhưng nếu Tôn giả Xá Lợi Phất trở về lúc này, đem thức ăn vào phòng cho chú tiểu thì sẽ lỡ mất dịp đắc quả của chú. Do đó, đức Phật quyết định đi đến tịnh thất của tôn giả để đón đường. Vừa khi tôn giả trở về, Ngài gặp ngay đức Đạo sư đứng trước cửa. Tôn giả thi lễ, đức Đạo sư hỏi vị đệ tử thông tuệ của Ngài một số câu hỏi trong luật tạng, chỉ cốt để câu giờ, chờ cho chú tiểu đắc quả. Khi biết Hiền Trí đã chứng quả. Ngài bảo Tôn giả Xá Lợi Phất:

- Bây giờ này Xá Lợi Phất, hãy đem thức ăn vào cho chú tiểu Hiền Trí đi.

Tôn giả gõ cửa. Chú tiểu bước ra đỡ lấy bát trên tay Ngài đặt xuống một nơi, rồi bắt đầu quạt cho Ngài. Tôn giả bảo:

- Này chú, hãy ăn sáng đi.

- Bạch tôn giả, còn tôn giả thì sao?

- Ta đã ăn rồi.

Khi ấy chú tiểu mới ngồi xuống quán tưởng năm điều rồi thọ thực. Khi chú đã ăn xong, rửa bát và dọn dẹp xong, thì mọi sự mới trở lại bình thường: mặt trời bắt đầu lặn, trăng từ từ lên, Tứ Thiên Vương hét canh gác bốn góc chùa. Đề thích trở về thiên cung ngồi vào chiếc ngai vàng thường lệ. Chúng tỳ kheo bảo nhau:

- Thật kỳ lạ! Hôm nay buổi sáng hầu như dài suốt cả ngày, mà buổi chiều ngắn có một khoảnh khắc. Tại sao thế nhỉ?

Đức Đạo sư giải thích:

- Đúng thế, này các tỳ kheo, chính vì chú tiểu bảy tuổi kia phát tâm chứng quả A La Hán, mà tất cả trời Đề thích, Tứ Thiên Vương, thần mặt trời, thần mặt trăng đều hỗ trợ cho công việc của chú ấy. Và chính đức Như Lai cũng đã bỏ cả giờ nghỉ ngơi để canh chừng cho chú bé, một người nhân quan sát con đê dẫn nước, thợ làm tên, người làm bánh xe, mà quyết tâm nỗ lực thiền định để chứng quả.

"Người đào đê dẫn nước, người làm tên uốn tên, thợ mộc đẽo gỗ, còn người trí thì lo điều phục tâm mình". (Pháp cú 80)

---o0o---

28. MÃNH LỰC LỜI NGUYỆN

Một hôm, sau khi khát thực, thợ trai xong trở về Kỳ Viên tinh xá, đức Thế tôn được báo cáo có một vị Tân tỳ kheo (tỳ kheo mới thụ giới) lâu nay bỗng dưng ra thần thờ, biếng nhác không chịu đi khát thực, không tọa thiền, không ăn uống. Phật đi đến am thất của vị tỳ kheo ấy, thì thấy đại đức râu tóc mọc dài, mặt mày tiều tụy hốc hác, Phật biết ngay đây là tình trạng của một người đã bị một con hổ cái hớp hồn. Đấng Từ bi khẽ ngồi xuống cạnh giường người bệnh, ôn tồn thăm hỏi. Vị đệ tử sa nước mắt thú thật với Ngài:

- Bạch Thế tôn, mong Thế tôn cứu vớt con, thực sự con đã bị nữ sắc lôi cuốn. Con cố chống cự mà dường như vô hiệu, hình ảnh "nàng" mãi ám ảnh tâm tư con, làm cho con đau khổ. Con thật không xứng đáng là tỳ kheo. Con muốn chết.

Đức Phật mỉm cười an ủi:

- Con hãy bình tĩnh lại. Mê gái là chuyện thường. Điều cốt yếu là con hãy sáng suốt vượt qua, không có gì trầm trọng cả.

- Bạch đức Thế tôn, làm sao con vượt qua được, khi hình ảnh mỹ miều khả ái của nàng cứ ám ảnh con hoài?

- Đó là vì con mới nhìn qua một lần, mà không nhiếp tâm quán sát. Con chỉ thấy một cái đẹp mà chưa thấy những cái xấu, cái nguy hiểm của nữ sắc. Nếu con thấy được toàn diện như thế, thì con sẽ thoát ra khỏi sự đam mê. Đối với sắc, cần phải quán ba điều: vị ngọt, nguy hiểm, và sự xuất ly khỏi sắc.

Rồi đức Thế tôn kể cho vị tỳ kheo một mẫu tiền thân: Ngài cũng đã từng bị nữ sắc mê hoặc, nhưng nhờ sáng suốt mà Ngài đã vượt qua.

Thuở ấy, Ngài làm một vị vua trẻ đẹp, tài đức vẹn toàn. Vì ham việc nước, vua chưa nghĩ đến việc tuyển hoàng hậu. Giúp vua trị nước có quan tể tướng, phong tư tài mạo tuyệt vời, mà cũng chưa có vợ. Tình vua tôi tuy lễ độ mà rất tương đắc.

Bấy giờ trong lãnh thổ của vua có một nhà tử phú có cô con gái sắc nước hương trời, xa gần đều biết tiếng. Cô có một sắc đẹp mê hồn, làm cho thanh niên nào thấy cô là "tá hỏa tam tinh", hồn xiêu phách lạc, té ngựa người ra bất tỉnh nhân sự. Cũng may cho những thanh niên, cha cô quý cô như lá ngọc cành vàng, và theo phong tục Ấn độ thời đó, đàn bà con gái ra đường phải che mặt lại bằng một tấm voan mỏng (chỉ chừa hai con mắt để dòm ra cho thấy đường khỏi vấp té), cho nên ít người đàn ông nào có dịp thấy cô mà phải tán đờm kinh hồn.

Vì sao cô gái đẹp ấy lại có một số phận kỳ quái như vậy? Đó là mãnh lực lời nguyện của nàng từ kiếp trước.

Tiền thân nàng là một cô gánh nước mướn nghèo khó. Một hôm đi gánh nước, cô gặp một bà mục chiếc "sari" (kiểu áo của phụ nữ Ấn, chỉ là một

tắm vải rộng quần quanh mình, phủ cả đầu, chừa cái mặt) bằng mút-xơ-lin vàng rất đẹp, cô ao ước được một chiếc sari như vậy, và hỏi, bà đã mua nó bao nhiêu tiền. Bà ta cho biết một giá tiền kinh khủng, nhằm tính ra cô phải gánh nước thuê những mười năm mới đủ tiền sắm nó. Nhưng vì quá yêu thích chiếc áo đẹp, cô nhất định phải có nó. Bà kia thấy cô khát khao như vậy, bèn đề nghị cô đến làm nô tỳ ba năm bà sẽ cho một chiếc áo giống hệt áo bà đang mặc. Cô gái đồng ý ngay.

Mãn hạn nô tỳ ba năm, cô được xấp hàng mới đem về, trở lại với cuộc đời tự do gánh nước mướn. Khi cầm xấp hàng đi giữa đường, cô gặp một vị tỳ kheo, người quần toàn là chuối khô để che thân. Ngạc nhiên cô hỏi, thì được biết vị ấy đi đường bị kẻ cướp đoạt hết y phục, nên bây giờ phải quần tạm bằng lá chuối khô như vậy. Động lòng trắc ẩn, cô dâng cả xấp hàng cho vị tỳ kheo. Vị tỳ kheo đi vào bụi rậm trút bỏ lá chuối khô, khoác lên mình chiếc y vàng ấy. Khi Đại đức từ trong bụi bước ra, người con gái bàng hoàng sửng sốt trước vẻ đẹp sáng chói của Ngài, tưởng như Phật vừa giáng thế. Nàng quỳ xuống phát nguyện:

- Mong rằng nhờ phước dâng mảnh y phục này, kiếp sau con sẽ được một sắc đẹp siêu phàm, làm cho nam nhi thấy con phải mê mẩn, rụng rời tay chân, (như là con thấy Ngài vậy!)

- Con sẽ được toại nguyện!

Vĩ đại đức chúc lành cho cô rồi bỏ đi.

Lời nguyện quái ác của cô gái được thành tựu. Nhờ công đức bố thí đó, kiếp hiện tại cô được sinh vào nhà giàu có, nhưng cũng do lời nguyện, cô được cái sắc đẹp làm mê mẩn hồn người như một bà phù thủy.

Bấy giờ trong triều, đình thần bàn nhau:

- Đấng Minh quân của chúng ta đã đến lúc nên tuyền ngôi chánh cung, để sanh con nối dõi. Không biết cặp mắt xanh của Ngài đã để lọt vào ai chưa?

Quan tể tướng nói :

- Tôi thường gần vua, thấy Ngài chỉ lo việc dân việc nước, không màng tới chuyện ấy.

- Vậy thì quan tể tướng nên khuyên vua để cho chúng ta tuyển chọn một số mỹ nhân, xem ngài vừa ý ai thì xin ngài đặt lên ngôi chánh cung đi. Tục ngữ có câu: Trai không vợ như ghé ba chân.

Quan tể tướng bằng lòng. Gặp lúc cùng vua nhàn tản, ông mở lời:

- Tâu bệ hạ, bọn hạ thần có trộm bàn chuyện bệ hạ nên sớm yên bề gia thất.

Vua mỉm cười:

- Bộ các khanh đã nhắm có mỹ nhân vừa ý, toan kén chọn cho ta ư?

Quan tể tướng tâu:

- Dạ, tâu bệ hạ, bọn hạ thần nghe tục ngữ nói, "trai không vợ như ghé ba chân", nên bàn nhau xin bệ hạ cho đi tuyển về một số mỹ nhân để mắt Rồng chọn lựa.

Vua cười xòa:

- Các khanh muốn vậy cũng được. Nhưng nếu không kén chọn được người ngọc như ý thì ta thà ở goá thôi!

- Xin bệ hạ yên lòng, chúng thần sẽ ra sức tìm kiếm. Nghe đồn có một tỷ phú ở phương Bắc có cô con gái sắc nước hương trời.

- Sao khanh không chọn nàng cho khanh đi? Khanh cùng tuổi với ta, mà sao mắt xanh chưa để ai lọt vào cả?

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần muốn lo việc bệ hạ trước, kẻ hạ thần tính sau cũng chưa muộn gì.

Được lệnh vua, triều đình mở cuộc sơ tuyển mỹ nhân khắp nước. Tụ họp lại thì quá đông, họ bèn yết bằng khắp nơi và cho người đi rao bằng ống loa rằng, nhà ai có gái đẹp hãy nộp hồ sơ gồm một tấm hình, các chi tiết về người đẹp như bề cao, cân nặng, vòng ngực, vòng eo, lưng ong, lưng tôm, hay lưng ếch, giọng kim hay giọng thô, đi chân chữ bát hay chữ nhất... Chỉ trong vòng hai tuần lễ, hồ sơ mỹ nhân gửi đến triều đình tới tập như bướm bướm. Xem xong mấy ngàn tấm hình họa các mỹ nhân, nhà vua không vừa ý người nào cả. Quan tể tướng cũng đồng ý với vua, không có người nào xứng

đáng trong số đó. Ông bỗng sực nhớ ra, trong số mấy ngàn hồ sơ không hề thấy hồ sơ của cô gái nhà tỷ phú nọ. Ông bàn với vua:

- Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần xin cử một phái đoàn của triều đình gồm những quan giỏi tướng số đi đến nhà tỷ phú ấy, xem tướng cô gái đó đẹp như thế nào. Nếu quả xứng đáng, vừa ý nhà vua, thì xin tuyển làm chánh cung.

Nhà vua chấp thuận đề nghị ấy. Quan tể tướng bèn chọn mười viên quan giỏi về nhân tướng và lý số đi đến nhà tỷ phú xem mặt cô gái. Người thì có biết tài xem tướng mặt, người xem tướng lưng, người xem tướng đi, tướng đứng, tướng ngồi, tướng giọng nói mắt nhìn... sao cho tất cả con người của cô đều biểu lộ cung cách của một vị hoàng hậu xứng với đức vua đẹp trai phong nhã tài tình của họ. Sắp đặt xong xuôi, triều đình báo tin cho ông tỷ phú sẽ có phái đoàn về xem tướng con gái ông để tuyển làm hoàng hậu. Cô gái rất kiêu hãnh về sắc đẹp của mình nên đã không thèm nạp hồ sơ, cô biết cuối cùng ngôi chánh cung sẽ lọt về tay cô, bởi vậy cô không thèm bận tâm về chuyện đó. Khi nghe cả đoàn mười vị quan triều đình đến nhà để xem tướng cô, cô cảm thấy tự ái nổi lên dữ dội, định bụng sẽ cho các quan này một phen sỉ nhục ê chề. Cô trang điểm hết sức lộng lẫy, chờ khi các quan vào tới phòng khách, cô từ nhà trong xuất hiện, đưa cặp mắt sắc như dao phay liệc qua liệc lại một lượt các ông quan. Bỗng các quan đều đứng ngẩn người ra như phỗng đá nhìn trừng trừng vào sắc đẹp mê hồn của cô. Cô cất giọng oanh vàng thỏ thẻ:

- Xin mời các quan ngồi. Dám hỏi các quan đến có điều chi dạy bảo?

Các quan vẫn không nhúc nhích. Cô gái bỗng đổi giọng đanh thép giận dữ nói:

- Nghe đồn triều đình hôm nay phái người về xem tướng ta. Tướng là người, hóa ra là một lũ ngòm Thế kia à?

Rồi quát gia nhân túm từng người ném ra sân. Cô gái thi hành xong việc trả đũa, đứng đĩnh đi vào nhà đóng cửa lại. Khi các quan không còn trông thấy bóng dáng cô gái thì ma lực của sắc đẹp nàng cũng tan biến. Họ lồm cồm đứng lên phui áo ra về, rất tức giận cô gái và quyết trả đũa. Khi trở về họ tâu vua:

- Tâu bệ hạ, cô gái ấy là một mụ phù thủy có bùa ngãi, bệ hạ không nên rước cái của nợ ấy về, nguy lắm!

Nhà vua dễ dãi cười xòa:

- Vậy thì hãy thôi. Tự các khanh bày đặt, chứ ta đâu thiết gì tới chuyện đó.

Về phần nhà tỷ phú, khi chờ mãi không thấy nhà vua đề cập đến việc tuyển con gái mình làm hoàng hậu, ông bàn với con:

- Ta sẽ gả con cho quan tể tướng, con chịu không?

Cô gái làm bộ e lệ đáp:

- Tùy ý cha.

Thâm tâm cô cũng nghĩ đó là thượng sách, để trả thù ông vua kiêu căng không thèm đoái hoài tới cô. Tể tướng chỉ dưới vua một bậc. Tuy cô không được làm hoàng hậu, nhưng được làm mệnh phụ "phu nhân" thì cũng tốt số lắm rồi.

Ông tỷ phú cho người đến nói với quan tể tướng, ông muốn gả con gái cho người. Quan tể tướng thấy nhà vua lơ là với việc vợ con, nên không dám gượng ép ngài thêm nữa. Lâu nay quan vẫn muốn dành mỹ nhân ấy cho vua, bây giờ sau vụ xem tướng, cái nhân duyên giữa vua và nàng kể như đã lỡ. Quan bèn chấp thuận cưới cô gái, vì quan cũng không muốn làm "ghế ba chân" mãi, lỏng chỏng thế nào!

Thế là đám cưới xảy ra giữa quan tể tướng và cô con gái nhà tỷ phú. Nhờ tục lệ che mặt, nhà vua tuy có dự đám cưới cũng không thấy mặt nàng nên khỏi bị ngơ ngẩn thần hồn. Chỉ mình quan tể tướng sau khi cưới về mới ngơ ngẩn trước sắc đẹp siêu phàm của vợ (chỉ một lúc đầu thôi, sau quen mắt thì không sao.) Quan từ đây cẩn thận khóa cửa mỗi khi vào triều, để cho bà vợ có sắc đẹp mê hồn khỏi bị ai thấy, đúng hơn khỏi ai bị thấy, mà phải bận loạn tinh thần.

Tể tướng phu nhân vẫn ôm lòng thù hận nhà vua, và muốn vua phải thấy mặt mình một phen, cho bị thất điên bát đảo, cho bõ ghét. Bà để tâm chờ cơ hội...

Hôm ấy gặp ngày mừng quốc khánh. Quan tể tướng vào triều sớm, dặn nàng:

Hôm nay có xe loan của Hoàng thượng đi ngang đường mình để về cung sau khi xem duyệt binh. Vào giờ xe vua đi ngang em hãy lánh mặt kéo vua nhìn thấy, không hay cho Ngài.

Phu nhân giả bộ vâng lời :

- Thưa lang quân, vâng ạ.

Nhưng trong lòng nàng mừng khắp khởi vì được dịp báo thù. Đúng giờ vua đi ngang bà trang sức lộng lẫy, ra đứng ở bao lơn cầm sẵn một rổ hoa bóc từng nắm tung xuống xe hoa của vua đang chậm chạp đi qua dưới đường, trước tiếng tung hô "Vạn tuế" của dân chúng. Những cánh hoa tươi thơm ngào ngất mưa xuống đầy long bào nhà vua. Vua ngẩng lên nhìn thì chao ôi! Ngài bủn rủn cả tay chân, tâm thần tán loạn không còn biết gì nữa... Đôi mắt mỹ nhân đăm đăm theo dõi nhà vua mãi như một oan hồn. Trở về cung vua leo lên long sàng nằm dài, không thiết gì ngủ nghỉ, ăn uống. Hình ảnh mỹ miều của Tể tướng phu nhân như dán chặt trước mắt nhà vua. Đau khổ, vua thở dài thườn thượt.

Quan tể tướng biết rõ sự tình, bèn đi vào bên vua tâm sự: - Tâu bệ hạ, kẻ hạ thần xin nhường lại cô vợ cho bệ hạ đó. Xin bệ hạ hãy hồi tỉnh để lo việc nước việc dân.

Vua nói gằn như khóc:

- Khanh tốt bụng quá, làm cho ta thấy hổ thẹn. Không bao giờ ta lại nỡ đi cướp một báu vật của Khanh.

- Tâu bệ hạ, đối với kẻ hạ thần, chỉ có hoàng thượng là kho báu của cả muôn dân. Để bảo vệ mạng sống của Ngài, thì dù có mất mạng hạ thần cũng vui lòng, huống hồ chỉ là một người con gái.

Nhà vua vẫn tư lự âu sầu, không thuận lời đề nghị hiện dâng ấy. Quan tể tướng bèn đánh một đòn mạnh hơn.

- Thôi thì kẻ hạ thần sẽ viết tờ khai trừ bà vợ, cho nàng về lại nhà cha mẹ. Bệ hạ muốn thì tuyển nàng vào cung, mà không muốn thì thôi, kẻ hạ thần cũng nhất quyết ly dị .

Nhà vua giật mình ngồi dậy mở lớn mắt nhìn quan tể tướng:

- Nàng có tội gì mà Khanh nữ dứt tình với nàng như vậy?

Thấy vua đã trúng kế mình, quan tể tướng bồi thêm một đòn chí tử:

- Nàng có tội rất lớn, đã đem sắc đẹp mê hoặc nhà vua, làm cho vua cột trụ của muôn dân phải tiêu ma chí khí, thân bại danh liệt. Tội ấy đáng tru di.

Nghe mấy lời ấy, nhà vua như bị một gáo nước lạnh dội từ trên đầu dội xuống, làm cho Ngài tỉnh hẳn, khỏi ma lực của nữ sắc. Ngài cười xòa đứng dậy:

- Tể tướng, thôi, ta đã hiểu. Mọi sự chỉ vì ta mê muội lú lẫn trong chốn lát. Khanh sẽ thấy, cũng như đã thấy, là ta không phải hạng mê gái tới chết đâu. Khanh hãy yên tâm ra về. Bùa lực của nàng đã tan biến nơi ta.

Kể xong chuyện, đức Thế tôn cho biết nhà vua là tiền thân của Ngài, còn quan tể tướng chính là A Nan tôn giả ngày nay.

-ooOoo-

29. NGŨ XÚ NƯƠNG

Thuở ấy tại một xóm nghèo trong khu tồi tàn của xứ Ấn, có một cô gái đến tuổi cập kê (tức là tuổi có thể lấy chồng) mệnh danh là Ngũ xú nương, vì cô quá xấu. Sắc của cô đủ năm vẻ xấu của mặt mày, hai tay và hai chân, nên được mệnh danh như vậy. Trẻ con mới thấy mặt cô đều phải khóc vì hãi sợ. Nhưng cô có một xúc giác rất êm ái đến nỗi ai động tới người cô đều cảm thấy khoan khoái vô cùng. Trẻ con thấy cô đều khóc thét, nhưng khi được cô ẵm lên thì lại không muốn rời ra nữa. Bởi vì sự xúc chạm người cô gây cho chúng một cảm giác êm ái lạ lùng, không khác gì được ấp ủ trong vòng tay của mẹ.

Tại sao cô lại chịu số phận kỳ quái như vậy? Tại vì kiếp trước cô là con gái của một thợ gốm nghèo. Một hôm, có một vị tỷ kheo đi khất thực đến nhà, cô đã không cúng dường mà còn xua đuổi vị ấy bằng những lời chua ngoa. Trước sự ngu si của cô bé, vị tỷ kheo động lòng từ bi muốn gieo cho cô một ít phước lành của sự bố thí, bèn bảo:

- Nếu cô không có cơm để bố thí, thì hãy cho bản tăng một ít đất sét vậy.

Cô gái vào nhà lấy một ít đất sét nắn đồ gốm đem bố thí vị tỷ kheo mà bảo:

- Đó! đi cho khuất con mắt cho rồi. Cái ông lý lợm!

Do lời mắng nhiếc và thái độ bực tức của cô khi bố thí, kiếp này cô phải bị quả báo là nhan sắc xấu xí vô cùng cực. Nhưng do sự bố thí đất sét cho vị tỳ kheo nên kiếp này cô được quả báo có một xúc giác êm dịu thần tiên.

Vì quá xấu, nên tuổi đáng lấy chồng mà cô vẫn còn được nhân nhả rong chơi với bọn trẻ con suốt ngày trong xóm. Bảy giờ đức vua có thói quen giả dạng thường dân đi vào các khu lao động để xem xét dân tình mà chỉnh đốn đời sống của họ. Một hôm vua đến xóm Ngũ xú nương vào lúc xẩm tối. Ngũ xú nương lúc ấy đang chơi bịt mắt bắt dê với tụi trẻ. Nàng bịt mắt quơ tay chụp bọn nhỏ đang reo hò né tránh. Đức vua giả dạng đi qua bị nàng quơ trúng. Ngũ xú nương hớn hờ reo lên:

- Thăng cột!

- Không phải!

- Thăng kèo!

- Không phải!

Nàng tiếp tục gọi tên năm bảy đứa đều trất lất, bèn thả tay ra. Trong lúc đó đức vua như chết điếng cả người vì một khoái lạc thần tiên. Ngài chưa bao giờ thưởng thức một sự xúc chạm nào êm ái kỳ diệu như vậy, dù đang sống trong nhung lụa gấm vóc, được đoanhyd vậ bởi vô số cung nữ nhan sắc diễm kiều. Trước sự chạm xúc của Ngũ xú nương lần đầu tiên, ngài cảm thấy bao nhiêu phi tần đều vô dụng, nên cho về vườn hết. Ngài chỉ cần một nàng này là đủ. Nhà vua giả dạng mặc dù đã được Ngũ xú nương buông ra, vẫn đứng trơ như phỗng đá... không muốn dời chân. Ngài đứng nhìn nàng tiếp tục trò chơi bịt mắt bắt dê trong bóng mờ. Cho tới khi trời tối, bọn trẻ thấm mệt giải tán, Ngũ xú nương đứng đĩnh về nhà. Vua lẽo đẽo theo chân cô gái. Vừa đi vừa tưởng tượng nhan sắc của nàng chắc cũng đến chim sa cá lặn, vì sự xúc chạm của nàng êm ái là thế. Vua muốn đến tận nhà nhìn cho rõ mặt hơn. Ngài nhất quyết đặt cô bé lên ngôi chánh cung hoàng hậu.

Vừa đi ngài vừa hỏi cô bé (vua vẫn giả bộ thường dân):

- Nay em, qua muốn hỏi em về làm vợ, em có bằng lòng không?

Cô bé cười lớn:

- Ha ha! Ông muốn cưới tôi hả? Cha mẹ tôi nghèo lắm không có gì cho ông đâu! Chưa bao giờ ai hỏi tôi như vậy cả.

- Qua không cần của hồi môn, tiền bạc gia tài chi cả. Qua chỉ muốn sống gần em mà thôi.

Cô bé vẫn cười một cách hồn nhiên, chẳng tỏ chút gì e lệ:

- Ha ha, cái ông này thật kỳ! Ông hỏi mẹ tôi đi. Tôi không biết!

- Vậy thì em đưa qua về nhà hỏi mẹ nhé?

- Được! Ông cứ đi theo tôi.

Vua mừng khấp khởi, đi theo cô bé về nhà. Vừa bước vô căn nhà lá lợp xấp, cô bé đã gọi lớn:

- Mẹ đi! Có cái ông này muốn cưới con về làm vợ đây nè!

- Tốt! Thằng nào mà mê cái nhan sắc của mày đó, chắc là đồ ma chê quỷ hờn, thân sâu quỷ khốc mới thèm vào cái thứ mày!

Bà mẹ vừa nói vừa bung cây đèn dầu đi ra để giữa nhà. Dưới ánh đèn leo lét, vua thấy mặt mày Ngũ xú nương, thật kinh hồn vía. Nhưng bùa lực sự xúc cảm của nàng vẫn mãnh liệt nơi vua, vua nhất quyết cưới nàng dù nàng xấu hơn Chung Vô Diệm. Trong phút chốc, vua đã định đoạt xong chương trình, vì say mê nàng quá đỗi. Chương trình ấy là, hàng ngày sau khi công việc triều đình xong xuôi, ngài sẽ cải dạng thường dân về nhà nàng vào lúc chiều tối, sáng sớm lại trở về cung. Như vậy vua sống được với nàng mà khỏi bị chê cười. Ngài chắc chắn, nếu rước Ngũ xú nương về cung, thì triều đình sẽ cho là ngài loạn óc mới tuyển vào ngôi chánh hậu một Chung Vô Diệm như thế.

Bởi vậy vua đề nghị với bà mẹ:

- Thưa bác, cháu muốn cưới cô em này, nhưng cháu chưa có nhà riêng, xin bác cho cháu tạm "gởi rể". Ban ngày cháu đi làm, tối về nhà vợ. Khi nào đủ tiền sắm nhà cháu sẽ đưa nàng đi.

- Được, nếu ông chịu cưới nó thì tốt lắm. Mà nhà tôi nghèo, ông cũng thấy đó, tôi không có đồng xu nào cho nó đâu!

- Không hề gì, thưa mẹ!

Được lời như cởi tấm lòng cả hai bên. Từ đó nhà vua tối tối lại về nhà Ngũ Xú nương. Ngài xem túp lều tồi tàn này còn hơn muôn vàn lầu son gác tía, vì nơi đó ngài được sống với những xúc giác kỳ diệu như ở cõi trời.

Một thời gian khá lâu trôi qua, vua thấy thật bất tiện nếu cứ phải giả dạng lần mò về nhà nàng mỗi chiều như thế. Nhưng ngài lại không xa Ngũ xú nương được. Ngài nghĩ cách làm sao đưa nàng về cung lên ngôi hoàng hậu mà khỏi bị ai cười ngài là đồ ngu. Bởi thế, ngài bày ra một mưu kế lạ lùng.

Một hôm, Ngũ xú nương đang ngồi buồn rầu thì vua về. Ngài hỏi:

- Tại sao em buồn vậy ?

- Tại vì cha em bệnh, muốn ăn một bát cháo tôm cua mà em không có tiền mua đồ nấu cháo.

- Tưởng là gì! Mai anh sẽ gánh về một gánh cháo tôm cua cho cha, muốn ăn bao nhiêu cũng được.

Nhân cơ hội ấy, nhà vua mua một nồi cháo tôm cua tại bà bán cháo ở chợ, đặt vào đầu gánh, đầu kia vua lấy cái vương miện gắn đầy hột xoàn năm ly của ngài, gói lại cẩn thận, bỏ vào một cái thúng, trên phủ đầy lá chuối. Rồi gánh về nhà cho cô gái và dặn:

- Đây, anh mua cháo tôm cua về cho cha đó. Đầu gánh này là cháo tôm cua, đầu kia muốn tôm cua rùa ếch cóc nhái chi cũng có cả. Khi nào cần mua gì thì lấy ra.

Cô gái được nồi cháo mừng quýnh, không vội để ý cái thúng lá chuối kia. Nàng dẹp nó vào một nơi, đem cháo cho cha ăn. Cả nhà cùng được một bữa khoái thích.

Hôm sau trở về cung, Vua hô hoán cái vương miện, vật quốc bảo đã biến mất, và ra lệnh các quan phải mở cuộc truy tìm. Triều đình nhón nháo phái người đi tìm lục soát khắp nơi trong hoàng thành đều không có. Vua đề nghị :

- Trong thành không có thì tìm ra ngoài thành, ở những khu tồi tàn, xem kẻ gian có tẩu tán tài sản về đốn không. Ban điều tra vâng lời, lục soát tới khu

tồi tàn của Ngũ xú nương. Họ vào đến nhà nàng, lục tới thúng lá chuối tìm được cái vương miện; bèn bắt trời cả ông bà. Hai ông bà một mực kêu oan. Quan điều tra hỏi :

- Vậy thì của ai cái thúng này ?

- Đó là của thằng rề tui đem tới.

- Thằng rề ở đâu?

- Không biết! Hắn nói không có nhà, đi cả ngày tới tối mới về đây. Có thể là một thằng trốn quân dịch lắm. Các ông chờ tới tối sẽ gặp nó.

Ban điều tra chờ mãi không thấy chàng rề xuất hiện. Bà mẹ cô gái đấm ngực la làng:

- Hắn có lẽ đã nghe động tịnh nên chuồn thẳng rồi! Oan đi là oan, hỏi trời hỏi đất!

- Vậy bà hãy tả hình dáng mặt mày thằng rề cho tôi nghe.

- Làm sao tôi thấy rõ mặt mày hình dáng hắn? Nhà nghèo, dầu hôi khan hiếm, tối chỉ thắp một ngọn đèn leo lét một lát là tắt. Thằng rề tôi thì tối mịt mới mò về khi tôi đã ngủ. Mà có thức thì tối quá cũng không thấy rõ được, mắt già lem nhem.

Họ bèn hỏi tới Ngũ xú nương :

- Còn cô, mặt mũi hình dạng chồng cô ra sao, hãy tả ra nghe.

- Tui cũng không thấy rõ được. Ảnh thường về lúc đã tối mịt, đèn lu, tui nhìn cũng mờ mờ lắm.

- Vậy thì làm sao cô nhận ra được chồng cô ?

- Sờ người thì biết!

Cả ban cười rộ, họ không biết giải quyết ra sao nên cho người về tâu vua. Vua phán:

- Vậy thì ta đã có cách bắt thủ phạm. Các người hãy trả tự do cho vợ chồng nhà đó.

Vua bàn với các quan rằng, theo lời khai của cô gái, sờ người thì biết được chồng cô. Vậy hãy làm cái chòi như cái phòng bỏ phiếu ở giữa công trường cho cô gái đứng vào trong, chừa một lỗ vừa thò bàn tay vào thôi. Xong xuôi, hãy bắt tất cả đàn ông ở tuổi có thể lấy vợ, tới đưa bàn tay vào cho cô gái sờ. Gặp bàn tay nào cô gái cho trúng là chồng cô, thì đó là thủ phạm đã đánh cắp vương miện. Đình thần đều khen nhà vua cao kế, và thực hành ngay.

Đúng ngày, tất cả nam nhi từ mười tám đến bốn mươi lăm tuổi nối đuôi tới đưa tay cho cô gái sờ. Nhà vua cũng dự cuộc. Sau một ngày, cô đã sờ hàng ngàn bàn tay đưa vào, song không người nào trúng, (mỗi người khi được cô cầm tới tay đều cảm thấy sung sướng vô ngần, không còn ham muốn gì trên đời này nữa). Cuối cùng, khi nhà vua đưa tay vào, Ngũ xú nương la lên:

- Đây đúng là chồng tôi!

Cả triều đình ngỡ ngác. Khi ấy họ mới hiểu ra mưu mẹo của nhà vua. Bởi vì ai cũng công nhận cái hạnh phúc tối cao do sự xúc chạm với nàng, và đối với hạnh phúc ấy, chỉ có nhà vua là xứng đáng hơn cả. Và chính họ cũng quên mất vẻ xấu xí của nàng, sau khi được bàn tay nàng sờ đến.

Triều đình tuân lệnh làm lễ tuyên Ngũ xú nương vào ngôi chánh cung, mà không còn bận tâm gì đến vẻ xấu xí của nàng, đồng thời cũng không cho vua là điên, sau cuộc thử thách ấy.

LỜI BÀN:

Câu chuyện này còn một khúc đuôi khá dài, đức Phật kể cho các tỳ kheo nghe cốt vạch trần những tội ác của phụ nữ, để các vị ấy lia tham dục.

Nhưng chấm dứt ngang đây, người thuật có dụng ý khác. Trước hết là nêu rõ lý nhân quả, mà hậu hết các truyện cổ Phật giáo đều muốn nói lên. Sau đó, điều làm ta chú ý là mưu kế xảo quyết của ông vua lập ra để có thể đưa cô gái về cung mà không bị chê cười. Thật không gì khôi hài bằng việc trưng dụng tất cả năng lực của triều đình quốc dân, với một chiêu bài hay ho đẹp đẽ là "bắt trộm, trừ gian"... rốt cuộc chỉ để biện minh cho sự hữu lý của dục vọng mình. Phải chăng đây là cách xử sự của con người muôn thuở, khi còn bị dục vọng chi phối; và tai hại hơn, khi trong tay có chút uy quyền?

30. CHUỖI NGÓN TAY (ƯỚM QUẬT MA LA)

(Thuật theo kinh Angulimàla)

Khi đức Thế tôn ở thành Xá vệ, trong vườn Cấp cô độc, có tin đồn trong dân chúng về một tên cướp hung hãn biệt hiệu "Chuỗi Ngón Tay". Vì tên này hề giết xong một mạng người thì chặt lấy một ngón tay xâu lại để sưu tập, như ngày nay ta sưu tập tem cò. Nhìn xâu chuỗi ngón tay ấy có bao nhiêu ngón tay là tên cướp biết ngay thành tích mình đã giết được bấy nhiêu mạng người, và lấy làm hãnh diện. Ước nguyện đặc biệt của Chuỗi Ngón Tay là phải giết cho được 1000 người để đắc đạo... thành Phật! Trải qua một thời gian, Chuỗi Ngón Tay đã giết được 999 mạng. Y phấn khởi vô cùng, chỉ còn một mạng nữa là tròn ước nguyện. Nhưng mọi người càng khôn ngoan, tránh đi lẻ tẻ qua các rừng vắng và làng mạc hẻo lánh. Bởi vậy Chuỗi Ngón Tay khởi lên một ý định ghê gớm là nếu trên đường không gặp ai để giết, thì y sẽ về giết mẹ.

Từ tịnh thất của Ngài trong vườn Cấp cô độc, đức Thế tôn đọc được tâm ý tội lỗi của Chuỗi Ngón Tay, động từ tâm và quán thấy Chuỗi Ngón Tay đã đến thời được giáo hóa, Ngài đắp y ôm bát tiến về hướng sẽ gặp Chuỗi Ngón Tay. Những người chăn bò can ngăn Ngài, nhưng Thế tôn vẫn im lặng tiến bước. Khi trông thấy Ngài, Chuỗi Ngón Tay mừng rỡ đuổi theo để giết cho đủ số một ngàn sinh mạng. Nhưng Phật dùng thần thông khiến cho Chuỗi Ngón Tay không tài nào đuổi kịp, luôn luôn cách Ngài vài thước. Ngài vẫn đi khoan thai trong lúc Chuỗi Ngón Tay chạy "hộc xì dầu" mà vẫn không bao giờ đến gần Ngài được. Tức giận, y la lên:

- Này Sa môn kia, dừng lại.

Đức Phật trả lời :

- Ta đã dừng từ lâu. Còn ngươi, sao chưa dừng?

- Ô hay sa môn sao lại nói dối?

- Chuỗi Ngón Tay, ta nói dừng là dừng dục vọng từ bỏ gươm giáo, không còn ý hướng làm hại chúng sinh. Còn ngươi chưa dừng lại trên con đường ác.

Do từ lực của Phật, Chuỗi Ngón Tay được giáo hóa tức khắc, buông bỏ khí giới, quỳ mọp dưới chân Thế tôn để xin Ngài xuất gia. Đức Thế tôn phán

rằng: "Thiện lai, tỳ kheo", thì Chuỗi Ngón Tay liền trở thành một sa môn đường đường tắng tướng. Tỳ kheo Chuỗi Ngón Tay bắt đầu cuộc đời tu sĩ, theo hầu Phật trở về tinh xá Cấp cô độc ở thành Xá vệ.

Một hôm Phật đang ngự tại tinh xá cùng với chúng tỳ kheo vây quanh, thì có tin báo vua Ba-Tu-Nặc đến ra mắt. Vua mới quy y Phật chưa bao lâu. Đức Thế tôn hỏi vua khi ông mới đến:

- Đại vương có chuyện gì, mà thấy sắc diện đầy vẻ lo âu?
- Bạch Thế tôn, trong xứ con có một tên cướp khét tiếng giết người mệnh danh Chuỗi Ngón Tay. Vì chưa trừ được nó, nên con buồn rầu lo ngại.
- Đại vương, nếu bây giờ đại vương thấy Chuỗi Ngón Tay đắp ca sa, cạo bỏ râu tóc, xuất gia từ bỏ gia đình, từ bỏ sát sinh, giữ gìn giới cấm, sống phạm hạnh thanh tịnh và hành trì thiên pháp, thì đại vương sẽ đối xử như thế nào với Chuỗi Ngón Tay?
- Bạch Thế tôn, Dĩ nhiên con sẽ cung kính đánh lễ cúng dường các thứ cần dùng. Nhưng làm sao một kẻ cực kỳ hung ác như vậy mà lại hồi tâm, trở thành người thánh thiện được.

Khi ấy đức Thế tôn duỗi tay chỉ cho vua Ba Tu Nặc tỳ kheo Chuỗi Ngón Tay đang ngồi cách Thế tôn không xa. Vua thật kinh hồn vía, lông tóc dựng ngược, mặt mày biến sắc. Phật trấn an vua:

- Đại vương đừng sợ. Chuỗi Ngón Tay quả thật đã xuất gia tu phạm hạnh rồi.

Vua mới hoàng hồn tới gần tỳ kheo Chuỗi Ngón Tay thưa:

- Thưa tôn giả, xin tôn giả hoan hỷ. Tôi muốn cúng dường y phục, ẩm thực, mền gối và thuốc thang cho tôn giả.

Nhưng tôn giả Chuỗi Ngón Tay lập nguyện tu hạnh đầu đà, khát thực để sống, ngày chỉ ăn một bữa, ngủ gốc cây, nên tôn giả trả lời:

- Thưa Đại vương, tôi đã đủ ba y.

Vua Ba Tu Nặc khi ấy tiến bên Phật, hân hoan thốt lên:

- Thật hi hữu bạch Thế tôn! Ngài đã hàng phục một con người mà tất cả binh hùng tướng mạnh của con không hàng phục được.

Sau khi tán thán công đức Thế tôn, vua từ giả ra về.

Hôm ấy, tôn giả Chuỗi Ngón Tay đắp y mang bát vào thành khất thực. Giữa đường tôn giả gặp một phụ nữ đang chuyên bụng đẻ, vô cùng đau đớn. Trông thấy cảnh tượng ấy, động mối từ tâm, tôn giả không ngớt kêu thào: "Ôi đau khổ thay cho chúng sinh! Thật đau khổ thay!" Tôn giả trở về bên Phật thuật lại sự tình. Đức Thế tôn dạy:

- Nay Chuỗi Ngón Tay, nếu ngươi muốn cho người đàn bà kia hết đau đớn, thì hãy đến nói với bà ấy như sau: "Này chị, từ khi cha sanh mẹ đẻ tôi chưa bao giờ cố ý giết người. Mong rằng mãnh lực của sự thật này sẽ làn chị sinh đẻ an toàn, mẹ tròn con vuông!"

Tôn giả Chuỗi Ngón Tay buồn bã thưa:

- Bạch Thế Tôn nếu con nói như vậy thì hóa ra là một lời nói láo trắng trợn, đâu phải sự thật! Tại vì con đã cố ý giết rất nhiều mạng rồi.

- Vậy thì ngươi hãy nói rằng: "**Này chị, từ khi được thánh sanh, tôi chưa bao giờ cố ý giết mạng chúng sanh. Mong rằng mãnh lực của sự thật này sẽ làm cho chị sinh nở an toàn**".

- Thưa vâng bạch Thế tôn.

Tôn giả vâng lời, đến bên người sản phụ để khó nói lời như trên. Và nhiệm màu thay, bà sanh được. *(Tục lệ cầu an có lẽ bắt nguồn từ đó. Vì kinh là chân ngôn của Phật, nói lên chân lý cao cả và thật nhất trong các sự thật.)*

Tôn giả Chuỗi Ngón Tay sống một mình tinh cần tu tập, chẳng bao lâu đắc quả A La Hán. Một buổi sáng Tôn giả đắp y vào thành khất thực. Trên đường tôn giả bị một bọn trẻ chăn trâu hung dữ ném đá gạch, roi gậy tứ tung vào đầu, vào tai, vào thân mình. Tôn giả bị lỗ đầu chảy máu, bát bể, y rách, xơ rơ xác rác trở về tinh xá, máu me ràn rụa. Đức Thế tôn thương xót bằng bố những vết thương cho Tôn giả rồi an ủi:

- Nay Chuỗi Ngón Tay! Hãy kham nhẫn. Con đang gặt hái ngay đời này, quả báo của những ác nghiệp mà đáng lẽ con phải gánh chịu trong chảo dầu sôi ở địa ngục nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm!

- Bạch Thế tôn, mong rằng những kẻ hại con sẽ được thọ lãnh chánh pháp, thân tâm an tịnh.

- Lành thay, từ nay con sẽ mang tên là Bất hại.

-ooOoo-

31. TÔN GIẢ BẤT ĐÀ LỢI

(Lược thuật theo kinh Bhaddàli, Trung Bộ II)

Không phải lúc nào thuyết pháp đức Phật cũng được mọi người hoan hỷ tín thọ phụng hành. Đôi khi Ngài phải đương đầu với những kích bác của ngoại đạo, và ngay trong chúng tỳ kheo đệ tử đương thời của Ngài, cũng có nhiều vị không hoan hỷ, nhất là khi ngài đưa ra những học thuyết hay những giới luật họ khó thực hành vì còn nhiều chấp ngã. Nhưng chính trong những dịp này, chúng ta mới thấy rõ đức bình tĩnh của Đấng Thiên nhân sư. Ngài không bao giờ tỏ ra mất kiên nhẫn, đối với những kẻ cứng đầu.

Một thời khi đức Thế tôn ở Kỳ viên tinh xá, Ngài gọi các tỳ kheo và bảo:

- Nay các tỳ kheo, hãy ăn chỉ một bữa trong ngày, chỉ ngồi ăn một lần rồi thôi. Nhờ ta chỉ ăn ngồi một lần, ta cảm thấy ít bệnh, ít nã, nhẹ nhàng có sức và an vui. Do vậy này các tỳ kheo, các người chỉ nên ăn một lần, thì sẽ cảm thấy ít bệnh, ít nã, nhẹ nhàng, có sức và an vui.

Khi nghe vậy tôn giả Bất Đà Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế tôn, con không thể chỉ ăn một bữa, ngồi một lần, ăn như vậy con sẽ thấy nhiều phiền não, hối tiếc, ân hận, mất sức và buồn rầu.

- Vậy này Bất Đà Lợi, khi nào ai mời ăn người hãy ăn tại chỗ một ít, còn một ít đem về để ăn sau. Người có thể ăn như vậy mà sống qua ngày không?

- Bạch Thế tôn, con cũng không thể làm được. Bạch Thế tôn, ăn như thế con vẫn cảm thấy nuối tiếc, ân hận.

Trong mùa an cư ấy, tôn giả Bất Đà Lợi luôn luôn lánh mặt Phật, vì đã không chấp hành học giới Đức Đạo Sư chế định cho chúng tỳ kheo. Khi giải hạ, tôn giả đi đến chúng tỳ kheo để thăm viếng. Những vị này đang ngồi

may một tấm y tăng già lê cho đức Thế tôn. Khi thấy tôn giả Bất Đà Lợi, chúng tỳ kheo nói:

- Tấm y này đang được làm cho đức Thế tôn. Sau khi làm y xong, Thế tôn sẽ du hành. Hiền giả hãy suy nghĩ lại về trường hợp vi phạm học giới của hiền giả, để đi đến sám hối đức Đạo sư, chớ để về sau lại càng khó khăn hơn cho hiền giả.

- Thừa vâng, chư hiền.

Tôn giả Bất Đà Lợi vâng lời chúng tỳ kheo đi đến đức Đạo sư, đảnh lễ và bạch Phật rằng:

- Bạch Thế tôn, một lỗi lầm đã chiếm đoạt con, con thật ngu ngốc, thật si mê, thật bất thiện. Trong khi chúng tỳ kheo tuân hành học giới đã được Thế tôn chế định, thì con lại tuyên bố mình bất lực. Bạch Thế tôn, mong Thế tôn nhận cho sự sám hối của con, để có thể ngăn chừa trong tương lai.

- Nay Bất Đà Lợi, đúng như vậy, một lỗi lầm đã chiếm đoạt người, người thật ngu ngốc si mê, bất thiện khi tuyên bố sự bất lực của mình đối với học giới đã chế. Nay Bất Đà Lợi, trong thời gian ấy, người đã không ý thức được rằng, bậc đạo sư sẽ biết ta là một tỳ kheo không thực hành học giới trọn vẹn, không ý thức được rằng một số đồng tỳ kheo đến an cư tại Xá vệ sẽ biết mình là một tỳ kheo không thực hành trọn vẹn học giới, không ý thức rằng, một số đồng tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sẽ biết đến thượng tọa tỳ kheo Bất Đà Lợi, đệ tử của sa môn Gotama, không thực hành trọn vẹn học giới.

- Bạch Thế tôn, thật sự một lỗi lầm đã chiếm đoạt con. Mong Thế tôn nhận cho sự sám hối của con, để có thể ngăn chừa trong tương lai.

- Nay Bất Đà Lợi, khi một tỳ kheo đã chứng câu phân giải thoát hay thân chứng, hay kiến đạo, hay tín thắng giải hay tùy pháp hành, hay tùy tín hành, khi một vị đã chứng một trong bảy địa vị ấy, được ta bảo rằng, hãy lấy thân mình làm cầu trái cho ta đi qua đám bùn, vị ấy có vâng lời hay tránh né, bảo "không"?

- Bạch Thế tôn, vị ấy vâng lời.

- Nay Bất Đà Lợi, vậy người đã là gì trong thời gian ấy, mà lại cãi lời ta? Người đã chứng câu phân giải thoát, hay tuệ giải thoát, hay thân chứng hay kiến chí, hay tín thắng giải, tùy pháp hành, tùy tín hành?

- Bạch Thế tôn, không.

- Vậy có phải người là kẻ rỗng tuếch, mà lại ương ngạnh không?

- Thưa vâng, bạch Thế tôn. Mong Thế tôn nhận cho sự sám hối của con, để ngăn chừa về sau.

- Nay Bất Đà Lợi, vì người đã thấy rõ lỗi lầm, và như pháp phát lộ, chúng ta sẽ chấp nhận cho người. Vì rằng, nay Bất Đà Lợi, như vậy là sự lớn mạnh trong giới luật bậc thánh, nghĩa là bất cứ ai, sau khi thấy rõ lỗi lầm, phải như pháp phát lộ và ngăn chừa trong tương lai.

Nay Bất Đà Lợi, khi một vị tỳ kheo không thực hành trọn vẹn học giới trong giáo pháp bậc đạo sư, thì vị ấy dù sống ở rừng núi hoang vu với hy vọng chứng được các pháp môn hơn người, vị ấy cũng không chứng được, vì bị Đạo sư quở trách, các vị đồng phạm hạnh có trí quở trách, bị chư thiên quở trách, và tự mình cũng quở trách mình.

Nhưng nay Bất Đà Lợi, nếu vị tỳ kheo nào thực hành trọn vẹn giới luật trong giáo pháp của bậc Đạo sư, thì vị ấy có thể chứng được các pháp thượng nhân, vì vị ấy không bị đạo sư quở trách, không bị chư thiên quở trách, và không bị chính mình quở trách. Vị ấy có thể chứng sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, cho đến tứ thiên, và với tâm định tịnh, thuần tịnh, vô nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vị ấy hướng tâm đến túc mạng minh, nhớ được nhiều đời trước của các chúng sinh, biết người hạ liệt, kẻ cao sang đều do hạnh nghiệp của chúng. Vị ấy có thể hướng tâm đến lậu tận trí, trừ được dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, nhờ đã thực hành trọn vẹn các học giới trong giáo pháp bậc đạo sư.

- Bạch Thế tôn, do nguyên nhân gì, có người được chúng tăng giải tội một cách mau chóng, có người lại không?

- Nay Bất Đà Lợi, nếu có một vị tỳ kheo thường phạm giới tội, khi bị cử tội lại tỏ ra bất phục, không có thiện chí sửa đổi, vị ấy không được giải tội mau chóng.

Nếu vị tỳ kheo ít khi phạm giới tội, nhưng khi phạm và bị chúng tăng cử tội, lại tỏ ra phần nộ, bất mãn, thì chúng tăng cũng không giải tội mau chóng.

Nếu vị tỳ kheo ít khi lỗi lầm, nhưng khi bị cử tội, lại ăn năn chừa bỏ, thì chúng tăng giải tội vị ấy mau chóng.

Nhưng khi một vị tỳ kheo chỉ còn sống trong tăng chúng với chút ít lòng thương, chút ít lòng tin, thì tăng chúng không kết tội vị ấy, vì không muốn để mất chút ít lòng thương còn lại nơi vị ấy. Nay Bất Đà Lợi, cũng như người chỉ còn một con mắt, thân bằng quyến thuộc của người ấy sẽ lo bảo vệ con mắt còn lại của người ấy, không để cho nó bị đoạn diệt. Tăng chúng đối xử với vị tỳ kheo chỉ còn chút ít lòng thương cũng thế. Do nhân duyên ấy, có khi chúng tăng giải tội mau chóng, và có trường hợp chúng tăng không kết tội một vị tỳ kheo, khi vị ấy chỉ còn một ít lòng thương đối với chúng tăng.

- Bạch Thế tôn, vì sao ngày xưa học giới ít mà có nhiều tỳ kheo ngộ nhập chánh trí, còn ngày nay học giới nhiều, tỳ kheo nhập chánh trí rất ít?

- Nay Bất Đà Lợi, khi diêu pháp sắp diệt thì học giới nhiều mà tỳ kheo ngộ nhập lại ít. Khi hữu lậu pháp chưa sanh khởi trong tăng chúng thì bậc đạo sư không chế giới làm gì. Chỉ khi hữu lậu pháp sanh khởi, bậc đạo sư mới chế giới luật để đối trị.

Khi nào thì hữu lậu sanh khởi? Ấy là khi tăng đoàn lớn mạnh, đông người, khi tăng chúng có nhiều quyền lợi, khi tăng chúng bắt đầu có danh tiếng, khi tăng chúng đạt đến địa vị kỳ cựu. Khi ấy bậc đạo sư mới chế định giới luật để đối trị các pháp hữu lậu ấy. Nay Bất Đà Lợi, khi các người còn số ít, ta đã giảng thí dụ con ngựa tốt, người có nhớ không?

- Bạch Thế tôn, không.

- Nay Bất Đà Lợi, tại sao vậy?

- Bạch Thế tôn, bởi vì trong một thời gian dài, con đã không thực hành trọn vẹn các học giới trong giáo pháp của bậc đạo sư.

- Nay Bất Đà Lợi, không những chỉ có vì như vậy mà thôi, mà còn vì lý do này nữa: là trong khi ta thuyết pháp người không có đề tâm, chú ý, không nghe pháp với cả hai lỗ tai của người. Nay ta sẽ giảng lại cho người. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ.

- Thưa vâng, bạch Thế tôn.

- Nay Bất Đà Lợi, như người luyện một con ngựa tốt, trước hết phải tập cho nó quen với dây cương. Khi nó đã thuần thục với dây cương lại tập cho nó quen yên ngựa, kế đó quen với sự diễn hành, rồi tập đi vòng quanh, đi bằng móng chân, phi nước đại, chơi các trò vương giả, vương lực, tốc lực tối

thượng và cuối cùng trang sức đẹp để cho nó. Con lương mã trở thành một báu vật của vua chúa.

Cũng vậy này Bất Đà Lợi, vị tỳ kheo thành tựu mười pháp thì trở thành người đáng cung kính cúng dường: ấy là thành tựu vô học chánh tri kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tiến, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát. Này Bất Đà Lợi! Một vị tỳ kheo thành tựu mười pháp này sẽ là phước điền vô thượng của thế gian.

Sau khi đức Thế tôn thuyết giảng, tôn giả Bất Đà Lợi hoan hỉ tín thọ lời Thế tôn dạy.

---o0o---

32. GỌI PHẬT BẰNG BẠN

(Phỏng thuật theo kinh Giới Phân Biệt)

Một mùa an cư, sau khi mãn hạ, đức Thế tôn du hành một mình thăm viếng các trú xứ của những tỳ kheo, để biết lối sống của họ, việc tu hành tiến thoái của họ. Chính nhân những cuộc du hành này mà có lần Ngài đã tâm sự với thị giả Nàgita:

- Này Nàgita, mỗi khi đi ngang một làng mạc mà thấy một am cốc của tỳ kheo, thì dù vị ấy đang ráo riết thiền tọa, Như Lai cũng không hài lòng về trú xứ của vị ấy. Vì sao? Vì vị ấy có thể bị phụ nữ, trẻ con, người lớn trong làng đến phiền nhiễu, tán chuyện làm cho vị ấy không thể chứng đắc những pháp chưa chứng, và có thể thối thất những pháp đã chứng. Trái lại, mỗi khi trông thấy một vị tỳ kheo ở trong rừng, dưới gốc cây, thì dù vị ấy đang tựa gốc cây mà ngủ gục, Như Lai vẫn hài lòng, nghĩ rằng: tỳ kheo này sau khi hết cơn buồn ngủ, có thể tiếp tục tọa thiền không bị ai quấy rối. Y sẽ chứng đắc những pháp chưa chứng đắc.

Trong cuộc du hành chúng ta đang nói đến, khi đức Thế tôn đi ngang một làng nọ thì trời sấm tối. Ngài ghé vào nhà một người thợ gốm xin trú ngụ. Không ai biết đây là Đấng giác ngộ, vì Ngài làm như một tỳ kheo thông thường giản dị, không có tùy tùng thị giả. Ngài ngỏ lời với thợ gốm:

- Này thợ gốm, tôi có thể nghỉ tại nhà người một đêm không ?

Thợ gốm nhìn Ngài đáp:

- Sa môn muốn ở lại cũng được, nhưng đã có một vị đến trước cũng đang nghỉ tại đây. Xin hiền giả (tiếng xưng hô với những vị tỳ kheo còn trẻ) hãy ngỏ lời với vị ấy, nếu ông ta đồng ý thì xin hiền giả cứ tự tiện.

Đức Thế tôn bước vào. Gặp một vị tỳ kheo trẻ đang ngồi, Ngài hỏi:

- Hiền giả, tôi muốn ở lại đây một đêm, có phiền gì cho người chăng?

- Ô thưa hiền giả, không có gì phiền. Nhà thợ gốm rất rộng.

Thế tôn bèn trải thảm cỏ ngồi kiết già. Vị tỳ kheo cũng ngồi thiền đến quá nửa đêm. Đức Thế tôn quán sát cử chỉ tỳ kheo thanh niên ấy, lấy làm hài lòng. Ngài nghĩ: "Thanh niên này có những cử chỉ tín thành. Ta hãy hỏi chuyện y". Và Ngài mở lời:

- Nay bạn, nhân danh ai mà bạn đã từ bỏ gia đình, sống đời khát sĩ? Ai là thầy của bạn?

Tỳ kheo đáp:

- Ô bạn ơi, có sa môn dòng họ Thích Ca đã từ bỏ ngai vàng để trở thành một ẩn sĩ. Thiên hạ đồn rằng Ngài đã đạt chánh giác, được tôn xưng là Phật, Thế tôn. Chính nhân danh Con Người cao cả đó mà tôi đã xuất gia. Bậc Thế tôn ấy là đạo sư của tôi. Tôi thích sống như Người.

- Vậy con người cao cả đó, đức Phật, Thế tôn ấy, bây giờ ở đâu?

- Nay bạn, có một đô thị ở phía Bắc gọi là Xá vệ, chính nơi đó đức Thế tôn đang ngự tòa.

- Bạn có khi nào thấy Đấng Thế tôn ấy chưa? Bạn có nhận ra Ngài nếu gặp Ngài không?

- Bạn ơi! Làm sao tôi có được cái diễm phúc ấy? Tôi chưa bao giờ trông thấy Ngài, chỉ mới nghe danh Ngài thôi. Nhưng chính nhờ Ngài mà tôi bỏ tục xuất gia, sống đời không nhà. Tôi chưa được gặp Ngài thì làm sao nhận ra Ngài được?

Đức Thế tôn suy nghĩ: "Thanh niên này đã nhân danh ta mà xuất gia. Vậy ta hãy thuyết pháp cho y". Rồi Ngài dạy:

- Hỡi khát sĩ, tôi sẽ giảng pháp cho bạn, hãy lắng nghe.

- Được, bạn cứ nói đi.

Đức Thế tôn thuyết pháp cho vị tỳ kheo ấy về cấu tạo của con người gồm bốn đại, năm uẩn, trong đó không có cái gì là ta hay của ta, toàn là những kết hợp vay mượn từ bên ngoài, biến chuyển luôn luôn để đi đến hoại diệt. Do nhận thức chân chính ấy, khi mắt tiếp xúc với sắc, tai với âm thanh v.v... phát sinh ra cái thấy cái nghe, v.v... và những cảm thọ như dễ chịu, khó chịu v.v..., vị tỳ kheo không tham đắm, không ghét bỏ vì quán sát những cảm thọ ấy không phải là ta không phải của ta. Vị ấy có thái độ "huệ xả" (giải thoát nhờ trí tuệ), không còn vọng tưởng, được sự bất động. Khi dứt được những vọng tưởng như vậy, vị tỳ kheo ấy được gọi là ả sĩ tịch tịnh.

Đức Thế tôn dùng âm thanh vi diệu như tiếng hót chim Ca lăng tần già để thuyết pháp cho vị tỳ kheo ấy; khích lệ ông, làm cho ông hân hoan phấn khởi với những lời pháp của Ngài, như thể được ném vị cam lồ bất tử. Nghe xong thời pháp của Thế tôn, vị tỳ kheo biết ngay đây chính là Đấng A La Hán chánh đẳng giác ông đang ngưỡng mộ tôn thờ. Ông sửa lại y, quỳ gối chấp tay bạch:

- Bạch Thế tôn, con thật ngu si đã gọi Ngài là bạn. Xin Thế tôn cho con sám hối tội lỗi.

- Nay tỳ kheo, vì ngươi không biết nên không gọi là tội lỗi.

LỜI BÀN:

Qua giai thoại này, ta thấy rõ khi vị tỳ kheo lắng nghe đức Phật và lãnh hội lời dạy của Ngài, ông không biết người đang nói với mình là ai, đây là giáo lý của ai, nhưng ông thấy được chân lý qua những lời dạy ấy. Như thuốc hay thì bệnh sẽ lành, không cần phải biết ai làm nên vị thuốc hoặc nó từ đâu lại.

33. CON NHÈN NHỆN

Ngày xưa, có một vị sư tọa thiền rất chuyên cần tinh tấn. Trải qua nhiều năm tu tập, một ngày nọ trong lúc ngồi thiền, sư bỗng thấy một con nhện to bự giăng tơ trước mặt ông. Càng lúc nó càng lớn thêm và xích tới gần ông một chút, cho đến khi nó án ngữ cả vòm trời tâm thức. Tám cái chân của nó giăng ra đe dọa, như sẵn sàng vồ lấy nhà sư mà nuốt chửng. Bốn mắt nhìn nhau quá đỗi, kinh hoàng. Sư nhiếp tâm chánh niệm, nhưng hình ảnh con nhện nhện lại càng rõ thêm. Mở mắt ra đã thấy rõ, mà nhắm lại rõ hơn bội phần.

Sư toát mồ hôi hột, định thân quán Không, quán Giả. Nhưng quán Không mà con nhện vẫn sờ sờ ra đây, quán Giả thì đã đành là giả nhưng mà... run vẫn cứ run. Sư bèn đổi pháp môn, quay ra niệm Phật, bắt ấn quyết, trì niệm thần chú, cầu mong chư Phật bồ tát, thiên long bát bộ đến cứu mình ra khỏi con nhện nhện ác ôn này. Nhưng, mặc dù sư đã bắt ấn đủ kiểu, mật niệm đủ thứ thần chú nổi tiếng trừ tà rất linh nghiệm, mà con nhện nhện vẫn cứ ỳ ra đây, càng lúc càng gần nhà sư hơn, càng đe dọa hơn. Nhà sư đành chịu thua, xả thiền đứng dậy. Hình ảnh ghê rợn của con nhện nhện trong thời thiền định vẫn ám ảnh sư. Sư trở nên thần thờ suy nhược như người mất hồn. Quá đau khổ, nhà sư đi đến vị thầy trình bày tự sự. Vị thầy hỏi sư:

- Bây giờ ông tính thế nào?

- Bạch thầy, con đã làm đủ mọi cách, nhưng con nhện nhện vẫn trơ ra. Con nghĩ rằng phải giết quách nó đi mới tu hành được, con định bụng, sẽ để sẵn một con dao bén. Chờ nó tới, con sẽ đâm cho nó một dao là xong đời.

- Ông tính vậy cũng được, nhưng trước khi đâm con nhện nhện, ông hãy gạch dấu chữ thập bằng phấn trắng ở ngay cái chỗ mà ông định thọc con dao. Vào thời thiền tọa kế tiếp ông sẽ đâm nó cũng không muộn.

Vị sư nghe lời, cáo từ thầy trở về tọa thiền. Lần này ông thủ sẵn một viên phấn trắng, chờ con nhện nhện xuất hiện, ông cầm phan lên gạch ngay một dấu chữ thập vào bụng nó. Sau khi xuất định, ông trở lại yết kiến vị thầy, bày tỏ ý chí cương quyết giết con nhện nhện vào thời thiền tọa kế tiếp. Vị thầy bảo:

- Được, nhưng ông hãy vén áo đưa bụng cho tôi xem thử.

Vị đệ tử ngạc nhiên, nhưng đành vâng lời thầy. Ông mở áo ra cho thầy xem. Lại thay, trên bụng mình, ông bỗng thấy một dấu chữ thập bằng phấn trắng... do chính ông đã vạch. Ông nhân đây hoát nhiên đốn ngộ.

Câu chuyện đến đây là chấm dứt, song thiết tưởng nên thêm vài lời. Thông thường chúng ngại mà ta nghĩ ở ngoài tới, kỳ thật nó ở ngay trong ta. Khi tách biệt nó và ta, xem nó như thù nghịch, muốn hủy diệt nó, thì coi chừng ta hủy diệt ngay chính mình, như nhà sư nọ, vì muốn đâm con nhên nhện mà suýt thọc mũi dao vào bụng mình.

-ooOoo-

34. NAN SỰ NAN ĐỆ

Ngày xưa có một vị thầy tu hạnh ngồi mãi không nằm. Thầy trụ trì một ngôi chùa lớn. Nhiều đệ tử theo học rất đông, nhưng không ai theo nổi khổ hạnh của thầy là chỉ giữ ba uy nghi: đi, đứng, ngồi, nhưng không nằm. Mặc dù vậy, khổ hạnh của thầy cũng ảnh hưởng sâu rộng trong hàng tứ chúng, khiến cho không một ai còn lòng dạ nào mà buông lung, biếng nhác.

Một hôm có một vị sa di tới xin nhập chúng. Thầy bằng lòng. Chú xin hầu cận bên thầy để học cái hạnh tinh tấn. Thầy chấp nhận, nhưng hàng đêm, khi thầy ngồi suốt tới sáng thì chú cũng nằm suốt tới sáng. Thầy để ý nhiều lần như vậy, nhưng xét ra vị sa di này không phải hạng tầm thường: chú ngủ rất tỉnh, một cái động nhẹ của thầy cũng làm cho chú thức dậy để đáp ứng những sai bảo. Cho nên thầy thấy không có lý do gì rầy chú. Chỉ có một điều thầy lấy làm tiếc, là một chú đệ tử thông minh tấn tụy như thế lại không chịu tịnh tọa thiền định như thầy, mà cứ nằm dài suốt đêm một cách tinh tấn. Cuối cùng thầy phải nói cho chú biết không nên tu cái hạnh "nằm" như vậy:

- Này sa di, chú nằm mãi coi chừng thành rắn đó.

Chú thưa :

- Bạch thầy, thầy ngồi mãi con cũng sợ thầy thành cóc mất thôi!

Vị thầy nhân đây mà ngộ đạo.

***LỜI BÀN:** Có vị thầy như vậy mới có trò như vậy. Lời của chú đệ tử có tác dụng như một cái ấn nút, mở tung cửa kho tàng tâm linh của vị thầy đã sẵn sàng trong tư thế ngộ đạo. Cũng như câu kệ của Lục tổ Huệ Năng:*

*Đang sống, ngồi không nằm
Chết rồi, nằm không ngồi
Chỉ là cái xác thối
Có gì công với tội?*

Câu kệ ấy là cốt để khai thị những người đã tinh tấn đến mức tối đa, cỡ như thiền sư Trí Hoàng ngồi nhập định tới 20 năm. Sau khi nghe lời kệ này, một vị như vậy mới thấy thấm thía cái lẽ rằng giải thoát không cốt ở nằm hay ngồi, liền hết chấp vào hạnh tu của mình, xả bỏ, vượt qua, và được hoát nhiên đốn ngộ. Còn chúng ta, chưa tinh tấn được đúng mức, mà vội bắt chước nói "phá chấp", "vô tu", thì chỉ như vẹt nói, không ích gì cho bản thân người nghe mà còn chuốc thêm tội đọa.

-ooOoo-

35. TAM NGHIỆP HẰNG THANH TỊNH

Một vị thiền sư đi hành cước ngang một thôn ấp nọ, tìm tới nghỉ tại một ngôi chùa bỏ vắng lâu năm. Dân làng kéo tới khuyên thầy đi nơi khác, thầy hỏi duyên cớ, họ kể:

- Bạch Thầy, ngôi chùa này có con quỷ xuất hiện vào lúc nửa đêm, khóc than thảm thiết rùng rợn, khiến chúng con phải dời nhà đi chỗ khác không dám ở gần. Nguyên do là ngày xưa nghe đâu có vị trụ trì ở đây chết hóa thành quỷ.

- Tại sao?

- Dạ bạch, vị sư ấy đã già khi ốm nặng, các đệ tử theo lời y sĩ đồ súp gà cho thầy lai tinh. Lúc tỉnh dậy thầy hỏi đã cho thầy uống thuốc gì và khi được biết họ đã đồ súp gà, thầy giận đến ngất đi và chết luôn. Từ đấy đêm nào cũng có quỷ xuất hiện ngâm lên hai câu:

Lâm bệnh ngoại tại sàng
Nhất Dạ ẩm kê thang
(Liệt giường bệnh hành ta
Nên uống phải súp gà).
rồi khóc lên tru tréo rất thê thảm.

Vị thiền sư nghe qua câu chuyện quyết định ở lại ngôi chùa hoang đêm ấy. Ngài thức chờ khi quỷ xuất hiện ngâm hai câu:

Lâm bệnh ngoại tại sàng,

Nhất dạ âm kê thang

Ngài bèn ngâm tiếp:

Tam nghiệp hằng thanh tịnh

Đồng Phật vắng Tây phương.

(ý nói dù uống lữ súp gà, nhưng ba nghiệp thân khẩu ý thường thanh tịnh, thì vẫn có thể sang Tây phương gặp Phật).

Quý nghe xong, biến mất, từ đây không xuất hiện nữa.

-ooOoo-

36. TRU' HÒA THƯỢNG

Ngày xưa, ở một ngôi chùa nọ, vị thiền sư trụ trì nuôi một con heo lâu năm. Tuổi heo xấp xỉ tuổi đạo của nhà sư, và cả đại chúng kể từ vị tri sự tăng trở xuống đều phải nhường heo về khía cạnh thâm niên nọ. Do đó vị trụ trì đặt cho heo một biệt danh là Tru Hòa Thượng.

Tru hòa thượng chỉ có việc ăn, nằm và bài tiết (để lấy phân bón cho vườn chùa) nên rất mập mạp đến không ngồi dậy nổi. Tuy nhiên mỗi khi tiếng hồng chung chùa vang lên vào chiều tối hoặc canh khuya, Tru hòa thượng đều cố ngóc đầu dậy một cách mệt mỏi. Nhân đây mà thiền sư rất yêu mến Tru hòa thượng, thường chỉ cho chúng xem, bảo:

- Các con thấy đó, loài súc sinh cũng có Phật tánh, chớ khinh thường.

Một hôm thiền sư có việc phải đi xa vài hôm. Ngài cho họp chúng dặn:

- Trong khi tôi đi vắng, lữ Tru hòa thượng có viên tịch, thì các ông hãy cắt thịt, chia cho láng giềng mỗi nhà một miếng. Hãy nhớ làm theo lời dặn của tôi.

Đại chúng lấy làm quái dị về lời dặn của vị thầy, nhưng không dám hỏi, cứ vâng dạ lĩnh tôn ý. Có lẽ họ nghĩ rằng thầy quá lo xa, Tru hòa thượng không bệnh hoạn gì, chưa chắc đến nỗi chết. Nhưng ngờ đâu thầy vừa đi vắng một hôm thì Tru hòa thượng ngã lăn ra chết. Đại chúng bây giờ thật khó xử, nếu làm theo lời thầy dặn thì sợ đời dị nghị, nhất là trong khi vắng thầy. Lỡ người ta nghi chúng tăng nhân thầy không có nhà đã làm thịt con heo, rồi vì ăn không hết mà đem biếu thì sao? Thầy tri sự sau khi hội ý toàn thể đại

chúng, quyết định đem mai táng Trư Hòa thượng sau vườn chùa, rồi thầy về sẽ sám hối sau.

Khi thiên sư trở về, hỏi ra mới biết chúng không làm theo lời dặn. Ngài dạy:

- Thế là các ông làm lỡ việc của ta rồi.

Khi đại chúng thưa hỏi, ngài kể:

- Trư hòa thượng chỉ còn một kiếp cuối cùng là giải thoát. Trong kiếp cuối ấy, Trư hòa thượng phải chết vì nạn "loạn đao phân thân". Nhờ có túc duyên mà Trư hòa thượng được thoát nghiệp ấy trong lúc sống. Nhưng định nghiệp không thể không trả. Do đó mà ta muốn giúp Trư hòa thượng trả xong định nghiệp bằng cách phân thân ông ta sau khi chết. Được vậy khỏi thọ sanh kiếp khác. Nhưng bây giờ vì các ông không làm theo lời ta, Trư hòa thượng sẽ phải luân hồi trở lại để trả cho xong định nghiệp.

Đại chúng nghe lời thầy dạy đều lấy làm hối hận. Đại sư an ủi:

- Không hề gì, rồi đây các ông lại còn duyên gặp lại Trư hòa thượng.

Thời gian trôi qua nhanh chóng. Thấm thoát đã hơn 20 năm kể từ ngày Trư hòa thượng viên tịch. Một hôm, vị trụ trì mới, đệ tử trưởng kế vị thiên sư sau khi ngài viên tịch, tiếp đón vị quan huyện trẻ vừa tới nhậm chức tại địa phận chùa nhà. Quan đi quanh chùa thăm viếng tỏ ý lưu luyến như một cố nhân. Quan có cảm tình đặc biệt với tất cả đại chúng, và từ đây mỗi lúc rảnh rỗi việc quan, ông lại tới chùa đàm đạo với chư tăng. Mỗi đạo tình đàm thắm ấy kéo dài một thời gian cho tới một ngày quan huyện bị triệu về kinh đô...

Tin đồn quan huyện bị triệu về kinh đô vì một vụ án phản nghịch, và ngay sau đó bị đem ra chợ phân thân, được loan đi rất nhanh đến chùa. Chư tăng bàng hoàng sửng sốt, thương cho số phận quan huyện nhân từ, người bạn chí thiết của cả đại chúng. Tại sao một con người tốt như quan huyện lại phải chịu một cái chết thê thảm như vậy? Chư tăng ngậm ngùi tự hỏi. Nhất là vị trụ trì người kỳ cựu nhất ở chùa, người ngày xưa đã từng săn sóc Trư hòa thượng từ lúc tập sự xuất gia đến khi Trư chết, và bây giờ là người bạn thân của quan huyện, vị trụ trì buồn bã mất mấy ngày.

Vào một thời tọa thiền, ngài bỗng thấy bóng quan huyện mỉm cười hòa nhã, và một âm thanh nhẹ như hơi gió thoảng bên tai ngài:

- Tôi là Trư hòa thượng ngày xưa, xin đến vĩnh biệt thầy và tạ ơn tri ngộ.

Vị trụ trì bàng hoàng dụi mắt, nhớ lại tất cả chuyện xưa nay.

-ooOoo-

37. THAM Y HÓA RẮN

Thuở Phật còn tại thế, ở vườn Cấp cô độc, có một vị tân tỳ kheo (tỳ kheo mới thụ giới) được cúng một bộ y katê tuyệt đẹp. Thầy mê mẩn bộ y không rời, tối dùng làm gối ngủ. Đêm ấy rui thay thầy bị trúng gió nặng, cảm khẫu, các vị đồng phạm hạnh tìm đủ cách cứu chữa, nào cạo gió, nào thoa bóp dầu nóng, nào hô hấp nhân tạo... song đều vô hiệu. Thầy trút hơi thở cuối cùng. Vì tâm thức cuối cùng của thầy là ham thích bộ y mới, nên khi thoát xác, thần thức thầy thác sanh vào loài rắn đeo cứng vào bộ y katê. Con rắn khôn ngoan chui tuốt vào cái giải "Bần bà"¹ để mọi người khỏi thấy.

Sau khi vị tỳ kheo qua đời, y lệ nhà chùa chúng tăng chia đều cái tài sản nhỏ bé của thầy, trong đó có bộ y. Với Phật nhãn đức Thế tôn rõ vị tỳ kheo đã hóa làm con rắn đang ôm giữ chiếc y, nên ngài bảo đại chúng:

- Các ông có "quân tăng"² tài sản của tân tỳ kheo ấy, thì hãy chừa bộ y lại, để tuần sau hãy chia.

Các tỳ kheo không hiểu vì sao Thế tôn bảo chừa bộ y, nhưng không dám trái mệnh bèn đem bộ y ấy xếp để một nơi. Vừa khi bộ y bị dời chỗ, con rắn đã cuống cuồng la lối om sòm:

- Trời đất quỷ thần đi! Người ta cướp giật của tôi bộ y nè! Ai cứu cho với! Bộ y này là của tôi, không phải của các người! Các người toan mang nó đi đâu, bỏ làng nước đi, quân cướp giật!

Con rắn la khan cả cổ mà nào có ai hay! Có chăng chỉ đức Từ phụ thần thông quảng đại thấy nghe được nỗi khổ đau của nó. Trong tuyệt vọng con rắn chạy quanh cái giải bần bà để cầu cứu cảnh sát đến bắt bọn cướp đã cướp cái y của nó. Chạy rã giò chẳng có ma nào đến cứu, người ta vẫn ngang nhiên nhấc bổng bộ y mang theo khổ chủ không biết đi đâu. Đức Phật thương xót gọi thị giả Anan đang ôm bộ y để cất vào tủ:

- Con hãy đem bộ y vào trong tịnh thất của ta.

Tôn giả Anan vâng lệnh. Đức Thế tôn đến bên bộ y, thuyết pháp cho con rắn nhớ tiền kiếp của mình:

- Nay rắn, con vốn là một vị tỳ kheo vừa thụ giới. Cái y này là của thí chủ cúng cho con. Con đã quên quán sát rằng "không có gì là ta, không có gì là của ta, thân này không phải là tự ngã của ta". Vì một phút bất giác cận tử nghiệp (nghiệp xảy ra lúc lâm chung) đã khiến cho con phải sa đọa vào loài súc sinh. Con hãy tịnh tâm nhớ lại tiền kiếp, Ta đức Như Lai, đang ở trước mặt con.

Do mãnh lực từ tâm nơi Phật, con rắn thoát nhớ lại kiếp vừa qua của mình, lòng trở nên nhẹ nhàng thanh thản. Rắn nằm im bảy ngày không ăn uống, rồi trút hơi cuối cùng. Thân thức rắn thác sinh lên cõi trời tứ thiên, chỗ thác sinh những vị tỳ kheo siêng tu thiên định.

Khi rắn thoát xác, đức Phật mới bảo tôn giả Anan đem bộ y cắt ra chia đều cho mỗi người một mảnh làm khăn mu soa. Các vị t? kheo hỏi lý do vì sao Ngài đợi đến bảy ngày mới phân chia bộ y, đức Thế tôn kể lại câu chuyện và dạy :

- Nếu các ông chia ngay lúc đó, con rắn sẽ nổi sân và bị đọa vào loài nga quý. Nay nhờ nghe pháp, nhờ thần lực của Như Lai, lại nhờ bản thân đã từng tu hành thanh tịnh, mà vị tỳ kheo hóa rắn ấy đã được sinh lên cõi trời.

Các vị tỳ kheo nghe xong, ai nấy toát mồ hôi hột, ngán ngẩm cho cái "cận tử nghiệp" ác ôn kia. Sợ thay, mà lại mừng thầm cho ai!

LỜI BÀN:

Cận tử nghiệp là cái nghiệp đến sát nút lúc gần chết mới xuất hiện. Làm sao để tránh được một cận tử nghiệp xấu xa, hiểm nghèo? Cách hay nhất là huân tập hồng danh của Phật A Di Đà. Đi đứng nằm ngồi luôn luôn nhớ Phật, được vậy thì khi cái chết đến thành linh (kiểu bất đắc kỳ tử) ta vẫn được an nhiên tự tại, dù dưới mắt người đời có vẻ là một tai họa, là "vô phước". Nếu suốt đời niệm Phật mà lâm chung không có người tiếp dẫn, không được chết trên giường, đó cũng là dư báo do ác nghiệp quá khứ. Cốt nhất là tâm niệm của ta hiện tại luôn luôn tưởng nhớ hồng danh đức Phật cho đến khi lâm chung thì quyết không đọa lạc vào ác đạo.

-ooOoo-

38. DUYÊN XƯA NGHIỆP CŨ

Câu chuyện xảy ra ở một nhà giàu tại Trung Quốc ngày xưa. Truyền thống "Cái gia vi tị" (biến nhà thành chùa) bắt nguồn từ đây.

Một gia đình rất giàu sửa soạn nhà cửa đón dâu. Phú ông đang bận rộn với việc đám cưới thì gia nhân vào báo, có một vị sơn tăng đến khát thực hóa duyên. Vốn là người mộ đạo, phú ông vội vàng ra nghênh tiếp, mời Sư vào nhà, thỉnh ngồi ở ghế thượng khách. Nhưng vị Sư chỉ chống tích trượng đứng cười ha hả. Lạ lùng trước cử chỉ nhà Sư, nhưng phú ông không dám nghĩ đây là người cuồng. Bởi trông mọi dáng vẻ Ngài đều có tiên phong đạo cốt, phú ông quyết đây không phải là người tầm thường giả bộ. Ngược nhìn đôi mắt sáng như sao của nhà Sư, phú ông bất giác rơi lệ quỳ mọp xuống:

- Bạch hòa thượng, đệ tử ngu dốt, nay có phước duyên được người chiếu cố, xin người từ bi dạy bảo!

- Hà hà. Chúng sinh mê muội, làm tội ác tày trời còn hí hửng đánh trống thổi kèn.

Trong khi nhà Sư nói vậy, thì từ nhà sau vọng lên tiếng lợn kêu thống thiết. Vị Sư tiếp:

- Con heo đó là cha ngươi ngày trước. Vì tham tiếc cái gia tài, ông đã tái sinh làm con heo sau chuồng nhà ngươi.

Phú ông đầm đìa nước mắt bạch:

- Bạch hòa thượng, quả đúng như vậy, cha con khi sắp chết cứ thao thức tiếc cái gia tài của cải một đời mồ hôi nước mắt này, và dặn đi dặn lại chúng con phải giữ gìn đừng hoang phí.

Nói rồi vội bảo gia nhân đình chỉ việc giết heo. Nhà sư lại nói tiếp:

- Còn đứa con gái nhà ngươi sắp cưới cho con ngươi là ai biết không?

- Bạch hòa thượng, đó là con gái nhà láng giềng của con. Hai trẻ có cảm tình với nhau từ nhỏ, nên khi chúng thành niên con cho chúng tác hợp thì có gì sai quấy.

- Hà hà. Mới bà bà cháu cháu đó, mà nay là vợ vợ chồng chồng. Than ôi chúng sanh có mắt như mù.

- Bạch hòa thượng, xin hòa thượng từ bi khai thị cho kẻ ngu muội. Con không được rõ thánh ý.

- Có gì là mờ mịt đâu, chỉ vì người không thấy! Đứa con gái kia là mẹ người ngày trước. Do vì khi sắp chết, người lưu luyến đứa cháu nội không nở rời, nên thần thức đầu thai lại cõi đời để sống gần nó.

Phú ông nhầm lại, thì quả nhiên cô gái thua cậu 4 tuổi, nghĩa là cô ra đời đúng lúc bà mẹ ông mất, lúc con trai ông lên bốn.

- Bạch hòa thượng quả như ngài nói, mẹ con khi mất đã cầm chặt lấy tay đứa cháu nội, bà rất yêu cháu vì nó là đứa cháu trai duy nhất. Nay sự tình đã vậy thì con không dám làm việc ác tày đình thế kia. Xin hòa thượng chứng minh cho con được thế phát xuất gia, biến nhà thành chùa.

Rạp trang hoàng cho tiệc cưới trong chóc lát được sửa lại thành đạo tràng. Phú ông cung thỉnh vị sư lên tòa thuyết pháp cho bá tánh đến dự và coi đám cưới. Nghe xong thời pháp, mọi người đều xin quy y tam bảo, từ bỏ sát sinh. Chú rể xin cha theo vị hòa thượng về núi tu hành, còn cô dâu nguyện trọn đời ở vậy phụng dưỡng cha mẹ cho đến khi hai thân khuất núi, rồi cô cũng xuất gia.

LỜI BÀN:

Khi còn nhỏ xa cha mẹ lớn lên đã quên mất mặt mày, huống nữa là đời trước với đời sau. Trong vòng luân hồi vô tận, chúng ta đã trải qua vô số đời sống trên mặt đất, và đã có dịp làm con cái của tất cả mọi chúng sinh. Do đó kinh Bồ tát giới cấm sát sinh và dâm dục là vậy. Sát sinh thì không khác gì giết cha mẹ của mình, còn dâm dục cũng đồng nghĩa như loạn luân. Bởi lẽ đó, suy nghĩ cho cùng thì ... chỉ còn nước vô chùa tu là thượng sách, khỏi mắc tội. Hay ít nhất, không vô chùa tu hãy làm như Thúy Kiều ở đoạn cuối:

*Từ rày khép cửa phòng thu,
Chẳng tu thì cũng như tu mới là.*

39. ĐẠO TRÀNG CỦA BỒ TÁT

(Theo chuyện kể của Hòa thượng Thiên Tâm)

Ngày xưa ở một ngôi chùa lớn tại Trung Quốc, có một vị sư nổi tiếng là khùng. Thầy không bao giờ ở chùa, quanh năm mặc cái áo rách đi lang thang la cà khắp các trà đình tửu điểm bạn với những kẻ côn đồ, xì ke, ma túy. Những kẻ này sau khi giao thiệp với thầy, phần lớn đâm ra hiền lương và trở thành những hiệp sĩ ưa giúp đời. Chúng tụ tập tại các bến xe, đỡ dần gánh nặng cho những người già yếu, sản phụ trẻ con. Sau những giờ làm việc nghĩa, chúng hội họp ôn lại những lời dạy bảo của vị sư khùng. Được biếu món gì ngon chúng để dành cúng dường vị thầy yêu mến vì lâu lâu chúng mới chúng mới thấy được bóng thầy ngất ngưỡng trở về đô thị một lần. Thầy đi đâu? Thì ra chỗ hóa duyên của thầy là một làng đánh cá ở ven biển. Thầy thường ở trong làng đó, thỉnh thoảng mới trở về chùa một vài ngày, vào các dịp giỗ lớn.

Chúng tằng trong chùa rất bực bội về bề ngoài của thầy khùng, thật là mất hết thể thống của một vị tăng. Nhất là khi họ thấy thầy không thường trai như quy luật nhà chùa. Thầy không đòi ăn gì khác hơn đại chúng mỗi khi về chùa, nhưng buổi sáng thầy về thì buổi chiều họ đã thấy "bồn đạo" của thầy ở biển gánh tới chùa một gánh cá biển, tôm, cua, đủ thứ sơn hào hải vị để cúng dường. Thầy quát mắng:

- Tiên sư tụi bay, ta ăn gì hết mà gánh tới nhiều dữ vậy? Lần sau có muốn đem cho thì chỉ cho tao một con cá là đủ.

Một điều quái lạ, mặc dù thầy đối với họ có vẻ thô lỗ cộc cằn, những người đánh cá xem ra rất kính trọng thầy. Họ xoa tay cười nịnh:

- Dạ để thầy biếu bà con trong chùa... Chúng con nghĩ là chùa đông người.

- Ý, tụi bay ngu. Các thầy chùa không có hạp thứ này, hiểu chưa? Chỉ có tao. Thôi, về đi.

Họ riu riu kéo nhau ra về, hớn hờ sau khi được cúng dường thầy vài con cá, và được gặp thầy. Đến giờ thọ trai, thầy ngồi vào bàn chur tằng, xách theo con cá biển mới luộc. Tăng chúng không chịu nổi mùi tanh, vác chén chạy, tránh ngồi gần thầy. Thầy cười hề hề điềm nhiên gắp cá luộc chấm nước tương ăn qua bữa.

Chỉ có vị phương trượng hình như rất hiểu và thương thầy, do đó tăng chúng không dám bàn ra tán vào mặc dù thái độ ngang ngang của thầy. Vì lâu lắm thầy mới về chùa, nên phương trượng cùng ngồi chung bàn với các đệ tử vào những dịp ấy. Đó là một biểu lộ rõ rệt của lòng ưu ái nơi bậc thầy khả kính. Có thầy, phương trượng vui hẳn lên. Hai thầy trò đàm đạo rất tương đắc. Phương trượng dường như không mấy may quan tâm tới mùi tanh nồng nặc của con cá thầy đang ăn, mặc dù chính ngài thì đang dùng rau muống luộc.

Trong bữa ăn ấy, thầy khùng lờ đánh rắm kêu cái ùng. Thầy điềm nhiên bỏ đũa, ra trước đại chúng lạy ba lạy sám hối. Lạy xong, trở về chỗ cũ tiếp tục ăn. Vài người không nhịn cười được, vừa ăn vừa cười khúc khích. Thầy quắc mắt, mắng:

- Tiên sư tụi bay, ta đã lạy sám hối, còn cười cái gì? Ngồi ăn trước mặt thầy không được cười giỡn.

Băng đi một dạo khá lâu, thầy không trở về chùa. Một buổi chiều nọ, tăng chúng thấy thầy thất thế bước lên đồi, dẫn đến chùa, mặt mày nghiêm trang khác hẳn mọi khi. Chúng ra chào thầy:

- Hôm nay sao sư huynh nghiêm trang thế?

- Ngày mai về giỗ tổ, ta về bái biệt thầy đây.

- Sư huynh đi đâu?

- Về châu tổ.

Đại chúng cười rộ, không tin lời thầy. Nhưng đến giờ ngọ hôm sau, tắm rửa xong thầy vào nhà lạy phương trượng ba lạy từ biệt và bảo đại chúng:

- Hãy lên chuông trống bát nhã đi. Tây phương tam thánh sắp đến rước ta rồi.

Đại chúng chưa tin hẳn, nhưng nhìn ra thì thấy cả làng đánh cá ùn ùn kéo lên chùa tiễn đưa sư phụ của họ về Tây phương. Một mùi hương lạ xông khắp, và trên hư không, mọi người đều trông thấy ba luồng ánh sáng chói lòa của Tây phương tam thánh (Di Đà, Quan Âm, Thế Chí) đến rước người con yêu dấu của các Ngài khi vị này đã mãn duyên hóa độ.

Ba hồi chuông trống vang rền, trong khi sư khùng điềm nhiên tọa tịch trong tư thế kiết già. Đại chúng rơi lụy sấp lạy sám hối trước con người mà họ thường báng bỏ vì không thể hiểu thấu hành tung của Ngài. Sau khi ngài thị tịch, đại chúng hỏi phương trượng:

- Bạch thầy, thì ra sư huynh chúng con tu mật hạnh khó nghĩ bàn. Nhưng tại sao người phải làm như vậy, sao không sống bình thường như những vị khác?

- Để hóa độ những dân dao búa, đệ tử ta phải là như vậy. Nhờ ông ấy mà cả làng đánh cá mới quy y theo Phật, đa số bỏ hẳn nghề ác. Cho nên xét người, các ông chớ nên chỉ xét bề ngoài. Đức Phật đã dạy: "Nếu thấy tướng mà không chấp tướng mới thấy được Phật", các ông phải nhớ lấy điều ấy.

LỜI BÀN:

Đừng bắt chước. Tây Thi đau bụng nhăn mặt thì đẹp như tiên, nhưng không đau bụng và không phải Tây Thi mà nhăn mặt thì chỉ đẹp như... khi.

-ooOoo-

40. TÌM THÁNH TẶNG

(Theo chuyện kể của Sư bà Thê Quán)

Tại một ngôi chùa Trung Quốc ngày xưa, có một vị sư nổi tiếng về hạnh ở dơ. Thầy không đủ điều kiện thân tướng trang nghiêm để thụ giới, vì thế mặc dù thầy ở chùa đã lâu, thầy vẫn giữ chức vụ của chú tiểu là làm các công việc ở nhà vệ sinh và trong bếp, ngoài vườn. Tất cả những công việc nặng nhọc dơ dáy đại chúng đều giao cho thầy phụ trách. Thầy làm tất cả mọi sự với tâm hoan hỷ, không phàn nàn, lúc nào nụ cười cũng nở trên môi. Mặc dù y phục rách rưới dơ dáy, nét mặt thầy luôn rạng rỡ. Có điều đáng phàn nàn nhất về thầy là mặc dù tuổi đã lớn, không còn bé bỏng gì, thế mà thầy luôn luôn để mũi chảy thò lò như một cậu bé, không chịu lau chùi, không bao giờ rửa mặt. Cho nên tuy thầy rất dễ thương, cũng ít ai dám đến gần vì nhèm gớm. Mỗi khi các bạn đồng tu đề nghị:

- Xin chú mày làm phúc quẹt mũi dùm đi. Dơ dáy lắm.

Thầy chỉ cười hê hê:

- Em không có thời giờ quẹt mũi, sư huynh ạ!

Rồi bỏ đi một nước. Một hôm nhân ngày lễ Vu Lan, nhà Vua thỉnh tất cả vị tăng trong chùa không chùa vị nào, vào cung để dự trai tăng. Nhà vua tha thiết yêu cầu vị hòa thượng đừng để vị nào ở lại chùa, vua sẽ cho người đến giữ chùa trong thời gian tăng chúng vào cung.

Sở dĩ nhà vua muốn như vậy là vì Ngài có dụng ý. Vua vốn là người mộ đạo tha thiết, cầu gặp Thánh tăng để khai thị cho mình yếu nghĩa bộ kinh Kim Cương. Do lòng chí thành, một hôm vua được thần nhân báo mộng trong ngôi chùa lớn ấy có một vị Thánh tăng, hãy thỉnh về cung thuyết pháp. Tỉnh dậy, nhà vua hoang mang không biết Thánh tăng ấy là ai, trong ngôi chùa đông cả ngàn tăng chúng đó. Sau một hồi bàn luận với cận thần, vua được bày một mưu kế hay ho, và vội thực hành ngay kế ấy để tìm gặp Thánh tăng. Thế là vua cho sửa soạn một buổi trai tăng cúng dường toàn thể tăng chúng trong ngôi chùa nọ.

Về phần tăng chúng trong chùa, họ bàn nhau:

- Hôm nay vua thỉnh toàn thể chư tăng vào cung thọ trai không chùa một vị nào ở lại giữ chùa. Nghĩa là phải cho cái chú ở dơ của mình đi theo. Chú ấy chưa thụ giới, vậy trong khi chúng ta đắp y đi có hàng ngũ chỉnh tề thì hãy để chú đi một mình sau rốt khỏi mất thể diện chúng tăng.

Tăng chúng bằng lòng theo sự sắp đặt ấy và báo tin cho chú ở dơ sửa soạn theo hầu chư tăng vào cung dự lễ. Họ không quên dặn chú làm phúc quẹt mũi dùm trước khi ra đi. Chú cười hề hề:

- Dạ được rồi, quý huynh đừng lo. Lần này em xin lau mặt mũi sạch sẽ để theo hầu quý sư huynh.

Vua và đình thần đứng xếp thành hàng rào danh dự đón chư tăng đang đủ uy nghi từ từ bước qua cổng chính để vào cung. Mặt nhà vua hơi lộ vẻ thất vọng khi thấy gần hết chư tăng đều điềm nhiên bước qua cổng lớn. Khi người cuối cùng của cả hàng dài tăng chúng đắp y đã đi qua cửa cung, sắp có lệnh đóng cửa, thì một vị sư không đắp y, ăn mặc dơ dáy ở đâu nhảy bổ tới, lộn nhào hai ba vòng để tránh dẫm chân lên ngưỡng cửa, vừa lảm bảm nói một mình:

- Chết chưa! Ai dám dẫm chân lên pháp bảo của đức Như Lai.

Vua và đình thần quỳ mọp xuống trước vị thánh tăng, dâng bộ y quý giá:

- Ngưỡng bạch Hòa thượng, đệ tử xin cung thỉnh người thăng pháp tòa, để chúng con được ân triêm pháp nhủ.

Thánh tăng bước lên pháp tòa dành sẵn, giảng kinh Kim Cương như nước chảy hoa bay cho tất cả đại chúng và triều đình. Đến đoạn "Ly nhất thiết chư tướng tức danh chư Phật", nhà vua hoát nhiên đại ngộ.

Sau thời thuyết pháp, nhà vua quỳ sám hối trước đại chúng. Vì lòng tha thiết cầu gặp Thánh tăng, nhà vua buộc lòng phạm đến pháp bảo bằng cách chôn một quyển kinh Kim Cương ngay lối vào cung điện. Với kế đó nhà vua đã tìm ra vị thánh tăng trong hơn nghìn tăng chúng, ấy là vị có thần thông biết được chỗ chôn kinh và tránh dẫm lên pháp bảo bằng cách lộn nhào qua cửa ngõ môn.

LỜI BÀN:

Muốn bắt chước cũng khó.

---o0o---

41. TÔN GIẢ XÁ LỢI PHÁT

Trong kinh tạng Pàli, tôn giả Xá Lợi Phát chiếm địa vị quan trọng hàng đầu, chỉ đứng sau Phật. Nhiều kinh được mở đầu với câu cổ điển "như vậy tôi nghe" mà người thuyết kinh thay vì Đấng Giác ngộ, thì lại chính là bậc Thánh đệ tử uyên bác ấy đại lao cho Ngài. Có khi đức Đạo sư thăng pháp tòa, chỉ trình bày một bài kệ rất vần tắt, rồi lui về am thất của Ngài. Trong những dịp như vậy, chúng ta thường gặp tôn giả Xá Lợi Phát xuất hiện khai diễn ý nghĩa lời dạy súc tích của Phật, và cuối cùng chính Phật đã xác chứng cho lối giải thích của tôn giả bằng một câu còn giá trị hơn tất cả những lời khen tụng: "Nếu các ông hỏi ta, ta cũng sẽ giải thích như Xá Lợi Phát".

Tôn giả Xá Lợi Phát (Sàrìputa, dịch nghĩa là Thu tử) là con trưởng của một gia đình thuộc thế cấp Bà la môn giàu nhất làng Upatissa, gần Nàlanda ngày nay. Upatissa cũng là tên được đặt cho ngài khi sơ sinh. Mẹ ngài tên là Sàrì. Trong bốn người con trai, ngài được mang tên của mẹ, trong khi một người em của ngài lại có tên của cha là Vagantaputra. Tôn giả có ba em trai và ba em gái, về sau đều theo ngài xuất gia đắc quả A La Hán. Những tiểu sử của

các vị này đều được tìm thấy trong "Trường lão tăng kệ" và "Trường lão ni kệ".

Ba người em trai của Tôn giả có tên tuân tự như sau: Cunda (Thuần đà), Upasena và Revata (Ly Bà Đa). Ba em gái của Tôn giả là Càlà, Upacàlà và Sisùpacàlà. Ly Bà Đa là vị đệ tử thiên định đệ nhất của Phật. Vì ngài là con út, bà mẹ rất cung quý không muốn cho xuất gia nên tìm cách cưới vợ cho ngài rất sớm. Vào ngày hôn lễ, không may cho hai gia đình, cậu bé tình cờ thấy bà ngoại già 120 tuổi của cô bé, và trực nhận lý vô thường, trong phút chốc cậu đâm ra chán ngấy tất cả cảnh hoa lệ giả dối của cuộc phù sinh, và muốn thoát ly bằng mọi giá. Được anh cả yểm trợ, cậu út chuồn ngã sau giữa lúc đám tiệc linh đình, và trực chỉ đi đến một ngôi tinh xá, xuống tóc xuất gia. Ít năm sau khi nhập đạo, vào một mùa an cư, trên đường đi bán yết Phật, tôn giả dừng chân ở một khu rừng cây Khadira (cây gai) và tại đây ngài đắc quả, nên về sau ngài được hiệu là "Ly Bà Đa ở rừng gai". Ngài được Phật khen là người xuất sắc nhất trong những vị yêu thích độc cư ở núi rừng.

Em trai giữa của tôn giả là Upasena hay Vagantaputta, là vị tỳ kheo được Phật khen ngợi có hạnh hoan hỷ đệ nhất. Ngài từ trần sau khi bị rắn độc cắn, như được ghi trong một kinh của Tương ưng bộ.

Người em kế ngài là Cunda (Thuần Đà) được mệnh danh là Tiểu Thuần Đa (Cula Cunda), để phân biệt với Trường lão Đại Thuần Đà. Khi tôn giả Xá Lợi Phất nhập diệt, chính vị này đã hầu cận ngài và mang di vật của ngài trở về thông báo với đức Phật và Thánh chúng.

Ba người em gái của tôn giả cũng xuất gia sau khi đã lập gia đình, mỗi người có một người con. Những người con trai này cũng đã theo tu học với tôn giả Ly Bà Đa. Chính tôn giả Xá Lợi Phất, vào một dịp đến viếng thăm người em út của ngài lâm bệnh, đã gặp các cháu và khen ngợi hạnh kiểm tốt đẹp của họ, như được tìm thấy trong Trường lão tăng kệ 42, phần luận số.

---o0o---

HẠNH NHÃN NHỤC

Mặc dù cả bảy anh em Tôn giả đều xuất gia theo Phật, bà mẹ của Tôn giả vẫn giữ đạo Bà la môn, và có thái độ thù nghịch đối với Phật giáo và tất cả những người xuất gia. Bà thù hận Sa môn Gotama đã cướp hết đàn con của bà. Vào một năm gặp thời đói kém, tôn giả Xá Lợi Phất đưa 500 trăm vị

tỳ kheo đến khát thực tại nhà bà Sà-rì. Bà vừa bày thức ăn vừa làm bầm nguyên rửa. Để thực phẩm vào bát Tôn giả, bà mắng:

- Ngu đi là ngu! Nhà cao cửa lớn, ruộng vườn thẳng cánh cò bay thì không chịu ở, lại bỏ mà đi đầu đường xó chợ, ngủ bụi ngủ bờ, ăn cơm thừa canh vụn của người ta.

Tôn giả vẫn im lặng cùng chúng tăng thọ thực, ăn xong, ngài im lặng trở về tinh xá. Đại Đức La Hầu La nhỏ nhất trong tăng đoàn thóc mách thuật lại cho Phật nghe mọi sự đã được chứng kiến tại nhà bà thí chủ nọ. Phật nhân đây thốt lời kệ sau đây, được ghi trong Kinh Pháp cú, phẩm Bà la môn:

*Đầy đủ đức hạnh không nóng giận,
giới thanh tịnh không dục nhiễm,
ngang thân này là cuối cùng,
không còn thọ thân sau
Ấy gọi là Bà la môn*

(danh từ Bà la môn ở đây chỉ người cao thượng).

Hạnh nhân nhục của Tôn giả được Phật và những vị đồng phạm hạnh không ngọt tán dương. Một hôm, một nhóm người đang đề cập về các đức tính của Tôn giả.

- Trưởng lão Xá Lợi Phất của chúng ta có hạnh nhân nhục chẳng ai bì. Ngài chẳng tức giận ai bao giờ.

Khi nghe thế, một người Bà la môn lên tiếng:

- Vô lý! Ai mà khời có lúc tức giận. Đây là vì không ai khiêu khích ông ta thôi.

Mọi người phản đối:

- Không phải vậy đâu, cư sĩ.

Người Bà la môn kia nói:

- Để tôi có cách chọc ông ta tức giận cho coi.

Người ta đồng ý chờ xem. Ngờ đâu, người Bà la môn ấy chực khi Tôn giả vào thành Xá vệ khát thực, chạy theo đập một đập như búa bổ vào lưng Tôn giả. Tôn giả vẫn thản nhiên không quay lui, chỉ lên tiếng hỏi khẽ "Cái gì thế?" và tiếp tục bước. Người kia sanh tâm hối hận, đến trước tôn giả sấp lạy xin sám hối. Tôn giả hoan hỉ tha thứ ngay. Người kia bạch:

- Bạch tôn giả, nếu Ngài đã tha thứ cho con, xin thỉnh Ngài về nhà con thọ thực, từ hôm nay trở đi, xin Ngài cho con được cúng dường Ngài thường xuyên.

Nói xong y đỡ lấy bình bát trên tay Tôn giả và đưa Ngài về nhà. Nhưng có một bọn người đã vây quanh lấy người Bà la môn ấy, sẵn gậy gộc cầm tay, và bạch Tôn giả:

- Bạch Ngài, xin Ngài giao tên ác ôn đó cho bọn con sửa trị nó một mẻ.

- Tại sao?

- Bạch, nó đánh Tôn giả! Chúng con phải bừa đầu nó ra!

- Kẻ ấy đánh các ông, hay đánh ta?

- Bạch, đánh Tôn giả.

- Vậy thì y cũng đã xin lỗi ta rồi. Các ông hãy đi đi!

Vào một dịp, Phật ngự tại Kỳ viên tịnh xá, Tôn giả bị một tỳ kheo vu khống, vì vị này phần nộ bất mãn. Khi các tỳ kheo đến từ giã sau mùa an cư, Tôn giả luôn luôn gọi tên thân mật từng vị tỳ kheo, nhưng vị này lại không được tôn giả nhắc đến tên, do nhân duyên ấy, vị này nổi lên phần nộ bất mãn, nghĩ rằng: "Tôn giả đã không thăm hỏi ta như những người khác". Đang lúc tức giận, Tôn giả đi ngang lại đụng chéo y vào người ông một cái, làm cho ông càng thêm tức, đến kiến với Phật:

- Bạch Thế tôn, Tôn giả Xá Lợi Phất luôn luôn nghĩ mình là đệ tử số một của Đấng Đạo sư, đã đánh con một cái tát gần điếc cả lỗ tai, thế mà không thèm nói gì, đã bỏ đi một nước.

Đức Phật cho gọi tôn giả Xá Lợi Phất. Thay vì phủ nhận sự vu cáo, Tôn giả đã rống tiếng sư tử giữa hội chúng với một bài pháp hùng hồn xác chứng Ngài đã vĩnh viễn thoát ly sân hận, có sức chịu đựng những mạ ly phỉ báng

như đất nhận đồ phế thải. Vị tỳ kheo ngậm tràn hối hận, xin Ngài tha thứ tội lỗi. Trước đức Đạo sư, Tôn giả thốt lên những lời đầy khiêm cung:

- Bạch Thế tôn, con tha lỗi vị đại đức, và con xin vị ấy tha lỗi cho con, nếu con có làm gì phật lòng vị ấy.

Đức Phật bảo chúng đệ tử đang vây quanh Ngài:

- Nay các tỳ kheo, Xá Lợi Phất và những người đã chứng đắc như ông không bao giờ ôm lòng hận thù ai. Tâm ông lớn như đại địa, vững như trụ đồng, và an tịnh như mặt nước ao thu.

---o0o---

LÒNG NHỚ ƠN

Trước khi xuất gia, Tôn giả nhờ trưởng lão Assaji mà ngộ đạo lý duyên sinh và tìm đến đức Phật để tham học. Tôn giả nhớ ơn ấy suốt đời. Khi cùng ở một tinh xá. Ngài luôn luôn đánh lễ Assaji sau khi đánh lễ đức Đạo sư, và khi Assaji ở chùa khác, Tôn giả thường hướng về ngôi chùa ấy mà đánh lễ sau khi đánh lễ Phật.

Khi Phật ở Xá vệ trong Kỳ viên tịnh xá có một người Bà la môn nghèo khổ làm vườn, quét dọn để kiếm ăn. Phật quán thấy ông ta có thể đắc quả, nên hỏi trong đại chúng có ai nhớ đã chịu ơn người Bà la môn kia lần nào không. Ngài Xá Lợi Phất thưa rằng, có lần Ngài khát thực trong thành Vương xá, người Bà La môn kia đã sót cho Ngài một muống đồ ăn của y đã xin được. Phật bảo: - Vậy ông hãy độ y xuất gia. Dưới sự hướng dẫn của tôn giả, chẳng bao lâu người ấy đắc quả A La Hán.

---o0o---

BẠC THIỆN TRI THỨC

Tôn giả Xá Lợi Phất là bậc thiện tri thức của tất cả mọi người. Ngài được tất cả yêu kính không những vì trí tuệ siêu phàm mà còn vì đức khiêm cung và lòng từ bi hiếm có. Ngài không bao giờ tỏ ra mình là bậc thượng thủ trong giáo hội của Phật. Trong tinh xá Kỳ đà lâm, tôn giả luôn luôn vân an thăm hỏi những vị thượng tọa già yếu bệnh tật, và mỗi khi ra khỏi độc cư thiền tịnh Ngài thường đi một lượt quanh khu tịnh xá, quét dọn lại những nơi bừa bãi, để du khách khỏi chê cười đệ tử Phật ở dơ. Mỗi khi theo Phật du

hóa một vùng xa, tôn giả thường đi sau cùng, sau khi thu xếp cho những vị tỳ kheo yếu bệnh. Cũng vì lẽ ấy mà mà có bạn Tôn giả đến nơi đã định khi đã quá nửa đêm; không còn chỗ nào dành cho Tôn giả, tôn giả đành ngồi nghỉ tạm ngoài trời, dưới một gốc cây. Khi đức Phật rõ biết việc này, Ngài liền chế định, phải dành chỗ sẵn cho các bậc tôn túc trưởng thượng.

Thông thường, những người quá thông minh xuất chúng phải trả giá thiên tài của họ bằng nỗi cô đơn. Nhưng Tôn giả Xá Lợi Phất lại là một ngoại lệ. Ngài có rất nhiều bạn, có thể nói Ngài là bạn của tất cả, kể từ đức Phật trở xuống.

Nhiều kinh điển Pali đã ghi lại những cuộc luận đàm kỳ thú giữa Tôn giả Xá Lợi Phất với những bậc Thánh đệ tử khác. Chính đức Đạo sư dường như cũng ưa nói chuyện với Tôn giả hơn với những người khác. Ngài thường gọi: "Này Xá Lợi Phất" mỗi khi thuyết pháp. Thật là một địa vị đáng thèm!

Đức tín thứ nhất làm cho mọi người yêu kính tôn giả, là ngài biết thấy ưu điểm của người khác. Một lần, khi tôn giả đang thiền định ngoài khoảng trống, có một con quỷ chơi xấu, đến đánh một cú như trời giáng vào đỉnh đầu. Nhưng do định lực sâu xa, tôn giả không bị giao động. Khi ngài xuất định, Tôn giả Mục Kiền Liên đến hỏi:

- Hiền giả có hề gì không?

Xá Lợi Phất đáp:

- Không sao cả thưa hiền giả. Tôi chỉ bị nhức đầu chút ít.

- Kỳ diệu thay! Thật kỳ diệu thay định lực của hiền giả. Vừa rồi có một con quỷ đến phá hiền giả, mặt mày con quỷ hết sức dữ tợn, nó đánh một búa vào đầu hiền giả, tưởng chừng núi đá cũng có thể vỡ ra!

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp lại bằng một lời khen ý nhị:

- Kỳ diệu thay! Thật kỳ diệu thay năng lực thần thông siêu việt của hiền giả Mục Kiền Liên, có thấy được mặt mày con quỷ dữ ấy.

Tôn giả Mục Kiền Liên và Tôn giả Xá Lợi Phất là đôi bạn chí thiết từ nhỏ, ra đời cùng một ngày, trưởng thành trong một môi trường sang quý như nhau. Trong lúc tham dự cuộc vui huyền ảo kéo dài nhiều đêm, đôi bạn cùng một lúc khởi tâm nhằm chán cuộc sống thế tục với những lớp sơn lừa

phỉnh của ngũ dục tạm bợ và cùng nhau đi tìm thầy học đạo. Trước hết, họ theo Sanjaya, một du sĩ ngoại đạo nổi danh ở thành Vương xá. Với sự gia nhập của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, uy tín của Sanjaya càng tăng gấp bội, và những thanh niên thuộc danh gia vọng tộc nối gót hai ngài đến thụ giáo với Sanjaya. Trong một thời gian ngắn, đôi bạn đã học xong tất cả những gì Sanjaya có thể trao truyền, nhưng vẫn không tìm thấy đâu là con đường đưa đến giải thoát. Họ phải giã từ Sanjaya, và sau này, khi gặp được Phật, nghe giáo lý của Ngài, họ sung sướng trở về khuyên Sanjaya theo Phật. Khi ấy Sanjaya nói một câu điển hình của hạng thầy dốt:

- Địa vị của ta không cho phép ta làm một học trò được. Người tốt hơn hết nên ở lại với ta, ta sẽ chia cho một nửa đồ chúng mà lãnh đạo.

Xá Lợi Phất thưa:

- Thưa thầy, tôi không hiềm gì phải làm một người học trò suốt cả đời, bao lâu chưa tìm ra được con đường giải thoát sinh tử. Và một Đấng giác ngộ không dễ gì được gặp! Xin thầy hãy cùng đi với chúng tôi!

- Trong thiên hạ kẻ ngu nhiều hơn hay người trí nhiều hơn?

- Thưa thầy, kẻ ngu bao giờ cũng nhiều hơn người trí.

- Vậy thì hãy để người trí đến với sa môn Gotama, còn kẻ ngu sẽ theo ta.

Khi đôi bạn ra đi, một nửa đồ chúng của vị thầy cũng đi theo họ đến quy y Phật, Sanjaya tức đến thổ huyết. Trong tăng đoàn của Phật, hai vị tôn giả trở thành đôi cánh của một con chim đại bàng. Hai vị đối với Đấng Đạo sư là hai cánh tay đắc lực trên đường hoàng pháp đến nỗi khi hai ngài nhập Niết bàn, đức Phật đã thốt ra:

-"Hội chúng từ nay đối với ta thật trống rỗng".

Qua lời dạy ấy, chúng ta có thể hiểu rõ tầm quan trọng của hai bậc Thánh đệ tử đối với đức Đạo sư và đối với chánh pháp.

Một đức tính khác làm cho tôn giả Xá Lợi Phất được tất cả đồ chúng của Phật yêu kính, là Ngài biết tôn trọng ý kiến của mọi người. Ngài không bao giờ tự cho là trí tuệ đệ nhất để áp đảo kẻ khác bằng lý luận. Trong những cuộc luận đàm tôn giả thường hỏi ý kiến từng người, để họ tự do phát biểu, và khi có sự bất đồng Ngài rủ mọi người cùng đi đến yết kiến Phật để xin

đức đạo sư giải quyết, chứ không bao giờ tự cho ý kiến mình đúng, thiên hạ đều sai.

Một kinh của Trung bộ III kể, vào một đêm rằm trăng sáng chiếu xuống khu vườn cây sala nơi tôn giả đang trú ngụ. Đêm khuya, trăng tỏ, hương hoa đang mùa rộ nở cùng với sương đêm tỏa ngát không gian. Cảnh thật xứng với người: một cuộc hội kiến giữa các bậc thượng thủ đến thăm tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả mở màn cho cuộc pháp thoại bằng một câu hỏi, cũng vừa là một lời chào:

- Đêm thanh, trăng tỏ, vườn sa la khả ái thơm nức một mùi hương như thiên giới. Chư hiền nghĩ sao, vị tỳ kheo nào, theo ý kiến chư hiền, sẽ là người làm sáng chói khu vườn? (tức một mẫu tỳ kheo lý tưởng trong Phật giáo phải như thế nào?)

Tôn giả A nan đáp:

- Theo tôi, một vị tỳ kheo làm sáng chói khu vườn là vị nào đa văn đệ nhất.

Tôn giả Ca Diếp:

- Vị tỳ kheo sáng chói khu vườn là vị trì khổ hạnh đầu đà đệ nhất.

Tôn giả Mục Kiền Liên:

- Tôi thì cho rằng vị tỳ kheo làm sáng chói khu vườn, chính là vị nào thành tựu biện tài số một.

Tôn giả Ly Bà Da:

- Ý kiến tôi thì, vị tỳ kheo làm sáng chói khu vườn phải là người thiên định bậc nhất.

Khi tất cả mọi người đều cho ý kiến, Tôn giả Mục Kiền Liên giục bạn:

- Hiền giả nghĩ sao? Ý kiến của người nào đúng? Và ý hiền giả như thế nào về một vị tỳ kheo làm sáng chói khu vườn?

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp:

- Vị tỳ kheo nào chế phục được tâm, không bị tâm chế phục. Vị tỳ kheo nào, buổi sáng muốn trú tâm như thế nào, có thể an trú tâm như thế ấy vào buổi

sáng. Buổi trưa vị ấy muốn an trú tâm thế nào, vị ấy cũng có thể làm như ý muốn vào buổi trưa. Buổi chiều, buổi tối cũng vậy.

Như một vị vua hay đại thần có một tủ đầy áo đẹp, và sáng muốn mặc cái áo nào, trưa muốn mặc cái nào, chiều muốn mặc cái nào, đều có thể làm theo ý muốn của mình. Cũng thế, đối với một vị tỳ kheo đã chế phục được tâm ý, không bị tâm chế phục. Một vị tỳ kheo như thế, này hiền giả, sẽ làm sáng chói khu rừng sa la khả ái này. Nhưng này chư hiền, chúng ta hãy đi đến đánh lễ Đấng Đạo sư để thỉnh giáo về vấn đề này.

Khi đức Phật nghe thuật lại ý kiến của từng vị, Ngài dạy rằng mọi người đều trả lời đúng theo địa vị và khả năng của mình. Tuy nhiên Ngài thêm ý kiến của Ngài như sau:

- Vị tỳ kheo sáng chói khu vườn chính là vị nào sau khi đi khát thực về, sau khi chánh niệm thọ thực xong, rửa chân rồi trải tọa cụ ngồi thiền cho đến khi nào không còn lậu hoặc móng khởi.

Điểm lý thú trong kinh này là ở chỗ khi mới nghe qua, chúng ta thấy dường như mỗi vị tự đề cao cá nhân, song kỳ thật không thế. Mỗi người phát biểu cái lý tưởng mình muốn đạt, cho nên ngài A Nan, con người ưa đa văn, tôn trọng học vấn, đương nhiên phải cho đa văn là nhất. Ngài Ca Diếp thì cho hạnh đầu đà là lý tưởng của xuất gia, nên ngài mới chuyên môn hạnh ấy. Mục Kiền Liên yêu thích biện tài, muốn phát triển mặt ấy, nên cho rằng thành tựu biện tài là nhất. Ly Bà Đa chú trọng thiền định cũng thế, vì cho thiền định là lý tưởng. Câu đức kết của Phật rất ý vị ở chỗ, cái điều Ngài cho là lý tưởng chính là những việc làm rất thường, không có gì quái dị phức tạp, thế mà lại rất khó, chỉ có Phật mới thành tựu trọn vẹn được. Đó là những việc như ăn cơm, mặc áo, rửa chân, trải tọa cụ ra ngồi... những việc Phật làm khi mở đầu kinh Kim Cương. Như vậy, ta thấy rõ Phật muốn ám chỉ đạo là rất giản dị, đó là cái tâm bình thường (bình thường tâm thị đạo); nhưng đồng thời, quả thật cái việc "thường" ấy lại khó khăn gấp bội những việc "phi thường" của các bậc đa văn, biện tài, trí tuệ.

Tôn giả Xá Lợi Phất lại còn một đức tính khác thu hút tất cả những bậc đồng phạm hạnh, ấy là khiêm tốn và hâm mộ những tài đức khác. Kinh Trạm xe (Trung Bộ II) kể, có vị tôn giả là Phú Lô Na được Phật và chúng tỳ kheo ở chung luôn tán thán về giới hạnh không thiếu sót, yêu thích độc cư, tinh tấn, tri túc, thiểu dục, đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và là người thường khuyến khích người khác tu những hạnh kể trên. Khi nghe như

vậy tôn giả Xá Lợi Phất vô cùng hoan hỉ mong muốn có ngày sẽ gặp được Tôn giả. Một hôm Phú Lô Na đến yết kiến Phật và lui về ở một nơi lân cận. Các vị tỳ kheo báo tin cho ngài Xá Lợi Phất biết để đi thăm. Đến nơi, tôn giả bắt đầu hỏi chuyện:

- Hiền giả, hiền giả vì mục đích gì mà sống phạm hạnh dưới đức Đạo sư? Phải chăng vì mục đích thành tựu giới thanh tịnh?

- Không phải vậy, hiền giả.

- Vì mục đích kiến thành tịnh?

- Không phải vậy, hiền giả.

- Vì mục đích đoạn nghi thanh tịnh?

- Không hiền giả.

- Vì mục đích đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh?

- Cũng không, hiền giả.

- Khi ấy tôn giả Xá Lợi Phất nói:

- Hiền giả, tôi hỏi cái gì hiền giả cũng đáp không phải vì mục đích ấy mà hiền giả sống phạm hạnh. Vậy thì, hiền giả sống phạm hạnh vì mục đích gì?

- Hiền giả, với mục đích vô thủ trước Niết bàn.

Xá Lợi Phất hỏi tiếp:

- Có phải giới thanh tịnh là vô thủ trước Niết bàn?

Phú Lô Na đáp không. Hỏi tâm thanh tịnh, cũng đáp không, lần lượt hỏi bảy thanh tịnh, cũng đáp không phải là vô thủ trước Niết bàn. Khi ấy, Xá Lợi Phất lại hỏi:

- Trong bảy thanh tịnh, hiền giả đều nói không có cái gì là vô thủ trước Niết bàn, nghĩa là làm sao?

Phú Lô Na đáp:

- Hiền giả, nếu Thế tôn dạy giới thanh tịnh là vô thủ trước Niết bàn thì vô thủ trước ấy cũng đồng đẳng với hữu thủ trước (chấp vào giới), về sáu thanh tịnh kia cũng vậy. Và nếu Thế tôn dạy cái gì ở ngoài bảy pháp ấy là vô thủ trước Bát Niết bàn, thì kẻ phàm phu cũng gọi là Bát Niết bàn, vì phàm phu không có bảy pháp ấy. Hiền giả, tôi lấy một ví dụ. Như vua Ba Tư Nặc đi xe từ Xá Vệ đến Saveta qua bảy trạm xe. Khi vua đến nơi bằng chiếc xe của trạm thứ bảy, đình thần ra đón và hỏi có phải nhờ chiếc xe này mà vua đi từ Xá Vệ đến hay không. Khi ấy vua phải trả lời thế nào mới đúng?

Xá Lợi Phất đáp:

- Dĩ nhiên vua phải nói, đã đi từ trạm xe thứ nhất đến trạm xe thứ hai bằng một cỗ xe khác, lần lượt đổi xe ở mỗi trạm cho đến cỗ xe cuối cùng này.

- Hiền giả, cũng như vậy với bảy thanh tịnh. Giới thanh tịnh chỉ có mục đích đạt được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là để đạt đến đoạn nghi thanh tịnh, đoạn nghi thanh tịnh là để đạt đến đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là để đạt đến đạo tri kiến thanh tịnh, đạo tri kiến thanh tịnh là để đạt đến tri kiến thanh tịnh. Tri kiến thanh tịnh là để đạt đến vô thủ trước Bát Niết bàn.

Nghe xong tôn giả Xá Lợi Phất hỏi tôn giả Phú Lô Na:

- Tôn giả tên gì? Các vị đồng phạm hạnh gọi tôn giả như thế nào?

- Tên tôi là Phú Lô Na, các bạn gọi tôi là Di Đa La Ni Tử.

- Thật vi diệu thay, hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được một bậc đệ tử đa văn của Đấng Đạo sư giải, và vị ấy là tôn giả Phú Lô Na. Thật hạnh phúc cho chúng tôi được thân cận thăm viếng Tôn giả.

Khi ấy, tôn giả Phú Lô Na hỏi lại:

- Còn hiền giả tên chi, các vị đồng phạm hạnh gọi hiền giả như thế nào?

- Tên tôi là Tích Sa, các vị đồng phạm hạnh gọi tôi là Xá Lợi Phất.

Một bất ngờ kỳ thú! Tôn giả Phú Lô Na muốn bắt ngựa người vì ngạc nhiên, không ngờ nãy giờ mình đã múa rìu qua mắt thợ! Nhưng ông thợ này quá khiêm tốn dễ thương. Ngài Phú Lô Na gọi đi một một hồi mới bảo:

- Tôi đang nói chuyện với bậc đệ tử được xem ngang hàng với đức Đạo sư mà không biết! Nếu tôi biết Ngài là Tôn giả Xá Lợi Phất, thì tôi đã không nói nhiều như vậy

---o0o---

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG

Sau một mùa an cư ở làng Beluva gần Vesàlì, đức Thế tôn tuần tự trở về Xá vệ. Tôn giả Xá Lợi Phất đến đánh lễ đức Đạo sư rồi trở về độc cư thiền tịnh. Khi tôn giả an lành xuất định, Ngài khởi lên ý nghĩ: "Thông thường các Đấng Giác ngộ nhập Niết bàn trước hay các đệ tử trưởng nhập trước?" Rồi quán sát nội lực của tự thân, Ngài thấy thân dư báo chỉ còn tồn tại bảy ngày. Kế đó Tôn giả tự hỏi: "Không biết ta sẽ xả bỏ báo thân ở chỗ nào? La Hầu La thì nhập diệt ở cõi Tam thập tam thiên, Tôn giả Kiều Trần Như ở trên đỉnh núi Hy mã Lạp. Còn ta, thì chỗ nào?" Nghị đi nghĩ lại, Ngài bỗng nhớ đến mẹ. "Mẹ ta, mặc dù là Mẹ của bảy vị A La Hán, bà vẫn không có lòng tin đối với Phật, Pháp Tăng. Bà còn chút duyên nào để sanh khởi tịnh tín chăng?" Tôn giả quán sát một hồi và thấy rằng Mẹ có thể chứng quả Dự Lưu. Rõ Ngài tự hỏi do ai mà bà sẽ được chứng quả? Quán sát bằng thiên nhãn thuần tịnh, Ngài thấy chính do mình mà Mẹ đắc quả. Do đó Ngài quyết định trở về quê cũ để nhập diệt. Tôn giả Thuần Đà, em ruột Ngài, cùng với 500 đồ chúng của Ngài được lệnh thu xếp để theo Ngài về Nàlaka. Đi đến bãi biệt đức Đạo sư lần cuối, Ngài tác bạch:

- Bạch Thế tôn, xin Đấng Thiện Thệ hứa khả cho con: thời gian nhập Niết bàn của con đã đến. Từ đây sẽ không còn luân hồi sinh tử với con. Đây là lần cuối cùng con đến đánh lễ Thế tôn. Bảy ngày nữa, con sẽ đặt thân xác này xuống, sẽ quăng bỏ gánh nặng này. Xin Đấng Đạo sư hứa khả.

Đức Thế tôn im lặng. Nếu Ngài tán thành bằng một câu: "Được, ông, hãy nhập Niết bàn đi", người ta sẽ cho rằng Ngài khuyến khích sự chết. Nếu Ngài bác bỏ rằng "Ông đừng nhập Niết bàn", người ta sẽ cho Phật tán thán sự sống. Cho nên Phật im lặng. Ngài chỉ từ tốn hỏi lại:

- Ông sẽ nhập Niết bàn tại chỗ nào?

Tôn giả thưa:

- Bạch Thế tôn, tại xứ Ma Kiệt Đà, trong làng Nàlaka, ở ngay trong cái nhà con đã ra chào đời, con sẽ nhập Niết bàn tại đó.

Khi ấy, Thế tôn dạy:

- Ông hãy làm những gì ông nghĩ là phải thời. Nhưng từ nay các huynh đệ của ông trong Tăng chúng sẽ không còn được thấy một vị tỳ kheo như ông nữa. Hãy thuyết pháp cho họ lần cuối cùng.

Tôn giả vâng lệnh, thăng pháp tòa. Với giọng nói trầm tĩnh mà hùng hồn, đáng điệu uy nghiêm khả kính, tôn giả ban bố pháp vũ cho đại chúng một lần cuối cùng. Khi thì ngài đưa tâm hồn cử tọa lên đến những đỉnh cao tuyệt vời của chân đế, khi thì pháp âm bay lượn là đà xuống tục đế với những thí dụ trước mắt. Khi thì Ngài thuyết pháp bằng cách trực chỉ, khi thì ngài dùng ẩn dụ. Thuyết xong thời pháp, Tôn giả đến đánh lễ dưới chân đức Thế tôn. Ngài ôm chân Phật bạch rằng:

- Chính vì ước nguyện được đánh lễ đôi chân này mà con đã hoàn thành các pháp ba la mật trải qua vô lượng kiếp. Nguyện ước của con nay đã thành tựu. Từ nay sẽ không còn gặp gỡ, bạch Thế tôn, nếu con có lời nói hay việc làm nào không vừa ý Thế tôn, xin Thế tôn tha thứ cho con! Bây giờ đã đến lúc con phải ra đi.

Phật đáp:

- Ta tha thứ cho ông, Xá Lợi Phất. Nhưng ông không có lời nói hay việc làm nào không vừa ý ta. Ông hãy làm những gì ông thấy phải thời.

Ngay khi Tôn giả đứng lên từ biệt Phật, đại địa chấn động, trời nổi sấm sét, một đám mây đen lớn trùm khắp như một chiếc khăn tang của hoàn vũ, và một trận mưa ào ào trút xuống, như òa khóc trước cảnh ra đi của một bậc Chúng Trung Tôn.

Đức Thế tôn bảo đồ chúng vây quanh:

- Bây giờ, các con hãy ra đi đưa tiễn bậc huynh trưởng của các con lần cuối.

Toàn thể tứ chúng đều rời Kỳ viên tinh xá, chỉ còn một mình đức Phật. Họ đi theo Tôn giả từng đoàn từng đoàn lũ lượt càng lúc càng đông vì dân thành Xá vệ cũng tiếp theo đoàn đưa tiễn, với đầu tóc nhúng nước rữ rượi (dấu hiệu tang lễ thời ấy), họ theo khóc lóc ta thán. Tôn giả ủy lạo quần chúng đang rên siết.

- Đây là một đoạn đường mà không ai tránh khỏi.

Và Ngài bảo họ trở về. Quay lại tặng chúng ở Kỳ viên đang theo đưa tiễn Ngài, Tôn giả căn dặn:

- Bây giờ, chư hiền hãy trở lại tinh xá đi. Hãy nhớ chăm sóc Đấng Đạo sư!

Còn lại 500 đồ chúng, Tôn giả tiếp tục cuộc hành trình. Cuộc du hành kéo dài cả tuần lễ, khiến nhiều người được dịp chiêm bái Tôn giả lần cuối cùng. Khi về đến làng quê, trời đã tối. Tôn giả dừng chân dưới một gốc đa đầu làng. Tình cờ, một người cháu của Tôn giả đi mua đồ, thấy Tôn giả, đến gần chào Ngài. Ngài hỏi:

- Bà ngoại con có nhà không?

- Bạch Tôn giả, có.

- Con hãy trở về báo tin có chúng ta đến. Thưa bà rằng chúng ta sẽ ở lại trong làng một ngày, và xin bà dọn chỗ cho ta trong phòng ta đã ra chào đời, và sắp đặt chỗ nghỉ cho 500 vị tỳ kheo.

Cậu bé trở về thuật lại cho thân mẫu Tôn giả. Nghe xong, bà ngẫm nghĩ: "Tại sao con ta trở về? Tại sao y bảo dọn chỗ cho đông người quá vậy? Sao lại muốn ở trong phòng ra chào đời? Bộ muốn hoàn tục hay sao?". Bao nhiêu câu hỏi xoay vần trong đầu óc bà cụ. Nhưng bà vẫn làm theo lời dặn.

Khi Tôn giả về đến nhà, Ngài vào phòng dành sẵn, và bảo các tỳ kheo hãy đi đến khu vực dành cho họ. Chúng tỳ kheo vừa đi khỏi, Tôn giả phát đau bụng dữ dội, quặn thắt cả ruột. Ngài đi cầu không ngót, thị giả đem thùng vào rồi lại đem ra. Bà mẹ lo âu, thầm nghĩ: "Cha chả, bộ con mình gặp nguy rồi". Và bà cụ cứ đứng như vậy nhìn về phòng Tôn giả suốt đêm, nhưng không dám đến gần. Trong lúc ấy Tứ Thiên vương bằng thiên nhãn thấy bậc đại tuệ Xá Lợi Phất sắp nhập diệt, bàn nhau xuống trần để viếng thăm Ngài. Giữa đêm khuya, gian phòng sáng rực vì dung sắc của các vị Thiên vương chiếu ra. Tôn giả hỏi:

- Ai thế?

- Bạch Tôn giả chúng tôi là những vị trời Tứ thiên vương.

- Các Ngài đến đây làm gì?

- Chúng tôi muốn hầu hạ Tôn giả trong cơn bệnh.

- Cảm ơn, tôi đã có thị giả. Các ngài đi đi.

Sau khi Tứ thiên vương từ biệt, đến lượt Đế Thích và Đại phạm thiên đến viếng thăm Tôn giả. Tôn giả đều cảm ơn bảo họ lui về. Bà cụ suốt buổi quan sát dung sắc thù thắng của những vị khách cõi trời mà lòng cảm thấy quái lạ. Bà tự hỏi: "Ai vậy? Ai mà đối với con ta có vẻ cung kính Thế nhỉ?" Rồi, không can nỏi con tò mò, bà đến tận cửa phòng Tôn giả. Tôn giả Thuần Đà báo tin cho sư huynh. Tôn giả hỏi:

- Tại sao Mẹ đến vào giờ khuya khoắt Thế này?

- Để thăm con, con ạ! Này, con hãy nói cho mẹ nghe, những người đến đầu tiên là ai Thế?

- Thưa Mẹ, đó là Tứ Thiên vương.

Bà mẹ trở mắt :

- Ô ra, con còn lớn hơn cả Tứ Thiên vương nữa à?

Tôn giả đáp:

- Họ cũng như những người giữ chùa. Từ ngày đức Thế tôn đản sinh, họ luôn luôn canh gác đêm ngày, gươm đeo lưng lẳng.

- Và kế tiếp họ là ai thế?

- Đó là Đế Thích, vua của những vị Trời.

- Vậy thì con lại lớn hơn cả Đế Thích kia à?

- Ông ấy cũng như chú tiểu ôm y bát theo hầu các tỳ kheo. Khi Đấng Đạo sư lên cõi trời Ba Mươi Ba, chính Đế Thích đã ôm y bát theo hầu ngài trở về trần thế.

- Ô còn sau Đế Thích là ai nữa vậy?

- Đó chính là Phạm thiên mà mẹ thờ.

- Ui chao! Thế ra con còn hơn cả vị trời Đại Phạm của mẹ nữa sao?

- Vâng thưa mẹ. Vào ngày Đấng Đạo sư đản sanh, chính bốn vị trời Đại Phạm đã đưa lưới báu cõi trời đỡ lấy Thánh nhi.

Khi nghe thế, bà cụ suy nghĩ: "Nếu con ta đã có oai thần như vậy, thì bậc thầy của con ta còn oai thần đến bậc nào". Và khi nghĩ thế, một niềm hoan hỷ tràn ngập thân tâm bà. Tôn giả quán thấy mẹ mình đã phát sinh hỷ lạc đối với Tam bảo, và đã đến lúc nên thuyết pháp cho bà. Ngài hỏi:

- Mẹ nghĩ gì thế?

- Tôi đang nghĩ rằng, nếu con tôi có oai thần như vậy, thì Đấng Đạo sư của người còn oai thần tới mức nào.

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp:

- Vào lúc Đấng Đạo sư đản sanh, lúc Ngài xuất gia, lúc đắc đạo và chuyển pháp luân lần đầu, vào tất cả những dịp ấy, mười phương Thế giới đều rung chuyển. Không có ai sánh được với Ngài về phương diện giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến.

Rồi Tôn giả giải thích cho mẹ nghe vì sao đức Đạo sư đã được tôn xưng là Đấng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế tôn. Nghe xong thời pháp, bà cụ đắc quả Dự lưu. Bà hỏi Tôn giả:

- Tại sao, này con Tích Sa yêu dấu, tại sao suốt nhiều năm ròng, con đã không ban bố cho mẹ pháp vị cam lồ này?

Tôn giả nghĩ thầm: "Thế là ta đã báo đền ơn dưỡng dục". Và ngài bảo mẹ:

- Bây giờ, tín nữ hãy về nghĩ đi.

Khi bà cụ đi khỏi, Tôn giả hỏi Thuần Đà:

- Bây giờ khoảng canh mấy?

- Bạch Tôn giả, gần tảng sáng rồi.

- Hãy triệu tập chúng tỳ kheo.

- Thưa vâng, bạch Tôn giả.

Khi chúng tỳ kheo đến, Tôn giả bảo Thuần Đà:

- Hãy đỡ ta ngồi dậy, Thuần Đà.

Sau khi ngồi dậy, Tôn giả nói với chúng tỳ kheo:

- Nay chư hiền, tôi đã sống, du hành với chư hiền trong 40 năm. Trong thời gian ấy, nếu tôi có làm gì, nói gì không vừa ý chư hiền, xin chư hiền hãy tha thứ cho tôi.

Tất cả đồng thanh bạch:

- Thưa Tôn giả, không có một điều bất mãn nhỏ nào Tôn giả đã gây cho chúng con, những người theo Tôn giả như bóng theo hình. Nhưng bạch Tôn giả, xin Tôn giả hãy tha thứ cho chúng con!

Kể đó, Tôn giả quán y quanh mình trùm cả mặt, nằm xuống hông bên phải. Rồi cũng như đức Thế tôn sẽ làm khi Ngài nhập Niết bàn, Tôn giả lần lượt nhập và xuất chín tầng lớp thiền định rồi trở lại nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Sau tứ thiền, Ngài hoàn toàn nhập Niết bàn Vô dư y. Đó là ngày rằm tháng Kattika tức vào khoảng giữa tháng 10 và 11 dương lịch.

Khi được tin, bà cụ không ngớt than khóc cho tới khi mặt trời mọc. Bà mở kho xuất nhiều vàng bạc để làm tang lễ. Quần chúng khắp làng đến nghe thuyết pháp và đánh lễ thi hài Tôn giả. Bảy ngày sau, lễ trà tỳ được cử hành. Thi hài Tôn giả đặt trên một giàn hỏa lớn bằng gỗ trầm. Sau khi hỏa táng, Tôn giả A Nâu Lô Đà rưới nước thơm dập tắt ngọn lửa.

Tôn giả Thuần Đà khâu nhặt xá lợi bọc vào trong một mảnh y. Liền sau đó, Tôn giả trở về Xá vệ bạch Phật, mang theo y bát và xá lợi của vị sư huynh. Đến nơi, Thuần Đà bái yết thị giả A Nan trước và tác bạch:

- Bạch Tôn giả, Tôn giả Sàriputta đã nhập Niết bàn. Đây là y và bát của Ngài.

- Hiền giả, về việc này ta phải đi đến Đấng Đạo sư.

- Thưa vâng bạch Tôn giả.

Rồi cả hai cùng đi đến đức Phật. Sau khi đánh lễ Phật, họ ngồi qua một phía. Tôn giả A Nan bạch:

- Bạch đức Thế tôn, chú tiểu Thuần Đà nói với con rằng Tôn giả Xá Lợi Phất đã nhập Niết bàn. Đây là y và bát của Tôn giả. Khi nghe vậy bạch Thế tôn, con bủn rủn tay chân, vạn vật xung quanh con trở nên mờ mịt. Con không còn trông rõ cái gì ra cái gì nữa, khi nghe Tôn giả Xá Lợi Phất từ trần!

- Sao vậy, A Nan? Khi Xá Lợi Phất từ trần, ông ấy có đem bớt đi phần nào giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của ông chăng?

- Không phải vậy bạch Thế tôn. Khi Tôn giả Xá Lợi Phất từ trần, tôn giả đã không đem theo bớt phần nào giới, định, tuệ của con. Nhưng bạch Thế tôn, Tôn giả đối với con là một vị hướng đạo, một bậc đàn anh, một người đã thường khích lệ, làm con hoan hỷ, phấn khởi, một người giảng pháp không biết mỏi mệt, một người giúp đỡ những kẻ đồng phạm hạnh. Chúng con nhớ xiết bao những lời chỉ giáo bổ ích, linh động và thú vị của Tôn giả!

- A Nan, há tôi đã không dạy cho ông rằng sớm muộn, chúng ta đều phải chịu sự chia ly với những gì thân yêu gần gũi? Cái gì đã sinh thành tất phải hoại diệt, tan rã. Không phân ly là điều không thể có. Nay A Nan, cũng như cành lớn của một đại thụ vững mạnh đã gãy xuống, Xá Lợi Phất nhập diệt đối với chúng tỳ kheo thanh tịnh này cũng vậy. Quả thế, A Nan, có hội tụ tất phải có phân ly. Không phân ly là điều không thể có. Bởi thế, này A Nan, hãy tự mình làm một hòn đảo, một chỗ nương cho chính mình, đừng tìm chỗ nương tựa bên ngoài. Hãy lấy chánh pháp làm hòn đảo, lấy chánh pháp làm chỗ nương, đừng tìm chỗ nương nào khác.

Rồi đức Thế tôn đưa tay đỡ lấy di cốt của vị thánh đệ tử thân yêu, và bảo đại chúng:

- Nay các tỳ kheo, đây là di cốt trắng như vỏ ốc của vị tỳ kheo cách đây không lâu đã xin phép ta để nhập Niết bàn.

Vị tỳ kheo ấy là người thành tựu các hạnh Ba la mật trải qua vô lượng kiếp. Vị tỳ kheo ấy là người đã giúp ta chuyển bánh xe pháp. Vị tỳ kheo ấy là người được chỗ ngồi bên cạnh ta. Vị tỳ kheo ấy là người trong cõi Tam thiên Thế giới không có ai sánh kịp về phương diện trí tuệ, chỉ trừ đức Như Lai. Vị tỳ kheo ấy là người có trí tuệ lớn, có trí tuệ rộng, có trí tuệ sáng, có trí tuệ sắc bén, có trí tuệ sâu xa. Vị tỳ kheo ấy ít muốn, biết đủ, thích độc cư, không thích đám đông, đầy nghị lực. Vị tỳ kheo ấy là bậc khích lệ những bậc đồng phạm hạnh, sẵn sàng chỉ điểm những lỗi lầm. Vị tỳ kheo ấy khi xuất gia đã từ bỏ một gia sản lớn lao có được nhờ công đức tích lũy từ 500 đời trước. Vị

tỳ kheo ấy là người có hạnh nhẫn nhục như đại địa. Vị tỳ kheo ấy có tâm bất hoại, như một con trâu đực đã cưa hai sừng. Vị tỳ kheo ấy có tâm khiêm hạ như đồng tử.

Này các tỳ kheo, hãy nhìn đây xương trắng tro tàn của bậc Đại tuệ, bậc Quảng tuệ, bậc Lợi tuệ, bậc Minh tuệ, con người ít muốn biết đủ ấy, con người ưa thích độc cư, con người đầy nghị lực ấy! Nhìn đây, xương tàn của một tỳ kheo đã khích lệ, làm cho phấn khởi chúng tỳ kheo, sẵn sàng chỉ điểm lỗi lầm cho chúng tỳ kheo.

Bên bờ sông Hằng, không lâu sau khi hai Đại đ? tử của Ngài nhập diệt, một hôm đức Thế tôn đưa mắt im lặng nhìn khắp tất cả đại chúng vây quanh rồi dạy:

- Hội chúng này, hỡi các tỳ kheo, đối với ta bây giờ quả thật trống rỗng, khi Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên không còn!

---o0o---

42. CHUYỆN VUA A-DỤC (ĐẦU GÌ QUÝ?)

(tặng thiếu nhi Tuệ uyển)

Hôm nay cô sẽ kể cho các em nghe câu chuyện vua A dục cảm hóa hoàng đế và đình thần. Vua A dục là vị vua Ấn độ sống sau Phật Thích ca khoảng chừng ba trăm năm. Trước khi theo đạo Phật, vua rất hung ác, nhưng từ khi biết đạo, ông trở thành một vị vua nhân từ, tích cực hoằng dương chánh pháp. Vua cho dựng khắp xứ những trụ đá khắc lời Phật dạy để dân chúng noi theo tu học, từ bỏ sát sinh, trộm cắp, nói dối. Những trụ đá ấy đến nay các nhà khảo cổ vẫn còn tiếp tục khai quật được, bị chôn vùi dưới những lớp đất thật sâu tại Ấn độ: đó là chứng tích lịch sử hùng hồn nhất chứng minh sự thịnh hành của Phật giáo tại Ấn độ cách đây hơn hai ngàn năm.

Vua A dục thường lễ kính các vị tỳ kheo. Bất luận gặp các ngài ở đâu, vua cũng quỳ lạy sát đất. Mỗi khi vua cùng đi với triều thần, mà gặp một vị tỳ kheo, ngài liền xuống xe đánh lễ. Triều thần thấy vua lạy buộc lòng phải lạy theo, nhưng thâm tâm thì không muốn. Có lần, họ đánh bạo tâu vua:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ là chủ cả nước, sao bệ hạ lại cúi đầu trước mấy thầy tu chỉ là thần dân của mình?

Để cho các quan một bài học, một hôm vua ra lệnh họ đi tìm tất cả những cái đầu của đủ các loài, từ nhỏ đến lớn, đem về chất đầy một nhà kho. Nào đầu heo, đầu bò, đầu ngựa, đầu khỉ, cho đến đầu cá đầu tôm... Cuối cùng vua bảo đem về một cái đầu người, chặt từ những thân chết ngoài rừng thây. Sau khi sưu tập đủ loại đầu, vua bảo họ đem bán. Đầu con gì cũng có ít nhiều giá trị, nhưng khi đem bán cái đầu người, thì thiên hạ đều ghê sợ, không ai mua, đành phải đem về tâu vua. Vua bảo: "VẬY, các khanh hãy đem cho không." Họ nói: "Tâu bệ hạ, dù cho không, cũng chẳng ai lấy làm gì cả."

Nhân đây vua triệu tập các quan, dạy:

- Các ngươi cho đầu người ta quý, không nên dùng để lễ bái, nhưng qua kinh nghiệm vừa rồi, ngươi thấy nó có quý bằng đầu tôm, đầu cá chẳng? Tại sao đầu con gì dù nhỏ nhất cũng có chút ít giá trị, chỉ có đầu người cho không cũng không ai thèm? Như vậy đủ biết, cái đầu người ta không quý gì cả, còn thua cái đầu thú vật, nhưng sở dĩ nó quý là nhờ những tư tưởng chỉ đạo cho hành vi tốt phát xuất từ cái đầu ấy. Nay ta kính lễ các bậc chân tu là để thực hành hạnh cung kính Tam bảo, hành vi ấy xuất phát từ tư tưởng tốt đẹp, các ngươi không nên kích bác ta.

Các quan từ đây không còn chê vua là hạ mình một cách vô lý. Đối với hoàng đế, vua cũng cho một bài học thâm trầm. Ngài có người em trai kế cận thường chê vua mê tín, cứ đem lễ vật cúng hiến cho bọn thầy tu ăn không ngồi rồi. Hoàng đế nói:

- Thưa vương huynh, theo em thấy, những lão thầy tu kia cũng như mình, biết ăn ngon mặc đẹp, hưởng thụ các giác quan như mình, có gì hơn chúng ta mà vương huynh quá kính trọng như thế?

Để trả lời em, một lần nọ vua tổ chức một cuộc du ngoạn tắm biển, mời hoàng đế và hai ái phi cùng đi. Ra tới bãi biển, vua cởi bỏ long bào vương miện giao cho một cung phi giữ, cô kia cùng bơi với vua và hoàng đế ra xa. Vua bơi trước, cung phi nửa chừng giả bộ đuối sức, kéo hoàng đế cùng quay vào bờ. Hoàng đế bơi theo, cả hai cùng lên đến chỗ cung phi đang giữ áo mũ. Cô này nói:

- Thưa hoàng đế, sẵn có áo mũ nhà vua đây, hoàng đế mặc vào cho chúng em ngắm thử, chắc đẹp lắm.

- Ta đâu dám.

- Không sao đâu, nhà vua đã bơi ra xa, hoàng đế thử mặc một lát chơi thôi mà. Hãy cho chúng em ngắm trước vị vua tương lai trẻ đẹp. Phần áo mảo này có ngày hoàng đế cũng sẽ mặc thôi, bây giờ ướm thử thì đã sao!

Nghe bùi tai, hoàng đế đỡ lấy long bào trên tay cung nữ. Vừa khoác áo đội mảo lên, đang cùng với hai cung phi ngắm nghía, bỗng đức vua đã vào tới bờ. Ngài giận dữ tiến lại:

- A, hoàng đế có âm mưu gì mà dám mặc long bào của trẫm? Lại dám đùa giỡn với hai ái phi ta? Tội khi quân đáng chém đầu. Hãy đưa về triều xử trảm.

Vua hét thị vệ trói cả ba dẫn về, thiết triều để nghị án. Các quan đều đồng ý rằng theo luật phải tử hình, nhưng vì em vua nên xin giảm nhẹ. Vua phán:

- Thôi thì vì tình ruột thịt, ta tạm hoãn cho bảy ngày. Và vì ngươi muốn làm vua, cho nên ta sẽ cho mặc áo long bào, vươn miện và ngồi trên ngai vàng bảy ngày liên tiếp trước khi ra pháp trường chịu tội. Ta sẽ cho ngươi hưởng thụ tất cả dục lạc của đế vương trong thời gian đó, cho ngươi thỏa nguyện.

Rồi vua sai những quan thị vệ, đầu bếp, hầu tể, bồi bàn, cung phi mỹ nữ...hầu hạ hoàng đế y như hầu hạ nhà vua thường ngày. Lại cho ngồi trên ngai, nằm long sàng, xử dụng chén vàng đĩa b?c của vua. Mỗi ngày khi mặt trời lặn, một quan thị vệ lại quỳ tâu: "Tâu bệ hạ, một ngày đã qua, chỉ còn không mấy ngày nữa là nhà vua sẽ ra pháp trường chịu tội."

Cứ thế cho đến hết ngày thứ sáu, quan thị vệ lễ phép quỳ tâu:

- Tâu bệ hạ, chỉ còn một ngày nữa thôi, bệ hạ sẽ từ bỏ ngai vàng để lãnh án tử hình.

Đêm ấy vua A Dục vào thăm hoàng đế.

- Sao? Em thấy thế nào trong sáu ngày vừa qua, khi hưởng dục lạc của vương vị?

Hoàng đế khóc òa:

- Ôi vương huynh ơi! Chẳng thà vương huynh đưa em ra pháp trường mà chém quách đi, còn đỡ khổ hơn giết lần giết mòn em với cái trò làm vua quái

ác này! Nó làm cho em bạc cả đầu, sâu cả mắt, ăn không ngon ngủ không yên, khi thấy mình tiến từ từ đến cái chết!

- Như vậy em không sung sướng gì khi hưởng thụ dục lạc vì nghĩ đến cái chết phải không? Các vị tỳ kheo đệ tử Phật cũng thế đó, các ngài luôn sống trong pháp quán tưởng vô thường, thì làm sao có thể sung sướng khi được chúng ta tôn trọng, cung kính cúng dường lễ bái? Càng được cung kính cúng dường, những vị chân tu càng sợ hãi như bị đeo thêm đá vào người, cảm thấy trách nhiệm mình càng lớn, mà cái chết gần kề, làm sao yên ổn được? Em vừa mới sống sáu ngày qua trong tâm trạng căng thẳng tột độ, chắc em đã hiểu tại sao ta đánh lễ, cúng dường các vị tỳ kheo?

Hoàng đế ôm chầm chân vua nức nở:

- Thì ra đây là bài học vương huynh muốn dạy em!

- Chính thế.

- Và Vương huynh tha chết cho em?

- Dĩ nhiên.

- Đa tạ ơn vương huynh! Em xin ghi nhớ suốt đời bài học này!

Hoàng đế rồi rít cảm ơn vua, và từ đây theo vua học đạo, tập tành cái hạnh cung kính những bậc đạo đức hơn mình.

-ooOoo-

43. HOA SEN GIỮA BỤI ĐỜI

(Một mẫu truyện Liêu Trai do Hòa thượng Già Lam kể)

Mặc dù có một bà mẹ rất thuần thực trong niềm tin Phật, Nhạc Trọng, đứa con một của người mẹ góa, vẫn chơi bời lêu lổng từ tấm bé. Mẹ chàng trường trai, thờ Quan Âm Bồ Tát; nhưng chàng thì chỉ "thờ" một món rượu thịt, luôn luôn chè chén say sưa. Bà mẹ vì quá yêu con, không bao giờ cấm đoán ngăn cản chàng, hay ép buộc chàng theo đức tin của mình. Nhạc Trọng được tự do, nhưng cũng rất thương mẹ mặc dù đường ai nấy đi - có lẽ nhờ được tự do, mà chàng càng thương mẹ. Năm ấy, chàng được 30 tuổi, bà mẹ thấy mình không còn sống lâu, muốn cưới vợ cho chàng để khi yên bề gia

thất, họa may chàng có bớt lêu lổng rượu chè. Bà hỏi ý, chàng cũng bằng lòng cho vừa ý mẹ. Nhưng vừa cưới vợ về được một hôm, chàng đâm chán ngấy một cách lạ lùng, và xin mẹ để cho nàng dâu về nhà, vì chàng chỉ muốn tiếp tục sự nghiệp rượu thịt mà thôi. Thấy chàng nhất quyết, bà mẹ đành chịu lòng, trả nàng dâu về với một lời xin lỗi, và rất nhiều tặng phẩm.

Từ đó Nhạc Trọng được tự do trở lại với nghiệp ăn chơi lêu lổng cố hữu của chàng.

Một hôm, bà mẹ ngã bệnh nặng, hấp hối vào lúc nửa khuya. Do một tiền oan nghiệp chướng gì không biết, bà bỗng dưng khao khát được nếm mùi thịt nướng trước khi nhắm mắt, mặc dù đã trường trai mấy chục năm. Trước cảnh mẹ lăn lộn trên tử sàng, đòi thịt nướng, Nhạc Trọng bèn đi ra, xẻo ngay một miếng thịt trên bắp vế của mình, bỏ thêm tiêu hành nước mắm nướng lên đem dâng mẹ. Bà mẹ vừa được miếng thịt thấm môi thì tắt thở.

Nhạc Trọng chôn cất mẹ xong, thì gặp lúc trong nước có lễ hội Vu Lan. Thiện nam tín nữ họp thành đoàn thể đi dự hội, cùng để chiêm bái một pho tượng Quan Âm lộ thiên mới khánh thành ở một ngôi chùa trên núi xa. Nhớ đến mẹ sinh tiền thờ Quan Âm Bồ Tát, Nhạc Trọng cũng thu xếp lên đường dự hội.

Nhưng vì suốt đời chàng chưa từng tham gia những đám rước, cũng không hề lui tới chùa chiền, nên Phật tử không ai biết tới chàng, nghĩ chàng có lẽ là một kẻ phá đám nên không ai cho gia nhập. Nhạc Trọng phải đi lùi ra sau xa, ngoài lễ đám diễu hành. Những kẻ ngoài lễ ấy gồm đủ hạng: dân bán cà rem, bán hàng rong, dân ghiền xì ke ma túy, gái điếm, con mô côi, trẻ móc túi, bụi đời... Chàng phải đi trong bọn người này theo đuôi đoàn lễ hành. Chẳng bao lâu, chàng kết nạp được một cô gái làm bạn đường, đó là một gái điếm đã chán đường ong bướm, muốn tìm đến một nơi thiêng liêng để an nghỉ tâm hồn. Cả hai kẻ bụi đời kết bạn rất tương đắc. Họ kéo nhau vào quán rượu trước sự mỉa mai khinh bỉ của mọi người trong đoàn hành hương. Nhưng hai người không để ý, cứ tự nhiên gọi rượu thịt cùng nhậu nhẹt. Trong khi họ đàm đạo, thì một đứa bé mặt mũi sáng sủa trong đám trẻ bụi đời đến chìa tay xin tiền. Thấy thằng bé kháu khỉnh, chàng hỏi con cái nhà ai thì nó bảo không biết, mẹ chết, nó đang đi tìm bà con thân thích để gởi táng thân. Vì hy vọng trong đám hội toàn quốc này thế nào cũng gặp được bà con, nên nó có mang theo bức thư tuyệt mệnh của mẹ nó. Nói xong nó liền móc trong túi găm kỹ một bao thư đã nhàu, màu mực đã phai. Đọc xong bức thư, Nhạc Trọng mới té ngựa người ra: thằng bé chính là con của chàng! Chàng kể sơ

cho cô bạn biết câu chuyện. Nghe xong cô tình nguyện đem đứa bé về ở với hai người. Cô sẽ nuôi nó cho đến khi khôn lớn. Nhạc Trọng bằng lòng, nhưng giao hẹn trước:

- Chúng ta có thể sống với đứa bé dưới một mái nhà, nhưng tôi yêu cầu nàng một điều là giữa chúng ta chỉ có tình bạn. Và một khi tôi uống rượu say thì xin nàng hãy lánh mặt đi chỗ khác.

- Được rồi. Đó cũng là ý nguyện của tôi. Tôi chỉ muốn nuôi đứa bé này làm phước, và ở với anh cho có bạn mà thôi.

Sau khi thỏa thuận, họ tiếp tục cùng nhau lên đường, dắt theo đứa bé bây giờ là con của họ. Gần đến chùa chỉ có đoàn hành hương mới được vào cổng, những kẻ ngoài đoàn phải dừng bước ở bên ngoài, ăn nhờ ngủ đậu trong các quán xá ven đường. Nhưng tượng Quan Âm lộ thiên rất lớn, hai người có thể trông thấy từ đằng xa. Khi đến gần, hai người bất giác sụp lạy. Chàng đánh lễ tượng, trong lòng thiết tha nhớ đến mẹ ngày xưa. Nàng chiêm ngưỡng nét bình an trong sáng của pho tượng với cảnh dương như quét sạch bao ô nhiễm sóng gió trong cuộc đời. Nàng tìm thấy một niềm bình an tuyệt đối, và bất giác rơi lệ. Khi ngẩng lên thì với chàng, trên ngàn cánh sen có ngàn hình ảnh mẹ, với nàng, ngàn ánh mắt Từ bi đang nhìn suốt tâm can: kể từ đây, đời họ được an nghỉ.

Sau khi chiêm bái trở về, họ sống chung dưới một mái nhà. Ngày ngày cô gái, Quỳnh Hoa, dọn dẹp nhà cửa chăm sóc, dạy dỗ đứa bé, Nhạc Trọng thì vẫn tiếp tục những cuộc rượu chè, nhưng dần dần thưa thớt, và chàng trở nên trầm ngâm, ư cô tịch. Trải qua ba mươi năm như vậy, một hôm chàng gọi Quỳnh Hoa vào phòng riêng, một cử chỉ chàng chưa từng làm, khiến nàng rất đỗi ngạc nhiên. Khi nàng vào, Nhạc Trọng lại còn vén đầu gối cho nàng xem mà nói:

- Mẹ tôi sắp gọi tôi về. Tôi muốn cùng nàng từ biệt.

Ở cái chỗ chàng xẻo thịt cho mẹ, mọc lên một cục thịt hình hoa sen nở. Quỳnh Hoa lấy tay bóp những cánh sen lại mà bảo:

- Chúng ta làm bạn với nhau đã 30 năm, anh không chờ tôi được sao?

Nói xong, nàng thu xếp trở về quê cũ, bán vườn tược nhà cửa, tậu một số vốn để lại cho đứa con của chàng cưới vợ, rồi trở lại bảo chàng:

- Bây giờ, tôi đã làm xong công việc. Cảm ơn anh đã có lòng chờ tôi. Chúng ta sẽ cùng về với Phật.

Mỗi người vào phòng riêng, ngồi xếp bằng chấp tay niệm Phật vãng sinh cùng một lúc.

-ooOoo-

44. CHÚ VƯỢN TINH KHÔN

Vào một trong những tiền kiếp xa xăm, Đức Thế tôn làm một con vượn chúa có sức mạnh phi thường và trí khôn vô địch. Vượn sống cạnh bờ sông đối diện một hòn đảo. Trên đảo có một rừng cây sai quả ngon ngọt. Giữa hòn đảo và bờ sông không một chiếc cầu, nhưng có một mỏm đá nhô lên giữa sông. Vượn nhờ hai chân dài nhanh nhẹn, nên chỉ cần một phóc nhảy từ bờ sông qua mỏm đá, và một nhảy nữa từ mỏm đá lên đảo là đã có thể tha hồ tung tăng trong rừng cây. Vượn ngày ngày qua hòn đảo ăn trái và dong chơi trong rừng bằng lối ấy, đến chiều mới nhảy trở về.

Khúc sông ấy có một đôi vợ chồng cá sấu cư ngụ. Cá sấu vợ mang thai gần đến ngày sinh nở. Trông thấy vượn chúa ngày ngày qua lại mỏm đá, cá sấu bỗng đâm ra thèm thường ăn tươi trái tim của vượn. Bà bảo chồng:

- Ông đi, tôi thèm ăn cái tim con vượn kia. Ông hãy tìm cách giết nó mau moi tim cho tôi ăn.

Cá sấu chồng bảo:

- Bà đã bảo thì tôi sẽ kiếm cách làm cho bà toại ý. Nhưng phải kiên nhẫn chờ tôi nghĩ kế mới được. Vượn khôn lanh lắm.

Bà vợ giận dữ nói:

- Nghị, nghĩ cái gì? Ông phải leo lên nằm ngay bây giờ trên mỏm đá, đợi nó ở rừng nhảy ra là thộp ngay cho tôi ăn tim.

- Bộ bà tưởng công việc dễ dàng lắm sao? Trước hết, vượn rất khôn lanh, mà nó những bốn tay chân, còn tôi chỉ có một cái đuôi thì làm sao địch nó nổi.

Bà sấu quát lên:

- Vậy thì cái bộ răng nhọn hoắc của ông để làm gì? Thôi tôi biết rồi, ông không thương tôi, ông muốn để cho tôi chết đói cả mẹ lẫn con.

Nói rồi bà khóc rưng rức bằng nước mắt của cá sấu. Ông sấu vốn sợ vợ nên chiều lòng bà ngay:

- Được bà hãy chờ tôi.

Ông sấu leo lên nằm trên mỏm đá chờ. Khi ra khỏi rừng, vợ toan nhảy lên mỏm đá trở về như mọi khi thì bỗng nó chú ý cái chiều cao khác thường của mỏm đá. Nó không biết đó là vật gì, bèn nghĩ ra một kế, gọi lớn:

- Đá đi, đá!

Không nghe trả lời, vợ lại gọi:

- Đá đi, đá!

Lần thứ ba, vợ giả bộ ngạc nhiên hỏi:

- Ô hay, tại sao hôm nay tôi gọi mãi anh vẫn làm thinh như vậy, anh Đá?

Cá sấu giật mình nghĩ: "thì ra ngày thường mỏm đá này có nói chuyện với nó. Vậy mình cũng phải lên tiếng cho nó khỏi sanh nghi." Bèn nói lớn:

- Nay vợ, có tôi đây. Cái gì thế?

- Tôi là ai?

- Tôi là cá sấu! (vừa thốt ra, sấu biết mình hớ)

- Anh ngồi làm chi đó?

Đã hớ, sấu nói luôn:

- Để thộp người và moi tim người cho vợ ta ăn.

Thấy thế nguy, nhưng vợ vẫn điềm nhiên bảo sấu:

- Như vậy thì tôi không còn cách nào thoát được. Thôi để tôi nhảy đại vào mồm anh cho xong. Nào, há mồm cho thật lớn đi.

Cá sấu tưởng thật, bèn há mồm tới mức tối đa, làm cho hai mắt nhắm tít lại không trông thấy gì nữa. Vượn nhân lúc ấy, nhảy lên đầu sấu, và nhảy một phóc khác trở về bờ sông yên ổn.

Sau khi kể lại chuyện tiền thân, Phật cho biết con cá sấu đực chính là Đê Bà Đạt Đa ngày nay, vợ cá sấu là nàng Cinca do ngoại đạo thuê để vu khống Phật, còn vượn là tiền thân của Ngài. Và Ngài kết luận, không những ở trong thời hiện tại Đê Bà Đạt Đa mới tìm cách hại Phật, mà từ vô số kiếp ông ấy đã luôn luôn âm mưu như vậy, và thường thất bại.

-ooOoo-

45. LÒNG CHA

(phỏng dịch theo R..Tagore)

Mini, bé gái năm tuổi của tôi, có lẽ không sống được nếu không nói ba hoa suốt ngày. Tôi nghĩ suốt đời cô bé đã không phí một phút giây nào im lặng. Mẹ nó thường bất bình về điều ấy, và thường tốp cô lại, nhưng tôi thì không. Với Mini, im lặng là chuyện bất thường, và tôi không thể chịu đựng lâu. Bởi thế, câu chuyện giữa tôi và cô bé luôn luôn linh động. Chẳng hạn một buổi sáng, khi tôi đang viết dở một chương tiểu thuyết thì cô bé lên vào, cầm lấy tay tôi mà nói:

- Cha! Lão bợc gọi con chó là con muông. Lão không biết gì cả, phải không cha?

Tôi chưa kịp giảng giải, thì cô bé đã bắt sang một vấn đề khác:

- Cha nghĩ sao, Cha? Bợc nói có con voi trong những đám mây, vòi nó phun nước, và thế là trời mưa. Có phải vậy không, Cha?

Trong khi tôi đang tìm cách trả lời câu này, bé đã hỏi một câu khác:

- Cha, mẹ và cha bà con ra sao nhỉ?

Tôi cố lập nghiêm bảo:

- Ra chơi với Bợc đi, Mini. Cha đang bận.

Cửa sổ phòng tôi trông ra đường. Cô bé đã ngồi xuống dưới chân tôi cạnh bàn viết, và đang chơi một mình. Tôi đang suy nghĩ rất lung để viết. Bỗng cô bé Mini vùng chạy lại cửa và reo lên:

- Ông Cabul, ông Cabul!

Và quả thế, ngoài đường dưới kia, một người đàn ông miền Cabul đang tiến bước. Y mặc bộ y phục lỏng lẻo dơ dáy, buộc một thắt lưng dài, lưng mang chiếc bị, tay cầm những hộp nho khô. Không biết cô bé nghĩ gì khi thấy người này, nhưng cô bắt đầu gọi ông thật lớn. Ngay lúc ấy lão ta quay lại nhìn lên cô bé. Cô bé thấy vậy thật kinh hồn vía, chạy bay đến núp bên mẹ. Cô tin chắc thế nào trong chiếc bị mà lão đang mang cũng có hai ba đứa trẻ con như cô. Người hàng rong ấy đã vào đến cửa và mỉm cười chào tôi. Phản ứng đầu tiên của tôi là mua một món gì đó, vì Mini đã gọi y vào nhà. Tôi mua ít vật dụng, và chúng tôi khởi sự nói chút đỉnh chuyện chính trị. Khi sắp từ giã, bỗng hấn hỏi:

- Còn cô bé đâu rồi, thưa ông?

Nghĩ rằng nên làm cho Mini hết sợ hãi huyền, tôi cho đem cô bé ra. Cô đứng bên ghé tôi, nhìn chòng chọc vào người Cabul cùng chiếc bị. Y biểu cô ả đậu phụng và nho khô, nhưng cô nhất định không để bị dụ dỗ. Cô càng bám riết lấy tôi, và càng nghi ngờ lão thêm.

Đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa lão Cabul và cô bé. Tuy nhiên, vài hôm sau, khi đi ra có tí việc, tôi giật mình thấy Mini ngồi trên chiếc ghế nhỏ cạnh cửa ra vào, đang cười nói với lão Cabul ngồi dưới chân. Suốt đời, cô chưa bao giờ được ai ngoài cha cô, đã nghe cô một cách chăm chú như vậy. Cái túi cô đã đầy ắp đậu phụng và nho khô quà của người khách lạ. "Sao ông cho nó làm gì thế?" Tôi nói, vừa rút tiền trả cho lão. Ông thản nhiên nhận tiền cho vào túi.

Một giờ sau trở về tôi mới thấy tai hại của đồng bạc tôi đưa ra, vì Cabul đã đưa cho Mini, và khi mẹ nó thấy đồng bạc bèn vô lấy cô bé:

- Mà y lấy đồng bạc kia ở đâu, bé?

- Ông Cabul cho con! Mini hơn hờ đáp.

- Ông Cabul cho mà! Mẹ nó thét lên. - Mini, sao dám lấy bạc hờ?

Vừa lúc ấy tôi đi vào cứu cô bé thoát nạn bị đòn. Tôi tiếp tục điều tra về đôi bạn.

Tôi khám phá đây không phải lần đầu họ gặp nhau. Người Cabul đã đánh tan sự hãi sợ của cô bé bằng cách đút lót thật nhiều đậu phụng và nho khô. Đến nay hai bên đã thành đôi bạn thiết. Họ có nhiều trò đùa mà họ rất khoái. Mini thường ngồi trước lão Cabul, nhìn xuống vóc dạng khổng lồ ấy với vẻ đường bệ của một bà chủ tí hon, khuôn mặt cười lên rạng rỡ, và cô hỏi:

- Ông Cabul, ông Cabul, ông đựng cái gì trong bị ấy?

Và ông lão sẽ trả lời bằng giọng mũi của người thượng du:

- Một con voi!

Không có gì đáng tức cười lắm, vậy mà họ khoái làm sao. Và riêng tôi, cuộc chuyện trò giữa một đứa trẻ với người lớn luôn có vẻ gì rất quyến rũ.

Rồi người Cabul, để khỏi thua bạn, bắt đầu hỏi lại cô bé:

- Còn cô, này cô bé, bao giờ thì cô về nhà ông nhạc?

Hầu hết các cô bé Ấn đều sớm nghe danh từ ấy, nhưng chúng tôi thì không bao giờ nói những chuyện như thế với con gái. Cho nên trước câu hỏi này, cô hơi chột dạ. Nhưng cô không muốn để lộ sự lúng túng của mình, và đã hỏi lại:

- Còn Ông có về đây không?

Đối với giai cấp người Cabul này, thì từ ngữ "về nhà ông nhạc" lại có nghĩa là nhà tù, nơi họ được ăn ở miễn phí. Người ấy bèn trả lời:

- Ô, tôi sẽ đánh vỡ mặt ông nhạc ra!

Vừa nói lão vừa nắm tay hăm dọa một viên cảnh sát vô hình. Mini nhú mày, rồi cười lên như nắc nẻ. Lão cũng cười theo phụ họa.

Đây là vào những buổi sáng đầu thu, mùa các vua chúa ngày xưa lên đường viễn chinh dẹp giặc. Còn tôi không rời khỏi góc nhà quê hương nhưng vẫn để tâm hồn phiêu du khắp chân trời góc bể. Mỗi khi nghe địa danh một nơi nào, hồn tôi đã vươn tới chỗ ấy, và bóng một người xứ khác đến trên đường

cũng khiến tôi dẹt nên những giấc mơ xa xăm về quê hương của anh ta ở cuối chân trời, nghĩ đến những cuộc đời giang hồ phóng lãng. Những xú lạ hiện lên trong trí tôi càng sống động, có lẽ vì cuộc sống hiện tại của tôi quá giống với cỏ cây. Tiếng gọi viễn du réo rắt trong tôi như tiếng sóng triều gào thét. Bởi thế, trông thấy người Cabul này, trí tôi liên tưởng ngay đến những vùng núi non cân cối trên cao, chen chúc với mây trời. Tôi mừng tượng những đoàn lạc đà chở hàng đi trên sa mạc, những thương gia lưng đeo vũ khí hộ thân đang tiến về hướng bình nguyên. Tôi thấy và thấy trong trí tưởng...

Nhưng giữa lúc ấy, luôn luôn mẹ Mini sẽ xen vào, tha thiết dặn tôi phải "coi chừng lão ấy". Bà rất dè dặt mỗi khi nghe tiếng huyền não ngoài đường, hay thấy người vào nhà, và luôn đi đến kết luận một là kẻ cướp, hai là kẻ say, hoặc rắn hổ mang, bệnh sốt rét, phong cùi. Sau bao nhiêu năm kinh nghiệm giữa đường đời, bà vẫn chưa thắng lướt được nỗi sợ hãi kinh niên trong lòng bà. Bởi thế, bà luôn luôn nghi ngờ về người Cabul, và thường van nài tôi phải coi chừng lão ấy. Nếu tôi cố xua đuổi nỗi sợ hãi vô căn cứ của nàng bằng cách cười lớn, thì nàng nghiêm mặt hỏi với dáng điệu rất trịnh trọng:

- Thế trẻ con không bao giờ bị bắt cóc ấy à? Thế không phải ở Cabul còn có bán nô lệ à? Một người đàn ông to lớn bắt một đứa trẻ bé xíu không được hay sao?

Tôi nói, không phải là không được, nhưng không lẽ nào có chuyện như thế xảy ra. Tuy thế nàng vẫn lo sợ. Nhưng vì nỗi sợ hãi ấy thật băng quơ, nên không lý gì để cấm đoán lão vào nhà. Sự thân thiện giữa đôi bạn một khổng lồ một chim chích vì thế vẫn tiếp tục không bị ngăn cản.

Hàng năm vào giữa tháng giêng, Rahman tên người Cabul ấy, thường về xứ một lần, và khi sắp về, y thường rất bận rộn đi các nhà để thu tiền nợ. Năm nay tuy vậy ông vẫn còn thì giờ đến thăm Mini. Một người khác rất có thể nghi ngờ lão có mưu toan gì đấy, vì khi không tới được buổi sáng lão cũng tới vào buổi chiều. Ngay cả tôi đôi khi cũng phải chột dạ chút đỉnh lúc bắt gặp bóng người to lớn ấy đứng trong góc phòng tôi. Nhưng khi Mini hớn hờ reo "Ồ ông Cabul, ông Cabul" và đôi bạn khởi sự những trò đùa thường lệ, thì tôi lại yên tâm ngay.

Một buổi sáng vài ngày trước khi lão về xứ, tôi đang chữa lại bản thảo trong phòng viết. Trời rất lạnh. Qua song cửa, ánh mặt trời chiếu vào sưởi ấm hai chân tôi. Lúc ấy vào khoảng tám giờ, những khách bộ hành đi đường đang

trùm khăn lạnh. Bỗng chốc tôi nghe ngoài đường huyên náo. Nhìn ra thì thấy Rahman đang bị còng tay dẫn đi giữa hai người cảnh sát, sau lưng là một lũ trẻ tò mò. Áo quần Rahman dính đầy máu, và một trong hai cảnh sát đang cầm một con dao. Tôi vội bước ra hỏi xem có chuyện gì. Từ mỗi người một ít, tôi được biết rằng một người lối xóm đã nợ Rahman tiền mua một cái khăn quàng, nhưng lại chối bảo không từng mua nó. Trong lúc cãi vã, Rahman đã đánh người kia. Bây giờ, trong cơn tức giận, phạm nhân chửi rủa đối phương đủ điều.

Nhưng bỗng chốc từ hiên nhà tôi, Mini đã xuất hiện với tiếng reo thường lệ "Ông Cabul, ông Cabul". Gương mặt người Cabul rạng rỡ lên khi nhìn thấy cô bé. Hôm nay lão không mang chiếc bị, nên cô bé không thể nói về con voi với lão. Bởi thế cô hỏi sang câu thứ hai:

- Ông về nhà ông nhắc ấy à?

Rahman cười lớn bảo: - Chính thế, bé đi! Rồi thấy câu trả lời không làm cô bé thích thú, lão đưa hai bàn tay bị còng lên: - A! Đáng lẽ tôi đánh cho vỡ mặt ông nhạc, nhưng tay tôi bị còng rồi.

Bị kết tội cố ý giết người, Rahman ở tù nhiều năm. Thời gian trôi nhanh, Rahman đã bị quên lãng. Công việc thường ngày trong chỗ ở thường ngày vẫn tiếp diễn, nên chúng tôi không bao giờ nghĩ đến một người thương du nghèo khó đang chịu tù tội trong ngục thất. Cả đến cô bé Mini cũng đã quên mất người bạn cũ của nàng. Càng lớn nàng càng chơi nhiều với bạn gái, và không còn vào phòng làm việc của tôi như trước. Bởi thế tôi rất hiếm dịp nói chuyện với con.

Nhiều năm trôi qua, lại một mùa thu trở về. Chúng tôi đang sửa soạn hôn lễ cho cô gái Mini của chúng tôi. Đám cưới sẽ cử hành trong một dịp lễ. Với Mini về nhà chồng, ánh sáng của ngôi nhà cũng sẽ đi theo, để lại cha nàng trong bóng tối. Buổi mai ấy thật tươi sáng. Sau những ngày mưa, không trung như đã được rửa sạch và ánh sáng mặt trời trông như ánh vàng rờn. Những tường gạch cũ kỹ ngoài đường phố cũng sáng lên dưới ánh nắng trong vắt. Từ rạng đông, những hồi còi đã vang lên báo hiệu hôn lễ. Mỗi hồi còi làm cho tim tôi rộn ràng muôn mối, làm tăng nỗi đau buồn của tôi trước cảnh chia ly. Mini sẽ về nhà chồng đêm ấy. Trong sân, lọng che rợp đất. Những đèn lồng và lục lạc được treo khắp các phòng và hiên nhà. Khắp nơi người ta vội vàng hối hả.

Tôi đang ngồi trong phòng một mình tư lự thì bỗng một người đi vào lễ phép chào, và đứng trước mặt tôi. Đây là Rahman, người Cabul đạo nọ. Ban đầu tôi không nhận ra lão, vì lão không mang bị, mảng tóc dài đã được hớt cao, và vẻ cường tráng năm xưa không còn nữa. Nhưng khi lão mỉm cười, tôi lại nhận ra ngay. - Ông về lúc nào thế, Rahman? - Tôi được thả tối qua.

Những lời ấy làm tai tôi hơi choáng. Tôi chưa bao giờ nói chuyện với một người nào đã cố ý đã thương đồng loại. Lòng tôi đau nhói khi nhớ ra điều này, vì tôi nghĩ ngày ấy sẽ tốt đẹp hơn nếu hắn ta đừng xuất hiện.

- Hôm nay nhà có việc, và tôi đang bận. Có lẽ ông có thể đến vào một dịp khác chẳng?

Lão liền quay đi, nhưng khi ra đến cửa, lão ngậm ngừng bảo: - Thưa ông, tôi có thể thăm cô bé một lát? Lão tin tưởng rằng Mini vẫn còn bé xíu như ngày xưa. Chắc lão mừng tượng cô bé sẽ chạy ra hơn hờ gọi "ông Cabul, ông Cabul" như dạo nào, và họ sẽ cười đùa với nhau như trước. Quả vậy, cũng như những ngày xưa, hôm nay lão cũng mang đến ít đậu phụng và nho khô gói kỹ trong bọc giấy. Những thứ ấy không biết làm thế nào lão kiếm được trong lúc mới ở tù về.

Tôi lặp lại: - Nhà có việc, ông không thể gặp ai hôm nay cả. Lão sa sầm mặt, và nhìn tôi với vẻ thèm muốn số phận của tôi, đoạn nói một lời chúc tụng rồi đi ra. Tôi hơi thương hại, muốn gọi lão trở vào. Nhưng lão đã tự ý quay trở lại, đến cạnh tôi mà bảo: - Thưa ông, tôi đã đem lại chút quà này biếu cô bé. Ông có thể trao lại giùm tôi? Tôi nhận gói quà, định trả tiền, nhưng ông ngăn lại:

- Ông thật quý hóa. Xin ông hãy nhớ đến tôi là đủ. Đừng cho tôi tiền. Ông có một cô con gái. Tôi cũng có một bé gái giống như thế ở quê nhà. Tôi nhớ con tôi, nên mang quà tới cho cô bé, chứ không phải để hồng kiếm chác gì đâu.

Nói xong lão sờ tay vào túi trong, lấy ra một mảnh giấy dơ dáy, mở ra vuốt thật thẳng với cả hai tay trên mặt bàn. Mảnh giấy in hình một bàn tay nhỏ xíu. Không phải một bức ảnh, hay bức họa, mà chỉ là dấu mực in một bàn tay bé con trên tờ giấy nhàu nát. Hình bàn tay của con gái lão, lão đã luôn mang theo bên trái tim mình, từ khi lão đến xứ này bán hàng rong năm này qua năm khác.

Mắt tôi ướt đẫm. Tôi quên rằng lão là một người thượng du nghèo khó, còn tôi...Ồ không, tôi có gì hơn lão? Lão cũng là MỘT NGƯỜI CHA. Bàn tay in của cô bé con lão ở vùng thượng du quê nhà xa xăm của lão, nhắc tôi nhớ đến con tôi. Tôi cho gọi ngay Mini vào. Cô bé đang mặc chiếc áo cưới bằng lụa đỏ, trang sức kiểu cô dâu, rụt rè tiến đến bên tôi. Người Cabul dường như kinh ngạc trước sự xuất hiện này. Lão không thể làm sống lại tình bạn ngày trước. Cuối cùng lão mỉm cười: - Cô bé, có phải cô sắp về nhà ông nhạc đây không?

Bây giờ thì Mini đã hiểu nghĩa danh từ "ông nhạc" nên không trả lời, đỏ mặt đứng trước lão với vẻ e lệ của cô dâu mới. Tôi nhớ cái ngày họ gặp nhau lần đầu, và lòng tôi se lại. Khi con tôi trở vào nhà trong, Rahman thở dài buồn bã, ngồi phịch trên sàn nhà. Có lẽ lão bỗng nhớ rằng con gái lão cũng phải lớn lên nhiều, trong thời gian lão xa quê. Lão sẽ phải làm quen với cô bé trở lại. Chắc chắn lão không còn gặp lại một cô bé như ngày lão từ giã ra đi. Ngoài ra, biết đâu lại không có bao nhiêu chuyện xảy đến cho nàng sau mười mấy năm xa cách.

Tiếng còi lại vang lên, ánh mặt trời dịu của mùa thu lan khắp không trung. Rahman ngồi trên đất này mà tưởng như thấy trước mắt miền núi khô cằn của quê hương. Tôi lấy ra một xấp bạc và bảo: - Rahman, hãy về quê với con gái ông đi. Cầu nguyện cho hạnh phúc tái ngộ của cha con ông sẽ đem lại cho con gái tôi nhiều may mắn! Sau khi biếu lão món tiền, tôi đã giảm bớt nhiều lễ lạc, như không thể bắt điện, cũng không thể mượn ban nhạc giúp vui, và điều này làm nhiều bà thất vọng. Nhưng với tôi, buổi hôn lễ thật rục rờ hơn lên, khi nghĩ rằng ở miền đất xa xăm kia, có một người cha biệt tích tha phương đang được trở về gặp lại đứa con yêu dấu.

---o0o---

46. THẦY GIÁO ĐẠO

Vào thời thánh Hilarion còn sinh tiền, khi ngài đã khá cao tuổi, tại đô thị Gaza có gã thanh niên tên Josephus Famulus. Gã đã trên ba mươi, chuyên sống đời ăn chơi trác táng và nghiên cứu sách vở ngoại giáo. Nhưng bỗng một ngày kia, gã gặp một người đàn bà mà gã say mê; nàng dạy cho gã giáo lý tuyệt diệu của chúa Ki tô và những đức hạnh tốt lành của Ki tô giáo. Gã bèn xin rửa tội, từ bỏ những thói hư tật xấu, và trải nhiều năm, gã thường đến quỳ dưới chân những cha xứ. Gã theo dõi với sự chú ý đặc biệt, những mẫu chuyện về cuộc đời của những ẩn sĩ sùng tín trên sa mạc.

Cho đến một ngày nọ, vào lúc ba mươi sáu tuổi, gã khởi sự cuộc hành trình mà ngày xưa thánh Paul và Antoine đã làm, và kể từ đây bao nhiêu linh hồn ngoan đạo đã theo gót. Gã trao hết tài sản cho những linh mục để phân phát cho người nghèo, từ biệt bạn bè ở cổng đô thị và ra đi vào sa mạc, xa hẳn cuộc đời xấu xa tội lỗi để sống đời của kẻ sám hối. Nhiều năm trôi qua, gã phơi mình dưới ánh mặt trời nung đốt, cọ xát đầu gối mình lên đá, lên cát trong khi đọc kinh. Gã nhịn đói cho đến khi mặt trời lặn mới ăn vài trái chà là. Ma quỷ quấy phá gã với những trò cám dỗ, nhạo báng, thử thách, nhưng gã đều dẹp được chúng bằng sự cầu nguyện, sám hối, quên mình, như ta thường nghe kể về cuộc đời của những tu sĩ thánh thiện. Suốt nhiều tuần, gã nhìn trừng trừng lên các vì sao, và ngay cả những vì sao cũng đem lại những cám dỗ và gây rối loạn cho gã. Gã theo dõi chúng, vì qua những vì sao, gã biết được những chuyện về thần linh và con người. Những linh mục rất ghét khoa này, nhưng gã thì còn bị ám bởi những tư tưởng, mộng mơ của những ngày nghiên cứu sách ngoại giáo.

Vào thời ấy, ẩn sĩ thường sống tại những chỗ có cây và nước trên sa mạc. Họ ở một mình hoặc quy tụ thành những nhóm huynh đệ như những bức tranh của Pisa mô tả. Họ thực tập sự khó nghèo và tình yêu huynh đệ. Họ đã trở thành những chuyên viên về nghệ thuật "chết dần chết mòn": hành thân hoại thể, chết đi với cuộc đời, đi qua cửa tử để đạt đến Người Cứu Chuộc. Họ được thiên thần và ma quỷ ở bên cạnh; họ sáng tác những bài thánh ca, trừ tà đuổi quỷ, chữa bệnh, ban phép lành. Dường như họ có bốn phận đền bù cho sự theo đuổi lạc thú, sự bạo tàn, dục vọng của nhiều đời quá khứ và vị lai bằng cách tạo ra một lối sống sùng tín cuồng nhiệt, lao mình vào sự từ bỏ, hi sinh. Nhiều người trong số ấy có lẽ ngày xưa đã từng quen thuộc với những lối tu luyện yoga ở Á đông, nhưng dần dà phép yoga và những lối tu tương tự không còn được áp dụng, vì Ki tô giáo bấy giờ càng ngày càng bài trừ những yếu tố ngoại giáo.

Với lối sống khổ hạnh ấy, nhiều nhà tu đã phát triển được một số khả năng đặc biệt như cầu nguyện có linh ứng, chữa bệnh bằng nhân điện, tiên tri, phù thủy, phê phán và trừng phạt, an ủi, ban phép lành. Với Josephus cũng vậy, một khả năng thần thông dần dần phát triển, và theo thời gian, khi tóc gã đã hoa râm, khả năng ấy cũng đến độ đơm hoa kết trái. Đó là khả năng lắng nghe mỗi khi một sư huynh hay một đứa bé ngoài đời bị giao động tinh thần, đi đến nơi chàng để kể về những việc làm, những nỗi khổ tâm, những sự cám dỗ, những lỗi lầm của họ, thuật chuyện đời của họ cho chàng nghe, nói về sự phấn đấu của họ để sống một đời thánh thiện, và những thất bại trong cuộc phấn đấu ấy. Và khi họ kể về như vậy, thì Josepus biết cách lắng nghe, mở

tai và mở lòng đón nhận lấy những khổ đau những nỗi niềm khắc khoải của người kia vào mình, giữ chúng lại, khiến cho người ấy ra về được nhẹ nhàng như vừa trút gánh. Dần dà, sau nhiều năm, công việc ấy đã tóm lấy chàng, biến chàng thành một công cụ, một lỗ tai được mọi người tin cậy.

Những đức tính của chàng là kiên nhẫn, thụ động, sẵn sàng đón nhận và kín đáo tột mức. Càng ngày càng có nhiều người đi đến chàng để thổ lộ tâm can, để voi đi nỗi sầu khóa kín của họ. Nhưng có nhiều người, sau một hành trình dài để tìm đến túp lều của chàng, vẫn không đủ can đảm. Họ quần quai trong hổ thẹn, câm nín không muốn nói, thờ dãi, và im lặng nhiều giờ.

Chàng đối xử mọi người như một, dù họ dốc hết lòng dạ hay nói một cách miến cưỡng, dù họ lưu loát hay ngập ngừng, dù họ trút những bí ẩn của mình ra một cách giận dữ hay từ tốn. Chàng xem ai cũng như ai, dù họ gán tội cho thượng đế hay cho chính mình, dù họ phóng đại hay thu nhỏ tội lỗi và nỗi khổ đau của mình, dù họ khai ra một vụ giết người hay chỉ là một hành vi thô bỉ, dù họ đau khổ vì thất tình hay vì mất sự cứu rỗi. Josephus không mấy may xúc động khi nghe một người kể chuyện giao thiệp với ma quỷ. Chàng cũng không mất kiên nhẫn khi nghe một người kể lể vòng vo, mà rõ ràng y đang giấu nhem chuyện chính yếu. Chàng cũng không lấy làm bực bội khi có người bịa tội ra để xung. Tất cả những lời than vãn, thú tội, buộc tội, những cơn dằn vặt lương tâm, được trút hết vào hai lỗ tai chàng như nước thấm vào cát sa mạc. Chàng không phê phán, không thương hại hay khinh rẻ người xung tội. Vậy mà những người đến xung tội với chàng không bao giờ có cảm tưởng mình nói vào khoảng trống. Họ được biến cải, được nhẹ nhàng, được cứu chuộc, sau khi kể lể và được chàng lắng nghe. Rất hiếm khi chàng trả lời với một sự khuyên răn hay cảnh cáo, lại càng không bao giờ ra lệnh. Dường như đó không phải việc của chàng, mọi người đến chàng đều cảm thấy thế. Việc của chàng là khơi dậy niềm tin tưởng, thụ động, kiên nhẫn lắng nghe đầy cảm thông, giúp người xung tội hết ngập ngừng, khiến cho những gì giấu kín trong mỗi linh hồn được dịp tự nhiên tuôn chảy. Và khi nó đã được tự nhiên tuôn trào, thì chàng đón nhận nó và gói kín nó trong im lặng.

Phản ứng chàng luôn luôn là vậy. Sau mỗi thời xung tội - những tội lỗi ghê gớm cũng như những tội vụn vặt vô hại, lời xung tội chân thành cũng như giả dối - chàng thường bảo đương sự quỳ xuống bên cạnh mà đọc kinh Lạy cha. Rồi chàng để họ ra về, sau khi hôn lên trán họ. Bắt phải hành sám hay trừng phạt họ không phải là việc của chàng. Chàng còn không tự thấy đủ tư cách để làm chủ lễ sám theo đúng nghi thức tẩy tội. Phê phán hay tha thứ

không phải công việc của chàng. Bằng cách lắng nghe, thông cảm, chàng như muốn san sẻ tội phạm với đương sự, giúp cho y có thể cuu mang nó. Bằng sự im lặng, chàng như muốn chôn lấp cái đã nghe, cho nó thuộc về dĩ vãng. Đọc kinh với họ sau khi xưng tội, chàng muốn xem y như một người huynh đệ, nhận y làm bằng hữu. Khi hôn trán y, là chàng muốn chúc lành cho y trong tư thế một người anh em hơn là một kẻ bề trên - nghĩa là với tình thân ái hơn là nghi lễ.

Danh tiếng chàng được đồn khắp vùng Gaza và xa hơn. Đôi khi chàng còn được nhắc nhở đồng lúc với vị ân tu vĩ đại, Dion Pugil, đã nổi tiếng trên mười năm trước, và có những khả năng khác hẳn chàng. Cha Dion nổi tiếng là đọc được tâm hồn người đối diện. Ông thường làm cho một người đang do dự không muốn thú tội, phải kinh ngạc, bằng cách nói toác ra những tội lỗi mà y đang che giấu. Josephus đã nghe hàng trăm giai thoại về vị này, và không bao giờ chàng dám sánh với ông. Cha Dion còn là một cố vấn minh triết đối với những linh hồn lạc lõng, một quan tòa công minh, một người sửa sai, trừng phạt. Ông đưa ra những hình phạt, như bắt phải đoạn nam căn, bắt đi hành hương, bắt phải kết hôn, buộc những kẻ thù phải giảng hòa. Tóm lại ông có cái uy quyền của một vị giám mục. Mặc dù ông cư trú gần Ascalon, những người ở mãi tận Jérusalem và xa hơn cũng tìm đến ông.

Như phần đông những ẩn sĩ và những nhà khổ tu, Josephus đã sống những năm dài phấn đấu kiệt sức. Mặc dù chàng đã từ bỏ nếp sống Thế tục, bỏ thí nhà cửa, tài sản, và giã từ đô thị với những cám dỗ của nó, chàng vẫn còn nguyên vẹn cái bản ngã cũ của mình. Trong thể xác và linh hồn chàng, còn đủ tất cả những bản năng có thể đưa con người đến đau buồn và cám dỗ. Lúc đầu chàng chỉ phấn đấu cốt chống lại thể xác, nghiêm khắc với nó, bắt nó nhịn đói nhịn khát, lãnh se và những vết chai sần, cho đến khi nó thành một cái thân tàn ma dại. Nhưng ngay trong cái vỏ khổ hạnh ấy, anh chàng Adam cố hữu vẫn tóm lấy chàng một cách vô si, quấy rầy chàng với những thèm khát ngu ngốc, qua những chiêm bao mộng mị. Ta đã biết quý sứ thường đặt cạm bẫy cho những người khổ tu, những người trốn khỏi cuộc đời.

Bởi thế, mỗi khi thỉnh thoảng người ta đến viếng chàng để tìm nguồn an ủi và để xưng tội, chàng xem sự ấy như một dấu hiệu của ơn trên, một niềm vui cho chàng trong cuộc đời khổ hạnh. Vì như vậy nó làm cho đời chàng mang một ý nghĩa: chàng đã được giao phó một công việc, có thể phụng sự Chúa bằng cách biến mình thành một dụng cụ để đưa những linh hồn đến với Ngài. Đó là một cảm giác kỳ diệu, làm chàng lên tinh thần. Nhưng với thời gian, chàng thấy ngay cả những nguồn vui của tâm hồn ấy cũng thuộc vào

thể tục, và có thể trở thành những cám dỗ, cạm bẫy. Vì mỗi khi một người lữ khách đi bộ hay cỡi ngựa dừng trước hàng động của chàng để uống nước, rồi xin chàng nghe anh ta xưng tội, thì chàng lại cảm thấy một sự thỏa mãn, một lạc thú len vào tâm hồn. Chàng cảm thấy hài lòng với chính mình.

Vừa khi nhận ra sự tự hào rộng tuếch này, chàng bị chấn động một cách sâu xa. Chàng quỳ xin Thượng đế tha thứ, và yêu cầu ngài đừng đưa những người thú tội đến nữa, vì chàng không xứng đáng. Nhưng, khi bằng một dạo, không ai đến xưng tội, chàng cũng không thấy mình khá hơn chút nào. Và khi có một loạt người kéo đến như nước lũ trở lại, chàng lại bắt gặp mình phạm tội một lần nữa. Sau một thời gian, khi nghe xưng tội, chàng thấy mình đâm ra lạnh lùng, vắng bóng yêu thương, có khi còn khinh bỉ người xưng tội. Chàng cũng chấp nhận những cuộc phấn đấu này. Có những giai đoạn chàng tự sỉ nhục hành hạ mình sau một thời gian nghe xưng tội. Chàng lại đặt ra một quy luật là phải đối xử với mọi người không những như huynh đệ, mà còn phải có niềm kính trọng đặc biệt. Càng ít ưa người nào bao nhiêu, chàng phải kính trọng y bấy nhiêu, vì chàng xem mỗi người như một sứ giả Thượng đế gửi đến để thử mình. Một cách muộn màng, sau nhiều năm, khi gần về già, chàng mới đạt đến một mức độ bình an nào đó. Đối với những người lân cận, chàng có vẻ là người không lỗi lầm, một người đã tìm thấy bình an trong Thượng đế.

Nhưng sự an bình chính nó cũng là một sinh thể, và như mọi đời sống, nó phải có thăng trầm, phải chịu những thử thách, những chuyển biến. Tình trạng an bình của Josephus cũng vậy. Nó không bền, lúc ẩn lúc hiện, khi thì gần như một cây nến cầm trong tay, khi lại xa vời vợi như một vì sao trong bầu trời đông. Và với thời gian, một loại tội lỗi cám dỗ khác xuất hiện, làm cho sự sống đối với chàng càng lúc càng cam go. Đây không phải là một cảm xúc đam mê mạnh mẽ như sự phẫn nộ hay một dục vọng bất chợt. Hoàn toàn trái lại. Đó là một cảm giác rất dễ chịu đựng trong giai đoạn đầu, vì nó rất khó nhận ra, một tình trạng trong đó không có cơn đau khổ hay thiếu thốn đặc biệt nào, một tình trạng uể oải, hâm hâm của tâm hồn mà ta chỉ có thể mô tả bằng những từ phủ định như một sự tan biến, một sự tàn tạ, và cuối cùng, là một sự hoàn toàn vắng bóng niềm vui.

Có những ngày trời không nắng mà cũng không mưa, bầu trời cứ lằng xướng một cách lặng lẽ, tự phủ kín lấy nó, nền trời xám mà không đen, âm u, nhưng không có cái vẻ căng thẳng báo hiệu một cơn giông gần kề. Những ngày của Josephus dần dần trở nên giống thế, khi chàng tiến đến tuổi già. Dần dần chàng khó thể phân biệt sáng với chiều, ngày lễ với ngày thường,

giờ buồn với giờ vui. Mọi sự trôi lờ lững, nhạt phèo, chán ngấy. Tuổi già là như vậy, chàng buồn bã nghĩ. Chàng buồn, vì chàng đã tưởng rằng, tuổi già, với sự dập tắt những dự vọng, sẽ đem lại cho chàng một sự sáng sủa thoải mái hơn, đưa chàng gần hơn đến hòa điệu và an lạc nội tâm. Thế mà bây giờ tuổi già dường như làm chàng thất vọng, bịp chàng bằng cách công hiến cho chàng không gì cả ngoài sự trống trải toàn một màu xám ngắt này, cảm thức ngấy chán triền miên này.

Nhất là ngấy chán: chàng ngấy chán hiện hữu rỗng tuếch, chán hơi thở ra vào, chán giấc ngủ về đêm, chán đời sống trong hang động sa mạc, chán cái xoay vần bất tận của chiều rồi sáng, chán những lũ khách, chán những người cõi lạc đà và lừa, và trên tất cả, chàng vô cùng chán những người đến viếng chàng, những con người bản khoả ngu ngốc, dễ tin đến độ ngây thơ, những người khao khát kể lể cho chàng nghe cuộc đời họ, những tội lỗi, cám dỗ, sự sợ hãi của họ. Đôi khi chàng thấy mình như dòng nước nhỏ trong sa mạc chảy qua bãi cỏ một lúc, tạo nên một con suối nhỏ, rồi tiếp tục chảy vào bãi cát ở đó sau một hành trình ngắn ngủi, nó khô cạn và tan mất.

Cũng thế, tất cả những lời thú tội kể lể này, những cuộc đời này, những dẫn vật lương tâm này, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc nghiêm trọng hoặc nhỏ nhặt, tất cả đều rót vào tai chàng, hàng tá, hàng trăm, càng lúc càng nhiều. Nhưng lỗ tai chàng không chết cứng như cát sa mạc. Nó đang sống, và nó không thể uống, nuốt, ngấm vào mãi được. Nó phải có lúc cảm thấy mệt mỏi, bị lạm dụng, bị ngập lụt. Nó mong cho cái dòng thác ngôn từ, xưng tội, lo âu, kể lể ấy hãy chấm dứt đi. Nó mong mỗi sự an bình, cái chết, sự tịnh lặng, thay cho dòng thác bất tận này.

Như thế đấy, chàng mong sự chấm dứt. Chàng đã mệt mỏi, đã ngấy chán, đã quá ngấy. Đời chàng thành ra nhạt phèo, vô giá trị. Tình trạng đâm ra bết đến độ có những lúc chàng muốn chấm dứt, muốn tự trừng phạt, dập tắt mình đi, như kẻ phản chúa Judas đã làm khi tự treo cổ. Quý sứ ngày xưa ở đầu chặng đường tu, đã cám dỗ cho dự vọng len vào linh hồn chàng, thì ngày nay lại tấn công chàng bằng ước muốn tự hủy, làm cho chàng lúc nào nhìn cành cây cũng toan tính chuyện mắc vào đó một cái thòng lọng. Mỗi móm đá đều gợi ý cho chàng hãy leo lên đỉnh nó mà gieo mình xuống. Nhưng chàng chống lại cơn cám dỗ. Chàng phẫn đầu, không nhượng bộ. Tuy thế, ngày như đêm, chàng sống trong ngọn lửa của sự tự ghét và mong được chết đi. Sự sống đối với chàng đã thành quá khả ố không thể chịu đựng.

Một ngày, khi Josephus đứng trên một mỏm đá, chàng thấy xa xa giữa đất và trời nổi lên hai ba cái bóng. Rõ ràng đó là những người lữ hành, chắc là hành hương, cũng có thể là những người định tới viếng chàng với những lý do thường lệ. Bỗng chốc một nỗi khát khao không cưỡng được vụt tóm lấy chàng. Chàng muốn rời khỏi nơi này tức khắc, rời khỏi cuộc sống này, càng nhanh càng tốt. Nỗi khát khao quá mạnh đến nỗi nó quét tan ngay những suy tính lợi hại - làm sao một nhà khổ hạnh sùng tín có thể vâng theo một đả thúc đẩy bốc đồng mà lương tâm không ray rứt?

Nhưng chàng đã khởi sự bỏ chạy. Chàng lui về hang động, nơi chàng đã sống nhiều năm phấn đấu, đã trải qua nhiều nỗi hoan lạc và thất bại. Vội vàng, chàng thu nhặt vài nắm chà là, một bầu nước, nhét chúng vào tay nải mang trên vai, lấy chiếc gậy đi đường, và từ giã khóm cây xanh an bình của am cốc nhỏ, ra đi như một kẻ đào tẩu, trốn chạy cho xa Thượng đế, xa con người, nhất là xa những gì trước kia chàng nghĩ là cái tốt nhất mà chàng có thể cống hiến - việc làm, sứ mệnh của chàng.

Lúc đầu chàng chạy như ma đuổi, làm như thể những cái bóng đằng xa kia là những kẻ thù đang rượt theo chàng. Nhưng sau một tiếng đồng hồ dong ruổi, cơn hấp tấp lắng xuống. Sự vận chuyển làm chàng mệt một cách thích thú. Chàng dừng lại nghỉ nhưng không ăn - chàng đã quen nhịn đói cho đến khi mặt trời lặn. Khi dừng lại nghỉ, lý trí chàng vốn quen phản tỉnh, trở lại nhìn vào cái hành động theo bản năng vừa qua, và tìm cách phê phán. Nhưng nó không chê, mặc dù hành vi ấy trông man rợ thật. Lý trí phán rằng, đây là lần đầu trong nhiều năm nay, chàng đã làm một việc vô tội, vô hại. Đương nhiên đây là một sự đào tẩu đột ngột, nhưng không phải là đáng hổ thẹn. Chàng đã từ bỏ một chức vụ mà chàng không còn thích hợp.

Bỏ chạy như thế này, chàng đã xác nhận sự thất bại với chính mình, và với Thượng đế đang soi xét. Chàng đã từ bỏ một cuộc phấn đấu vô vọng cứ trở lại với chàng mãi, và đã tuyên bố mình thua cuộc. Không có gì vĩ đại, hào hùng, thánh thiện trong hành vi này, lý trí phán, nhưng nó cũng khá thành thực, và dường như không thể tránh. Bây giờ chàng ngạc nhiên tại sao mình đào tẩu quá muộn màng, tại sao mình đã đeo đẳng công việc quá lâu đến thế. Chàng thấy mình đã làm khi đeo đẳng một chức vụ mà mình không xứng. Hay là tại cái ngã chấp cố hữu của chàng?

Bây giờ chàng thấy rõ sự đeo đẳng ấy đã đem lại những hậu quả xấu xa tai hại, đã gây ra sự phân hóa rã rời trong tâm hồn chàng, và ngay cả ám ảnh quỷ quái của khuynh hướng tự sát.

Chàng ngồi một lúc lâu đắm chìm trong tư duy, rầu rĩ và hối hận. Bây giờ, chàng nhìn cuộc đời đã qua với một ý thức trọn vẹn, cuộc đời khốn nạn của một người về già đã đi lạc hướng đến độ bị ám ảnh bởi cảm dỗ muốn treo mình lên cành cây như kẻ phạm chúa. Ý tưởng tự sát ấy thực kinh khủng, khi chàng ví với lễ tục hi sinh ngày xưa của ngoại giáo. Qua lễ tục ấy vị vua, bậc thánh hay người được chọn của bộ lạc phải tự sát vì lợi ích chung. Nhưng âm hưởng của những tập tục vô thần bị cấm chỉ trong Ki tô giáo ấy, chỉ là một phần nhỏ của sự kinh khủng. Cái điều khủng khiếp hơn, chính là tư tưởng cho rằng chung quy, cái chết của Ki tô trên Thập tự giá cũng chỉ là một tự nguyện hi sinh.

Khi chàng có ý tưởng ấy, chàng nhận ra rằng thực sự ý tưởng này đã manh nha trong nỗi khát khao tự hủy: đó là một khuynh hướng hi sinh theo gương Đấng Cứu thế, và như vậy trắng trợn có nghĩa rằng sự cứu chuộc của Ngài vẫn chưa đủ. Chàng chấn động tâm can vì ý nghĩ ấy, nhưng cũng mừng vì đã thoát khỏi mối nguy. Chàng ngấm nhìn lại một lúc lâu gã Josephus con người thay vì bắt chước kẻ phản Chúa hay bắt chước Chúa, bây giờ đang đào tẩu, và như vậy một lần nữa anh ta tự đặt mình trong tay Chúa. Càng ngấm đến cái địa ngục vừa thoát khỏi, chàng càng hồ thẹn đau buồn.

Dần dần nỗi đau khổ của chàng ứ đọng nơi cổ như mắc nghẹn, nó trở thành một cảm giác nặng nề làm chàng vô cùng khó chịu, và đột nhiên nó thoát ra trong một trận trào tuôn nước mắt, đã cứu chàng một cách nhiệm mầu. Đã bao năm rồi, chàng không còn khóc được nữa. Những dòng lệ tuôn ra, mắt chàng mờ đi, nhưng cái cảm giác mắc nghẹn như ai bóp cổ ấy đã dịu xuống. Khi tỉnh lại, ném vị mặn nơi môi, chàng nhận ra mình đã khóc một trận. Chàng như thấy mình bé bỏng trở lại, không biết gì đến sự xấu ác đau khổ. Chàng mỉm cười, hơi thẹn vì đã khóc.

Cuối cùng chàng đứng lên tiếp tục hành trình. Chàng không biết cuộc đào tẩu này sẽ đưa chàng đến đâu, chàng sẽ ra sao. Mình như một đứa bé, chàng nghĩ, trong mình không còn sự phấn đấu, không còn ý chí nào nữa. Chàng bước một cách thoải mái, như được ai dẫn dắt, như thể một tiếng gọi từ ái xa xăm đang thúc giục, vỗ về chàng, như thể cuộc hành trình chàng đang làm không phải là một chuyện đào tẩu mà là một chuyện trở về quê hương. Bây giờ chàng đã thấm mệt, cả lý trí cũng đứng yên, an trú, nghỉ ngơi, hay tự thấy nó không còn cần thiết.

Joseph nghỉ đêm tại một lỗ nước quanh đó nhiều nhóm lũ khách và lạc đà đang hạ trại. Vì trong số ấy có hai phụ nữ, nên chàng chỉ ra dấu chào, tránh

bắt chuyện. Khi mặt trời lặn, chàng ăn một ít chà là, đọc kinh rồi nằm xuống nghỉ. Bỗng chàng nghe lờm câu chuyện giữa hai người đàn ông một già một trẻ, vì họ nằm gần. Chàng chỉ nghe một khúc trong cuộc đàm thoại, khúc sau chìm trong tiếng thì thào. Nhưng cái khúc ngắn này cũng đủ gợi tò mò làm chàng trần trọc cho đến quá nửa đêm. Chàng nghe giọng người già bảo: "Ồ, anh muốn đến xung tội với mấy thầy tu khổ hạnh thì cũng tốt. Những người đó biết nhiều chuyện, tôi bảo cho mà nghe. Có người biết làm phép ảo thuật nữa. Ông ta chỉ việc hô lên một tiếng, khi thấy một con sư tử phóng ra, tức thì con vật quì xuống, để cái đuôi vào giữa hai chân ông ta, rồi bỏ đi. Họ luyện được cả sư tử đấy, tôi bảo. Có ông tu hành thánh thiện tới nỗi con sư tử mà ông luyện thuần rồi ấy đào huyết cho ông khi chết, đập đất thành nấm mộ cho ông, và để hai con sư tử quỳ bên mộ suốt ngày đêm rất lâu sau đó. Nhưng không phải những người ấy chỉ luyện sư tử mà thôi đâu. Có một ông lại còn cho một tên đại đội trưởng một mẫu linh hồn của ông ta. Tên lính ấy là tên côn đồ khả ô nhất ở Ascalon. Nhưng nhà tu đã sửa cái tâm xấu xa của nó Thế nào mà nó chuồn mất, sợ hãi như một con chuột, và phải kiếm cái lỗ để dấu cái tâm ấy. Sau đó người ta không nhận ra nó nữa, nó đã thành hiền khô, lặng lẽ. Một chuyện nữa là, sau đó chẳng bao lâu thì anh chết - đó là điều đáng cho ta suy nghĩ." - Ai chết? Nhà tu thánh thiện? - Không! Tên lính. Hắn là Varo. Sau khi được nhà tu sửa trị xong, hắn ra thân tàn ma dại một cách mau chóng - lên cơn sốt hai lần, và ba tháng sau thì thành thây ma. Ôi thôi, hắn chết đi cũng không uống gì cho lắm. Nhưng dù sao, tôi vẫn thường nghĩ rằng, không phải nhà tu chỉ có đuổi con quỷ ám ra khỏi xác của nó mà thôi. Có lẽ ông còn đọc một bài chú gì đó khiến cho hắn phải nằm xuống ba tác đất. - Một người thánh thiện mà đi làm chuyện đó sao? Tôi không tin. - Tin hay không mặc kệ bạn, nhưng điều tôi biết là, từ ngày ấy trở đi, chẳng chả thay đổi hẳn, như bị bỏ bùa, và ba tháng sau...

Im lặng một lúc. Rồi người trẻ gọi lại chuyện đàm thoại: "Có một nhà khổ tu rất thánh thiện nghe đồn như ở gần đây. Người ta bảo, ông sống đơn độc cạnh một lạch nước nhỏ trên đường đi Gaza. Tên ông là Josephus Famulus. Tôi đã nghe nhiều chuyện về ông ấy." - "Thật sao? Bạn nghe thế nào?" - "Ông ta là một người thánh thiện kinh khủng, không bao giờ để mắt ngó một người đàn bà. Nếu tình cờ vài con lạc đà đi ngang chỗ ông ta, mà trong đám hành khách có một phụ nữ, thì bất luận nàng có trùm mặt kín mít đến đâu, ông ta cũng nhảy thót vào hang ngay. Khỏi người đến xung tội với ông - hàng ngàn người." - "Tôi chắc ông ta không nổi tiếng lắm đâu, vì nếu ông nổi tiếng thì làm sao mà tôi không nghe đến ông? Ông làm được cái thuật gì, cái ông Famulus của anh ấy?" - "Thì bác cứ đến mà xung tội với ông xem. Tôi, thì tôi cho rằng người ta không hơi đâu mà đến ông, nếu ông không

thánh thiện và không hiểu biết nhiều. Người ta kể rằng, ông không nói gì cả, không rầy la, không xua đuổi ai, không ra hình phạt hay bất cứ gì. Nghe nói ông rất hiền lành và khiêm tốn. -"Nhưng nếu ông không rầy la, không trừng phạt, không mở miệng nói, thì ông làm gì?" -"Người ta bảo, ông chỉ lắng nghe, thờ dài và làm dấu thánh." - "Tôi e rằng đây là một lão thánh bịp. Bạn không điên tới nỗi đi viếng lão câm ấy chứ?" -"Tôi đang tính chuyện ấy. Tôi sẽ tìm đến ông ta. Chắc ông ở không xa đây lắm. Bác biết, hồi chiều có một thầy tu khốn khổ đứng gần chỗ này. Sáng mai tôi sẽ hỏi ông ta. Mà chính ông cũng giống như là một nhà ân tu thì phải."

Người già phản đối: -"Bạn phí thì giờ vô ích, bạn ơi. Một người chỉ có lắng nghe và thờ dài, và lại sợ đàn bà thì không làm được cái thá gì đâu, không hiểu biết gì hết trơn. Không! Để tôi chỉ cho bạn nên đến người này. Người ấy ở cách đây hơi xa, nhưng ông ta là nhà ân sĩ, người giáo đạo tốt nhất Thế giới. Tên ông là Dion, người ta quen gọi ông là Dion Pugil - có nghĩa là người thoi đâm, vì ông đánh ngay vào ma quỷ, và khi người nào đến xưng tội, thì bạn ơi, Pugil không có thờ dài đâu. Ông sửa cho người kia một mẻ. Người ta đồn rằng ông thật sự cho ăn đòn cho đến bầm tím, bắt quỳ gối trên đá suốt đêm, bắt bỏ tiền ra bố thí. Khi ông nhìn bạn, bạn phải run bắn người lên, vì đôi mắt ông xoáy vào người bạn. Không có chuyện thờ dài. Nếu một người nào đó mất ngủ, hay bị ác mộng, thấy ma quỷ, Pugil sẽ chữa y khỏi ngay, tôi bảo. Không phải tôi chỉ nghe đồn mà thôi đâu nhé, tôi biết rõ, vì tôi đã đích thân đến nơi ông ta. Vâng, tôi đã đến. Có lẽ tôi là một thằng ngu, nhưng tôi đã đến nhà ân sĩ Dion, con người của Thượng đế. Tôi đến trong nỗi đau khổ, tội lỗi và hổ thẹn tràn đầy lương tâm, mà khi về tôi trở thành sáng sủa như ngôi sao mai một thứ. Đó là chuyện thật một trăm phần trăm. Hãy ghi nhớ tên ông ta, Dion, thường gọi là Pugil. Bạn nên đến ông càng sớm càng hay, rồi bạn sẽ ngạc nhiên kinh khủng. Những quận trưởng, cha xứ, giám mục cũng tìm đến ông ta để xưng tội nữa kia đấy. "

Người trẻ nói: - Vâng, lần khác ngang vùng đó tôi sẽ tính. Nhưng hôm nay là hôm nay, và chỗ này là chỗ này. Vì hôm nay tôi đã đi ngang chỗ này, mà nhà ân tu Josephus cư trú gần đây, và vì tôi đã nghe nhiều tiếng tốt về ông... - Tốt à? Cái gì làm cho bạn thích ý nơi lão ấy? - Tôi thích cái kiểu ông không rầy la quở trách ồn ào. Đây, tôi thích thế đấy. Tôi không phải là một tên đại đội trưởng, cũng không phải giám mục địa phận hay gì hết. Tôi chỉ là một con số không. Và tánh tôi cũng khá rụt rè, nhút nhát, tôi không chịu nổi sự quở trách phẫn nộ. Lạy chúa, tôi không có gì phản đối việc cư xử nhã nhặn. Trái lại, tôi chịu kiểu đó lắm.

- Đói xử nhã nhận! Chịu cái kiêu đó! Nếu bạn đã xưng tội, đã hành sám xong, đã chịu hình phạt và nhận lễ tẩy tội thì cũng có thể đối xử nhã nhận với bạn được đi. Nhưng không thể nhã nhận, lịch sự với bạn, khi bạn còn đầy tội lỗi, dơ dáy, hôi hám như một con chồn...

- Được rồi, được rồi, nói khẽ chứ. Người ta đang ngủ kìa. Bỗng chốc, người đàn ông trẻ cười khúc khích: - Ô, nhân tiện, tôi cũng vừa nhớ ra một chuyện ngộ nghĩnh, tức cười về ông ta. - Ông nào? - Ông Josephus ấy. Bác biết, sau mỗi lần nghe xưng tội xong, ông thường bảo đương sự quỳ xuống đọc kinh, ban phép lành cho y, và trước khi từ biệt, ông còn hôn lên má hay trán y một cái. - Thật sao? Vậy thì chắc chắn ông mắc phải những thói tật kỳ cục. - Và bác biết không, ông rất ngại phụ nữ. Người ta kể, có dạo một cô gái điếm ở vùng lân cận cải nam trang đến viếng ông ta, ông không để ý, cứ lắng nghe nàng tán dóc về những tội lỗi bịa đặt, và khi nàng chấm dứt, ông cúi chào nàng rồi trịnh trọng đặt lên má cô ả một chiếc hôn."

Người đàn ông già bật cười thích ý, người kia phải vội vàng xuyt cho ông cười nhỏ bớt, rồi sau đó Josephus không nghe thêm được gì ngoại trừ chuỗi cười bị dồn nén còn tiếp tục một lúc.

Chàng nhìn lên trời: Vòng trăng lưỡi liềm treo lơ lửng, mảnh mai và sắc cạnh ở bên kia những ngọn dừa. Chàng run bật vì khí đêm rét buốt. Thật lạ lùng, - như là soi mặt vào một tấm gương méo lệch - khi nghe những người lái lạc đà này khéo chuyện về chàng và công việc chàng làm, mà chàng vừa từ bỏ. Lạ, song nó cũng dạy cho chàng rất nhiều. À, thì ra một gái điếm đã chọc quê chàng như thế đấy. Điều ấy tuy vậy vẫn chưa phải là cái điều tệ nhất, mặc dù nó cũng khá tệ thực. Chàng nằm một lúc lâu, suy nghĩ về cuộc đối thoại giữa hai người đàn ông vừa rồi. Mãi đến quá khuya, chàng mới nhắm mắt ngủ được, sau khi đã đi đến một quyết định. Với quyết định này dán chặt trong tâm, chàng đã ngủ thiếp cho tới sáng.

Quyết định đó là, chàng sẽ làm cái việc mà người đàn ông trẻ không chịu làm - theo lời khuyên của người bạn già, đến viếng Dion, người mà chàng đã nghe danh tiếng nhiều năm nay, người mà suốt đêm qua chàng nghe được người kia tán dương nhiệt liệt. Vị thầy giáo đạo, vị cố vấn, quan tòa nổi tiếng ấy chắc chắn sẽ khuyên cáo, phê phán, trừng phạt chàng, chàng sẽ xem ông ta như phát ngôn nhân của Thượng đế, và sẽ tuân phục bất cứ mệnh lệnh nào của ông ta.

Chàng ra đi khi hai người kia còn ngủ, và sau một hành trình mệt nhọc, chàng đến một nơi có nhiều nhà ẩn tu đang cư trú. Từ chỗ này chàng hi vọng có thể đi đến Ascalon.

Nơi chàng ghé vào lúc sẩm tối là một cụm rừng nhỏ trong sa mạc. Chàng trông thấy những cây cao lớn, nghe tiếng dê kêu, và nhận ra dạng những mái nhà giữa những bóng cây xanh. Chàng cũng cảm thấy có sự hiện diện của con người. Khi ngấp ngừng tiến đến, chàng có cái cảm giác như đang bị người dòm ngó, theo dõi. Chàng dừng lại, nhìn quanh. Dưới một cây cao, chàng trông thấy một người ngồi, lưng thẳng đuột. Đó là một ông già râu bạc, gương mặt khả kính nhưng nghiêm nghị khắc khổ, đang nhìn chàng chòng chọc. Rõ ràng người ấy đã nhìn chàng từ lâu. Đôi mắt ông sắc bén, cứng cỏi, nhưng không biểu lộ điều gì. Đó là đôi mắt của một người có thói quen quan sát không vì tò mò hay tình cảm, mà chỉ nhìn người và vật để tìm ra bản chất thực của chúng, không mời mọc cũng không lôi cuốn ai.

- Kính Chúa trọn lành! Josephus thốt lên.

Ông già đáp lại bằng một tiếng thì thầm. Joseph hỏi:

- Xin lỗi ngài, ngài là một lữ khách, hay ngài ở ngay tại khóm rừng đẹp này?

- Khách.

- Vậy thưa ngài, có lẽ ngài có thể cho con biết, từ đây có thể đi đến Ascalon chăng?

- Có thể.

Ông già đứng lên, khổ người ông cao lớn khổng lồ. Ông nhìn ra khoảng trống mênh mông của sa mạc. Joseph đoán ông già khổng lồ này không thích chuyện vãn, nhưng chàng vẫn đánh bạo hỏi thêm:

- Xin đức Cha cho con hỏi thêm, chỉ một câu nữa thôi, thưa đức Cha. Chàng lễ phép nói, và thấy đôi mắt ông xoay vào, tập trung nhãn lực nơi chàng, nhìn một cách lạnh lùng, chăm chú. "Đức Cha có tình cờ biết đức Cha Dion, thường gọi là Pugil, hiện giờ ở đâu không?"

Đôi mày người lữ khách nhíu lại, và tia mắt ông lạnh lùng thêm một chút. Ông đáp cộc lốc:

- Tôi biết y.

Joseph la lên:

-Đức Cha biết được vị ấy à? Ồ, xin đức Cha bảo cho con, vì chính con đang muốn tìm đến nơi Người.

Từ chiều cao không lồ, ông già nhìn xuống chàng từ đỉnh đầu đến gót chân. Ông không vội trả lời. Cuối cùng, ông bước lui về gốc cây ban nãy, từ từ ngồi xuống tựa vào thân cây trong tư thế như cũ. Ông phác một cử chỉ ra hiệu cho Joseph ngồi xuống. Chàng vâng theo. Khi ngồi xuống, chàng cảm thấy hai chân rã rời, nhưng vội quên đi cảm giác ấy để chú mục trọn vẹn vào ông già đang đắm chiêu trong thiền định. Trên gương mặt khả kính ấy có một vẻ gì nghiêm khắc, thiếu thân mật, nhưng ngoài vẻ ấy ra còn có một vẻ khác, gần như một gương mặt khác, một chiếc mặt nạ trong suốt được chồng lên. Đó là bóng dáng một nỗi đau khổ cô đơn cổ kính, mà vì kiêu hãnh và vì vai vế ông, ông không tiền bày tỏ cho ai.

Một lúc lâu, đôi mắt ông già mới quay nhìn chàng. Ông trở lại cái nhìn xoi mói, và bật hỏi với một giọng đầy oai vệ:

- Ông là ai?

- Con là một kẻ khổ tu đã nhiều năm từ bỏ thế tục.

- Chuyện đó ta cũng thấy được. Ta hỏi ông là ai?

- Tên con là Josephus Famulus.

Khi chàng khai tên, ông già không cử động, nhưng hai mày ông nhíu lại gần nhau hơn, đến nỗi đôi mắt ông gần như biến dạng. Ông có vẻ kinh ngạc, xao xuyên hay thất vọng vì cái mâu tin mới vừa nhận, hay chỉ vì ông mỗi mắt như những người già thường bị? Dù sao, ông vẫn ngồi hoàn toàn bất động, nhắm mắt một hồi, và khi ông mở ra lại, thì tia nhìn dường như đổi mới, trông già hơn, cô độc hơn, đau đớn hơn. Từ từ, ông mở miệng hỏi:

- Ta đã nghe về ông. Có phải ông là người mà mọi người tìm đến để thú tội không?

Joseph ngượng ngùng đáp phải. Chàng cảm thấy sự nhận diện này không mấy tốt đẹp. Lần thứ hai trên đường đi, chàng phải xấu hổ chạm mặt với danh tiếng mình.

Ông già lại hỏi, với cái lời nghiêm nghị cố hữu:

- Thế ra bây giờ ông lại tìm đến Dion Pugil à? Ông muốn gì nơi lão ấy?
- Con muốn xưng tội với Người.
- Ông mong được cái gì từ nơi việc làm ấy?
- Con không biết. Con tin tưởng nơi Người. Dường như một tiếng gọi trên cao đã giục con đến nơi Người.
- Sau khi ông thú tội với Người, thì sao nữa?
- Thì con sẽ làm bất cứ điều gì mà Người khuyến cáo, con sẽ tuân theo mệnh lệnh Người.
- Nhưng nếu Người khuyến cáo sai, ra lệnh sai?
- Con sẽ không đặt vấn đề đúng sai, mà chỉ có tuân phục.

Ông già không nói gì thêm nữa. Mặt trời đã lặn, một con chim kêu lên trong khóm lá. Vì ông già cứ im lặng mãi, Joseph bèn đứng lên. Chàng ngập ngừng trở lại câu hỏi ban nãy:

- Đức Cha bảo rằng Ngài có biết chỗ ở của đức Cha Dion. Đức Cha có thể chỉ đường cho con đi đến đấy?

Môi ông già nhú lại trong dáng một nụ cười yếu ớt. Ông hỏi:

- Ông có nghĩ rằng Người sẵn sàng đón tiếp ông?

Hơi ngạc nhiên trước câu hỏi ấy, chàng không trả lời, chỉ luống cuống đứng đấy một lúc. Cuối cùng chàng nói:

- Con có thể hi vọng gặp lại đức Cha?

Ông già gật.

- Ta sẽ ngủ đây, và lưu lại một lúc sau khi mặt trời mọc. Bây giờ, ông hãy đi đi, trông ông đã mệt và đói.

Chàng kính cẩn cúi chào và tiếp tục đi. Khi đêm đến, chàng xin trú ẩn nơi trú xứ của một nhóm sư huynh sống đời khó nghèo để trầm tư mục tưởng. Chàng được cho nước uống, thức ăn và một chỗ ngủ. Vì chàng quá mỏi mệt, các sư huynh tha hỏi chuyện chàng. Một vị đọc kinh trong khi những vị khác quỳ xuống, rồi tất cả đồng thanh nói "Amen".

Vào một lúc khác, thì có lẽ cộng đồng nhưng sư huynh khổ tu này đã là một nguồn vui đối với chàng, nhưng bây giờ, chàng chỉ có một mục đích trong tâm trí, nên khi trời sáng, chàng đã vội vã trở lại chỗ ông già. Ông đang nằm ngủ trên đất, cuộn người trong một chiếc chiếu mỏng. Chàng ngồi xuống một gốc cây bên cạnh chờ ông thức dậy. Ông già tỉnh giấc, ra khỏi chiếu, và đứng lên một cách vụng về, duỗi thẳng tay chân rồi lại quỳ xuống đọc kinh. Khi ông đứng lên, chàng đến gần lặng lẽ cúi chào. Ông hỏi:

- Ông đã ăn cái gì chưa?

- Thưa không. Con thường chỉ ăn ngày một bữa, sau khi mặt trời lặn. Đức Cha có đói không, thưa đức cha?

- Chúng ta đang đi đường dài, mà ông và tôi không còn là thanh niên nữa. Tốt hơn ta nên ăn cái gì trước khi tiếp tục.

Chàng mở bao lấy ra một ít chà là và khúc bánh chàng nhận được từ các sư huynh đã cho chàng nghỉ đêm. Hai người cùng ăn, và sau khi ăn xong, ông già bảo:

- Bây giờ, chúng ta có thể lên đường.

Josephus vui mừng kêu lên:

- Ô, đức Cha cùng đi với con?

- Đương nhiên. Ông đã bảo tôi dẫn ông đến Dion mà. Đi.

Joseph ngược nhìn ông, ngạc nhiên sung sướng: "Cha tử tế quá." Chàng toan tìm những lời trịnh trọng để cảm ơn, nhưng ông già khoác tay:

- Chỉ có Thượng đế là nhân từ, tử tế. Và yêu cầu ông đừng gọi tôi là Đức cha, là Ngài nữa đi. Có gì phải lịch sự, lễ phép giữa hai ẩn sĩ già nua như chúng ta?

Ông già bước những bước dài, và chàng phải cố để theo kịp ông. Mặt trời đã lên cao. Người hướng đạo này như đã rành đường lối, và hứa với chàng rằng đến trưa, họ sẽ tới một nơi im mát để nghỉ vào những giờ oi ả nhất trong ngày. Rồi hai người im lặng bước.

Sau nhiều giờ đi dưới mặt trời nóng cháy, họ đến một chỗ nghỉ ngơi, và nằm xuống trong bóng cây. Josephus lại hỏi người dẫn đường, còn đi bao nhiêu ngày nữa họ mới đến được nơi cha Dion. Ông già nói:

- Chuyện ấy tùy thuộc nơi ông.

Chàng kêu lên:

- Tùy nơi con ư? Thế thì con muốn đứng trước mặt Người ngay bây giờ!

Ông già có vẻ không muốn nói chuyện nữa, nên đáp cộc lốc: "Ta sẽ xem" rồi nằm nghiêng lại, nhắm mắt. Josephus không muốn ở trong tư thế quan sát ông trong lúc ông ngủ, nên chàng lặng lẽ quay sang phía khác, nằm xuống ngủ thiếp. Đêm qua chàng đã thức trắng. Ông già thức chàng dậy khi tới lúc khởi hành. Xệ trưa, họ đi đến một nơi có nước, cây cối và bãi cỏ. Họ uống nước, tẩy trần xong, ông già quyết định dừng chân. Josephus rụt rè phản đối:

- Cha bảo rằng chỉ tùy thuộc nơi con, cái việc con muốn gặp cha Dion sớm hay muộn. Vậy, con muốn tiếp tục đi nhiều giờ nữa, để con có thể gặp Người ngay hôm nay hoặc ngày mai.

Ông già nói:

- Không, hôm nay ta đã đi khá nhiều rồi.

Josephus nói:

- Xin Cha tha thứ, nhưng lẽ nào Cha không thấy được sự nôn nóng của con?

- Ta thấy, nhưng nôn nóng cũng vô ích mà thôi.

- Vậy thì tại sao Cha bảo chỉ tùy thuộc nơi con?

- Chính thế. Khi người đã chắc chắn muốn xưng tội, thì người có thể làm ngay.

- Ngay hôm nay?

- Ngay hôm nay.

Ngạc nhiên, Josephus nhìn chòng chọc vào gương mặt già nua an tĩnh. Chàng kêu lên:

- Có lẽ nào! Thì ra chính Cha là Cha Dion?

Ông già gật, và nói với giọng từ ái:

- Hãy nghỉ lại đêm dưới gốc cây, nhưng đừng ngủ. Người cần định tĩnh lại, và ta cũng sẽ nghỉ ngơi và định thần. Rồi người có thể nói cho ta nghe những gì người muốn nói.

Thế là Josephus đột nhiên thấy mình đã tới đích. Bây giờ, chàng ngạc nhiên sao mình không nhận ra người ấy sớm hơn, trong khi đi bên ông suốt cả ngày. Chàng bước lui ra quỳ gối đọc kinh, và làm lắng xuống những tư duy. Sau một tiếng đồng hồ, chàng trở lại và hỏi Dion đã sẵn sàng chưa.

Và bây giờ chàng có thể xưng tội. Tất cả những gì chàng trải qua bao nhiêu năm nay, những gì từ lâu như đã mất hết ý nghĩa, bây giờ tuôn ra trong lời kể lể, than phiền, tự buộc tội - đó là toàn thể cuộc đời chàng, một nhà khổ hạnh Ki tô giáo, một cuộc đời chàng định dùng cho sự thanh luyện bản thân, sự thánh hóa, nhưng rốt cuộc chỉ thành một mớ bòng bong, rối ren mờ mịt, đầy những thất vọng, chán chường. Chàng nói đến kinh nghiệm mới nhất của mình: sự đào tẩu, cảm giác nhẹ nhõm, niềm hi vọng mà cuộc đào tẩu đã đem lại cho chàng, làm thế nào chàng đã quyết định tìm đến cha Dion; kể chuyện gặp gỡ đêm trước, cảm tưởng yêu thương và tin cậy của chàng đối với ông già, mà đôi khi chàng thấy hơi lạnh lùng, quái đản.

Mặt trời đã thấp khi chàng chấm dứt. Cha Dion đã lắng nghe chăm chú từ đầu đến cuối, không một lần ngắt lời hay đặt câu hỏi. Ngay cả khi cuộc xưng tội đã chấm dứt, ông cũng không thốt lời nào. Ông từ từ đứng lên, nhìn chàng một cách thân mật, rồi cúi xuống hôn chàng và làm dấu thánh giá trên người chàng. Chỉ về sau, chàng mới nhận ra đó là những điều mà chính chàng đã làm cho những người đến xưng tội với chàng trước kia.

Sau đó họ cùng ăn uống, đọc kinh và nằm xuống ngủ. Josephus suy nghĩ một lúc. Thực tình, chàng đã tưởng mình sẽ nghe một bài thuyết giảng nghiêm khắc, nhưng sự thể vừa rồi cũng không làm chàng khó chịu hay thất vọng. Cái nhìn và cái hôn thân mật của cha Dion đã nâng đỡ chàng. Chàng cảm thấy nội tâm an tịnh, và đánh một giấc ngủ bình an.

Không phí lời, sáng hôm sau ông già đưa chàng đi theo. Hôm ấy họ đi một quãng đường khá xa, và sau bốn năm ngày đường họ tới căn lều của Dion, nơi đây họ lưu trú. Josephus giúp Dion trong những công việc hàng ngày, và dần dần quen thuộc với chương trình hàng ngày của ông và san sẻ với ông chương trình ấy. Nó không khác gì lắm với đời sống mà chàng đã sống trong nhiều năm qua, chỉ trừ một điều là bây giờ chàng không còn ở một mình. Chàng sống dưới bóng mát che chở của một người khác, và chính vì lẽ đó, đời sống này hoàn toàn khác hẳn. Từ những vùng lân cận, từ Ascalon và những nơi xa xôi, những người hành hương lũ lượt kéo đến xưng tội. Lúc đầu, Josephus vội vàng rút lui khi thấy những người ấy đến, và chỉ xuất hiện sau khi họ đã ra về. Nhưng cha Dion thường gọi giật chàng lại, sai mang nước hoặc làm những việc vặt ở quanh quần, ông sai chàng như người ta sai đầy tớ. Sau một thời gian, chàng dần quen thuộc với sự tham dự những lễ xưng tội và nghe kể lễ, trừ khi chính người xưng tội phản đối sự hiện diện của chàng. Nhưng phần đông những người ấy đều vui mừng, mỗi khi không phải ngồi hay quỳ trước mặt một mình ông già Pugil đáng sợ kia. Họ cảm thấy an tâm khi có mặt người phụ tá lặng lẽ từ bi của ông. Bằng cách ấy, Josephus dần quen với kiểu làm việc của Dion, cách ông lắng nghe người thú tội, cách ông khuyên nhủ, quở trách, trừng phạt, can thiệp, cố vấn. Họ hoảng hốt lắm chàng mới đánh bạo đặt câu hỏi với Dion, như chàng đã làm một ngày kia, sau khi một người trí thức đến thăm viếng họ, nhân dịp đi ngang qua đây.

Người ấy, như ta thấy rõ qua câu chuyện của y, thường giao tiếp với những nhà chiêm tinh và phù thủy. Anh ta nói năng hùng hồn, lưu loát về những vì sao, về cuộc hành trình mà tất cả mọi người và thần thánh đều phải thực hiện suốt đời kiếp, qua mười hai cung hoàng đạo. Gã nói về Adam, con người đầu tiên, và chủ trương rằng ông ta với chúa Kitô bị đóng đinh chỉ là một; gã gọi sự cứu rỗi là "Cuộc di chuyển của Adam từ cây Tri thức đến cây Nhân sinh", còn con rắn ở thiên đường thì gã bảo đó là kẻ chặn giữ dòng suối thiêng, từ nguồn nước đen sâu thẳm của nó đã phát sinh tất cả hình tượng, thần linh, người và vật.

Dion lắng nghe gã một cách chăm chú, gã xô tiếng Hi Lạp khá nhiều. Josephus ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn của ông già. Quả thế, chàng lấy làm khó chịu vì Dion không quát cho gã một trận, mà lại chịu khó ngồi nghe gã lập luận một cách sai lạc vô thần. Anh chàng độc diễn lấu cá này dường như lại còn được cảm tình của ông lão, làm ông khoái chí nữa là khác. Vì không những ông nghe gã một cách say sưa, mà thỉnh thoảng còn gật gù mỉm cười tỏ vẻ hài lòng.

Sau khi gã ra về, Josephus hăng hái hỏi ông, với giọng hơi trách móc:

- Tại sao cha có thể lắng nghe một cách bình tĩnh, lý thuyết sai lạc của kẻ vô thần bất tín đó? Con thấy cha không những kiên nhẫn nghe hẳn, mà còn hơi có thiện cảm và tán đồng nữa. Tại sao cha không cãi lại y, không bài xích y, đập cho tan những luận điệu sai lầm của y, và kéo y trở về đức tin vào Đấng Cứu Thế của chúng ta?

Ông già lắc chiếc đầu hói trên cần cổ nhăn nheo:

- Ta không bài xích y vì vô ích, hay đúng ra, vì ta không thể bài bác y được. Về tài ăn nói, lập luận, về kiến thức thần bí và về khoa chiêm tinh, người ấy vượt hẳn ta. Ta không thể nào thắng gã trong cuộc tranh biện. Và hơn nữa, này con, không phải việc của chúng ta để đi bài xích những tin tưởng của người khác, bảo cho y biết điều y tin tưởng là sai lầm, láo khoét. Ta công nhận đã nghe y với niềm tán thưởng. Ta thích cái kiểu nói năng hoạt bát của y. Y hiểu biết khá nhiều chuyện, và nhất là y gợi cho ta nhớ lại thời trẻ trung, ta cũng đã dành khá nhiều thì giờ để nghiên cứu những chuyện ấy. Những chuyện thần thoại mà y say sưa bàn đó không bí hiểm gì. Đó là những ý tưởng và ẩn dụ của một tôn giáo mà chúng ta không còn cần đến, vì chúng ta đã có được đức tin vào Chúa Kitô, Đấng Cứu thế duy nhất. Nhưng đối với những người chưa tìm được đức tin của chúng ta, mà có lẽ không bao giờ tìm được, thì những tin tưởng của họ phát xuất từ nền minh triết cổ truyền của tổ tiên họ, cũng đáng được kính trọng. Dĩ nhiên đức tin của chúng ta hoàn toàn khác họ. Đức tin chúng ta không cần đến những lý thuyết về tinh tú, về thời kiếp, về nguồn nước đầu tiên, về những bà mẹ vũ trụ và những biểu tượng tương tự. Nhưng thế không có nghĩa là những lý thuyết kia đều sai lạc, lừa dối.

Josephus cãi:

- Nhưng đức tin của chúng ta cao hơn, và chúa Kitô chết cho tất cả. Bởi thế kẻ nào đã được biết Ngài đương nhiên phải chống lại những lý thuyết lỗi thời và thay Thế bằng nền giáo lý đúng, mới.

- Chúng ta đã làm chuyện ấy lâu xa về trước, con, ta và nhiều người khác đã làm. Chúng ta có đức tin, chúng ta tin vào quyền năng Đấng Cứu Thế và cái chết của ngài để cứu rỗi tất cả. Nhưng những người xây dựng huyền thoại và nền thần học từ những thuyết cựu truyền, thì không tin vào quyền năng ấy, hay chưa tin, và ta không thể bắt buộc họ phải tin. Nay Joseph, con có thấy anh chàng say mê huyền thoại ấy nói chuyện khéo léo, đặt ví dụ một cách tài tình không? Và có thấy y rất hài lòng về kiến thức của y đối với những hình ảnh và biểu tượng? Đó là dấu hiệu chứng tỏ y chưa bị nỗi đau khổ nào áp bức, y đang thỏa mãn, mọi sự đối với y đều tốt đẹp. Chúng ta không có gì để nói với những người mà đối với họ, mọi sự đang thuận buồm xuôi gió. Muốn cho một người cần tới sự cứu rỗi và đức tin cứu rỗi, muốn cho y rũ bỏ niềm tin cũ mà đặt cọc hết những gì y có, vào ván bài tin tưởng ở Phép lạ cứu rỗi, thì y phải từng trải một cơn đau khổ ê chề, quả vậy, y phải đến bước đường cùng. Y phải trải qua buồn đau, thất vọng, chua cay, chán nản. Nước phải ngập cho tới cổ y mới được. Không, Josephus, ta phải để cho nhà bác học vô thần kia ở yên trong hạnh phúc của y, với những tư tưởng, triết lý, tài hùng biện của y. Có lẽ ngày mai, hay một năm sau, hay mười năm sau, một biến cố gì xảy đến đập tan tành những triết lý, nghệ thuật của y, như bị người yêu phụ tình hoặc con trai độc nhất của y bị giết hay y lâm vào cảnh khốn cùng bệnh tật. Khi ấy, nếu gặp lại y, ta sẽ cố giúp y, nói cho y rõ làm thế nào chúng ta đã chiến thắng được đau khổ. Và nếu y có hỏi tại sao ông không bảo tôi hôm qua, hay mười năm về trước, thì ta sẽ đáp: "Tại vì lúc ấy bạn đang may mắn."

Ông chìm vào im lặng một lúc. Đoạn, như thể gọi lại mộng mơ thời dĩ vãng, ông thêm:

- Chính ta cũng đã từng chơi với những nền triết học, ngay cả sau khi ta đã đi trên con đường của Thập tự giá, thần học cũng cũng thường làm ta khoái thích, mà cũng đem lại cho ta khá nhiều đau buồn. Ta thường suy nghĩ về thuyết Sáng thế. Ta nghĩ rằng, sau công cuộc sáng tạo thế giới, mọi sự đáng lẽ phải tốt đẹp, vì Thánh kinh bảo: "Thượng đế ngắm nhìn mọi thứ Ngài đã tạo ra và ô kìa, tất cả đều rất tốt đẹp." Thế nhưng kỳ thực nó chỉ tốt đẹp một lúc đầu, cái giai đoạn thiên đường. Ngay giai đoạn kế đó, tội lỗi và sự rủa nguyền đã len lỏi vào sự toàn hảo, vì Adam đã ăn trái từ cây cấm. Có những bậc Thầy bảo: Đấng thượng đế tạo ra thế giới mà đồng thời còn tạo thêm

Adam với cây Tri thức thì không phải là một với Đấng thượng đế duy nhất, mà chỉ là một phần của Ngài, một vị thần thấp hơn, một Giả thượng đế. Sự sáng thế không tốt đẹp gì cả, họ bảo, mà chính là một sự thất bại, và bởi thế sinh vật được sáng tạo phải bị rửa sạch, bị sự Ác thắng lướt trong một thời gian dài cho đến khi vị Thượng đế thật duy nhất quyết định chấm dứt thời gian bị nguyên rửa ấy bằng cách gửi xuống trần Người con của Ngài. Sau đó, họ bảo, và ta cũng đã nghĩ như họ- vị Giả thượng đế cùng với sự sáng tạo của ông ta khởi sự tàn tạ, thế giới sẽ suy sụp dần cho đến một thời kiếp mới trong đó không còn sự sáng thế, không có thế giới, không có xác thịt, dục vọng và tội lỗi, không còn sinh, chết, một thế giới tâm linh thuần túy, toàn hảo. Một thế giới được cứu chuộc sẽ khởi sinh, hoàn toàn không có sự nguyên rửa Adam, không có sự vịnh viễn lưu đầy ở Hỏa ngục, không có những cám dỗ của tham lam, trụyền giống, sinh và tử. Chúng ta trách cứ vị Giả thượng đế nhiều hơn là trách cứ Adam, con người đầu tiên, chính vị ấy phải chịu trách nhiệm vì những xấu xa hiện tại trong thế giới. Chúng ta nghĩ, nếu vị ấy là Thượng đế thực, thì ngài phải tạo ra một Adam khác hẳn, hoặc tránh cho y những cám dỗ. Và bởi thế, sau khi lập luận, ta có đến hai thượng đế: một thượng đế sáng tạo, và một thượng đế thu?n túy tâm linh.

Lại có một số bạn bè ta thuở đó còn đi xa hơn, lập luận rằng sự Sáng tạo không phải là tác phẩm của Thượng đế gì cả, mà chính là của quỷ sứ. Chúng ta tưởng những lý luận sắc bén của mình sẽ thuận lợi cho việc xuất hiện của Đấng Cứu rỗi và thời kiếp tâm linh sắp đến, nên cứ bàn bạc cho ra những thượng đế, những thế giới và kế hoạch vũ trụ. Chúng ta tranh luận sôi nổi về thần học cho đến một ngày kia ta ngã bệnh nguy kịch. Trong cơn mê sảng, vị Giả thượng đế vẫn ám ảnh tâm trí ta, ta gây chiến với ông và thổ huyết. Những ảo tượng và ác mộng càng lúc càng ghê rợn, tới nỗi có một đêm cơn sốt hoành hành, ta nghĩ ta phải giết mẹ để cời bỏ cái nguồn gốc xác thịt của ta đi. Quả thế, khi ta mê sảng, quỷ sứ đã chấp lên ta tất cả những móng vuốt của nó. Nhưng rồi ta bình phục, và bạn bè ta thất vọng mà thấy ta sau khi chết đi sống lại đã hóa thành một người câm lặng, ngu đần, không ham lý luận nữa. Suốt những ngày đêm trong thời gian phục hồi sức khỏe, ta ngủ thật nhiều, và mỗi khi thức dậy ta luôn luôn thấy Đấng Cứu chuộc đang đứng bên ta. Ta cảm thấy sức mạnh tuôn ra từ Ngài rót vào trong ta, và khi trở lại khỏe mạnh, ta vô cùng buồn bã vì không còn cảm thấy sự hiện diện của Ngài. Ta có niềm khát khao mãnh liệt được thấy lại Ngài, và xem nỗi khát khao ấy như là cái gì quý báu nhất ta từng có. Nhưng khi ta khởi sự nghe lại những cuộc thảo luận, ta cảm thấy nỗi khát khao ấy bị lâm nguy, nó muốn tan biến, chìm vào trong tư tưởng, ngôn từ như nước ngấm vào cát. Tóm lại, đó là kết thúc của sự khôn lanh tri thức và nền thần học nơi ta. Kể

từ đây, ta là một linh hồn giản dị, ngu ngốc. Nhưng ta không khinh bỉ, cũng không quyến rũ những người giỏi lý luận và đang chơi những trò chơi mà chính ta cũng đã từng say mê. Cũng như ta đành để mối liên hệ khó hiểu giữa Giả thượng đế và Thượng đế tâm linh thuần túy, giữa sự sáng tạo và Cứu chuộc, mãi mãi vẫn là một bí ẩn, cũng vậy, ta phải đành chịu, không thể cải hóa những nhà triết lý thành những tín đồ. Đó không phải địa hạt của ta.

Một ngày, sau khi có người đến thú tội sát nhân và ngoại tình, Dion nói với người Phụ tá của ngài:

- Sát nhân và ngoại tình, nghe ra có vẻ tàn bạo thực, quan trọng thực, mà dĩ nhiên cũng khá tệ thực đây, ta cam đoan với con. Nhưng ta bảo con, này Josephus, thật tình, những người thế tục ấy không phải là những kẻ phạm tội. Mỗi khi thử đặt mình vào tâm can những người ấy, ta thấy họ hoàn toàn như con nít. Họ không đàng hoàng, tử tế hay cao thượng gì, họ ích kỷ, tham lam, ngã mạn, sân si, nhưng kỳ thực, tự căn để họ rất ngây thơ.

- Vậy mà Cha vẫn thường làm cho họ khốn đốn, vẽ ra một cảnh hỏa ngục thật sống động.

- Chính thế, họ đều là trẻ con, và khi họ bị lương tâm cắn rứt, đến xưng tội, thì họ muốn ta phải xem chuyện đó rất nghiêm trọng, phải quở trách họ thật nặng nề. Ít nhất, đó là quan điểm của ta. Con thì đối xử khác, con không rầy la, trừng phạt, ra lệnh, mà thân mật để họ ra về với một cái hôn bằng hữu. Ta không chỉ trích con, nhưng ta không làm kiểu ấy.

Josephus ngập ngừng hỏi:

- Nhưng xin Cha cho con biết tại sao, sau khi con xưng tội, cha lại không xử với con như với những kẻ khác, mà lại im lặng hôn con và không nói gì đến việc tẩy tội?

Dion trừng mắt nhìn chàng mà hỏi:

- Những gì ta đã làm không đúng à?

- Con không bảo nó không đúng. Dĩ nhiên nó rất đúng, vì nếu không, thì cuộc xưng tội đã không đem lại cho con nhiều bằng an đến thế.

- Vậy thì được rồi, hãy để yên chuyện đó. Dù sao ta cũng đã gán cho con một hình phạt nặng nề dài lâu đây chứ, chỉ có điều ta không gọi nó là hình

phạt đầy thôi. Ta đã đem con theo ta, đối xử với con như tôi tớ, đem con trở về với bọn phạm, buộc con phải nghe xưng tội, trong khi con muốn tránh né.

Ông quay đi, câu chuyện đã quá dài với ông. Nhưng Josephus khẩn khoản:

- Cha đã biết trước rằng con sẽ vâng lệnh cha, vì con đã tuyên hứa như thế trước khi xưng tội, ngay cả trước khi con được biết cha là ai. Không, xin cha hãy nói cho con biết, có thực vì lẽ ấy mà cha đã đối xử với con như bấy lâu nay?

Dion Pugil đi tới đi lui vài bước, đoạn ông dừng lại trước mặt Josephus và thân mật đặt tay lên vai chàng:

- Những người thế tục đều là trẻ con. Còn những bậc thánh thì - ô, họ không đến xưng tội với chúng ta. Nhưng con và ta, và những người như chúng ta, những nhà khổ tu, những ẩn sĩ, người tin Thượng đế - chúng ta không phải là trẻ con, không ngây ngô, không dễ gì được trấn an bằng những bài giảng đạo đức. Chúng ta mới là những kẻ phạm tội thực sự, những người có hiểu biết, có suy nghĩ, những người đã lỡ ăn phải trái cây Tri thức. Chúng ta không nên đả nhau như trẻ con, cho vài cú roi vọt rồi thả về đường cũ. Sau khi xưng tội và hành sám, chúng ta không chạy trở lui về cuộc đời ở đó bọn trẻ con cử hành lễ lạc, tiệc tùng, làm ăn mua bán, và thỉnh thoảng giết nhau. Chúng ta không kinh quá tội lỗi như trải qua một cơn ác mộng ngắn ngủi có thể được thổi tan bằng lễ xưng tội và tẩy tội. Chúng ta "cư ngụ" trong tội lỗi. Chúng ta không bao giờ là những kẻ vô tội, mà luôn luôn là kẻ phạm tội, chúng ta sống mãi trong sự phạm tội và trong ngọn lửa của lương tâm, và chúng ta biết không bao giờ có thể trả món nợ lớn lao của mình trừ khi chết, Thượng đế khoan hồng nhìn ta và đón ta vào ân sủng của Ngài. Đó là lý do ta không thể giảng đạo và ra hình phạt cho con và cho ta. Chúng ta không phải vướng vào sai lầm này sai lầm nọ, tội nọ tội kia, mà luôn luôn, vĩnh viễn chúng ta vướng vào chính tội lỗi nguyên ủy. Bởi thế mà chúng ta chỉ có thể trấn an nhau rằng, chúng ta cùng san sẻ một hiểu biết, một tình huynh đệ, không ai có thể chữa trị ai bằng hình phạt. Chắc con đã biết điều này?

Josephus khẽ đáp:

- Thừa vâng, con đã biết.

- Thế thì, chúng ta đừng phí lời thêm nữa.

Ông già quay về tảng đá trước túp lều, nơi ông thường đọc kinh.

Nhiều năm trôi qua. Thịnh thoảng cha Dion lại bị những cơn suy yếu, đến nỗi Joseph phải đỡ ông. Sau đó ông ngồi suốt ngày nhìn chòng chọc vào khoảng trống trên sa mạc. Tình trạng ấy xảy đến liên tiếp trong vài ngày, rồi ông lại xoay sở được để đứng lên một mình. Ông cũng không thể nghe xưng tội hàng ngày được nữa, và đôi lần, sau khi Joseph đã thay ông nghe xưng tội xong, ông ngỏ ý muốn nói với khách, gọi y đến bảo:

- Ta đã gần kề cái chết, con hãy đi loan báo với mọi người rằng Josephus đây sẽ là người kế vị ta.

Khi Joseph tỏ vẻ phản đối trước những lời lẽ ấy, ông già lại nhìn chàng với cái nhìn kinh khủng, xoáy sâu vào chàng như một tia băng giá.

Một ngày kia, ông có vẻ khỏe khoắn. Ông gọi Joseph, dẫn chàng đến một chỗ đất ven khoảnh vườn nhỏ của họ.

- Ở đây con sẽ chôn xác ta. Chúng ta sẽ cùng đào huyệt. Ta nghĩ rằng, chúng ta còn một ít thì giờ. Hãy lấy xẻng lại đây.

Từ hôm ấy trở đi, mỗi sáng ông bảo Joseph đào một ít. Khi ông hơi khỏe, ông lại đích thân cuốc vài lát đất một cách rất khó nhọc, nhưng cũng rất vui vẻ, như thể ông khoái việc ấy lắm. Rồi trọn ngày hôm ấy, niềm vui vẫn còn mãi nơi ông. Từ khi ông khởi sự chương trình đào huyệt, ông luôn luôn hoan hỉ. Một ngày, khi đang đào, ông bảo:

- Con sẽ trồng một cây dừa lên mộ ta. Có lẽ con sẽ còn sống cho đến khi ăn trái của nó. Nếu không, người khác sẽ ăn. Thịnh thoảng, ta cũng có trồng một vài cây, nhưng quá ít. Người ta bảo rằng không nên chết đi mà không trồng một cây gì, và không để lại một đứa con trai. Vậy là ta để lại một cây trồng, và để lại con. Con là con ta.

Ông bình an và vui vẻ hơn bao giờ hết, kể từ ngày Joseph gặp ông. Và càng ngày ông càng vui tươi hẳn lên. Một buổi chiều, sau khi ăn và đọc kinh xong, ông gọi Joseph đến ngồi bên chiếu ông. Trông ông tỉnh táo và không mệt chút nào. Ông vui vẻ bảo:

- Ta muốn kể cho con nghe một chuyện này. Joseph, con có nhớ cái ngày con rất khôn khở trong hang trú của con ở Gaza, khi con đâm chán chường nếp sống của mình? Rồi con đào tẩu, và quyết định đi tìm lão già Dion để trút hết tâm can? Rồi tại trú xứ kia, con đã gặp ông lão mà con yêu cầu dẫn con đến Dion? Hẳn là con nhớ. Và có phải thật là một phép màu, khi ông lão

ấy lại chính là Dion, người con đang tìm kiếm. Bây giờ, ta muốn kể cho con nghe làm thế nào chuyện lạ lùng ấy đã xảy ra. Bởi vì con thấy, đối với ta, chuyện ấy cũng thật là một phép màu.

"Con biết sự thể nó ra thế nào, đối với một nhà ần tu làm thầy giáo đạo, khi trở về già, khi đã lắng nghe quá nhiều cuộc xung tội từ những kẻ phạm tội cứ tưởng ông ta là một bậc thánh vô tội, mà không biết rằng ông ta là một kẻ phạm tội còn vĩ đại hơn. Vào những lúc như vậy, thì toàn thể công việc của ông ta dường như vô ích, trống rỗng đối với ông, mọi sự mà ông từng cho là thiêng liêng, quan trọng - như chuyện Thượng đế đã biệt phái y đến nơi này, cho y cái vinh dự làm công việc tẩy sạch những linh hồn cho hết cấu uế - tất cả chuyện ấy đối với y trở thành một sự gán ép quá nặng nề. Y còn xem nó như một sự nguyện rửa, và phải rùng mình trước mỗi linh hồn đến viếng y với những tội lỗi trẻ con của họ. Y muốn xua đuổi kẻ xung tội, muốn xua đuổi cả chính mình, dù phải làm việc ấy bằng cách treo cổ lên cành cây. Đó là cảm tưởng của con trong thời gian ấy. Và bây giờ, cái giờ phút xung tội cũng đã đến với ta, và ta xin thú thật với con: ta đã trải qua một giai đoạn y hệt. Ta cũng đã tự thấy mình vô dụng, đã chết ở trong linh hồn. Ta nghĩ rằng ta không thể chịu đựng cái sự việc mọi người cứ lũ lượt đến nơi ta một cách đầy tin ngưỡng như vậy, đem trút cho ta tất cả những dơ dáy hôi hám của kiếp người, mà họ không thể cuu mang, và ta cũng không thể cuu mang.

"Ta đã thường nghe nói đến một ần sĩ tên Josephus Famulus. Người ta cũng kéo đến ngài để xung tội, ta nghe đồn, và nhiều kẻ khoái Người hơn ta, vì Người nổi tiếng hiền lành, khoan hồng không đòi hỏi gì nơi họ, không mất sát họ mà đối xử với tình huynh đệ, chỉ lắng nghe và từ giã với một chiếc hôn. Đó không phải kiểu làm của ta, như con đã biết rõ, và lúc đầu khi nghe những mẫu chuyện về cha Josephus, ta thấy phương pháp của Người hơi trẻ con và điên rồ. Nhưng khi ta đăm nghi ngờ chính ta, thì ta nghĩ, không nên phê phán cách xử sự của Người, không nên cho rằng cách của ta cao vượt hơn. Ta tự hỏi không biết người có những năng lực như thế nào. Ta biết Người trẻ hơn ta, song cũng đã cao tuổi. Đó là điều làm ta an tâm, vì ta sẽ thấy khó tin được một người còn trẻ. Nhưng quả tình, ta muốn đi đến cha Josephus ấy. Do đó, ta quyết định làm một chuyện hành hương đến nơi trú ần của Người, thú hết nỗi khổ của ta cho Người, và xin Người một lời khuyên bảo. Hoặc nếu Người không cố vấn cho ta, thì có lẽ ta cũng sẽ nhận từ Người một niềm an ủi, tiếp sức. Cái quyết định ấy cũng đủ làm ta sung sướng, như trút được gánh nặng ngàn cân.

"Ta khởi hành, và tiến về hướng mà ta được nghe nói là trú xứ của Người. Nhưng trong lúc ấy, sư huynh Josephus cũng đang ném trái một kinh nghiệm y hết như ta, và cũng đang làm cái điều ta đang làm: Y đã đào tẩu để tìm đến ta, mong ta làm cố vấn cho y. Khi ta chạm mặt với y trong một hoàn cảnh thật lạ lùng, ta thấy y đúng là con người mà ta mong gặp, và có thể nhận ra ngay. Nhưng y đang trốn chạy, mọi sự hóa ra đã quá bết đời với y cũng như đời với ta. Trái lại, y đang nóng lòng muốn phát lộ tội lỗi, muốn trút hết những đau buồn của y vào một người khác. Điều đó là một thất vọng lớn cho ta, làm ta buồn vô hạn. Vì nếu gã Joseph này - gã lúc ấy không nhận ra ta - mà cũng đắm mê mỗi với công việc làm và đang tuyệt vọng về ý nghĩa cuộc đời y, thì phải chăng điều ấy có nghĩa rằng cả hai chúng ta đều chẳng có ra gì, đều đã sống một đời vô ích, đều là những cuộc thất bại?"

"Ta đang kể cho con nghe những gì con đã biết - thôi để ta nói vấn đề. Ta đã ở lại một mình đêm ấy trên sa mạc, trong khi con đến ngủ trọ nơi các sư huynh khổ tu. Ta trầm tư, và tự đặt mình vào địa vị Josephus. Ta nghĩ, y sẽ làm gì nếu ngày mai, y biết được rằng cuộc tìm kiếm của y vô ích, rằng y đã vô lối đi đặt niềm tin vào Pugil, nếu y biết ra rằng chính lão Pugil ấy cũng đang đào tẩu, cũng bị cám dỗ tự sát? Càng đặt mình vào hoàn cảnh y, ta càng buồn cho y, và càng thấy rằng dường như Thượng đế đã gọi y đến với ta, để ta có thể cảm thông, chữa trị cho y và đồng thời chữa trị cho chính ta nữa. Sau khi đi đến quyết định này, ta mới ngủ được, khi đã quá nửa đêm. Sáng hôm sau con đã theo ta, và trở thành con ta.

Ta muốn kể cho con nghe câu chuyện đó. Ta nghe tuồng như con đang khóc thì phải. Cứ khóc đi, nước mắt sẽ làm cho con dễ chịu. Và vì ta đã rơi vào cái đà ba hoa này, con hãy vui lòng nghe ta một lát nữa, và hãy ghi nhớ lời ta đang nói đây, hãy khắc vào tim con: "Tim con người ta thật lạ lùng, không thể nào tin cậy được. Bởi thế, không phải là chuyện không thể xảy ra nếu có ngày, những đau khổ, những cám dỗ ấy trở lại đe dọa quật ngã con. Khi ấy, ta mong cha chúng ta sẽ gọi xuống cho con một bề tôi, một người con tử tế nhẫn nại làm niềm an ủi cho con, như Ngài đã đem con đến cho ta. Nhưng về cảnh cây và cái chết của Judas kẻ bội Chúa, những ám ảnh mà quỷ cám dỗ đã gây cho con ngày xưa, ta có thể đoán chắc với con một điều: tự giáng cho mình một cái chết như thế không những là việc điên rồ, tội lỗi - về tội lỗi ấy thì Đấng cứu chuộc vẫn có thể tha thứ - mà trên tất cả, nó còn là một điều ghê gớm khi con người phải chết trong tuyệt vọng. Thượng đế gọi cho ta những đau buồn không phải để giết chết ta, mà để làm khơi dậy mạch sống trong tim ta. Trái lại, khi Ngài gọi cái chết đến cho ta, khi Ngài giải thoát ta ra khỏi trái đất, khỏi thể xác này và gọi ta trở về bên Ngài, thì đó là

một niềm vui lớn. Khi ta đã mệt mà được phép ngủ, mang gánh nặng đã quá lâu mà được phép đặt gánh xuống, thì đấy quả là một điều quý báu kỳ diệu. Từ ngày chúng ta đào xong huyết - con đừng quên trồng một cây dừa lên đấy - ngay từ khi khởi sự đào, ta đã sung sướng, hài lòng hơn bao giờ trong suốt nhiều năm nay.

"Ta đã nói quá nhiều, chắc con đã mệt. Thôi đi ngủ, con hãy trở về chòi đi. Thượng đế che chở con!"

Ngày hôm sau, Dion không ra cầu kinh, cũng không gọi Joseph. Khi chàng đâm hoảng, đến dòm vào chòi của Dion, thì thấy ông đang ngủ giấc ngủ cuối cùng. Gương mặt ông ngời sáng trong một nụ cười hồn nhiên.

Joseph chôn xác ông, chàng trồng cây trên mộ và sống cho đến ngày nó bắt đầu kết trái.

---o0o---

47. ẢO HÓA

Theo truyền thuyết Ấn giáo, thần Vệ nữ có lần hóa sinh làm một vị Vương tử sống bên bờ sông Hằng. Tên ông là Ravana. Ravana có một người con trai tên Dasa. Mẹ Dasa chết sớm, vương tử cưới một người vợ khác. Sau khi người đàn bà đẹp và tham vọng này sinh được một trai, bà đâm ra thù ghét Dasa. Bà muốn cho con mình, Nala, kế vị, nên âm mưu chia rẽ cha con Dasa, và chờ cơ hội thanh toán cậu bé. Trong triều, có một người Bà La Môn Vasudeva, viên quan coi về tế tự, biết được âm mưu của bà. Ông thương tình cậu bé, người mà ông thấy có khuynh hướng sùng tín và đức công bằng giống mẹ. Ông trông chừng cho Dasa khỏi bị hại, và chờ dịp đưa cậu ra khỏi tầm tay mẹ ghẻ.

Bấy giờ vua Ravana sở hữu một đàn bò được xem là thiêng liêng. Sữa và bơ của chúng dùng để tế thần. Những đồng cỏ tốt nhất trong xứ dành cho những con bò ấy.

Một ngày kia, người chăn bò đem sữa về kinh báo cáo rằng trong vùng bò đang ăn cỏ, có những dấu hiệu sắp hạn hán. Do đó đoàn người chăn đang dẫn bò lên những dãy núi cao, ở đó nước và cỏ luôn luôn sẵn sàng ngay cả vào những mùa khô ráo nhất.

Người Bà La Môn đã quen biết người chăn bò này từ lâu, anh ta là một người đáng tin cậy. Ông cho anh biết dự định của mình. Hôm sau, khi hoàng tử bé Dasa biến mất, thì chỉ có ông và người chăn bò ấy biết được lý do bí ẩn của sự mất tích. Người chăn bò đem cậu bé theo lên núi rừng. Họ theo kịp đàn bò di chuyển chậm chạp, và Dasa sung sướng được gia nhập đoàn mục tử. Cậu phụ giúp thả bò, nặn sữa, chơi với những con bê, và lang thang khắp những đồng cỏ trên núi, uống sữa tươi ngọt ngào, những bàn chân trần của cậu lấm đầy phân bò. Cậu thích đời sống mục tử này, dần dần quen với núi rừng và những cây trái hoa quả của nó. Cậu nhặt những củ sen ngọt trong ao đầm, và vào những ngày lễ hội, cậu đeo một tràng hoa rừng đỏ chói. Cậu trở nên quen thuộc với đường đi lối về của thú rừng, tập tránh cạp, chơi với những con sóc và nhím. Mùa mưa cậu ở trong căn nhà lá ở đó bọn chăn bò chơi cờ, hát hoặc đàn giỏ hay chiếu cỏi. Dasa không hẳn quên hết đời sống vương giả của mình trước đây, nhưng chẳng mấy chốc những thứ này đối với cậu chỉ còn như một giấc chiêm bao.

Một ngày kia, khi đàn bò đi đến một vùng khác, Dasa vào rừng để tìm mật. Từ ngày biết núi rừng, cậu đã bắt đầu thích; nhưng đặc biệt khu rừng này, cậu bé thấy nó đẹp lạ. Những tia nắng lượn khúc qua những cành lá trông như những con rắn vàng. Những tiếng của rừng, tiếng chim hót, tiếng xào xạc của những ngọn cây, tiếng lấp bắp của những con khí quuyền vào nhau thành một mạng lưới âm thanh êm dịu trong sáng, giống như ánh sáng giữa những cành cây. Những mùi hương cũng vậy, hoà vào nhau rồi lại phân tán: hương của hoa rừng, của những loại cây, lá, nước, rêu, thú vật, trái cây và của đất, vừa cay nồng vừa dịu ngọt, vừa hoang dã vừa thân thiết, vừa kích thích vừa thoa dịu, vừa buồn vừa vui.

Dasa quên việc tìm mật. Trong khi lắng nghe tiếng hót của những con chim nhỏ màu sáng như ngọc, cậu chú ý đến một đường mòn giữa những rừng cây phong cao chót vót trông như một cụm rừng nhỏ hẹp. Cậu im lặng rón rén bước theo dấu đường mòn, và đến một cây bằng có nhiều cành lớn. Dưới gốc cây, có một cái chòi nhỏ, một túp lều đan bằng lá dương xỉ. Cạnh túp lều, một người đàn ông ngồi bất động, lưng thẳng đuột, hai bàn tay đặt trên đôi chân bắt chéo. Dưới mái tóc bạc trắng và vùng trán cao rộng, đôi mắt bất động của ông tập trung trên mặt đất. Đôi mắt ấy đang mở, nhưng nhìn vào bên trong. Dasa nhận ra rằng đây là một người thánh thiện, một người tu phái Du già. Trước đây cậu đã thấy những người như vậy, đó là những người được ân sủng của thần linh, đáng được tôn trọng cúng dường. Nhưng người cậu đang thấy đây, ngồi trước túp lều được lợp rất đẹp và ở nơi kín đáo này, hoàn toàn bất động như thế, đắm chiêu trong thiền định, -người này

càng lồi cuốn cậu bé hơn bất cứ người nào cậu đã gặp. Ông ta dường như bay lượn trên mặt đất trong khi đang ngồi đấy, và dường như cái nhìn xa xăm của ông thấy và biết mọi chuyện. Một hào quang của sự thánh thiện vây phủ ông, một phép màu của sự tôn nghiêm lan tỏa làm cho cậu không dám phá tan bằng một lời chào hay một tiếng kêu. Về uy nghiêm của người ông, ánh sáng nội tâm rạng ngời trên gương mặt ông, mãnh lực tâm linh toát ra từ nơi ông khiến Dasa có cảm tưởng đây là một con người mà, chỉ cần móng một niệm nghĩ, không cần phải ngược mắt lên, cũng có thể sinh và sát được. Người ẩn sĩ ngồi bất động hơn cả cây cối mà những cành lá còn lay động trong hơi thở của gió. Người này ngồi bất động như một pho tượng đá, và từ khi thấy người ấy, cậu bé cũng đứng bất động, say mê, như bị bùa lực lồi cuốn. Cậu đứng nhìn chòng chọc vào vị thầy. Cậu thấy một đốm sáng mặt trời trên vai ông ta, một đốm sáng trên một bàn tay buông thõng của ông, cậu trông thấy một điểm sáng di động ẩn rồi hiện, nhưng những thứ này không làm vị ấy lay động, cũng như tiếng chim hót và tiếng lải nhải của những con khỉ từ các khu rừng xung quanh. Một con ong rùng đến đậu trên má ông, đánh hơi làn da ông, bò một đoạn đường ngắn trên má ông rồi vụt bay đi. Nhà ẩn sĩ vẫn ngồi bất động trước tất cả sự sống động đủ màu sắc của khu rừng. Tất cả cảnh tượng này, những gì mắt có thể thấy, tai có thể nghe, những cái đẹp và xấu, đáng ưa hay kinh khủng, đều không mảy may liên hệ đến con người thánh thiện này. Cậu bé mục tử có gốc gác vương giả tưởng chừng như vị ẩn sĩ này đã lặn sâu xuống dưới lớp bề mặt của cuộc đời và đi vào bản thể của mọi sự. Một điều lạ lùng, trong khi đứng đấy cậu bỗng nhớ lại gốc gác vương giả của mình.

Sau đó, cậu không biết mình đã đứng đấy bao lâu, hàng giờ, hay đã mấy ngày qua. Khi qua khỏi cái bùa lực đã làm cậu đứng bất động nhìn ông già, cậu rón rén bước lui giữa những hàng cây phong, tìm lối ra khỏi cụm rừng, và cuối cùng trở lại đồng cỏ với đàn bò. Cậu đi mà không hoàn toàn ý thức mình đi. Tâm hồn cậu còn bàng hoàng như trong mộng, và chỉ bừng tỉnh khi một mục tử gọi tên cậu. Anh chàng tức giận vì cậu đã vắng mặt quá lâu, nhưng khi trông thấy Dasa chỉ mở lớn mắt ngạc nhiên nhìn, dường như không hiểu được ai đang nói gì với cậu, thì người kia kinh ngạc thốt lên:

- Sao thế, mày? Mày vừa trông thấy một vị thần tiên nào, hay gặp ma quỷ chẳng?

Dasa nói:

- Tôi đang ở trong rừng, dường như có một sức mạnh nào lôi cuốn tôi đến chỗ ấy. Tôi muốn tìm mất. Nhưng tôi đã quên hết mọi sự khi thấy một ẩn sĩ ngồi thiền định. khi thấy gương mặt sáng ngời của ông ta, tôi cũng đứng bất động nhìn ông một lúc lâu. Tôi muốn trở lại đây chiều nay và mang cho ông ta một ít quà. Ông ấy là một người thánh thiện.

- Thì mày hãy mang đi. Đem cho ông sữa và bánh ngọt. Chúng ta nên cung kính cúng dường các vị ấy những gì ta có thể cúng.

- Nhưng tôi phải nói với ông ta như thế nào?

- Không cần phải nói gì cả, Dasa. Chỉ cần cúi thấp và đặt đồ cúng trước mặt ông. Thế là xong.

Dasa làm y lời. Cậu phải mất một lúc để tìm ra chỗ cũ. Khoảng trống trước chòi tranh bây giờ vắng vẻ, nhưng cậu không dám đi vào trong chòi. Bởi thế cậu đặt tặng phẩm trước cửa chòi rồi bỏ đi. Trong thời gian đàn bò và đoàn người chăn còn lưu lại vùng lân cận, Dasa đem đồ cúng hàng ngày vào buổi chiều. Một hôm cậu đến vào buổi sáng, thấy vị ẩn tu ngồi đấm mình trong thiền quán, và lần này cũng thế, cậu bị thu hút bởi năng lực toát ra từ nơi sự bình an của người, đứng lại đây một lúc trong tâm trạng cực kỳ hạnh phúc.

Rất lâu sau khi đàn bò và mục tử đã dời đến đồng cỏ khác, Dasa vẫn nhớ mãi kinh nghiệm của cậu trong khu rừng này. Mỗi khi ngồi một mình, cậu thường mơ màng tưởng tượng mình cũng là một ẩn sĩ thực hành thiền định. Nhưng với thời gian, ký ức và mộng mơ của cậu cũng phai dần, vì cậu bé bây giờ đang độ lớn nhanh thành một thanh niên lực lưỡng hăng hái lao mình vào những trò chơi mạnh bạo của đồng bọn mục tử. Nhưng vẫn còn một chút ánh sáng mờ nhạt của ký ức le lói trong tâm hồn chàng, khiến chàng có một ý nghĩ mơ hồ rằng, đời sống vương giả và vương vị mà chàng đã mất ấy, một ngày kia có thể được thay bằng sự tôn quý và năng lực của thiền định.

Một ngày, khi họ đến vùng phụ cận kinh đô, thì có tin đồn thành phố đang sửa soạn một cuộc lễ lớn. Vua Ravana đã già yếu, nên định ngày làm lễ tấn phong cho hoàng tử Nala kế vị.

Dasa muốn đi xem cuộc lễ. Chàng mong mỏi được thấy lại kinh đô một lần, vì chàng chỉ còn ký ức mờ mờ về nó từ tấm bé. Chàng muốn nghe âm nhạc, ngắm đoàn người diễn hành và cuộc so tài giữa những vương tôn công tử. Chàng muốn nhìn xem một lần cho biết những con người ở kinh thành, vì

chàng biết - mặc dù một cách mơ hồ như chuyện hoang đường thần thoại - rằng thế giới của họ cũng đã từng là thế giới của chàng.

Đoàn mục tử có nhiệm vụ phải cung cấp một xe bị cho triều đình dùng vào lễ tế trong dịp ấy, và Dasa sung sướng được chọn làm một trong ba người đem sữa vào kinh đô. Họ đến kinh thành vào chiều hôm trước buổi lễ, trao sữa cho quan tế tự, bà la môn Vasudeva, nhưng ông không nhận ra chàng. Ba thanh niên mục tử nói gót đám đông đi xem cuộc lễ với những đàn voi dẫn đầu cuộc diễu hành. Xe hoa của tân vương Nala đi trong tiếng trống vang dội. Tất cả cảnh tượng ấy đối với chàng thật vui nhộn, lộng lẫy, nhưng đồng thời cũng thực lộ bịch đáng cười. Chàng ngắm mọi sự trong niềm vui thú, nhưng vẫn với lương tri của một mục tử ở núi rừng, nghĩa là vốn sẵn khinh thị dân thành phố.

Chàng không hề có ý nghĩ về chuyện chàng là con trưởng đã bị cướp ngôi, rằng người ngồi xe hoa kia đáng lẽ là chàng, rằng Nala em khác mẹ với chàng đã chiếm chỗ của chàng. Không, nhưng chàng đặc biệt không ưa gã Nala đang ngồi trên xe ấy, mà chàng cho là thật ngu dân hạ liệt trong bộ điệu phô trương rỗng tuếch của y.

Khi trở về sau cuộc lễ, Dasa đã thành một người đàn ông. Chàng đã biết theo đuổi con gái, và đấu võ với những thanh niên khác để tranh người đẹp. Bây giờ đoàn mục tử đang tiến đến một vùng khác, một vùng đồng bằng. Ở đây chàng gặp một thiếu nữ xinh đẹp con gái của một chủ trại. Dasa say mê nàng đến độ quên hết mọi sự, và dám hi sinh cả đời sống tự do để chiếm được cô gái. Khi đoàn mục tử nhỏ trại để đi đến những đồng cỏ mới, Dasa gạt qua tất cả những lời khuyên nhủ, cảnh cáo của đồng bọn, từ giã cuộc đời du mục, và bắt đầu định cư. Chàng cưới được nàng Pravati làm vợ, nhưng bù lại chàng phải cày cuốc cho ông nhạc, giúp đỡ ông xay lúa bỏ củi. Chàng làm một cái chòi đập bằng tre và đất bùn, và giữ vợ chàng trong ấy.

Cái mãnh lực ấy thực là ghê gớm, nó đã làm cho một thanh niên bỏ hết những thú vui, bạn bè, thói quen, thay đổi hẳn nếp sống cũ để sống giữa những người lạ với vai trò chàng rể chán phèo. Nhưng sắc đẹp của Pravati thật quyến rũ, sự hứa hẹn của tình yêu thật quá nhiều, khiến Dasa trở nên mù quáng, hoàn toàn quy phục.

Nhưng hạnh phúc của chàng chỉ được một năm, mà trong khoảng thời gian đó chàng cũng không hoàn toàn sung sướng. Chàng phải chịu đựng nhiều

phiền phức: những yêu sách của ông nhạc, sự hỗn xược của mấy đứa em vợ, và tính khí thay đổi của vợ chàng.

Hương lửa đang nồng chưa trọn năm thì một hôm vùng lân cận xô xao tin đồn tân vương sắp ngự giá đi săn tại rừng này. Những lều trại được dựng lên khắp nơi, đoàn kị binh và tùy tùng rần rộ kéo đến dọn đường cho vị vua trẻ. Dasa không chú ý gì đến cảnh ấy. Chàng bận cày cuốc trong đồng ruộng, chăm lo cối xay. Chàng tránh xa những người đi săn và triều đình. Nhưng một ngày kia khi trở về túp lều tổ ấm, chàng không thấy vợ đâu nữa. Chàng đã triệt để cấm nàng đặt chân ra ngoài trong thời gian triều đình đang ở trong vùng lân cận, cho nên bây giờ chàng bỗng thấy tim nhói đau, và linh cảm một tai họa. Chàng vội vàng đến nhà ông nhạc, vợ chàng cũng không có ở đấy. Không ai nhận đã thấy hay gặp nàng ở đâu. Niềm đau trong tim chàng thêm mãnh liệt. Chàng lục lọi khắp những luống cải trong đồng ruộng, suốt ngày này qua ngày khác chàng chạy từ chòi mình đến nhà ông nhạc và chạy về, tìm dưới ruộng, leo xuống giếng, gọi tên nàng, vỗ về, nguyên rửa, săn tìm dấu chân.

Cuối cùng, đứa em út của vợ chàng nói thật cho chàng biết. Pravati đang ở trong lều trại nhà vua, và người ta đã trông thấy nàng ngồi trên lưng ngựa với vua.

Dasa lên đến nơi Nala cắm trại, mang theo cái ná ngày xưa chàng đã dùng khi còn làm mục tử. Ngày như đêm, mỗi khi trại của Nala tuồng như không người canh gác, thì chàng bò lại gần, nhưng mỗi lần như vậy quân canh lại xuất hiện, và chàng phải bỏ trốn. Ẩn trong cành cây, chàng có thể thấy ông vua trẻ với gương mặt khả ố chàng còn nhớ rõ trong lễ tấn phong ngày trước. Chàng ngấm y lên ngựa. Khi y trở về hàng giờ sau đó, xuống ngựa, gỡ tung tấm vải che lều, thì Dasa có thể trông thấy trong bóng mờ, một người đàn bà ra đón vua. Chàng suýt té từ trên cây xuống đất khi nhận ra vợ chàng. Bây giờ chàng mới chắc chắn, và sức nặng đè nơi ngực chàng trở nên không thể chịu đựng. Hạnh phúc và tình yêu của chàng mãnh liệt Thế nào, thì bây giờ cơn giận tức, nổi măt măt sỉ nhục càng lớn lao Thế ấy. Sự tình là như vậy, khi con người đặt hết khả năng yêu thương của mình vào một đối tượng duy nhất. Cùng với sự măt măt tình yêu, tất cả đều sập đổ đối với chàng, và chàng đứng đấy giữa đồng gạch vụn, hoàn toàn bị tước đoạt, nghèo nàn.

Dasa đi lang thang một ngày một đêm trong khu rừng lân cận. Chàng đã kiệt sức, nhưng sau mỗi lần nghỉ mệt ngắn ngủi, nỗi đau khổ trong tim chàng lại

thúc chàng tiến bước. Chàng cứ phải di động mãi, tưởng chừng như chàng cần phải đi cho đến tận cùng thế giới, cho đến tận cùng cuộc đời, một cuộc đời đã mất hết ý nghĩa và ánh sáng. Tuy vậy, chàng không lang thang đến những vùng xa lạ. Chàng chỉ lượn quanh khu vực gian chòi của chàng, nhà xay, đồng lúa, và lều trại của ông vua. Chàng thu gọn mình núp trong đám lá, lòng chua xót và nóng cháy như một con thú đói rình mồi, cho đến khi cái giây phút hồi hộp ấy đến - giây phút mà chàng đã dành cho nó tất cả sức lực cuối cùng của mình - nghĩa là cho đến khi vị vua bước ra ngoài lều vải. Chàng lặng lẽ tuột xuống khỏi cành cây, dương ná bắn ngay vào trán kẻ thù một miếng đá nhọn. Nالا ngã ngay xuống bất tỉnh. Đường như không có ai quanh đây. Con bão tố của đám mê thù hận và khoái lạc trả thù găm thét trong những cảm quan chàng bỗng dưng bị chặn đứng lại một cách hãi hùng dị kỳ. Chàng lặng người đi một lúc, một sự im lặng sâu xa ngự trị trong hồn chàng. Sau đó, khi sự huyền ảo bắt đầu, một đám đông tối tó xúm quanh nạn nhân và tin dữ bắt đầu loan đi, thì chàng cũng đã biến mất trong những bụi tre rậm rạp dẫn xuống thung lũng.

Trong cơn mê sáng hành động, lúc nhảy xuống khỏi cây và bắn ra miếng đá giết người, chàng có cảm tưởng đang đập tắt luôn cả sự sống của mình, đang ném đi sinh lực cuối cùng, lao mình theo viên đá định mệnh xuống vực thẳm của lãng quên, đoạn tuyệt. Chàng tưởng như nếu giết được kẻ thù, thì chàng sẽ vui lòng chết sau hắn một giây thôi cũng được. Nhưng bây giờ, khi hành động đã được tiếp theo bởi cái giây lát im lặng lạ lùng mà chàng không ngờ ấy, thì bỗng dưng chàng lại khát khao sống, một nỗi khát khao chàng không nhận ra, đã kéo chàng trở về từ vực thẳm. Một bản năng nguyên ủy xâm chiếm giác quan chàng, tứ chi chàng, lôi chàng chạy trốn vào rừng sâu, ra lệnh cho chàng phải ẩn náu.

Chàng chỉ ý thức được những gì xảy đến sau khi đã tới một nơi ẩn núp an toàn. Khi ngã quỵ kiệt sức, thở hào hển, cơn cuồng nhiệt nhường chỗ cho sự bình thản, chàng lại cảm thấy thất vọng và tự khinh đã chạy trốn. Nhưng khi đã qua cơn mệt, chàng lại quyết định phải sống, và một lần nữa tim chàng cảm thấy khoái trá một cách man dại về hành động vừa qua.

Cuộc săn tìm kẻ sát nhân khởi sự. Những người đi lũng bắt đầu rải rác khắp những khu rừng. Họ sặc sạo suốt ngày trong những bụi rậm, nhưng chàng thoát được nhờ ẩn kín trong ao đầm, nơi không ai dám vào vì sợ gặp hổ báo. Chàng ngủ một ít, nằm tỉnh táo nghe ngóng một lúc, bò rồi lại nghỉ. Cứ thế cho đến ngày thứ ba thì chàng đã qua khỏi những ngọn đồi và tiến lên những đỉnh núi cao.

Cuộc đời không nhà từ đây dẫn chàng đi chỗ này chỗ nọ, làm cho chàng cứng rắn, chai lì, nhưng cũng khôn ngoan nhẫn nại hơn. Tuy thế, về đêm chàng luôn luôn mơ thấy Pravati và hạnh phúc đã qua, hay ít nhất cái mà chàng đã gọi là hạnh phúc. Chàng cũng mơ nhiều lần về cuộc săn tìm và lẩn trốn, những giấc mơ hãi hùng làm cho tim chàng ngưng đập, như là mơ thấy mình đang chạy trốn qua những khu rừng, trong khi bị đuổi bắt sau lưng, trống còi inh ỏi. Chàng cố chạy thoát qua những ao đầm, băng qua những chiếc cầu gãy, mang theo vật nặng, được gói kín nhưng chàng không biết đó là vật gì. Chàng chỉ biết là nó rất quý, chàng không được để nó rơi khỏi tay mình trong bất cứ trường hợp nào. Đây là một cái gì quý báu đang lâm nguy, một tài sản, có lẽ là một vật gì đã được lấy trộm, gói trong một mảnh vải có hình xanh đỏ như chiếc áo của Pravati ngày nào. Chàng khó nhọc mang vật ấy mà chạy trốn qua bao nhiêu hiểm nguy, cho đến cuối cùng, khi mệt lả dừng lại, từ từ mở ra xem, thì thấy cái của báu mà chàng đang cầm trong đôi tay run rẩy đó, chính lại là cái đầu của chàng.

Từ đây, chàng sống cuộc đời lén lút của một kẻ du thủ lang thang. Bảy giờ không hẳn là chàng trốn người ta, mà đúng hơn, chàng muốn tránh họ. Một ngày, trong cuộc lữ, chàng đến một vùng đồi núi trông thật xinh đẹp, dường như đón mời chàng. Chàng cảm thấy cần phải biết rõ khu rừng ấy. Chàng nhận ra một đồng cỏ gọi cho chàng những ngày trong sáng hồn nhiên lúc chàng chưa biết đến tình ái và ghen tuông, cừ hận và trả thù. Đây là đồng cỏ ngày xưa chàng đã chặn bò cùng các bạn mục tử trong khoảng đời an bình nhất của tuổi hoa niên. Một cơn buồn nhẹ lan trong tim chàng đáp lại tiếng mời gọi của rừng sâu với tiếng lá xấp xào trong gió, tiếng hát của con suối nhỏ, tiếng chim líu lo và tiếng ong vù vù. Tất cả nghe như mùi hương mời gọi của mái ấm, nơi an nghỉ. Trong cuộc đời du mục, chưa bao giờ chàng thấy đồng nội có vẻ thân thiết đến thế. Chàng lang thang khắp nơi trong khung cảnh thanh bình ấy, lần đầu tiên trong nhiều tháng ngày kinh khủng, chàng mới bước đi với tâm hồn rộng mở, không nghĩ ngợi gì, không ước mong gì, hoàn toàn đặt mình vào hiện tại an tịnh. Chàng cảm thấy có mãnh lực gì thu hút chàng vào trong khu rừng bên kia những đồng cỏ. Khi bước dưới những hàng cây trong bóng chiều, cảm giác quen thuộc càng tăng, đưa chàng đi dọc theo những con đường mòn nhỏ. Chân chàng như tự động tìm lối bước tới một rặng dương giữa khu rừng rộng, và gặp gian chòi nhỏ. Trên khoảnh đất trước mặt chòi, đang ngồi bất động vị ẩn sĩ mà ngày xưa chàng đã đứng nhìn, người mà chàng đã cúng sữa và bánh đạo ấy.

Dasa dừng bước, như thể vừa tỉnh giấc. Mọi sự vẫn như xưa. Ở đây không có thời gian trôi qua, không có sự giết chóc và đau khổ. Ở đây thời gian và

cuộc đời dường như thể đông lại thành khối pha lê, đông lại thành vĩnh cửu. Chàng đứng nhìn ông già, cảm nghe trong tim niềm thán phục, yêu kính. Mong ước ngày xưa vụt trở lại, những cảm giác mà chàng có khi mới thấy vị ẩn sĩ lần đầu. Chàng nhìn gian chòi và nghĩ rằng nó cần được sửa chữa trước khi mùa mưa đến. Chàng đánh bạo tiến thêm vài bước, đi vào trong chòi, nhìn quanh. Rất ít đồ đạc, hầu như không có gì: một thảm lá, một cái bầu chứa ít nước, và một cái túi rỗng đan bằng mây. Chàng lấy cái túi đi vào rừng kiếm thức ăn, trở lại với một túi trái cây và mật. Đoạn chàng xách bầu đi lấy nước.

Chàng đã làm xong tất cả mọi việc có thể làm. Quả thực ít oi, những gì một con người cần để sống. Dasa quý gói trên đất và đắm mình trong mộng tưởng. Chàng hài lòng với sự nghỉ ngơi yên lặng này, hài lòng với chính mình, với tiếng gọi bên trong đã đưa chàng tới đây, nơi mà khi còn là bé trai, chàng đã cảm thấy có cái gì giống như là sự thanh bình, hạnh phúc, quê hương.

Bởi thế chàng ở lại bên vị ẩn sĩ già. Chàng lợp lại chòi, kiếm thức ăn cho cả hai, và bắt đầu dựng một căn chòi riêng cho mình, cách một khoảng ngắn. Ông già dường như chịu cho chàng ở, nhưng Dasa không hoàn toàn chắc rằng ông ta có để ý đến mình hay không. Mỗi khi ông xả thiền đứng lên, thì chỉ là để vào trong chòi ngủ, hoặc ăn chút gì lót dạ, hay đi bách bộ một lát trong rừng. Dasa sống với ông như một tên đầy tớ trước một nhà quý tộc, đúng hơn, như một con vật người ta nuôi để chơi, một con vật hữu ích nhưng không được người để ý. Vì chàng đã sống đời đào tẩu quá lâu, luôn luôn lo sợ bị bắt, cho nên cuộc đời an nghỉ này với những công việc không nhọc nhằn, với sự hiện diện của một người dường như không để ý gì tới mình - cuộc sống ấy làm chàng thoải mái một thời gian.

Những giấc ngủ của chàng không còn bị ám ảnh bởi những ác mộng, có những lúc chàng có thể quên hết mọi sự trong nửa ngày, rồi trọn ngày. Tương lai không làm chàng bận tâm, và nếu có khi nào chàng ao ước điều gì, thì chính là được ở lại nơi chàng đang ở, được vị ẩn sĩ thu nhận và dạy cho chàng những bí quyết của đời sống ẩn cư, trở thành một ẩn sĩ như ông, có được cái bình thản bất cần của một ẩn sĩ. Chàng đã khởi sự tập ngồi thiền như ông, nhưng mỗi khi làm vậy chàng đâm ra mệt mỏi, cảm thấy tay chân cứng đờ, lưng đau, muỗi đốt, bị quấy rầy bởi mọi thứ, cảm thấy ngứa ngáy khó chịu trong người, khiến chàng phải nhúc nhích, ngứa, gãi, và cuối cùng phải đứng dậy. Nhưng có nhiều lúc chàng lại thấy khác, một cảm giác trống trải, nhẹ nhàng, như là bơi trong không khí, kiểu như thỉnh thoảng trong giấc

mơ ta thường thấy mình bay bổng. Nhưng những giây phút như thế không bền lâu. Chàng mong mỗi được vị ẩn sĩ dạy cho nghệ thuật thiền định, nhưng ông ta dường như không bao giờ để ý đến chàng, không bao giờ thốt lên tiếng nói.

Tuy nhiên, có một ngày ông ta nói nên một lời. Bảy giờ gặp lúc Dasa trở lại những đêm mộng mơ, có khi rất êm đềm, nhưng thường là những ác mộng khốc liệt, hoặc về vợ chàng, hoặc về những kinh khủng trong cuộc đời đào tẩu. Ban ngày chàng cũng không khá gì hơn. Chàng không chịu nổi sự ngồi yên và tập thiền định, không quên được đàn bà và tình yêu. Chàng đi lang thang trong rừng phần lớn thì giờ. Chàng trách cứ thời tiết đã làm cho chàng ra như thế, đây là những ngày oi bức với những cơn gió nóng hạt vào mình.

Một ngày xấu trời như thế lại đến. Những con muỗi kêu vo ve. Dasa vừa mới trải qua một đêm chiêm bao kinh khủng làm cho chàng khi thức dậy vẫn còn cảm giác sợ hãi đè nặng lên người. Chàng không còn nhớ đã mơ những gì, nhưng khi thức giấc chàng có cảm tưởng vừa rơi trở lại vào những giai đoạn khốn nạn, đáng hổ thẹn trong đời chàng trước đây. Suốt ngày, chàng đi lui đi tới một cách bồn chồn quanh gian chòi, hoặc ngồi xồm giữa đất, dáng rầu rĩ. Chàng làm qua loa những việc vặt vãnh, nhiều lần ngồi xuống tập thiền định, nhưng mỗi lần như vậy chàng lại bị tóm lấy bởi một cơn bản thân bức rức. Chàng cảm thấy chân tay co quắp, cảm thấy như kiến bò trên bàn chân, cảm thấy nóng ran sau gáy, và không thể chịu đựng ngồi yên chỉ trong vài phút. Thỉnh thoảng, chàng rụt rè hổ thẹn đưa mắt nhìn ông già đang ngồi bất động, mắt hướng vào bên trong, gương mặt tỏ lộ một sự bình an bất khả xâm phạm.

Ngày hôm ấy, khi vị ẩn sĩ đứng lên đi vào chòi, Dasa lại gần ông. Chàng đã chờ đợi giây phút này từ lâu. Chàng chặn đường ông, và thu hết can đảm để nói.

- Bạch thầy, xin thầy tha thứ cho con vì đã quấy rối sự bình an của thầy. Con cũng đang đi tìm sự bình an, tịnh lặng, con muốn sống như thầy. Thầy thấy, con còn trẻ, nhưng con đã giữa đời nếm trải mọi mùi đắng cay. Định mệnh đã chơi con những vở tàn khốc. Con là một thái tử, nhưng lại bị ném ra giữa rừng làm một đứa chăn bò. Con trở thành mục tử, lớn mạnh và sung sức như một con bò tơ, với trái tim hồn nhiên vô tội vạ. Rồi mắt con mở ra trước đàn bà, và khi trông thấy người con gái xinh đẹp nhất, con đã để hết đời mình mà phụng sự nàng. Không được nàng chắc con chết mất. Con từ giã đoàn mục tử, cưới nàng, trở thành một thằng con rể làm lụng như trâu chỉ vì nàng.

Nhưng bù lại con được tình yêu của nàng, hay ít nhất con nghĩ như thế. Rồi dùng một cái, vua đến săn bạn trong vùng con ở, hẳn chính là người đã làm cho con bị vớt ra giữa đường lúc còn bé. Hẳn đến chiếm đoạt luôn Pravati của con, và con đã phải điệt người khi thấy nàng trong vòng tay hắn. Đây là nỗi đau lớn nhất mà con từng biết đến, nó làm cho con thay đổi hẳn, nó biến đổi cả cuộc đời con. Con giết tên ấy, và từ đó sống cuộc đời của một kẻ sát nhân đào tẩu. Mọi người đều tìm nã để giết con, cuộc đời con không có một phút giây nào an ổn cho đến khi con gặp được nơi này. Con là một kẻ ngu si, bạch thầy, con đã giết người, và có lẽ còn bị săn đuổi, bị ví bắt. Con không còn chịu nổi cái cuộc đời kinh khủng đó. Con muốn chấm dứt.

Vị ẩn sĩ đã im lặng lắng nghe chàng thỏ lộ với đôi mắt nhìn xuống. Bấy giờ ông mở mắt, tập trung nhãn lực vào gương mặt Dasa, một cái nhìn sáng, thản nhiên, cương quyết, gần như khó chịu. Trong khi thăm dò nét mặt của chàng, miệng ông từ từ vẽ thành một nụ cười, rồi một cái bật cười không thành tiếng. Ông lắc đầu, nói: "Maya, maya!"

Vô cùng kinh ngạc và hồ thẹn, Dasa đứng im như phỗng đá. Vị ẩn sĩ trước bữa ăn chiều, đi dạo lui tới trên con đường nhỏ dẫn vào rừng. Với những bước chân đều đều lặng lẽ, ông trở về, đi vào chòi. Nét mặt ông trở lại như cũ, hướng về một cái gì khác hơn thế giới hiện tượng này. Cái cười đã đánh tan sự phẳng lặng bất động trên gương mặt đó, có nghĩa gì? Nó là thiện cảm, là chế riễu, an ủi hay chê trách, thánh thiện hay quỷ quyết? Phải chăng đây chỉ là cơn nhạo đời của một ông già không còn có thể xử sự đàng hoàng đứng đắn, hay đó là cái cười của một hiền nhân trước sự cuồng si của con người? Nó có nghĩa là sự xua đuổi, từ biệt, bác bỏ? Hay có nghĩa một lời khuyên, một lời mời gọi chàng nên theo gương ông, và bật cười? Dasa không thể giải nổi sự bí ẩn ấy. Cho đến khuya, chàng vẫn còn suy nghĩ về ý nghĩa cái cười ấy, với cái cười đó ông già dường như muốn thoát yếu tất cả cuộc đời chàng, hạnh phúc và đau khổ của chàng. Chàng cũng nghiền ngẫm về hai tiếng "Maya" mà ông đã thốt lên. Chàng nửa biết, nửa đoán ý nghĩa tổng quát của danh từ này, và giọng điệu ông già khi nói tiếng ấy hình như cũng giúp chàng hiểu được. Maya - đó là cuộc đời chàng, tuổi trẻ chàng, hạnh phúc ngọt ngào của chàng cũng như nỗi đau khổ cay đắng của chàng. Nàng Pravati xinh đẹp là Maya, tình yêu và những lạc thú nó đem lại cũng là maya, tất cả cuộc đời là maya. Đối với con mắt vị ẩn sĩ này, thì cuộc đời của Dasa, cuộc đời của mọi người, tất cả là Maya, là một trò chơi trẻ con, một tấn tuồng một trò ảo thuật trông rỗng được bọc trong một lớp vỏ hào nhoáng, như một cái bọt xà phòng. Đây là một cái gì ta có thể cười khinh bỉ, nhưng không nên xem trọng.

Nhưng vị ẩn sĩ có thể xua đuổi cuộc đời chàng bằng cái cười và tiếng "Maya", chứ chàng thì không. Mặc dù chàng rất muốn trở thành một ẩn sĩ nhạo đời, nhìn cuộc đời mình chỉ là Maya, mà tất cả cuộc đời ấy vẫn sống dậy trong chàng vào những ngày đêm bất an ấy. Bây giờ, chàng nhớ lại tất cả những gì chàng đã hầu quên đi từ khi đến nơi này. Bây giờ, chàng thấy rất ít hi vọng học được nghệ thuật trầm tư, nói gì tới chuyện trở thành ẩn sĩ. Thế thì chàng còn vương vấn nơi này làm gì? Nó chỉ là một nơi an dưỡng, bây giờ chàng đã lại sức phần nào. Và có lẽ ngoài kia, cuộc săn tìm kẻ sát nhân cũng đã chấm dứt, chàng có thể tiếp tục cuộc lữ mà không bị hiểm nguy.

Chàng quyết định ra đi vào hôm sau. Thế giới này rộng lớn, chàng không thể ở mãi trong chỗ ẩn núp này được. Quyết định ấy đem lại cho chàng một ít bình an.

Chàng đã định từ giã vào lúc bình minh, nhưng khi thức dậy, mặt trời đã lên cao, vị ẩn sĩ đã ngồi thiền, mà chàng không muốn bỏ ra đi không một lời từ giã. Hơn nữa, chàng còn muốn yêu cầu một điều nơi ông ta. Bởi thế chàng chờ đợi, hết giờ này đến giờ khác, cho đến khi ông già xả thiền, duỗi tay chân và khởi sự kinh hành qua lại. Khi ấy Dasa một lần nữa chặn đường ông, cúi chào kính cẩn, và cứ đứng lì ở đấy cho đến khi ông đưa mắt nhìn chàng dò hỏi. Chàng nói:

- Bạch thầy, con sẽ đi đường của con. Con sẽ không quấy rầy sự yên tịnh của thầy. Nhưng xin thầy cho con hỏi một lần cuối. Khi con kể cho thầy nghe cuộc đời con, thầy đã cười và thốt lên "Maya". Lạy thầy, xin thầy dạy cho con thêm về "Maya".

Vị ẩn sĩ quay vào lều, đưa mắt ra hiệu cho Dasa theo ông. Nhặt cái bầu đựng nước lên, ông già trao cho chàng, ra dấu chàng hãy rửa tay. Dasa vâng lời làm theo. Đoạn ông già đổ nước còn lại vào rừng, rồi đưa cái bầu không cho Dasa đi kiếm nước. Dasa vâng lệnh. Chàng chạy xuống con đường nhỏ dẫn đến suối, tìm nhói đau vì sắp phải từ biệt nơi đây. Trong ánh hoàng hôn, chàng cúi xuống con suối và thấy gương mặt mình phật chiếu lần cuối trên làn nước. Chàng từ từ nhúng bầu xuống nước, trong lòng có một cảm giác bất định. Chàng không thể hiểu tại sao chàng lại hơi đau buồn trong khi chàng tự ý muốn ra đi, đau buồn về điều ông già đã không mời chàng ở lại một thời gian nữa, hoặc ở lại suốt đời.

Chàng khom mình xuống dòng suối, uống một ngụm nước rồi đứng lên, cẩn thận cầm bầu nước cho khỏi đổ. Chàng sắp sửa trở lại con đường mòn, thì

bỗng tai chàng nghe một tiếng động làm cho chàng vừa thích thú vừa kinh hãi. Đó là tiếng nói mà chàng đã bao lần nghe trong mộng, tiếng nói mà chàng nhớ lại nhiều giờ sau khi tỉnh giấc với nỗi khát khao cay đắng. Giọng nói ấy vỗ về, ngọt ngào xiết bao, quyến rũ xiết bao, nghe hồn nhiên và kiêu diễm làm sao trong cảnh rừng chiều, đến nỗi tim chàng run lên vì sợ hãi vì mê thích. Đó là tiếng của Pravati vợ chàng. "Dasa", nàng gọi với giọng triu mến vuốt ve.

Chàng không tin lỗi tai mình, cứ nhìn quanh đảo đảo, tay vẫn giữ bầu nước. Và bỗng chốc nàng xuất hiện giữa những thân cây, đáng mảnh mai như một cây lau sậy với đôi chân thon dài - Pravati, người yêu phận trắc mà chàng không thể quên được. Chàng để rơi bầu nước và chạy đến phía nàng. Tươi cười, hơi thẹn, nàng đứng trước mặt chàng với đôi mắt bồ câu đen lay láy. Khi lại gần, chàng thấy nàng mang đôi hài đỏ và chiếc áo đất tiền. Cánh tay nàng có một chiếc vòng vàng, và những viên ngọc quý lấp lánh trong mái tóc. Chàng chám bước lại. Nàng vẫn còn làm tì thiếp của vua chăng? Không phải chàng đã giết Nala rồi sao? Tại sao nàng vẫn đi tung tăng với những quà tưng của y như thế? Làm sao nàng dám tới trước chàng với những đồ trang sức ấy, lại dám gọi trên chàng?

Nhưng nàng yêu kiêu diễm lệ hơn bao giờ cả. Chàng không có thì giờ hỏi cho ra lẽ, và vội ôm ghì lấy nàng, hôn nàng, và trong khi làm như vậy chàng cảm thấy mọi sự trở lại với chàng. Một lần nữa tất cả lại là của chàng, tất cả những gì chàng đã sở hữu: hạnh phúc tình yêu nhục cảm, niềm vui sống, khoái lạc. Mọi ý nghĩ của chàng đã đời khỏi khu rừng và vị ẩn sĩ: những khóm rừng, chòi lá, thiên đình bây giờ đã tan biến, đã bị lãng quên. Chàng để ý gì nữa đến cái bầu nước mà chàng phải mang về cho vị ẩn sĩ. Nó vẫn ở đấy, nơi chàng làm rót, trong khi vội vã chạy đến Pravati. Và nàng cũng khởi sự kể cho chàng rõ đầu đuôi tại sao nàng đến đây, và tất cả những gì xảy ra bấy lâu.

Câu chuyện của nàng thật lạ lùng thú vị như chuyện thần tiên. Dasa lao mình vào đời sống mới cũng như chuyện thần tiên. Bây giờ Pravati lại là của chàng, tên khả ố Nala đã chết, sự săn tìm kẻ sát nhân đã chấm dứt từ lâu. Hơn thế nữa, Dasa, vị thái tử chăn bò, đã được công bố là người kế vị chính thức. Tại kinh đô, một người bà la môn già và một mục tử già đã khơi dậy câu chuyện gần bị lãng quên, về sự lưu đày của chàng, chuyện ấy bây giờ trở thành câu chuyện nóng bỏng ở cửa miệng mọi người. Chàng, kẻ bị săn đuổi khắp nơi để trị tội hành thích vua, bây giờ lại được tìm kiếm hăng say hơn, để đưa lên ngôi báu.

Mọi sự thật giống như một giấc chiêm bao, nhưng cái điều làm chàng thích thú và ngạc nhiên hơn cả, là sự tình cờ tốt đẹp đã dẫn dắt Pravatī lại là người gặp chàng đầu tiên trong số những người được phái đi tìm. Ở bìa rừng, chàng thấy những lều trại đã được dựng lên, mùi khói và thịt nướng xông khắp. Pravatī được đoàn hộ tống tung hô nhiệt liệt, và một bữa tiệc lớn bắt đầu ngay khi nàng giới thiệu Dasa, chồng nàng. Trong đám đông có một người xưa kia là bạn mực tử của Dasa, chính người này đã đưa Pravatī và tùy tùng của nàng đến đây, vì anh ta nghĩ có lẽ Dasa ưa hẳn khuất nơi những vùng mà chàng vốn yêu mến lúc còn thơ. Anh ta cười lớn khi nhận ra chàng, và chạy tới toan ôm chàng, nhưng sức nhớ bây giờ chàng đã làm vua, anh bèn lùi lại kính cẩn cúi chào. Dasa đỡ người anh ta lên, siết chặt anh, gọi tên anh và hỏi anh muốn được thưởng công như thế nào. Người mực tử chỉ muốn được một con bò cái tơ. Dasa liền thưởng cho anh ta ba con từ đàn bò tốt nhất.

Càng lúc càng nhiều người đi đến yết kiến tân vương: những quan chức, những bà la môn trong triều, những người thợ săn của vua. Chàng nhận lời chào mừng của họ. Bữa ăn được bày ra trong tiếng nhạc tiếng kèn sáo vang rền. Tất cả cảnh tượng tung bừng của cuộc lễ đối với Dasa dường như là một giấc mộng. Chàng không thể nào ngờ được đây là sự thực. Trong hiện tại, cái có thực duy nhất đối với chàng có lẽ là Pravatī, người vợ trẻ mà một lần nữa chàng được ôm siết trong tay.

Đám rước vương giả từ từ di chuyển về kinh. Sứ giả được phái đi trước để loan tin về triều rằng tân vương đang trên đường hồi cung. Kinh thành rộn rịp tiếng quân nhạc khi Dasa và đoàn tùy tùng tiến đến. Một đoàn diễu hành gồm những người bà la môn vác toàn trắng ra đón chàng, dẫn đầu là quan tế tự, người kế vị bà la môn Vasudeva ngày xưa đã gọi chàng cho đoàn mực tử. Vị bà la môn ấy từ trần cách đây không lâu. Những bà la môn bắt đầu tung hô vị vua mới, hát thánh ca, và đưa chàng vào cung điện, nơi đây những đám lửa tế thần được đốt lên. Dasa được đưa đến chỗ ở mới của chàng. Lại thêm những cuộc vui, chào mừng, chúc tụng, diễu văn. Ngoài cung thành, dân chúng cũng ăn mừng vui vẻ cho đến quá nửa đêm.

Hàng ngày, Dasa được hai vị bà la môn dạy dỗ và chàng tiếp nhận nhanh chóng những kiến thức cần thiết cho một người trị nước. Chàng tham dự những lễ tế, tuyên bố những phán quyết, và tập luyện chiến đấu. Một bà la môn tên Gopala dạy chàng về chính trị, ông ta giải thích vương hệ của chàng và những đặc quyền của vương hệ ấy, cho chàng biết những người con trai của chàng trong tương lai sẽ có những quyền hành như thế nào, và những ai

là kẻ thù của chàng. Kẻ thù chính yếu là mẹ của Nala, người đàn bà ngày xưa đã tước ngôi và âm mưu giết chàng, người mà bây giờ đương nhiên phải thù ghét kẻ đã giết con mình. Bà ấy đã trốn qua nước khác, sống dưới sự che chở của vua láng giềng Govinda. Dòng họ vua này vốn thù nghịch với dòng họ chàng từ thuở khai thiên lập địa. Họ đã gây chiến với tổ tiên chàng, chiếm vài vùng đất đai thuộc lãnh thổ của chàng. Ngược lại, láng giềng phía Nam, vua Gaipali thì rất thân với cha chàng và thù nghịch với Nala. Bởi thế, nhiệm vụ quan trọng của chàng bây giờ là sang thăm và tặng quà ông ta, mời dự cuộc săn bắn đại quy mô sắp tới. Pravati thích ứng với thói vương giả rất nhanh. Nàng có cung cách của một bà hoàng, và khi mặc áo đẹp đeo trang sức vào, nàng trông thật lộng lẫy, như là cũng thuộc dòng dõi vua chúa. Họ sống nhiều năm hạnh phúc với nhau, được quần chúng yêu mến. Và cuối cùng, khi Pravati sinh hạ một trai sau nhiều năm chờ đợi, thì hạnh phúc chàng thật là vẹn toàn. Tất cả những gì chàng sở hữu, đất đai, vương vị, lâu đài, kho lẫm, gia súc, bây giờ có tầm quan trọng mới dưới mắt chàng, chúng càng thêm chói sáng, càng tăng giá trị. Tài sản đã làm cho chàng hài lòng vì có thể phụng dưỡng cho Pravati chung diễm, vì nàng càng kiêu diễm gấp bội khi đeo trang sức ngọc ngà vào. Bây giờ tài sản ấy lại làm chàng yêu thích hơn nữa, càng quan trọng hơn, vì nó là di sản sau này sẽ dành cho Ravana con trai chàng, nó là hạnh phúc tương lai của con chàng.

Lạc thú chính yếu của Pravati là lễ lạc, những cuộc diễn hành, nghi vệ hào nhoáng, sự xa hoa lộng lẫy, những đồ vật sang trọng, và một đám đông người hầu. Dasa thì chỉ thích vui với khu vườn. Chàng sai mua những cây hoa quý về trồng, và nuôi đầy vườn những chim vẹt, chim ngũ sắc. Một trong những thú vui hàng ngày của chàng là cho chim ăn và nói chuyện với chúng. Thêm vào đó, sự học hỏi cũng lôi cuốn chàng. Chàng tỏ ra là một học trò hiếu hạnh đối với những vị bà la môn. Chàng học đọc học viết, thuộc lòng nhiều bài thơ và ngạn ngữ, và có một thư ký riêng có biết tài chép kinh trên lá bói. Với bàn tay khéo của người này, chàng đã thành lập được một thư viện nhỏ. Ở đây thỉnh thoảng chàng mời những bà la môn học giả và tư tưởng gia xuất sắc trong số những thầy tu đến để tranh luận về những vấn đề thần học, về sự tạo thiên lập địa, về kinh Vệ đà, về năng lực của tế tự của khổ hạnh, v.v. Những vị nào xuất sắc về biện tài sẽ được tặng thưởng. Có người được thưởng một con bò cái để dắt theo về, sau khi thành công trong cuộc tranh biện. Có một vẻ gì vừa buồn cười vừa cảm động khi thấy những học giả uyên bác ấy, mới phút trước chứng tỏ một tri kiến sâu xa trời biển, mà phút sau lại ra về phòng mũi với vẻ kiêu căng rỗng tuếch vì phân thưởng, hoặc gây gỗ nhau.

Nhìn chung, Dasa không khỏi thỉnh thoảng xem mọi sự thuộc đời sống và bản chất con người như là một cái gì vừa lạ lùng vừa khả nghi, vừa cảm động vừa lố bịch; cũng như những bà la môn minh triết kia đồng thời vừa thông minh vừa ngu đần, đáng muốn mà cũng đáng khinh. Mỗi khi ngắm nhìn những hoa sen trong ao, những bộ lông chim sặc sỡ, những chạm trở sáng chói của cung điện, chàng thấy chúng thật thần tiên, rực rỡ với ngọn lửa của bất diệt, nhưng khi khác hoặc đồng thời, chàng cũng thấy chúng có vẻ gì không thực, khả nghi, đang hướng đến hủy diệt, đang tan biến vào hư vô, vào càn khôn hỗn độn. Hết như chàng là thái tử, rồi thành mục tử, rồi tụt xuống bậc thấp nhất một tên sát nhân, một kẻ ngoài vòng pháp luật, rồi cuối cùng lại là thái tử trở lại, như được dẫn dắt bởi một năng lực vô hình, với những ngày mai luôn luôn bất định... Cứ thế cái trò huyền hóa của cuộc đời đâu đâu cũng chứa đựng cùng lúc sự cao sang và hèn hạ, vĩnh cửu và cái chết, vinh quang và vô nghĩa. Ngay cả Pravati xinh đẹp yêu kiều là thế, mà đôi lúc chàng cũng thấy không còn gì là duyên dáng; nàng mang quá nhiều vòng xuyên, có quá nhiều vẻ đắc thắng kiêu hãnh trong đôi mắt nàng, làm bộ tịch quá, nỗ lực quá lố để đi đứng cho ra vương giả.

Còn cần thiết với chàng hơn cả khu vườn và sách vở, là con trai chàng, sự hoàn mãn của tình yêu và cuộc đời chàng, đối tượng của hạnh phúc và tình âu yếm. Cậu bé mảnh mai có đôi mắt bồ câu giống mẹ, và ưa trầm tư mơ mộng như cha. Mỗi khi nhìn cậu bé đứng rất lâu trước một gốc cây trong vườn, hay ngồi trên thảm đăm chiêu nhìn một tảng đá, chàng thấy cậu rất giống chàng. Lần đầu tiên Dasa nhận ra tình yêu nồng nàn của mình đối với cậu bé, khi chàng phải giã từ cậu trong một thời gian bất định. Đó là một ngày kia, sứ giả từ vùng biên giới trở về báo tin quân của Govinda đã xâm nhập bờ cõi, đánh phá cướp bóc, dắt bò đi và bắt luôn một số thần dân của chàng. Dasa tức tốc chuẩn bị cuộc chinh phạt. Lúc sắp lên ngựa, chàng ôm con vào lòng, hôn trán nó. Tình yêu con bùng cháy trong tim như lửa đốt. Mãnh lực của cơn đau làm chàng ngạc nhiên, và suốt đoạn đường hành quân dài, những suy tư đã chín mùi thành hiểu biết. Chàng suy nghĩ về lý do tại sao chàng ngồi trên yên ngựa, phi nước đại một cách khẩn trương tiến đến vùng biên giới. Năng lực nào, chàng tự hỏi, khiến chàng nỗ lực hăng hái như thế? Nghĩ cho cùng, chàng nhận thấy rằng gia súc hay người có bị bắt đi bớt một ít cũng không phải là điều quan trọng đối với chàng. Sự việc kẻ thù coi nhẹ uy quyền chàng cũng không đủ để khơi dậy niềm giận dữ nơi chàng, thúc đẩy chàng hành động. Đối với chàng, thái độ tự nhiên hơn có lẽ là cho bỏ qua mẩu tin ấy với một nụ cười trác ẩn. Nhưng làm như vậy, chàng biết, sẽ phạm một điều bất công lớn đối với viên sứ giả, người đã chạy hớt hơi về để báo tin cho chàng đến nỗi gần kiệt sức ngã quờ. Và làm như vậy cũng bất

công đối với những thần dân đang bị giặc bắt làm tù binh, làm nô lệ. Rồi những thần dân khác dù chưa bị hại, cũng sẽ lấy làm bất mãn trước thái độ thụ động của chàng, đã không tích cực bảo vệ xứ sở. Đối với họ, lẽ đương nhiên là nếu họ bị xâm phạm thì vua phải che chở và trả thù cho họ. Chàng hiểu rằng mình có bổn phận phải hành quân để trả thù. Nhưng có thực là bổn phận chăng? Có biết bao nhiêu là bổn phận mà chúng ta thường bê trễ, lơ là, nhưng trong lòng lại không một chút áy náy? Lý do nào làm cho cái phận sự trả thù này lại không phải là một phận sự tầm thường không thể xao lãng, lý do nào khiến chàng không phải chỉ làm phận sự cho xong một cách miễn cưỡng, mà trái lại, làm một cách hăng hái, say mê? Vừa khi câu hỏi ấy khởi lên, trái tim chàng đã trả lời tức khắc, vì một lần nữa nó lại run lên vì nỗi đau mà chàng cảm thấy lúc chia ly với con. Nếu chàng đang làm vua, mà không có phản ứng nào khi bờ cõi bị xâm lấn, thì sự cướp bóc tàn bạo sẽ lan dần đến kinh đô và đánh ngay vào nơi hiểm yếu, nhất là con chàng. Chúng sẽ bắt cậu bé, người kế vị, đem đi để giết hay hành hạ nó. Đây là nỗi đau cùng cực nhất đối với chàng, còn đau đớn hơn gấp bội cái chết của Pravati. Đó là lý do làm chàng hăm hở phi nước đại, làm chàng chứng tỏ là một bậc minh quân: không phải vì quan tâm đến chuyện mất trâu mất bò, đất đai, không phải vì thương yêu gì thần dân, cũng không phải vì muốn xứng đáng truyền thống kiêu hùng của ông cha gì cả. Mà chỉ vì tình yêu nồng nàn, đau khổ, phi lý đối với đứa con trai, vì nỗi sợ hãi cũng rất nồng nàn phi lý, là sẽ đau đớn vô cùng nếu mất con. Trong khi cỡi ngựa, chàng đã hiểu ra như thế. Tuy nhiên, chàng đã không trừng phạt được những quân lính của Govinda đến cướp bóc, vì chúng đã chạy thoát về mang theo những chiến lợi phẩm. Và bây giờ muốn tỏ sự cương quyết của mình, chàng phải xâm lăng lại đất đai kẻ thù, tàn phá một khu làng biên giới, mang về một ít trâu bò và nô lệ.

Chàng đã đi nhiều ngày. Trên đường cỡi ngựa thẳng trận trở về, chàng lại rơi vào một cuộc trầm tư, và đến hoàng cung lặng lẽ buồn sâu. Bởi vì trong khi suy nghĩ, chàng đã nhận thấy mình hoàn toàn bị trói buộc, bị vướng bẫy không hi vọng thoát ra. Toàn thể con người chàng và hành động chàng đều bị mắc kẹt vào một mạng lưới yêu ma quỷ quái. Trong lúc khuynh hướng trầm mặc, yêu thích đời sống hồn nhiên nơi chàng càng ngày càng tăng trưởng, thì từ một nguồn suối khác, cũng tăng trưởng tình yêu đối với Ravana, nỗi lo ngại cho mạng sống và tương lai cậu bé. Tình yêu ấy thúc giục chàng hăng say hành động để vướng vào mâu thuẫn xung đột càng ngày càng trầm trọng. Từ tình yêu ấy, tăng thêm sự xung đột trong lòng chàng, từ tình yêu ấy, tăng thêm chiến tranh. Trong nỗ lực đem lại công bằng, chưa gì chàng đã xâm phạm một đàn bò, khủng bố một khu làng, bắt bớ những thường dân vô tội. Dĩ nhiên, từ hành động ấy sẽ nảy sinh một trận trả đũa,

một cuộc bạo động mới, và cứ thế tiếp tục mãi cho đến khi toàn thể cuộc đời chàng, toàn thể quốc gia lao mình vào cuộc chiến tranh bạo động. Chính viễn tượng ấy làm cho chàng đâm ra trầm mặc ưu tư trên đường thẳng trận trở về.

Chàng đã đoán đúng. Nước láng giềng thù nghịch không để chàng yên. Những cuộc xâm phạm, cướp bóc gia tăng. Dasa lại phải lên đường hành quân trả thù và tự vệ, và khi kẻ thù rút lui, quân của chàng lại trả đũa bằng cách đánh phá dân chúng của nước nghịch ở vùng biên giới. Càng ngày cảnh tượng kị binh càng trở nên quen thuộc với dân trong thành. Ở nhiều làng biên giới bấy giờ luôn có những đạo binh canh phòng cẩn mật. Những hội nghị quân sự chuẩn bị chiến tranh làm cho tâm trí xáo trộn. Chàng mất hết những ngày an ổn; chàng không hiểu nổi cuộc chiến dai dẳng này sẽ có lợi gì; chàng đau buồn cho số phận những nạn nhân, cho sinh mạng những người chết. Chàng buồn, vì phải xa dần khu vườn và sách vở. Chàng tiếc rẻ sự an tịnh tâm hồn và những ngày yên ổn trong đời chàng đã mất. Chàng thường nói những điều ấy với Gopala người bà la môn, và đôi khi với vợ chàng. Có nên nhờ một vị vua lân cận làm trung gian hòa giải không? Về phần chàng, chàng sẽ sẵn sàng nhượng một ít đồng cỏ làng mạc để đàm lại hòa bình. chàng thất vọng và hơi giận tức khi cả hai người, Gopala và vợ chàng, đều nhất quyết không chịu nghe một chuyện như thế.

Sự bất đồng quan điểm giữa chàng với Pravati đưa đến một trận gây gổ kịch liệt, và chấm dứt bằng sự không nhìn mặt nhau. Chàng cố thuyết phục nàng bằng những lời hơn thiệt, song nàng làm như thể mỗi lời chàng nói ra không phải là chống chiến tranh mà là chống nàng! Nàng nói dông dài cho chàng hiểu rằng quân giặc sẽ lợi dụng tính hiếu hòa của chàng để bắt buộc chàng ký hết thỏa ước này đến thỏa ước khác, mỗi lần lại phải nhượng bộ đất và dân, mà cuối cùng chúng cũng không thỏa mãn, sẽ trở lại gây chiến và cướp tất cả những gì còn lại. Nàng không quan tâm đến trâu bò làng mạc, mà đến số phận của toàn dân, sự tôn vinh của tất cả mọi người. Nếu Dasa không biết bổn phận của mình đối với vương quốc, với con với vợ, thì nàng phải dạy cho chàng. Mắt nàng long lên, tiếng nàng the thé, đã lâu chàng mới lại trông thấy nàng đẹp làm sao, dữ dằn làm sao. Nhưng chàng chỉ cảm thấy buồn sâu.

Những cuộc xâm lăng của quân thù ở vùng biên giới vẫn tái diễn, chỉ tạm ngưng trong mùa mưa. Bấy giờ trong triều chia hai phe rõ rệt. Phe muốn hòa rất ít, ngoài Dasa chỉ vồn vện thêm vài vị bà la môn già, những người trí thức ham thiên định. Phe hiếu chiến của Pravati và Gopala chiếm đa số

những tu sĩ, bà la môn và toàn thể võ quan. Cả nước hăng say vũ trang, và có tin báo nước láng giềng Govinda cũng đang luyện tập binh mã. Trưởng đoàn thợ săn dạy cho thái tử Ravana cách bắn cung, mẹ cậu đưa cậu đi xem mọi cuộc duyệt binh ứng chiến.

Trong thời gian ấy, Dasa thỉnh thoảng nhớ tới khu rừng nơi chàng đã ẩn náu với vị ân sĩ già đăm chiêu thiền định. Đôi khi chàng cảm thấy muốn đến viếng người, hỏi ý kiến người. Nhưng chàng không biết ông ta còn sống không, cũng không biết ông có chịu nghe và khuyên bảo chàng hay không. Nhưng dù ông còn sống và có khuyên bảo chàng, thì mọi sự cũng sẽ đi con đường của nó không gì thay đổi được. Thiền định và trí tuệ thật tốt, đó là những việc cao quý, nhưng chúng chỉ phát triển bên lề cuộc đời. Khi bạn đang bơi trong dòng đời và vật lộn với sóng gió, thì những hành động và khổ đau của bạn không dính dấp gì đến trí tuệ cả, chúng tự đến, như thể định mệnh bảo ta phải hành động và đau khổ. Ngay cả những thượng đế cũng không sống mãi trong an bình vĩnh cửu và trí tuệ vĩnh cửu. Họ cũng phải trải qua những hiểm nguy là sợ hãi, chiến đấu, đánh nhau; chàng đã biết điều ấy từ nhiều chuyện kể về những vị trời ngày xưa.

Bởi thế Dasa nhượng bộ, chàng không cãi cọ với Pravati nữa. Chàng điếm lại binh mã, chờ đợi chiến tranh đến, thấy trước nó trong những giấc mộng, và khi thân thể gầy mòn, gương mặt sạm đen, chàng thấy hạnh phúc cũng phai tàn, niềm vui cũng tan biến. Chỉ còn lại tình yêu đối với đứa con trai, một tình yêu tăng theo với nỗi lo sợ của chàng, trước cảnh vũ trang tập dượt.

Sự thách thức của Govinda càng ngày càng trắng trợn và thường xuyên hơn. Hội đồng chiến tranh của chàng chỉ còn bất đồng về điếm nên đáp lại cuộc phá phách sắp tới của kẻ thù bằng một cuộc chinh phạt, hay nên chờ chúng vi phạm trầm trọng hơn mới ra tay, để cho những nước trung gian có thể thấy bên nào lỗi trước.

Nhưng kẻ thù của chàng đã ra tay trước, bằng một cuộc tấn công đại quy mô, khiến cho Dasa và tất cả quân thiện chiến của chàng phải tức tốc phi ngựa đến biên giới. Trong khi đó, quân lực chính quy của Govinda đã xâm nhập, bao vây kinh thành. Khi hay tin, Dasa vội quay ngựa lại. Chàng biết vợ con đang bị vây khốn, những trận chiến đẫm máu đang diễn ra tại các nẻo đường trong kinh đô. Chàng vội vã thúc ngựa trở về, đánh một trận xáp lá cà với địch cho đến khi trời tối, chàng ngã quỵ kiệt sức vì máu chảy từ nhiều vết thương trên cơ thể.

Khi tỉnh dậy, chàng thấy mình bị bắt làm tù binh. Cuộc chiến đã thất bại. Thành phố và cung điện đã ở trong tay kẻ thù. Chàng bị trói dẫn đến trước Govinda, hấn chào chàng một cách khinh bỉ, và cho dẫn chàng tới một phòng khác trong cung, thư viện của chàng. Tại đây, đang ngồi thẳng đuột với gương mặt lạnh như băng, là Pravati vợ chàng. Quân lính vũ trang canh gác sau lưng nàng. Nằm vắt trên hai gối nàng là con trai của họ, như một cành hoa đã gãy; con chàng với thân thể mảnh mai đang nằm chết, mặt xám ngắt, y phục đầy máu. Người đàn bà không quay lại khi chàng được dẫn vào phòng. Nàng không thấy chàng, chỉ ngồi mở lớn mắt nhìn chòng chọc vào thi hài nhỏ bé, đôi mắt nàng đã hết thần sắc. Nhưng Dasa thấy nàng như khác lạ, biến đổi hẳn. Một lát sau, chàng mới nhận ra rằng tóc nàng mới hôm qua đen nhánh mà bây giờ đã trở màu. Nàng có vẻ như ngồi đấy đã lâu, lặng câm với thi hài đứa bé trên đầu gối.

"Ravana!" Chàng kêu lên. "Ravana, con ơi!" Chàng quỳ xuống, mặt áp vào đầu đứa bé đã chết. Chàng quỳ trong tư thế cầu nguyện trước người đàn bà câm lặng và xác đứa con. Chàng khóc cả hai. Chàng ngửi thấy mùi máu me và tử khí hòa lẫn mùi nước hoa trên tóc con chàng. Với cái nhìn câm nín, Pravati nhìn chòng chọc vào hai cha con.

Có ai lay động vai chàng. Đây là một viên quan của Govinda đến bảo chàng đứng dậy. Những người lính dẫn chàng ra ngoài. Chàng đã không nói một lời nào với Pravati, nàng cũng không nói gì với chàng. Hai tay bị trói, chàng được đặt lên xe đưa đến một khu trại trong lãnh thổ của Govinda. Ở đây người ta nói lỏng dây trói cho chàng. Một người lính đem lại một gàu nước đặt trên đá. Cửa đã khóa lại, chàng bị nhốt một mình. Một vết thương trên vai chàng đau nhức như lửa đốt. Chàng sờ soạng tìm gàu nước, thấm ướt tay và mặt. Chàng muốn uống nhưng lại thôi, vì chàng nghĩ như thế này chết nhanh hơn. Còn bao lâu nữa, hồi trời, còn bao lâu nữa. Chàng mong mỗi được chết đi, như cổ họng khát cháy của chàng đang mong uống nước. Chỉ có chết mới làm lắng xuống nỗi đau khổ hành hạ tâm can chàng. Chỉ có chết mới xóa nhòa được hình ảnh người mẹ với xác đứa con trên gối. Trong cơn đau khổ, may thay, vì quá mệt mỏi chàng ngã quỵ và thiếp ngủ.

Khi tỉnh lại sau cơn ngủ ngắn ngủi, chàng cố dụi mắt mà không được. Cả hai tay chàng đang bận nắm chặt một vật gì. Chàng cố sức mở mắt ra, thì thấy mình không còn ở giữa bốn bức tường nhà tù nữa. Ánh sáng lục tuôn tràn trên lá và rêu. Chàng chớp mắt liên hồi. Ánh sáng đập vào chàng như một vó đánh thật mạnh, mặc dù lạng lẽ. Một cơn rùng mình vì kinh hãi chạy khắp

người chàng từ sau gáy dọc xuống xương sống. Chàng chớp mắt một lần nữa, và mở lớn đôi mi.

Chàng đang đứng giữa một khu rừng, hai tay cầm một bầu đầy nước. Dưới chân chàng, lòng suối phàn chiếu những màu nâu lục. Xa hơn rừng phong kia, chàng nhớ lại, là gian chòi của vị ẩn sĩ đang chờ chàng đem nước về, người đã cười một cách lạ lùng, người mà chàng đã yêu cầu dạy cho chàng thêm về Maya.

Chàng đã không thua trận, cũng không có đứa con nào chết. Chàng cũng không từng làm vua hay làm cha ai cả. Đúng hơn, vị ẩn sĩ đã đáp lại lời yêu cầu của chàng, đã dạy cho chàng về Maya. Lâu đài vườn tược, thư viện, và quân lính, những lo âu của vương nghiệp và của người làm cha, chiến tranh và ghen tuông, tình yêu và nghi kỵ, tất cả những thứ đó không là gì cả. Không, không phải hoàn toàn không, mà là huyền. Dasa đứng đây, rõ ràng, những giọt nước mắt lăn xuống má. Tay chàng run rẩy, làm nghiêng bầu nước tràn ra chảy xuống đôi chân. Chàng cảm thấy như ai vừa chặt bớt tay chân mình, lấy bớt một cái gì từ nơi đầu mình. Bỗng chốc, những năm dài chàng đã sống, những kho báu chàng nâng niu, lạc thú chàng đã hưởng, nỗi đau chàng đã chịu, những kinh hoàng chàng đã trải, nỗi tuyệt vọng chàng đã ném cho đến mé bờ cái chết, tất cả những thứ ấy đã tuột khỏi chàng, trở thành số không, tan biến. Nhưng không phải hoàn toàn là không! Vì ký ức vẫn còn đó. Những hình ảnh vẫn còn trong trí chàng. Chàng vẫn còn thấy được Pravati đang ngồi, cao và cứng đơ, tóc trở màu hoa râm một cách đột ngột, đứa con trai trên vế nàng, như thể chính nàng vừa giết nó. Đứa trẻ nằm như miếng mồi của một con thú, đôi ống chân thông xuống một cách què quặt trên gối nàng.

Ôi thật mau chóng, thật tàn khốc, thật kinh khủng và trọn vẹn làm sao, bài học chàng đã học về Huyền hóa. Mọi sự bị xáo trộn một cách kỳ lạ, những năm dài chũu nặng đã được thu gọn lại thành chốc lát. Tất cả thực tại rộn ràng đó chỉ là một giấc chiêm bao. Vậy thì có lẽ chàng cũng đã chiêm bao tất cả những gì xảy ra trước đây, câu chuyện về hoàng tử Dasa, về cuộc đời du mục, về cuộc hôn nhân, về việc báo thù, về sự ẩn náu của chàng bên vị ẩn sĩ. Tất cả những việc này đều là những hình ảnh, như những hình người ta có thể ngắm trên bức tranh chạm trổ của một lâu đài ở đây hoa, tinh tú, chim, khí, và những thiên thần có thể được trông thấy giữa những khóm lá. Và những gì chàng đang kinh nghiệm ngay lúc này, những gì chàng đang thấy trước mắt sau khi tỉnh dậy từ chuyện làm vua, chuyện chiến tranh và bị cầm tù, những gì chàng thấy trong khi đang đứng bên bờ suối, cái bầu nước

chàng vừa làm đổ một ít, cùng với tất cả những suy tư của chàng về mọi sự, phải chăng tất cả cũng đều là một thứ mộng huyễn như nhau? Đó không phải là ảo tưởng, là Maya sao? Và mọi sự mà chàng còn sẽ trải qua trong tương lai, sẽ thấy bằng mắt và sờ bằng tay, cho đến lúc chết - tất cả đó có chút gì khác nhau với kinh nghiệm trước? Tất cả đều là trò chơi, là giả huyễn, bọt nước, chiêm bao. Toàn thể lăng kính muôn mặt của cuộc đời với đủ cung bậc lạc thú và khổ sầu này, tất cả chỉ là mộng huyễn, Maya. Dasa vẫn đứng trơ ra đấy. Bầu nước lại bị nghiêng, đổ ra một ít làm ướt chân chàng và ngấm vào đất. Bây giờ chàng phải làm gì? Múc đầy nước trở lại, mang về cho vị ẩn sĩ, để lại bị ông ta cười nhạo nữa về những gì chàng đã chịu đựng trong giấc chiêm bao ư? Điều ấy không làm chàng khoái lắm. Chàng đổ hết nước trong bầu, ném nó trên rêu, rồi ngồi xuống thảm cỏ xanh mà khởi sự suy tư nghiêm trọng. Chàng đã quá ngáy chán cái trò mộng mơ này, trò chơi quái quái với những lạc thú và đau khổ nghiền nát tim mình, làm cho máu mình đông lại, chỉ để đột nhiên bừng mắt dậy thấy tất cả chỉ là Maya, và mình chỉ là một tên ngốc.

Chàng đã chán ngấy mọi thứ. Bây giờ chàng không còn ham vợ con gì nữa, không ham ngai vàng, chiến thắng hay trả thù, không ham hạnh phúc hay trí khôn, không ham quyền lực hay đức hạnh gì nữa hết. Chàng chỉ mong được an tịnh, được chấm dứt sự hỗn loạn này. Chàng không còn mong muốn gì ngoài ra là chặn đứng bánh xe quay bất tận này, chấm dứt cảnh tượng diễn biến đến vô cùng này, dập tắt tất cả. Chàng muốn tìm sự ngơi nghỉ, muốn dập tắt mình đi. Đó chính là điều chàng mong mỗi trong khi sấn tới kẻ thù trong trận chiến đấu cuối cùng, đánh vung vít và bị đánh trở lại, chém ra những vết thương và nhận những vết thương, cho đến khi ngã gục. Nhưng rồi thì sao? Rồi thì có một giai đoạn ngắn ngủi bất tỉnh nhân sự, hay ngủ quên, hay cái chết, nhưng liền sau đó ta lại tỉnh dậy, lại phải nhận mạch sống vào trong tim, lại phải để cho dòng thác lũ những hình ảnh ghê rợn, dễ yêu, kinh khiếp một lần nữa trút vào nhãn thức ta bất tận, không thể thoát khỏi, cho đến lần bất tỉnh kế tiếp, cái chết kế tiếp. Có lẽ đó chỉ là một sự tạm ngưng, một lúc ngơi nghỉ, một dịp để lấy lại hơi thở mà thôi. Không thể nào có sự dập tắt. Nó cứ tiếp diễn bất tận.

Nỗi bất an làm chàng đứng lên lần nữa. Nếu không có sự ngơi nghỉ nào cho cái vòng lẩn quẩn khôn nạn này, nếu mong ước tha thiết nhất của chàng không thể thực hiện, thì sao bằng cứ múc đầy bầu nước mà mang về cho ông già cho xong, mặc dù ông ta không có quyền gì ra lệnh chàng. Đây là một dịch vụ chàng được nhờ vả, một phận sự phải làm. Chàng có thể cứ vâng lời và thi hành phận sự ấy như thế còn tốt hơn là cứ ngồi lì ở đấy mà trầm tư về

những cách tự hủy. Nói cho cùng, thì vâng lời và phục vụ vẫn tốt hơn và dễ hơn nhiều, vô hại hơn nhiều, so với sự ra lệnh và nhận trách nhiệm. Chàng biết được chừng ấy. Được rồi, Dasa, hãy lượm bầu, múc đầy nước rồi mang về cho thầy đi.

Khi chàng về tới chòi, vị thầy đón chàng bằng cái nhìn lạ lùng như dò hỏi, như thương cảm, lại như cái nhìn của một cậu bé ranh mãnh xí gạt được một đứa bé khác. Cái anh chàng mục tử hoàng gia này, gã lãng tử bỗng đứng sa vào chốn này, y chỉ có ra suối lấy nước rồi trở về không hơn mười lăm phút. Vậy mà đồng thời, y cũng đã ở tù về, đã mất một bà vợ, một đứa con trai, một vương quốc, đã sống trọn một đời người và đã thoáng thấy bánh xe sinh tử. Có lẽ y đã có dịp được thức tỉnh hơn một lần về trước, nếu không y đã không lai vãng tới đây và lưu lại đây lâu đến thế. Nhưng bây giờ dường như y đã được thức tỉnh đúng mức, và đã có căn cơ thuận thực để bắt đầu cuộc hành trình dài. Cần phải mất nhiều năm chỉ để dạy cho y cách ngồi và thở.

Chỉ bằng một cái nhìn ấy, cái nhìn chứa đựng mối tương giao sư đệ, chỉ với độc một cái nhìn ấy, vị ẩn sĩ nhân hậu nhận chàng làm môn sinh. Cái nhìn ấy đã đánh tan tất cả những tư duy vô ích trong đầu người đệ tử. Nó buộc chàng vào nếp sống kỷ luật và phục vụ. Từ đó chàng không bao giờ rời khỏi khu rừng.

---o0o---

Hết

¹ Tương truyền, khi nhiều người cúng vải để may y cho Phật, cái y sắp xong thì có một bà nghèo tới cúng một mảnh vải. Đức Thế tôn thương xót nhận của hiện cúng muôn màng ấy để gieo phước cho bà, và bảo thị giả Anan may vào hai góc y để làm dây buộc y. Do đó sợi dây buộc y ngày nay có tên là "bàn bà" để nhớ đến bà già nghèo khó đã cúng dường mảnh vải cho Phật.

² Chia đều cho tăng chúng.